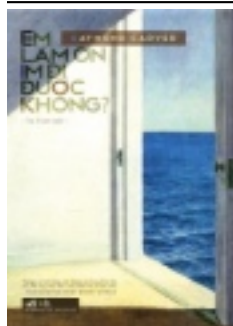


Em Làm Ôn Im Đi Được Không

Contents

Em Làm Ôn Im Đi Được Không	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	5
3. Chương 3	8
4. Chương 4	10
5. Chương 5	14
6. Chương 6	19
7. Chương 7	20
8. Chương 8	28
9. Chương 9	34
10. Chương 10	43
11. Chương 11	46
12. Chương 12	50
13. Chương 13	54
14. Chương 14	58
15. Chương 15	67
16. Chương 16	74
17. Chương 17	77
18. Chương 18	80
19. Chương 19	84
20. Chương 20	90
21. Chương 21	94
22. Chương 22 (hết)	98

Em Làm Ôn Im Đi Được Không



Giới thiệu

Tôi ngồi uống cà phê hút thuốc ở nhà Rita bạn tôi và kể cô ấy nghe về chuyện đó. Chuyện tôi kể cho

1. Chương 1

BÉO

Tôi ngồi uống cà phê hút thuốc ở nhà Rita bạn tôi và kể cô ấy nghe về chuyện đó.

Chuyện tôi kể cho cô ấy như thế này.

Hôm đó là chiều tối một ngày thứ Tư không đông khách, Herb dẫn lão béo ấy vào ngồi ở chỗ mấy bàn mình phục vụ.

Lão béo này là người béo nhất mình từng nhìn thấy, mặc dù lão ăn mặc gọn gàng và khá chỉnh tề. Mọi thứ của lão đều to. Nhưng mình nhớ nhất các ngón tay. Khi dừng lại phục vụ cái cặp đứng tuổi cạnh bàn lão ngồi, mình để ý các ngón tay trước tiên. Trông chúng phải gấp ba lần cỡ ngón tay một người bình thường – dài, mập, núc ních.

Mình phục vụ mấy bàn khác nữa, một nhóm bốn doanh nhân, đòi hỏi lắm, một nhóm bốn khách khác, ba nam một nữ, và cặp đứng tuổi đó. Leander đã rót nước cho lão béo, và mình để cho lão suy nghĩ chọn lựa một lúc trước khi bước lại.

Xin chào ông, mình nói. Ông chọn món chưa ạ? Mình nói.

Rita này, lão ta to đùng. To lắm ấy.

Xin chào, lão nói. Chào, ừ, lão nói. Mình nghĩ là bọn mình sẵn sàng gọi món rồi, lão nói.

Lão ta có cái kiểu nói năng thể đấy – lạ lắm, cậu biết không. Và lão còn thường xuyên phát ra những tiếng ợ nhỏ nữa.

Mình nghĩ bọn mình sẽ ăn món salad Caesar đầu tiên, lão nói. Rồi một tô xúp, vui lòng cho thêm ít bánh mì và bơ nhé. Sườn cừu, mình nghĩ thế, lão nói. Và khoai tây nướng với kem chua. Bọn mình sẽ gọi tráng miệng sau. Cảm ơn nhiều, lão nói, rồi đưa thực đơn ình.

Chúa ôi, Rita, mấy ngón tay ấy thật là!

Mình vội chạy vào bếp đưa tên món cho Rudy, anh ấy cầm lấy và nhả mặt. Cậu biết Rudy đấy. Anh ấy hay như thế khi làm việc.

Lúc ra khỏi bếp thì Margo – mình nói với cậu về Margo chưa nhỉ? Cái con bé đeo Rudy ấy? Margo nói với mình, cái anh béo bạn cậu là ai thế? Lão thực sự béo chảy mỡ.

Giờ đó là một phần câu chuyện. Mình nghĩ đó thực sự là một phần câu chuyện.

Mình trộn món salad ngay bàn lão, lão vừa quan sát từng động tác của mình vừa phết bơ lên những mẩu bánh mì rồi đặt sang một bên, trong suốt thời gian đó lão không ngừng phát ra những tiếng ợ. Và rồi, mình lúng túng quá hay sao ấy, mình làm đổ cốc nước của lão.

Tôi xin lỗi, mình nói. Khi người ta vội chuyện này hay xảy ra. Tôi rất xin lỗi, mình nói. Ông có sao không? Tôi sẽ bảo cậu kia lau dọn ngay, mình nói.

Không có gì, lão ấy bảo. Không sao đâu, lão nói, rồi lão ợ. Đừng lo, không sao đâu, lão nói. Lão mỉm cười và vẩy tay khi mình đi kiểm Leander, khi mình quay lại phục vụ món salad, mình thấy lão ta đã chén sạch bánh mì và bơ.

Một lát sau, lúc mình mang thêm bánh mì cho lão, lão đã xơi xong món salad. Cậu biết cái phần salad Caesar nhiều thế nào chứ?

Cô tốt lắm, lão nói. Bánh mì ngon tuyệt, lão bảo.

Cảm ơn ạ, mình nói.

Ừm, ngon lắm, lão nói, bọn mình khen thật lòng. Bọn mình thường không khoái bánh mì như thế này, lão bảo.

Ông là người ở đâu ạ? mình hỏi lão. Tôi nghĩ là trước đây tôi chưa từng thấy ông, mình nói.

Lão không thuộc loại người cậu sẽ quên, Rita khúc khích chen vào.

Denver, lão bảo. Mặc dù tò mò, mình không nói gì thêm về đề tài ấy.

Thưa ông, vài phút nữa món súp của ông sẽ xong, mình nói, và mình đi sang lo cho bàn bốn doanh nhân lắm đòi hỏi kia.

Khi mang xúp đến, mình thấy bánh mì lại biến mất. Lão vừa iếng bánh mì cuối cùng vào mồm.

Tin mình đi, lão bảo, không phải lúc nào bọn mình cũng ăn khỏe thế này, lão bảo. Và ợ. Bỏ qua cho bọn mình, lão bảo.

Xin đừng nghĩ gì về chuyện ấy, mình bảo. Tôi thích thấy người ta tận hưởng thú vui ăn uống, mình nói.

Mình không biết, lão bảo. Mình nghĩ cô sẽ nói thế. Và ợ. Lão gấp khăn ăn. Rồi lão cầm thìa lên.

Chúa ơi, lão ta béo ú! Leander nói.

Lão không thể không béo, mình nói, vậy nên im mồm đi.

Mình đặt thêm một ổ bánh mì và bơ xuống. Ông thấy món xúp thế nào ạ? Mình nói.

Cám ơn. Ngon, lão nói. Rất ngon, lão nói. Lão lau môi và chấm cằm. Cô thấy trong này có nóng không, hay là tại mình thấy nóng thôi? lão hỏi.

Không, trong đây nóng đấy ạ, mình nói.

Có lẽ bọn mình bỏ bớt áo khoác, lão nói.

Xin cứ tự nhiên, mình nói. Người ta phải thoải mái chứ, mình nói.

Đúng thế, lão nói, rất, rất đúng, lão nói.

Nhưng một lúc sau mình thấy lão vẫn mặc áo khoác.

Mấy bàn tiệc lớn của mình đã về hết và cặp đứng tuổi cũng vậy. Quán thưa dần. Đến lúc mình mang món sườn cừu và khoai tây nướng cùng bánh mì và bơ thêm, lão là người khách duy nhất còn lại.

Mình bóp thật nhiều kem chua vào khoai tây của lão. Mình rắc thật muối và rau thơm lên trên kem chua. Mình mang thêm bánh mì và bơ cho lão.

Mọi thứ ổn không ạ? mình hỏi.

Tốt, lão nói, và ợ. Tuyệt vời, cảm ơn, lão nói, và lại ợ.

Chúc ông ngon miệng, mình nói. Mình nhắc nắp lọ đường của lão nhìn vào. Lão gật đầu, cứ nhìn mình cho đến lúc mình đi khỏi.

Giờ mình biết mình đang theo dõi một cái gì đó. Nhưng mình không biết là cái gì. Lão béo ị ăn uống thế nào rồi? Lão ấy sẽ làm cậu gãy giò mất, Harriet nói. Cậu biết Harriet đấy.

Còn món tráng miệng, mình nói với lão béo, có món Green Lantern Đặc biệt, tức là bánh pudding và xốt hoặc bánhcheesecake, kem va ni, hoặc táo xay đông lạnh.

Bọn mình không làm các bạn muộn, phải không? lão nói, ợ, trông có vẻ ngần ngại.

Không đâu ạ, mình nói. Dĩ nhiên là không, mình nói. Ông cứ từ tốn, mình nói. Tôi sẽ mang thêm cà phê cho ông trong lúc ông chọn tráng miệng.

Bọn mình sẽ nói thật với cô, lão nói. Và lão nhúc nhích trên ghế. Bọn mình muốn gọi món Đặc biệt, mà mình cũng có thể gọi một đĩa kem va ni nữa. Vui lòng cho thêm vài giọt xi rô sô cô la. Bọn mình đã nói với cô là bọn mình đói, lão bảo.

Mình vào bếp tự tay làm món tráng miệng cho lão, và Rudy nói, Harriet nói em đang phục vụ một lão béo ở gánh xiếc ngoài đó. Đúng không?

Rudy đã cười mũ và tạp dề, cậu hiểu ý mình đấy.

Rudy, lão ấy béo, nhưng đó không phải là tất cả.

Rudy chỉ cười.

Có vẻ nàng ưa chiều chuộng những phường béo ị, anh ấy nói.

Nói năng cẩn thận, Rudy, Joanne lúc đó vừa bước vào bếp liền nói.

Mình đang ghen đấy, Rudy nói với Joanne.

Mình đặt món Đặc biệt trước mặt lão béo và một tô kem va ni to có xi rô sô cô la một bên. Cảm ơn, lão nói.

Không có gì ạ, mình nói – và một cảm giác dâng lên trong mình.

Tin hay không thì tùy, lão nói, không phải lúc nào bọn mình cũng ăn thế này.

Còn tôi, tôi ăn luôn mồm nhưng chẳng tăng cân, mình nói. Tôi muốn tăng cân, mình nói.

Đừng, lão nói. Nếu ta có lựa chọn, thì đừng. Nhưng chẳng có lựa chọn nào.

Rồi lão cầm thìa lên ăn.

Gì nữa? Rita nói, đốt một điều thuốc của tôi và kéo ghế sát lại bàn. Chuyện này đang trở nên thú vị đây, Rita nói.

Chỉ vậy thôi. Không có gì nữa. Lão chén món tráng miệng, xong đi về, rồi bọn mình, Rudy và mình, về nhà.

Quả là một lão béo, Rudy nói, rướn người như anh vẫn làm những khi mệt. Rồi anh ấy chỉ cười và tiếp tục xem ti vi.

Mình nấu nước để pha trà và đi tắm. Mình đặt tay lên bụng, bắn khoản tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu mình có con và một trong những đứa con của mình thành ra như thế, thật béo.

Mình rót nước ra bình, sắp cốc, lọ đường, sữa ít béo, mang khay ra cho Rudy. Như thể đang nghĩ ngợi về chuyện ấy, Rudy nói, khi anh còn nhỏ, anh từng biết một gã béo, một vài gã béo, béo thật béo. Bọn họ là những thùng tôn, Chúa ạ. Anh không nhớ tên họ. Béo, đó là cái tên duy nhất của thằng bé ấy. Bọn anh gọi nó là Béo, thằng bé cạnh nhà anh. Nó là hàng xóm. Sau đó một thằng bé khác dọn đến. Tên nó là Sậy. Ai cũng gọi nó là Sậy trừ các giáo viên. Sậy và Béo. Ước gì anh có hình chúng, Rudy nói.

Mình chả nghĩ ra gì để nói, nên bọn mình uống trà rồi chốc sau mình đứng dậy đi ngủ. Rudy cũng đứng dậy, tắt ti vi, khóa cửa trước, và bắt đầu cởi quần áo.

Mình vào giường, lăn hẳn sang một mép và nằm sấp ở đó. Nhưng lập tức, ngay khi tắt đèn xong và lên giường, Rudy bắt đầu. Mình nằm ngửa ra thư giãn một chút, cho dù mình không muốn lắm. Nhưng chuyện là thế này. Khi anh ấy trèo lên người mình, đột nhiên mình cảm thấy mình béo ra. Mình cảm thấy mình béo kinh khủng, béo đến nỗi Rudy chỉ là một vật bé tí và gần như không có gì cả ở đó.

Chuyện buồn cười nhỉ, Rita nói, nhưng tôi có thể thấy là cô ấy chẳng biết bình luận gì. Tôi thấy chán chường. Nhưng tôi sẽ không chia sẻ với cô ấy. Tôi đã kể cô ấy nghe quá nhiều.

Cô ngồi đó đợi, những ngón tay nuốt nà nghịch tóc.

Đợi gì? Tôi muốn biết.

Đang là tháng Tám.

Đời tôi bắt đầu thay đổi. Tôi cảm thấy điều đó.

2. Chương 2

HÀNG XÓM

Bill và Arlene Miller là một cặp hạnh phúc. Nhưng đôi khi họ cảm thấy so với bạn bè họ chẳng hưởng thụ cuộc sống mấy, Bill thì cứ chuyên chú công việc kế toán còn Arlene bận rộn với những việc thư ký thường nhật. Có lúc họ bàn về chuyện này, chủ yếu là so sánh với cuộc sống nhà hàng xóm, vợ chồng Harriet và Jim Stone. Đối với vợ chồng Miller, nhà Stone có vẻ có một cuộc sống đủ đầy và tươi sáng hơn. Vợ chồng Stone luôn luôn đi ăn tối ở tiệm, hoặc giải trí tại nhà, hoặc du lịch đó đây nhân những dịp Jim đi công tác.

Vợ chồng Stone ở căn hộ đối diện với nhà Miller. Jim là nhân viên bán hàng ột công ty linh kiện máy móc và thường xoay sở kết hợp những chuyến công tác với du lịch, và dịp này vợ chồng Stone sẽ đi xa mười ngày, đầu tiên đi Cheyenne, rồi tới St Louis thăm viếng họ hàng. Khi họ đi vắng, vợ chồng Miller sêtrông nhà hộ họ, cho con Kitty ăn, và tưới cây cảnh.

Bill và Jim bắt tay nhau phía sau xe. Harriet và Arlene khoác tay nhau và hôn phớt môi.

“Đi chơi vui nhé,” Bill nói với Harriet.

“Vâng,” Harriet nói. “Các cậu cũng vui vẻ nhé.”

Arlene gật đầu.

Jim nháy mắt với chị. “Chào, Arlene. Nhớ chăm sóc anh bạn già chu đáo.”

“Dĩ nhiên,” Arlene nói.

“Đi chơi vui nhé,” Bill nói.

“Tất nhiên rồi,” Jim nói, huých nhẹ cánh tay Bill. “Và cảm ơn các cậu lần nữa nhé.”

Vợ chồng Stone vẫy tay chào khi họ lái xe đi, nhà Miller cũng vẫy chào lại.

“Hừm, ước gì đó là mình,” Bill nói.

“Biết đâu đấy, mình có thể nghỉ phép mà,” Arlene nói. Chị cầm cánh tay anh đặt vòng quanh eo mình khi họ leo những bậc thang về lại căn hộ.

Ăn tối xong Arlene bảo, “Đừng quên. Đêm đầu tiên Kitty ăn đồ có vị gan.” Chị đứng ở lối vào nhà bếp gấp cái khăn trải bàn may tay Harriet mua ở Santa Fe về cho chị hồi năm ngoái.

Bill hít một hơi dài khi bước vào căn hộ nhà Stone. Không khí đã đặc quánh và nhang nhác ngọt. Cái đồng hồ hình mặt trời tỏa sáng phía trên ti vi chỉ , tám giờ rưỡi. Anh nhớ hôm Harriett mang cái đồng hồ này về, cô đã băng qua hành lang để khoe nó với Arlene, nâng niu cái vỏ bằng đồng thau trên tay và nói chuyện với nó qua lớp khăn giấy như thể nó là em bé sơ sinh.

Kitty cọ mặt vào dép anh rồi nằm kênh ra nhưng lại vội nhảy lên khi Bill đi vào bếp chọn một trong những cái hộp xếp trên cái kệ gác đĩa sáng bóng. Để mặc con mèo nhỏ nhẽ ăn, anh đi vào nhà tắm. Anh nhìn mình trong gương, nhắm mắt, rồi lại nhìn. Anh mở tủ thuốc. Anh thấy một hộp thuốc trên nhãn có ghi – Harriet Stone. Mỗi ngày một viên theo chỉ dẫn – liền luôn nó vào túi. Anh quay lại bếp, lấy một bình nước, trở lại phòng khách. Anh tưới cây xong, đặt bình trên thảm, mở tủ rượu. Anh thò tay vào lõi chai Chivas Regal từ phía sau ra. Anh uống hai ngụm thẳng từ chai, chùi mép vào tay áo, rồi để cái chai lại vào tủ.

Kitty nằm ngủ trên sofa. Anh tắt đèn, chậm rãi đóng và kiểm tra cửa. Anh có cảm giác như để quên một cái gì,

“Anh làm gì lâu thế?” Arlene nói. Chị ngồi xếp hình, xem ti vi.

“Đâu làm gì. Chơi với con Kitty thôi,” anh nói, bước lại thò tay lên ngực chị.

“Vào giường nào, em,” anh nói.

Ngày hôm sau Bill chỉ nghỉ trưa mười phút thay vì hai mươi phút và đi về lúc năm giờ kém mười lăm. Anh đậu xe vào bãi ngay khi Arlene vừa xuống xe buýt. Anh đợi chị bước vào tòa nhà rồi thì liền chạy lên thang để đón khi chị vừa ra khỏi thang máy.

“Bill! Chúa ơi, anh làm em hết hồn. Anh về sớm thế,” chị nói.

Anh nhún vai. “Ồ sỡ chẳng có việc gì,” anh nói.

Chị để anh mở cửa bằng chìa khóa của chị. Anh nhìn cánh cửa bên kia hành lang trước khi theo chị vào nhà.

“Mình vào giường đi,” anh nói.

“Bây giờ á?” Chị bật cười. “Anh ăn phải cái gì đấy?”

“Không gì hết. Em cởi váy ra.” Anh tóm lấy chị, điều bộ kỳ cục, và chị nói, “Chúa ơi, Bill.”

Anh cởi thất lưng.

Chốc sau họ gọi đồ ăn Tàu, và khi đồ ăn được giao họ ăn ngấu nghiến, chẳng nói chẳng rằng, chỉ nghe nhạc.

“Đừng quên cho con Kitty ăn,” chị nói.

“Anh cũng vừa nghĩ đến,” anh nói. “Anh sẽ qua bên đó ngay.”

Anh chọn một hộp thức ăn vị cá cho con mèo, rồi lấy đầy bình nước đi tưới cây. Khi anh quay lại bếp, con mèo đang cào cào cái vỏ thùng dùng làm ổ cho nó. Nó nhìn anh chăm chú trước khi quay lại nằm vào ổ. Anh mở tủ chén ngó nghiêng chỗ đồ hộp, ngũ cốc, thức ăn đóng gói, ly uống rượu, ly uống cocktail đồ sứ, bình và chảo. Anh mở tủ lạnh. Anh ngửi nhánh cần tây, cắn hai miếng pho mát cheddar, vừa nhai một quả táo vừa đi vào phòng ngủ. Cái giường trông vĩ đại, có khăn trải giường trắng bông bênh phủ xuống tận sàn. Anh kéo một ngăn tủ đầu giường, thấy nửa gói thuốc lá bèn nhét nó vào túi. Rồi anh bước lại tủ quần áo và khi đang mở tủ thì nghe tiếng gõ cửa phía trước.

Anh tạt qua buồng tắm giặt nước.

“Anh làm gì lâu thế?” Arlene nói. “Anh đã ở đây hơn một tiếng đồng hồ.”

“Thật thế à?” anh nói.

“Thật,” chị nói.

“Anh phải đi toa lét.”

“Ở nhà mình cũng có toa lét,” chị nói.

“Anh không nín được,” anh nói.

Đêm đó họ lại làm tình.

Sáng hôm sau anh bảo Arlene gọi đến sở báo ốm. Anh tắm, mặc quần áo, chuẩn bị một bữa sáng nhẹ. Anh cố bắt đầu một cuốn sách. Anh ra ngoài đi bộ một lúc và thấy dễ chịu hơn. Nhưng được một lúc, hai tay vẫn đút túi, anh quay về căn hộ. Anh dừng lại trước cửa nhà Stone thử nghe có tiếng con mèo đi lại trong nhà không. Rồi anh vào nhà mình, vô bếp tìm chìa khóa.

Bên trong căn hộ nhà Stone có vẻ mát hơn căn hộ nhà anh, và cũng tối hơn. Anh không rõ mấy chậu cây cảnh có liên quan gì đến nhiệt độ không khí không. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ, rồi anh chậm rãi rảo qua từng căn phòng, ngắm nghía mọi thứ rơi vào tầm mắt, một cách cẩn thận, từng cái một. Anh thấy những cái gạt tàn, đồ gỗ, đồ làm bếp, cái đồng hồ. Anh thấy mọi thứ. Cuối cùng anh vào phòng ngủ, con mèo xuất hiện dưới chân anh. Anh vuốt nó một cái, mang nó vào phòng tắm, rồi đóng cửa.

Anh ngã ra giường ngó trần nhà chăm chăm. Anh nằm nhắm mắt một lúc, rồi thò tay xuống dưới thất lưng. Anh cố nhớ hôm đó là thứ mấy. Anh cố nhớ khi nào gia đình nhà Stone trở về, và rồi anh bắn khoản liệu họ có bao giờ trở về. Anh không thể nhớ ra gương mặt họ hay cách họ nói năng ăn mặc. Anh thở dài, gượng lặn khỏi giường để nhòai người qua bàn trang điểm nhìn mình trong gương.

Anh mở tủ quần áo chọn một cái sơ mi kiểu Hawaii. Anh tìm cho đến khi thấy cái quần lửng đã ủi gọn gàng mắc bên ngoài một cái quần tây vải chéo màu nâu. Anh cởi tung quần áo của mình rồi xỏ cái quần soóc và cái sơ mi vào. Anh lại nhìn mình trong gương. Anh vào phòng khách rót ỉnh một ly và uống một ngụm trên đường quay lại phòng ngủ. Anh xỏ vào người một cái sơ mi xanh dương, vest sẫm màu, cái cà vạt xanh trắng, và một đôi giày đen mũi nhọn. Ly rượu đã cạn nên anh đi rót một ly nữa.

Quay lại trong phòng ngủ, anh ngồi tréo chân trên ghế, mỉm cười, quan sát mình trong gương. Điện thoại đổ chuông hai lần rồi chìm vào im lặng. Anh uống cạn ly rồi cởi bộ vest. Anh lục lọi những ngăn kéo phía trên cao cho đến khi tìm thấy một cái quần lót và một cái áo ngực. Anh mặc cái quần lót vào và gài khóa áo ngực, rồi lục trong tủ tìm một bộ mặc ngoài. Anh xỏ một cái váy ca rô trắng đen và có kéo dây kéo lên. Anh xỏ một cái áo màu huyết dụ cài nút phía trước. Anh ngắm nghía những đôi giày của Harriet, nhưng biết chúng sẽ không vừa. Từ sau màn cửa sổ phòng khách anh đứng nhìn ra một lúc lâu. Rồi anh quay lại phòng ngủ và cất mọi thứ đi.

Anh không đói. Chị cũng chẳng ăn nhiều. Họ nhìn nhau ngượng ngùng mỉm cười. Chị đứng lên, ngó xem cái chìa khóa có ở trên kệ không rồi nhanh chóng dọn đĩa.

Anh đứng ở cửa bếp, hút một điếu thuốc ngắm chị cầm chìa khóa lên.

“Em sang bên kia, anh nghỉ ngơi nhé,” chị nói. “Đọc báo hay gì đấy.” Chị nắm lấy chìa khóa. Chị nói anh trông có vẻ mệt.

Anh cố tập trung vào tin tức. Anh đọc báo và mở ti vi. Cuối cùng anh băng sang bên kia hành lang. Cửa đóng.

“Anh đây. Em vẫn còn đấy chứ, em?” anh gọi.

Mãi một lúc sau cửa mới mở, Arlene bước ra và đóng cửa. “Em đi có lâu không?” chị nói.

“Ừm, lâu,” anh nói.

“Thế à?” chị nói. “Chắc là do em mãi chơi với Kitty.”

Anh ngắm chị, chị nhìn lảng đi, tay vẫn còn để trên nắm đấm cửa.

“Buồn cười thật,” chị nói. “Anh biết đấy – vào chỗ của người khác như thế.”

Anh gật, nhấc tay chị khỏi nắm đấm cửa, đưa chị về phía cửa nhà mình. Anh đưa chị vào căn hộ của họ.

“Thật là buồn cười,” anh nói.

Anh để ý xơ vải trắng còn bám phía sau áo vợ và má chị hơi đậm màu. Anh bắt đầu hôn cổ và tóc vợ và chị cũng xoay sang hôn đắp chồng.

“Ôi, trời ơi,” chị nói. “Trời ơi, trời ơi,” chị reo lên, vỗ tay như con gái. “Em mới nhớ ra. Em thật sự quên bằng không làm cái việc em định làm ở bên ấy. Em đã không cho con Kitty ăn mà cũng chẳng tưới cây.” Chị nhìn anh. “Thế có ngớ ngẩn không?”

“Anh nghĩ là không,” anh nói. “Đợi một phút. Anh lấy thuốc lá và quay lại bên đó cùng với em.”

Chị đợi anh đóng và khóa cửa căn hộ của họ, rồi chị nắm bắp tay anh và nói, “Chắc em nên kể với anh. Em tìm thấy mấy tấm ảnh.”

Anh dừng lại giữa hành lang. “Ảnh gì?”

“Anh có thể tự xem lấy,” chị nói, và chị ngắm anh.

“Không đùa đấy chứ.” Anh cười toét. “Ở đâu?”

“Trong một ngăn kéo,” chị nói.

“Không đùa đấy,” anh nói.

Và rồi chị nói, “Có thể họ không trở về,” và ngay lập tức kinh ngạc về lời nói của mình.

“Chuyện đó có thể xảy ra,” anh nói. “Chuyện gì cũng có thể xảy ra.”

“Hoặc có thể họ sẽ trở về và...” nhưng chị không nói hết câu.

Họ nắm tay nhau khi đi qua hành lang, và khi anh nói chị hầu như không nghe giọng của anh.

“Cái chìa khóa,” anh nói. “Đưa cho anh.”

“Cái gì?” chị nói. Chị nhìn cánh cửa chầm chầm.

“Cái chìa khóa,” anh nói. “Em giữ chìa khóa.”

“Chúa ơi,” chị nói. “Em để quên chìa khóa bên trong rồi.”

Anh thử vặn tay nắm cửa. Nó bị khóa. Rồi chị thử vặn tay nắm cửa. Nó không xoay. Mối chị hé ra, hơi thở chị nặng nề, chờ đợi. Anh dang tay và chị ngã người vào.

“Đừng lo,” anh nói vào tai vợ. “Vì Chúa, đừng lo.”

Họ đứng đó. Họ ôm nhau. Họ tì vào cánh cửa như thể chống lại một luồng gió, căng mình ra.

3. Chương 3

Ý TƯỞNG

Chúng tôi đã ăn tối xong và tôi đứng bên bàn bếp mà không bật đèn đã một tiếng đồng hồ, rình xem. Nếu tối nay hắn định làm gì thì phải là lúc này, thậm chí lúc này đã quá giờ. Đã ba đêm rồi tôi chưa thấy hắn. Nhưng đêm nay màn phòng ngủ bên đây đã được kéo lên và đèn đang sáng.

Đêm nay tôi có một linh cảm.

Rồi tôi thấy hắn. Hắn, vận một cái áo thun và một cái gì đấy trông như quần lửng hay quần bơi, mở cửa lưới đi ra phía cổng sau. Hắn nhìn quanh rồi ra khỏi cổng, lẩn vào bóng tối và bắt đầu di chuyển dọc hông nhà. Hắn đi khá nhanh. Nếu không đứng rình sẵn, chắc tôi sẽ không trông thấy hắn. Hắn dừng lại trước khung cửa sổ sáng đèn, nhìn vào.

“Vern,” tôi gọi. “Vern, nhanh lên! Hắn ở ngoài kia. Anh nhanh lên thì hơn!”

Vern đang ngồi trong phòng khách đọc báo, ti vi vẫn mở. Tôi nghe tiếng anh vút từ báo xuống.

“Đừng để hắn thấy em!” Vern nói. “Đừng lại gần cửa sổ quá!”

Vern luôn luôn nói thế: Đừng lại gần quá. Tôi đoán Vern hơi xấu hổ về chuyện rình mò. Nhưng tôi biết anh cũng thích thú việc này. Anh bảo vậy.

“Đèn tắt thì hắn không thấy mình được!” Tôi luôn luôn nói như thế. Chuyện này diễn ra đã gần ba tháng. Chính xác từ ngày 3 tháng Chín. Ít nhất đó là đêm đầu tiên tôi thấy hắn ngoài đó. Tôi không biết chuyện đã diễn ra trước đó bao lâu.

Đêm ấy suýt gọi điện báo cảnh sát thì tôi nhận ra ai ngoài đó. Vern đã phải giảng giải tôi mới hiểu. Kể cả như vậy mãi tôi mới vỡ lẽ. Nhưng từ đêm ấy tôi rình, và tôi có thể dám chắc trung bình cứ hai hay ba đêm là hắn ra ngoài đó, có khi hơn. Tôi thấy hắn ngoài đó cả khi trời mưa. Thực ra, nếu trời mưa, chắc chắn hắn sẽ ra. Nhưng đêm nay trời quang và hiu hiu gió. Có cả trăng.

Chúng tôi quỳ xuống bên khung cửa sổ và Vern hắng giọng.

“Trông hắn kìa,” Vern nói. Vern đang hút thuốc, khi cần thì khảy tàn vào tay. Mỗi khi bập thuốc anh tránh điều thuốc khỏi khung cửa. Lúc nào Vern cũng hút; không có gì cản anh được. Thậm chí khi ngủ anh cũng để gạt tàn cách đầu vài xăng ti mét. Đêm tôi tỉnh giấc cũng thấy anh dậy hút thuốc.

“Chúa tôi,” Vern nói

“Cô ta có gì mà đám đàn bà khác không có nhỉ?” một chút sau tôi nói với Vern. Chúng tôi ngồi chồm hổm trên sàn nhà, chỉ nhô đầu qua bệ cửa sổ theo dõi một gã đàn ông đang đứng nhìn vào cửa sổ phòng ngủ của chính mình.

“VẬY MỚI NÓI,” Vern nói. Anh hắng giọng ngay kề tai tôi.

Chúng tôi cứ theo dõi.

Giờ thì tôi có thể nhận ra ai phía sau tấm màn. Đó hẳn phải là cô nàng kia đang cởi quần áo. Nhưng tôi không thể nhìn rõ. Tôi căng mắt. Vern đang đeo kính đọc sách, nên anh thấy mọi thứ tường tận hơn. Đột nhiên tấm màn được kéo sang một bên và cô nàng quay lưng lại cửa sổ.

“Giờ cô nàng đang làm gì?” tôi nói, tuy đã biết thừa.

“Chúa tôi,” Vern nói.

“Cô nàng đang làm gì, Vern?” tôi nói.

“Cô ta đang cởi đồ chứ làm gì,” Vern nói. “Em nghĩ cô ta có thể làm gì?”

Rồi đèn trong phòng ấy chợt tắt và gã kia di chuyển ngược lại bên hông nhà. Hắn mở cánh cửa lưới lách vào, một lúc sau những ngọn đèn còn lại cũng tắt.

Vern húng hắng, rồi lại húng hắng, và lắc đầu. Tôi bật đèn. Vern vẫn quỳ ở đó. Rồi anh đứng dậy châm một điếu thuốc.

“Thế nào cũng có lúc em bảo cho cái đồ rác rưởi đấy biết em nghĩ gì về nó,” tôi nói và nhìn Vern.

Vern cười khì.

“Em nói thật đấy,” tôi nói. “Hôm nào gặp nó ở chợ em sẽ nói toẹt vào mặt nó.”

“Anh sẽ không làm vậy. Em làm vậy để làm quái gì?” Vern nói.

Nhưng tôi có thể đoán anh không nghĩ rằng tôi nghiêm túc. Anh cau mày nhìn móng tay mình. Anh uốn lưỡi trong miệng và nhú mắt lại như anh vẫn làm mỗi khi tập trung. Rồi anh thay đổi vẻ mặt và gãi gãi cằm. “Em đừng làm thế,” anh nói.

“Rồi anh sẽ thấy.”

“Cút thật,” Vern nói.

Tôi theo anh vào phòng khách. Chúng tôi căng thẳng với nhau. Chuyện ấy khiến chúng tôi như thế.

“Anh cứ đợi xem,” tôi nói.

Vern dụi điếu thuốc vào cái gạt tàn lớn. Anh đứng sau cái ghế da ngó ti vi một hồi.

“Chẳng có cái gì cả,” anh nói. Rồi anh ấy nói gì đó. Anh nói, “Cũng có thể anh chàng kia có cái gì đó.” Vern châm một điếu nữa. “Chẳng biết được đâu”

“Ai mà đến ngó cửa sổ phòng em,” tôi nói “thì cảnh sát sẽ theo ngay sau lưng.” “Chắc chỉ trừ Cary Grant,” tôi nói. Vern nhún vai. “Chẳng biết được đâu,” anh nói. Tôi thêm ăn một cái gì đó. Tôi đến chỗ tủ bếp nhìn vào, rồi mở tủ lạnh.

“Vern, anh muốn ăn gì không?” tôi gọi.

Anh không trả lời. Tôi nghe tiếng nước chảy trong phòng tắm. Nhưng tôi nghĩ có thể anh sẽ muốn ăn chút gì đó. Buổi tối giờ này chúng tôi hay đói bụng. Tôi để bánh mì và xúc xích lên bàn và mở một hộp xúp. Tôi lấy bánh quy mặn, bơ đậu phộng, thịt nguội, dưa chuột muối, ô liu, khoai tây chiên. Tôi đặt mọi thứ lên bàn. Rồi tôi nhớ tới bánh táo. Vern bước ra trong bộ pyjamaflanelen và áo choàng tắm. Tóc anh ướt chải ngược ra phía sau đầu, và anh có mùi dầu tắm. Anh nhìn qua các thứ trên bàn. Anh bảo, “Hay lấy cho anh một tô bánh bột bắp với đường nâu?” Rồi anh ngồi xuống trải tờ báo bên cạnh đĩa của mình.

Chúng tôi ăn. Cái gạt tàn đầy nhóc hạt ô liu và đầu lọc thuốc.

Khi ăn xong, Vern nhe răng cười, bảo, “Mùi gì hấp dẫn thế?”

Tôi lại lò nướng lấy ra hai cái bánh táo có rải pho mát chảy ở trên.

“Trông ngon lắm,” Vern nói.

Chốc sau, anh bảo, “Anh không ăn nổi nữa. Anh đi ngủ đây.”

“Em cũng đi ngủ,” tôi nói. “Để em dọn bàn đã.”

Khi đang trút đồ ăn thừa từ đĩa vào thùng rác thì tôi thấy kiến. Tôi nhìn gần hơn. Chúng bò lên đầu đó từ phía ống nước dưới bồn rửa chén, một dòng kiến đều đặn, bò lên một bên thùng rác và bò xuống phía bên kia, bò vào bò ra. Tôi tìm thấy bình xịt trong một ngăn kéo liền xịt cả trong lẫn ngoài thùng rác, và tôi xịt dưới gầm bồn rửa chén xa đến hết mức. Rồi tôi rửa tay và nhìn một lần cuối quanh bếp.

Vern đã ngủ. Anh đang ngáy. Thế nào vài tiếng nữa anh cũng dậy, vào nhà tắm, hút thuốc. Cái ti vi nhỏ phía chân giường đang bật, nhưng hình thì bị nhảy.

Tôi muốn kể cho Vern nghe về lũ kiến.

Tôi loay hoay trước khi vào giường, chỉnh hình trên ti vi, và bò vào giường. Vern phát ra những tiếng ồn thường lệ khi anh ngủ.

Tôi xem ti vi một lúc, nhưng đó là một talk show mà tôi thì không khoái talk show. Tôi lại bắt đầu nghĩ ngợi về lũ kiến.

Chẳng mấy chốc tôi tưởng tượng ra kiến bò khắp nhà. Tôi không biết có nên đánh thức Vern mà bảo anh tôi mơ thấy một giấc mơ dữ không. Thay vào đó tôi dậy đi tìm bình xịt. Tôi ngó vào phía dưới bồn rửa chén một lần nữa. Nhưng chẳng còn con kiến nào. Tôi bật hết đèn trong nhà cho đến khi cả căn nhà sáng rực.

Tôi cứ xịt.

Cuối cùng tôi kéo màn nhà bếp lên nhìn ra ngoài. Đã khuya. Gió thổi, tôi nghe tiếng cành cây gãy.

“Đồ rác rưởi kia,” tôi nói. “Cái ý tưởng đó!”

Tôi còn dùng những lời lẽ tồi tệ hơn, những lời lẽ mà tôi không thể nhắc lại.

4. Chương 4

HỌ ĐAU PHẢI CHỒNG EM

Earl Ober là nhân viên bán hàng còn đang tìm việc mới. Nhưng Doreen, vợ anh, đã đi làm hầu bàn ca đêm tại một quán cà phê mở cửa hai mươi bốn giờ ven thị trấn. Một tối đi uống rượu về, Earl quyết định ghé ngang quán cà phê kiểm chút gì bỏ bụng. Anh muốn xem chỗ làm của Doreen, và anh cũng muốn xem thử có xơi chùa được món gì không.

Anh ngồi ở quầy ngắm nghía thực đơn.

“Anh đến đây làm gì?” Doreen nói khi thấy anh ngồi đó.

Chị đưa một phiếu gọi món cho đầu bếp. “Anh định gọi gì đấy, Earl?” Chị hỏi. “Con ỉn chứ?”

“Con bình thường.” Earl nói. “Cho anh cà phê và một cái sandwich số 2.”

Chị ghi lại.

“Này, em, liệu có gì không?” Anh nói với chị và nháy mắt.

“Không,” chị nói. “Đừng nói chuyện với em bây giờ. Em đang bận.”

Earl uống cà phê và ngồi đợi sandwich. Có hai người mặc đồ đi làm, cà vạt nói ra, cổ áo để mở, ngồi xuống kế anh và gọi cà phê. Khi Doreen mang bình cà phê đi rồi, một người nói với người kia: “Trông cái mông kia. Tổ không thể tin nổi.”

Người kia bật cười: “Tổ từng thấy những cái oách hơn.”

“Thì ý tứ là thế,” người thứ nhất nói. “Nhưng có những thằng hề lại thích gái béo.”

“Không phải tứ.” Người kia nói.

“Cũng không phải tứ.” Người thứ nhất nói. “Là tứ nói thế.”

Doreen đặt cái sandwich trước mặt Earl. Xung quanh cái sandwich là khoai tây chiên, xà lách và dưa chuột muối với thìa là.

“Thêm gì nữa không?” Chị hỏi. “Một ly sữa?”

Anh không nói gì. Anh lắc đầu khi chị cứ đứng đó.

“Để em lấy thêm cà phê cho anh.” Chị nói.

Chị mang bình cà phê lại, rót cho anh và hai người kia. Rồi chị lấy một cái đĩa và xoay người lấy kem. Chị cúi xuống túm kem dùng cái gấp để nạo kem. Cái váy trắng bó chặt hông chị, trượt lên phía trên chân. Để lộ ra là cái quần lót bó đùi màu hồng, cặp đùi nhẵn nhéo, xám, lưa thưa lông và những mạch máu chạy tán loạn.

Hai người ngồi cạnh Earl nhìn nhau. Một người nhướng mày. Người kia cười nhếch nhếch nhìn Doreen qua tách cà phê trong lúc chị rướn xô cô la lỏng lên kem. Khi chị bắt đầu lắc lắc cái bình kem tươi, Earl đứng dậy, bỏ đồ ăn lại và bước thẳng ra cửa. Anh nghe chị gọi tên, nhưng vẫn bỏ đi.

Anh liếc mắt qua lỗ trẻ rồi sang phòng bên kia cởi quần áo. Anh kéo chăn, nhắm mắt và thả mình nghỉ ngơi. Cái cảm giác kia khởi đầu từ mặt, lần xuống bụng rồi chân. Anh mở mắt lần đầu qua lại trên gối. Rồi anh nằm nghiêng và thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi tiễn bọn trẻ tới trường, Doreen vào phòng ngủ kéo màn cửa lên. Earl đã thức dậy.

“Nhìn mình trong gương đi.” Anh nói.

“Gì cơ?” Chị nói. “Anh nói cái gì?”

“Cứ nhìn mình trong gương đi,” Anh nói

“Em phải thấy cái gì?” Chị hỏi. Nhưng rồi chị nhìn vào gương qua cái bàn trang điểm và hất tóc khỏi vai.

“Ừm?” Anh nói.

“Ừm, cái gì?” Chị hỏi.

“Anh ghét phải nói điều này,” Earl nói, “Nhưng anh nghĩ tốt hơn là em nên suy nghĩ về chuyện ăn kiêng. Anh nói thật. Nghiêm túc đấy. Anh nghĩ em có khả năng giảm được vài cân. Đừng cẩu.”

“Anh đang nói cái gì đấy?” Chị hỏi.

“Cái anh vừa nói. Anh nghĩ em có khả năng giảm được vài cân. Ít ra thì cũng vài cân.”

“Trước đây anh chưa bao giờ nói gì.” Chị nói. Chị nâng áo ngủ lên quá hông à xoay lại nhìn bụng mình trong gương.

“Trước đây anh không thấy đó là vấn đề.” Anh nói. Anh cố lựa lời.

Cái váy ngủ vẫn nằm lửng quanh hông, Doreen xoay lưng lại gương và nhìn qua vai. Chị lấy tay nâng một bên mông lên rồi thả ra.

Anh nhắm mắt. “Có lẽ anh nghĩ vớ vẩn.” Anh nói.

“Chắc em có thể giảm cân được. Nhưng khó đấy.” Chị nói.

“Em nói đúng, sẽ không dễ dàng.” Anh nói. “Chắc chắn là không dễ. Nhưng anh sẽ giúp em.”

“Có lẽ anh nói đúng.” Chị nói. Chị buông vảy ngũ xuống, nhìn anh rồi cúi vảy ra.

Họ bàn về chuyện ăn kiêng. Họ bàn việc ăn kiêng chất đạm, ăn kiêng chỉ dùng rau và ăn kiêng bằng nho vắt. Nhưng họ quyết định họ không có đủ tiền để mua loại bột tét cần cho việc ăn kiêng chất đạm. Và Doreen nói chị không thích ăn rau nhiều như thế. Và vì chị cũng không thích nho vắt cho lắm, chị cũng không thể tưởng tượng nổi làm thế nào có thể ăn kiêng theo kiểu ấy.

“Thôi, quên chuyện đó đi.” Anh nói.

“Không, anh nói đúng,” chị nói. “Em sẽ làm một cái gì đó.”

“Thế còn tập thể dục thì sao?” anh nói.

“Em tập thể dục ở chỗ làm là đủ lắm rồi,” Chị nói.

“Thì nhịn ăn vậy,” anh nói. “Thử vài ngày xem sao.”

“Cũng được,” Chị nói. “Em sẽ cố. Em sẽ cố trong vài ngày. Anh đã thuyết phục được em.”

“Anh sẽ làm người giám sát,” Earl nói.

Anh kiểm tra họ còn bao nhiêu tiền trong tài khoản, rồi phóng xe đến một cửa hàng bán đồ giảm giá mua một cái cân sức khỏe. Anh theo dõi cô bán hàng lúc cô tính tiền.

Về nhà anh bắt Doreen cởi hết quần áo ra treo lên cân. Anh cau mày khi nhìn thấy những mạch máu. Anh lấy ngón tay lần theo một đường chạy lên phía trên đùi.

“Anh làm cái gì vậy?” Chị hỏi.

“Không có gì,” anh nói.

Anh nhìn vào cân và ghi con số lại trên một tờ giấy.

“Được rồi,” Earl bảo. “Được rồi.”

Gần hết cả buổi chiều hôm sau anh đi phỏng vấn. Ông chủ, một người to kèn càng khắp khiêng dẫn Earl đi xem hệ thống ống nước trong nhà kho, hỏi Earl có rảnh để đi công tác không.

“Tất nhiên tôi rảnh,” Earl nói.

Ông ta gật đầu.

Earl mỉm cười.

Anh nghe tiếng ti vi trước khi mở cửa bước vào nhà. Bọn trẻ không ngẩng đầu lên khi anh đi ngang phòng khách. Trong bếp, Doreen đã mặc đồ đi làm, đang ăn trứng trắng và thịt muối.

“Em làm cái gì đấy?” Earl nói.

Chị tiếp tục nhai đồ ăn, hai má căng phồng. Nhưng rồi chị nhè mọi thứ vào một cái khăn ăn.

“Em không thể chịu được.” Chị nói.

“Dở hơi,” anh nói. “Tiếp tục ăn đi. Ăn tiếp đi.”

Anh vào phòng, đóng cửa, nằm vật lên đồng chán. Anh vẫn nghe tiếng tivi. Anh gối đầu lên tay chăm chăm nhìn trần nhà.

Chị mở cửa. “Em sẽ cố một lần nữa,” chị nói.

“OK,” anh nói.

Hai hôm sau chị gọi anh vào phòng tắm. “Xem này,” chị bảo.

Anh nhìn con số trên cân. Anh mở ngăn kéo lấy tờ giấy ra, nhìn con số trên cân một lần nữa trong lúc chị ngoác miệng cười.

“Gần nửa cân,” chị nói.

“Giảm được một chút rồi đó,” anh nói và vỗ hông vợ.

Anh đọc rao vặt trên báo. Anh đến văn phòng tìm việc của nhà nước. Ba hay bốn ngày một lần anh lái xe đến một chỗ nào đó để dự phỏng vấn, và buổi tối anh ngồi đếm tiền bo của chị. Anh vượt những tờ đô la lại cho phẳng phiu và xếp những đồng năm xu, mười xu và đồng hai lăm xu thành từng chồng một đô la. Anh cân chị mỗi buổi sáng.

Trong vòng hai tuần chị sụt một cân rưỡi.

“Em có ăn một chút,” chị bảo. “Em nhịn cả ngày, rồi tối ăn một chút ở chỗ làm. Để bù.”

Nhưng một tuần sau chị giảm hơn hai cân. Tuần sau nữa, giảm bốn cân. Quần áo chị thùng thình. Chị phải lấy một phần tiền thuê nhà để mua đồng phục mới.

“Mọi người đang xôn xao ở chỗ làm,” chị bảo anh.

“Xôn xao cái gì?” anh nói.

“Rằng là em xanh xao quá,” chị nói. “Là em không còn giống chính mình. Mọi người lo em giảm cân nhiều quá.”

“Giảm cân thì đã sao?” anh nói. “Đừng để ý đến họ. Bảo họ lo chuyện của mình đi. Họ đâu phải chồng em. Em đâu có ở với mấy người đó.”

“Nhưng em phải làm việc với người ta,” chị nói.

“Đúng vậy,” anh nói. “Nhưng họ không phải là chồng em.”

Mỗi buổi sáng anh theo vợ vào buồng tắm và chờ chị bước lên cân. Anh lồm cồm với cây bút chì và tờ giấy. Tờ giấy ghi đầy những thứ, ngày và con số. Anh đọc con số trên cân, đối chiếu với tờ giấy, rồi gập đầu hoặc bậm môi.

Đạo này Doreen ngủ nhiều hơn. Chị ngủ sau khi bọn trẻ đi học, chị ngủ thêm vào buổi chiều trước khi đi làm. Earl làm việc nhà, xem ti vi, để yên cho chị ngủ. Anh đi chợ, thỉnh thoảng lại đi phỏng vấn.

Một đêm anh cho bọn trẻ đi ngủ, tắt ti vi rồi quyết định đi làm tý rượu. Khi bar đóng cửa, anh lái xe sang quán cà phê.

Anh ngồi ở quầy đợi. Khi trông thấy anh, chị hỏi: “Con ổn chứ?”

Earl gập đầu.

Anh nhẩn nha chọn món. Anh dõi theo vợ đi tới đi lui sau quầy. Cuối cùng anh gọi một cái burger pho mát. Chị đưa phiếu gọi món cho đầu bếp và quay ra phục vụ người khác.

Một cô phục vụ khác mang bình cà phê đến rót vào cốc của Earl.

“Bạn cô tên gì ấy nhỉ?” anh hỏi cô phục vụ và hất đầu về phía vợ mình.

“Chị ấy tên là Doreen,” cô phục vụ nói.

“Trông cô ấy khác nhiều so với lần cuối cùng tôi ghé qua đây,” anh nói.

“Em không để ý,” cô phục vụ nói.

Anh ăn cái burger pho mát và uống cà phê. Hết người này đến người khác thay phiên nhau ngồi xuống đứng lên ở quầy. Vợ anh phục vụ cho hầu hết mọi người ở quầy, thỉnh thoảng cô phục vụ kia cũng đến ghi món khách gọi. Anh quan sát vợ và chăm chú lắng nghe. Hai lần anh phải rời chỗ ngồi để đi vào nhà vệ sinh. Mỗi lần anh lại lo không biết có nghe sót gì không. Khi quay lại lần thứ hai, anh thấy cốc của mình đã bị dọn đi và đã có người khác ngồi chỗ anh. Anh ngồi lên một cái ghế cao phía cuối quầy cạnh một ông lớn tuổi mặc áo sơ mi sọc.

“Anh định làm gì?” Doreen hỏi khi trông thấy Earl lần nữa. “Đáng lý anh phải về nhà rồi chứ?”

“Cho anh ít cà phê nữa,” anh nói.

Người ngồi cạnh anh đang đọc báo. Ông ngẩng lên nhìn Doreen rót cà phê cho Earl. Ông liếc nhìn chị khi chị bước đi. Rồi ông cúi xuống đọc báo tiếp.

Earl nhấp một ngụm cà phê và đợi xem ông này có nói gì không. Anh liếc nhìn ông. Ông đã ăn xong và đẩy đĩa sang một bên. Ông đốt thuốc, gấp tờ báo trước mặt, rồi đọc tiếp.

Doreen đến lấy cái đĩa bẩn đi và rót thêm cà phê cho ông.

“Anh thấy cô ấy thế nào?” Earl nói với ông ta, hất đầu về phía Doreen khi chị đi về đầu kia quầy. “Anh không nghĩ cô ấy có gì đặc biệt à?”

Người ngồi cạnh anh ngẩng đầu lên, ngạc nhiên. Ông nhìn Doreen rồi nhìn Earl, rồi cúi xuống đọc báo tiếp.

“Này, ông nghĩ sao chứ?” Earl tiếp tục. “Tôi đang hỏi ông đấy. Cô nàng trông đẹp hay xấu? Nói đi.”

Ông ta lật tờ báo sột soạt.

Khi Doreen bắt đầu đi xuống quầy một lần nữa, Earl huých tay ông ta và nói: “Tôi đang nói với ông đấy. Nghe này. Nhìn cái mông cô ta. Bây giờ ông xem cái này này. Cho tôi một đĩa nhỏ kem sô cô la nhé?” Earl gọi Doreen.

Chị dừng lại trước mặt anh, thở hắt ra. Rồi chị quay lại, lấy đĩa và cái gấp kem. Chị chồm qua tủ kem, cúi xuống và bắt đầu bóp cái gấp để lấy kem. Earl nhìn ông kia, nháy mắt khi thấy váy của Doreen trượt lên đùi. Nhưng ánh mắt của người đàn ông lại gặp ánh mắt của cô phục vụ kia. Và rồi ông ta kẹp tờ báo dưới cánh tay và thò tay vào túi.

Cô phục vụ kia đi thẳng đến chỗ Doreen. “Nhân vật này là ai vậy?” Cô hỏi.

“Ai?” Doreen hỏi và nhìn quanh, đĩa kem trên tay.

“Anh kia,” cô phục vụ trả lời và hất đầu về phía Earl. “Rốt cuộc cái thằng hề này là ai?”

Earl cố nở nụ cười tươi nhất. Anh giữ nụ cười trên mặt. Anh giữ nụ cười đó cho đến khi anh cảm thấy khuôn mặt anh biến dạng.

Nhưng cô phục vụ kia chỉ nhìn anh soi mói, và Doreen bắt đầu lắc đầu chậm chậm. Người ngồi cạnh Earl đã đặt một ít tiền lẻ bên cạnh cốc của mình và đứng dậy, nhưng ông ta cũng đợi nghe câu trả lời. Tất cả dồn mắt vào Earl.

“Anh ấy là nhân viên bán hàng. Anh ấy là chồng mình,” cuối cùng Doreen lên tiếng, nhún vai. Đoạn chị đặt đĩa kem sô cô la chưa làm xong trước mặt anh rồi đi tính tiền phần của anh.

5. Chương 5

CÓ PHẢI ANH LÀ BÁC SỸ

Mang dép lê, vận pyjama và áo choàng ngủ trên người, anh lao vội khỏi phòng làm việc khi điện thoại bắt đầu reng. Vì lúc đó đã hơn mười giờ, hẳn là vợ anh gọi. Đêm nào xa nhà, cô cũng điện thoại tâm này, sau khi uống vài ly. Cô là người phụ trách mua hàng, và cả tuần nay cô đi công tác.

“A lô, em à,” anh nói. “A lô,” anh lặp lại.

“Đây là ai?” một phụ nữ hỏi.

“Hừm, đây là ai?” anh nói. “Chị muốn gọi số nào?”

“Đợi một phút,” người phụ nữ nói. “Số 2738063.”

“Đó là số của tôi,” anh nói. “Sao chị có số này?”

“Tôi không biết. Tôi đi làm về và thấy nó ghi trên một mẫu giấy nhỏ,” người phụ nữ nói.

“Ai ghi?”

“Tôi không biết,” người phụ nữ nói. “Chắc là cô trông trẻ. Hẳn là cô ấy.”

“Hừm, tôi không biết làm thế nào mà cô có số của tôi,” anh nói, “nhưng đây là số của tôi, và tôi không đăng ký danh bạ. Chị có thể vứt nó giùm tôi được không? A lô? Chị có nghe không?”

“Có, tôi có nghe,” người phụ nữ nói.

“Còn gì nữa không?” anh nói. “Đã khuya và tôi đang bận.” Anh không có ý nói chuyện cộc lốc, nhưng ai mà biết đâu được. Anh ngồi xuống cái ghế bên cạnh điện thoại và nói, “Tôi không có ý nói chuyện cộc lốc. Ý tôi chỉ là đã khuya và tôi hơi lo ngại làm thế nào tình cờ chị có số tôi.” Anh thả dép ra và bắt đầu xoa xoa bàn chân, đợi câu trả lời.

“Tôi cũng không biết,” cô nói, “Tôi đã bảo anh tôi chỉ thấy số điện thoại được ghi lại, không có thêm dòng nào cả. Mai gặp Annette – tức là cô giữ trẻ – tôi sẽ hỏi. Tôi không có ý quấy rầy anh. Tôi chỉ thấy mảnh giấy thôi. Từ lúc đi làm về đến giờ lúc nào tôi cũng ở trong bếp.”

“Không sao,” anh nói. “Quên nó đi. Chỉ cần vứt và quên nó đi. Không có chuyện gì đâu. Chị không phải lo.” Anh chuyển ống nghe từ tai này sang tai kia.

“Anh có vẻ là người dễ mến.” Người phụ nữ nói.

“Thế à? Ừm, chị quá lời.” Anh biết giờ anh nên gác máy, nhưng nghe một giọng nói, kể cả giọng chính mình, trong căn phòng yên ắng khiến anh thấy hay hay.

“Ồ, vâng,” cô nói. “Tôi dám chắc.”

Anh buông bàn chân ra.

“Nếu anh không phiền, liệu tôi có thể biết tên anh?” Cô nói.

“Tôi tên Arnold,” anh nói.

“Còn tên gọi thường của anh là gì?” cô nói.

“Tên gọi thường của tôi là Arnold,” anh nói.

“Ồi, xin lỗi,” cô nói. “Arnold là tên gọi thường của anh. Còn họ, Arnold? Anh họ gì?”

“Thực tình là tôi phải gác máy đây,” anh nói.

“Arnold, thôi mà, tôi là Clara Holt. Anh tên là ông Arnold gì nào?”

“Arnold Breit,” anh nói và vội thêm, “Clara Holt. Hay đấy. Nhưng tôi thực sự nghĩ là tôi phải gác máy, cô Holt ạ. Tôi đang đợi điện thoại.”

“Xin lỗi, Arnold. Tôi không định làm mất thời gian của anh,” cô nói.

“Không sao,” anh nói. “Rất vui nói chuyện với chị.”

“Cám ơn anh.”

“Chị giữ điện thoại một phút được không?” anh nói. “Tôi kiểm tra cái này một chút.” Anh vào phòng làm việc lấy một điều xì gà, mở hộp quẹt để bàn, rồi bỏ kính ra ngắm mình trong gương phía trên lò sưởi. Khi quay lại chỗ để điện thoại, anh ngỡ rằng cô đã gác máy.

“A lô?”

“A lô, Arnold,” cô nói.

“Tôi tưởng chị đã gác máy.”

“Ồ, không,” cô nói.

“Về việc chị có số tôi đây,” anh nói. “Không phải lo gì, chỉ vứt nó đi thôi.”

“Tôi sẽ vứt, Arnold,” cô nói.

“Rồi, bye nhé.”

“Vâng, tất nhiên,” cô nói. “Chúc ngủ ngon.”

Anh nghe tiếng cô thở hắt.

“Tôi biết là tôi đường đột, Arnold, nhưng anh nghĩ liệu ta có thể gặp nhau đâu đó nói chuyện chút chằng? Chỉ vài phút thôi.”

“Tôi e không thể,” anh nói.

“Chỉ một phút, Arnold. Việc tôi tìm thấy số của anh và tất cả mọi sự. Tôi có một cảm giác mãnh liệt về chuyện này, Arnold ạ.”

“Tôi già rồi,” anh nói.

“Ồ, làm gì,” cô nói.

“Thật đấy, tôi già mà,” anh nói.

“Liệu ta có thể gặp nhau đâu đó không, Arnold. Anh biết không, tôi chưa kể hết với anh. Còn chuyện khác nữa,” người phụ nữ nói.

“Ý chị là gì?” anh nói. “Chính xác việc này là gì? A lô?”

Cô đã gác máy.

Khi anh sửa soạn đi ngủ, vợ anh gọi, anh đoán chị có vẻ hơi say, họ tán chuyện một hồi, nhưng anh không đả động gì đến cuộc gọi kia. Lúc sau, khi anh đang kéo chăn xuống, điện thoại lại đổ chuông.

Anh bắt máy. “A lô, Arnold Breit nghe đây.”

“Arnold, xin lỗi anh điện thoại bị ngắt. Như tôi nói lúc nãy, tôi nghĩ việc chúng ta gặp nhau quan trọng đấy.”

Chiều hôm sau khi đang tra chìa vào ổ khóa, anh nghe tiếng điện thoại reng. Anh bỏ cặp xuống, và vẫn nguyên mũ, áo khoác và găng, vội vàng đến bên bàn nhắc ống nghe.

“Arnold, xin lỗi lại quấy rầy anh,” người phụ nữ nói. “Nhưng anh phải đến nhà tôi đêm nay tầm chín giờ rưỡi. Anh có thể làm thế vì tôi không, Arnold?”

Tim anh xáo động khi nghe cô gọi tên mình. “Tôi không thể làm thế,” anh nói.

“Đi nào, Arnold,” cô nói. “Thật sự quan trọng nếu không tôi đã không nài nỉ. Tôi không thể ra khỏi nhà tối nay vì Cheryl bị cảm lạnh và giờ tôi đang lo nó lây cho thằng bé.”

“Còn chồng chị đâu?” Anh đợi câu trả lời.

“Tôi không có chồng,” chị nói. “Anh sẽ đến chứ, phải không?”

“Tôi không hứa,” anh nói.

“Tôi xin anh hãy đến,” cô nói rồi vội đọc cho anh địa chỉ nhà và gác máy.

“Tôi xin anh hãy đến,” anh nhắc lại, vẫn còn cầm điện thoại. Anh chậm rãi tháo găng tay và áo khoác. Anh cảm thấy phải thận trọng. Anh đi rửa tay. Khi nhìn vào gương nhà tắm, anh nhận ra mình vẫn đội mũ. Chính lúc đó anh quyết định sẽ gặp cô, và anh bỏ mũ và kính ra rồi xát xà phòng lên mặt. Anh xem lại móng tay mình.

“Anh chắc đúng đường này?” anh hỏi người tài xế.

“Đúng con đường này và tòa nhà kia kìa,” người tài xế nói.

“Đi tiếp,” anh nói. “Cho tôi xuống cuối block nhà.”

Anh trả tiền cho người tài xế. Đèn từ những khung cửa sổ phía trên rọi sáng các ban công. Anh nhìn thấy những chậu cây mắc trên các thanh chắn ban công và đây đó một vài bộ bàn ghế ngoài trời. Ở một ban công nọ một người đàn ông cao to mặc áo gió tì trên lan can dõi theo anh khi anh đi về phía cửa.

Anh nhấn cái nút bên dưới dòng chữ C. HOLT. Chuông reo, anh quay lại cửa và bước vào. Anh thông thả leo cầu thang, ngừng để nghỉ một chút tại mỗi chiều nghỉ. Anh nhớ cái khách sạn ở Luxembuorg, năm cái tầng lầu mà anh và vợ từng leo cách đây nhiều năm. Đột nhiên anh thấy đau bên hông, mừng tượng thấy tìm anh, mừng tượng thấy chân anh khụy lại, mừng tượng một cú ngã nặng nề xuống chân cầu thang. Anh rút khăn tay ra lau trán. Rồi anh tháo kính lau tròng, đợi tim mình ổn định trở lại.

Anh ngó xuống sảnh. Khu chung cư rất im ắng. Anh dừng trước cửa nhà cô, bỏ mũ ra, gõ nhẹ. Cửa hé mở, một cô bé tròn trĩnh mặc pyjama hiện ra.

“Bác là Arnold Breit?” cô bé hỏi.

“Đúng rồi” anh nói. “Mẹ cháu có nhà không?”

“Mẹ cháu nói cho bác vào nhà. Mẹ cháu nói bảo với bác rằng mẹ cháu ra hiệu thuốc mua xi rô ho và aspirin.”

Anh khép cánh cửa sau lưng. “Cháu tên gì? Mẹ cháu có nói với bác, nhưng bác quên khuấy mất.”

Cô bé không nói gì nên anh thử lại một lần nữa.

“Cháu tên gì? Có phải là Shirley?”

“Cheryl,” cô bé nói. “C-h-e-r-y-l.”

“À, giờ bác nhớ ra rồi. Mà bác nhớ cũng gần đúng, cháu có thấy thế không?”

Cô bé ngồi trên một chiếc đôn bên kia phòng nhìn anh.

“Vây ra là cháu ốm, phải không?” anh hỏi.

Cô bé lắc đầu.

“Không ốm à?”

“Không,” cô bé đáp.

Anh nhìn quanh. Căn phòng được chiếu sáng bằng một cây đèn đứng có màu giống như bằng vàng, thân gắn một cái gạt tàn lớn và giá để tạp chí. Một cái ti vi để áp bức tường phía xa, đang mở, volume nhỏ. Một hành lang hẹp dẫn ra phần phía sau căn hộ. Lò sưởi được mở, không khí quẩn mùi thuốc men. Kẹp tóc và lô cuốn tóc lăn lóc trên bàn trà, một cái áo choàng tắm màu hồng vắt trên ghế sofa.

Anh nhìn đứa bé lần nữa, rồi hướng mắt về phía bếp và những cánh cửa kính từ bếp ra ban công. Những cánh cửa chỉ khép hờ, và một luồng ớn lạnh thoáng qua người anh khi anh nhớ lại người đàn ông to ạc áo gió.

“Mẹ chỉ đi ra ngoài một chút,” đứa bé nói, như thể vừa đột ngột tỉnh giấc.

Anh nghiêng người về trước dồn lên mấy ngón chân, mũ cầm tay, nhìn cô bé. “Bác nghĩ là bác nên đi.”

Có tiếng chìa xoay trong ổ khóa, cánh cửa bật ra, một phụ nữ nhỏ người, xanh tái, nhiều tàn nhang bước vào, tay cầm một túi giấy.

“Arnold! Rất mừng được gặp anh!” Cô liếc nhìn anh, vẻ hơi lo lắng, lúc lắc đầu một cách lạ lùng trong lúc cầm túi đi vào bếp. Anh nghe tiếng cửa tủ bếp đóng sập lại. Đứa bé ngồi trên chiếc đôn nhìn anh chăm chú. Anh khụy một chân, dồn trọng lượng lên chân này xong lại đổi sang chân kia, đặt mũ lên đầu và lại bỏ mũ ra khi người phụ nữ quay lại.

“Có phải anh là bác sĩ?” cô hỏi.

“Không,” anh đáp, ngỡ ngàng. “Không, không phải.”

“Cheryl ốm, anh thấy đấy. Em ra ngoài mua mấy thứ. Sao con không cất áo khoác của ông đây?” cô quay sang bảo đứa bé. “Bỏ qua cho nó. Bọn em không quen có khách.”

“Tôi phải đi đây,” anh nói. “Thực sự tôi không nên đến đây.”

“Anh ngồi xuống đi,” cô nói. “Chúng ta không thể đứng nói chuyện thế này. Để em cho con bé uống thuốc trước. Rồi chúng ta nói chuyện.”

“Thực sự tôi phải đi,” anh nói. “Nghe giọng chị tôi tưởng có việc gấp. Nhưng thực sự tôi phải đi.” Anh nhìn xuống tay và nhận thức rằng anh đang lỏng ngóng.

“Em sẽ đặt nước pha trà,” anh nghe cô nói, như thể cô chẳng hề lắng nghe anh. “Rồi em cho Cheryl uống thuốc, và rồi chúng ta có thể nói chuyện.”

Cô tóm vai đứa bé và lừa nó vào bếp. Anh thấy người phụ nữ cầm một cái thìa lên, mở một chai gì đấy sau khi ngó qua nhân, rồi rót hai thìa.

“Nào, giờ con chúc ông Breit ngủ ngon rồi vào phòng nhé, ngoan nào.”

Anh gật đầu chào đứa bé và sau đó theo người phụ nữ vào bếp. Anh không ngồi xuống cái ghế mà cô chỉ, thay vào đó anh ngồi xuống cái ghế trông ra ban công, hành lang và phòng khách nhỏ. “Tôi hút xì gà được chứ,” anh hỏi.

“Anh cứ hút,” cô nói. “Em nghĩ nó sẽ không làm phiền em, Arnold. Hút đi.”

Anh quyết định không hút. Anh đặt hai tay lên gối và làm ra một vẻ mặt nghiêm túc.

“Chuyện này với tôi vẫn còn rất bí ẩn,” anh nói. “Nó khá không bình thường, tôi bảo đảm với chị.”

“Tôi hiểu, Arnold,” cô nói. “Chắc anh muốn nghe em kể chuyện làm thế nào em có số của anh.”

“Đúng là tôi muốn nghe,” anh nói.

Họ ngồi đối diện nhau chờ nước sôi. Anh nghe tiếng ti vi. Anh ngó quanh bếp rồi lại nhìn ra ban công. Nước bắt đầu sôi tăm.

“Chị định kể về chuyện số điện thoại,” anh nói.

“Gi, Arnold? Xin lỗi,” cô nói.

Anh hắng giọng. “Kể tôi nghe chuyện làm thế nào chị có số của tôi.” Anh nói.

“Em hỏi Annette. Cô trông trẻ ấy – nhưng dĩ nhiên là anh biết rồi. Dù sao, cô ấy kể điện thoại reng lúc cô ấy ở đây và có ai đó tìm em. Họ để số cho em gọi lại, và số cô ấy ghi lại hóa ra là số của anh. Em chỉ biết đến thế.” Cô di cái cốc vòng quanh trước mặt. “Xin lỗi em không có gì hơn để kể.”

“Nước sôi rồi kia,” anh nói.

Cô lấy thìa, sữa, đường và rót nước sôi lên mấy túi trà.

Anh thêm đường và khuấy trà. “Chị nói có chuyện gấp nên tôi phải đến.”

“Ồ, chuyện đó, Arnold,” cô nói, quay mặt đi. “Em không biết cái gì khiến em nói vậy. Em không tưởng ra được em đã nghĩ gì.”

“Vậy không có gì à?” Anh nói.

“Không. Ý em là có.” Cô lắc đầu. “Điều mà anh nói, ý em thế. Không có gì.”

“Tôi hiểu,” anh nói. Anh tiếp tục khuấy trà. “Bất thường,” một lúc sau anh nói, gần như với chính mình. “Khá bất thường.” Anh mỉm cười yếu ớt, rồi đẩy cốc trà sang một bên và lấy khăn giấy chạm môi.

“Anh không định đi đấy chứ?” cô hỏi?

“Tôi phải đi,” anh nói. “Tôi đang đợi một cú điện thoại ở nhà.”

“Gượng đã, Arnold.”

Cô đẩy ghế ra sau và đứng dậy. Đôi mắt cô màu xanh nhạt, nằm sâu trên gương mặt xanh tái và có những viền tối bao quanh mà thoạt tiên anh tưởng là do trang điểm đậm. Kinh sợ chính mình, biết là sẽ tự ghét

mình về việc này, anh đứng dậy vụng về vòng tay quanh eo cô. Cô buông người để được hôn, chớp chớp mắt rồi thoáng khép mi lại.

“Muộn rồi,” anh nói, buông cô ra, loạng choạng xoay đi. “Chị thật tử tế. Nhưng tôi phải đi, bà Holt ạ. Cảm ơn vì đã mời trà.”

“Anh sẽ đến đây nữa chứ, phải không, Arnold?” cô hỏi.

Anh lắc đầu.

Cô theo anh ra cửa, tại đó anh chìa tay ra. Anh nghe tiếng ti vi. Anh chắc volume đã được chỉnh tăng. Anh chợt nhớ đến đứa trẻ kia – thằng bé. Nó ở đâu?

Cô cầm tay anh, vội nâng lên môi. “Anh không được quên em đây, Arnold.”

“Tôi sẽ không quên,” anh nói. “Clara, Clara Holt,” anh nói.

“Chúng ta đã chuyện trò vui vẻ,” cô nói. Cô gầy một thứ gì đó, một sợi tóc, hay một sợi chỉ, trên cổ áo anh. “Em rất mừng vì anh đã đến đây, và em cảm thấy chắc chắn anh sẽ quay lại.” Anh nhìn cô thật kỹ, nhưng bây giờ cô đang ngó mông lung như thể đang găng nhớ việc gì. “Giờ thì – chúc ngủ ngon, Arnold,” cô nói, cùng lúc cô đóng sập cửa, suýt kẹt cả áo khoác anh.

“Lạ lùng,” anh nói khi bắt đầu bước xuống cầu thang. Anh hít một hơi dài lúc xuống tới lề đường và ngừng trong chốc lát để nhìn lại tòa nhà. Nhưng anh không thể xác định được đâu là ban công nhà cô. Người đàn ông cao lớn mặc áo gió thì người trên ban công hơi nhúc nhích và tiếp tục nhìn xuống anh.

Anh bắt đầu cuộc bộ, hai tay thọc sâu trong túi áo khoác. Khi về đến nhà, chuông điện thoại đang đổ chuông. Anh đứng im lìm giữa phòng, mân mê chìa khóa giữa các ngón tay cho đến khi chuông ngừng reo. Rồi, khê khàng, anh đặt một tay lên ngực và cảm thấy tim anh thỉnh thoảng sau những lớp áo. Một lát sau anh đi vào phòng ngủ.

Gần như ngay sau đó điện thoại lại réo vang, và lần này anh bắt máy. “Arnold. Arnold Breit nghe đây,” anh nói.

“Arnold? Ồi trời, tối nay ta khách khí thế!” Vợ anh nói, giọng sang sảng, vẻ đùa cợt. “Em đã gọi liên tục từ chín giờ. Chơi bởi tận hưởng tự do hả Arnold?”

Anh cứ im lặng nghĩ ngợi về giọng của vợ.

“Arnold, anh còn đó chứ?” cô nói. “Nghe có vẻ không giống anh tí nào.”

6. Chương 6

NGƯỜI BỐ

Đứa bé nằm trong một cái giỏ bên cạnh giường, được mặc một bộ áo liền quần và cái mũ màu trắng. Cái giỏ sơn mới, đính một dải ruy băng màu xanh mát và lót những tấm chăn màu xanh. Ba cô chị bé nhỏ và người mẹ, vừa ra khỏi giường và chưa hoàn toàn hồi phục, cùng bà nội, tất cả đứng quanh đứa bé, xem nó mở mắt đăm đăm, thỉnh thoảng lại đưa nắm tay lên miệng. Nó không cười mỉm và cũng không cười thành tiếng, nhưng thỉnh thoảng nó chớp mắt và đẩy lưỡi qua lại trên môi khi một trong mấy đứa chị gái cầm nó.

Người bố đang ở trong bếp và có thể nghe tiếng chúng chơi với đứa bé.

“Bé yêu ai, hả bé?” Phyllis hỏi và khều cằm nó.

“Nó yêu tất cả chúng ta,” Phyllis nói, “nhưng nó yêu Bố nhất vì Bố cũng là con trai!”

Bà nội ngồi xuống mép giường và nói, “Nhìn cánh tay bé xúu của nó kìa! Tròn xoe. Và những ngón tay bé xúu kìa! Y như là của mẹ nó.”

“Nó kháu quá nhỉ?” người mẹ nói. “Thật là khỏe mạnh, con bé bỏng của mẹ.” Rồi chị cúi xuống hôn lên trán nó và sờ tấm chăn phủ trên tay nó. “Nhà mình ai cũng yêu nó.”

“Nhưng trông nó giống ai, trông nó giống ai?” Alice kêu lên, và họ cùng xích lại gần hơn cái giỏ để xem đứa bé giống ai.

“Nó có đôi mắt đẹp,” Carol nói.

“Đứa bé nào mắt chả đẹp,” Phyllis nói.

“Nó có đôi môi của ông nội,” bà nội nói. “Nhìn đôi môi nó kìa.”

“Con không biết...” người mẹ nói. “Con không có ý kiến.”

“Cái mũi! Cái mũi!” Alice kêu lên.

“Cái mũi nó thì sao?” người mẹ hỏi.

“Nó giống mũi ai đó,” cô bé đáp.

“Không, mẹ không biết,” người mẹ nói. “Mẹ không nghĩ vậy.”

“Đôi môi đó...” bà nội thì thào, “Những ngón tay nhỏ nhắn đó...” bà vừa nói vừa mở nắm tay nó và kéo xòe các ngón ra.

“Em bé giống ai?:

“Nó chẳng giống ai hết,” Phyllis nói. Rồi họ xúm lại gần hơn nữa.

“Em biết! Em biết!” Carol nói. “Nó giống Bố!”

Rồi họ nhìn đứa bé kỹ hơn nữa.

“Nhưng bố giống ai?” Phyllis hỏi.

“Bố giống ai?” Alice lặp lại, và tất cả cũng nhìn ngay vào bếp nơi người bố đang ngồi bên bàn ăn, xoay lưng về phía họ.

“Tại sao, không ai hết!” Phyllis nói và bắt đầu thút thít.

“Suyt,” bà nội nói và nhìn ra chỗ khác rồi quay lại nhìn đứa bé.

“Bố không giống bất cứ ai cả!” Alice nói.

“Nhưng bố phải giống một người nào đó chứ,” Phyllis nói, lau mặt bằng một dải ruy băng. Và tất cả mọi người trừ bà nội nhìn người bố đang ngồi bên bàn ăn.

Anh đã xoay ghế lại, khuôn mặt anh trắng bệch, không biểu lộ điều gì.

7. Chương 7

KHÔNG AI NÓI GÌ

Tôi có thể nghe tiếng họ ngoài bếp. Không nghe rõ họ nói gì, nhưng tôi biết họ đang cãi nhau. Rồi đột nhiên im lặng và mẹ bắt đầu khóc. Tôi thúc tay vào người George. Tôi tưởng nó sẽ thức dậy nói gì đó với họ để họ cảm thấy tội lỗi mà thôi đi. Nhưng George thật sự là một con lừa. Nó đạp chân và càu nhàu.

“Mày có thôi chọt tao không, thằng chó,” nó nói. “Tao nói ày biết!”

“Thằng ngu,” tôi nói. “Mày có khôn lên một lần được không? Họ đang cãi nhau và mẹ khóc kìa. Nghe đi.”

Nó lắng nghe, đầu trượt khỏi gối. “Tao đếch quan tâm,” nó nói và quay vào tường ngủ tiếp. George là một con lừa thượng hạng.

Lúc sao tôi nghe tiếng bố ra khỏi nhà bắt xe buýt. Ông đóng sầm cửa trước. Mẹ đã từng bảo tôi ông muốn làm tan nát cái gia đình này. Tôi không muốn nghe.

Một lúc sau mẹ vào phòng gọi chúng tôi dậy đi học. Giọng mẹ nghe buồn cười – tôi không biết nữa. Tôi nói tôi thấy đau bụng. Đó là tuần đầu tiên của tháng Mười và tôi chưa nghỉ học ngày nào, vậy thì mẹ có thể nói gì? Mẹ nhìn tôi, nhưng cứ như bà đang nghĩ ngợi chuyện gì khác. George đã thức giấc và lắng nghe. Tôi biết nó đã thức, bằng cái kiểu nó ngo nguậy trong giường. Nó đang chờ xem kết quả thế nào để còn tính kế.

“Thôi được.” Mẹ lắc đầu. “Mẹ chẳng biết thế nào. Vậy thì ở nhà. Nhưng không được bật ti vi, nhớ đấy.”

George nhồm dậy. “Con cũng ốm,” nó nói với mẹ. “Con nhức đầu. Nó chọt, đập con cả đêm. Con không ngủ được tý nào.”

“Đủ rồi!” mẹ nói. “Con phải đi học, George! Con không được ở đây cãi nhau với em con cả ngày. Bây giờ dậy mặc quần áo. Dậy ngay. Sáng nay mẹ không muốn có thêm một trận chiến nữa đâu.”

George đợi đến khi mẹ ra khỏi phòng. Rồi nó trèo ra phía chân giường. “Thằng chó,” nó nói và giật chân khỏi người tôi. Nó lỉnh vào phòng tắm.

“Tao giết mày,” tôi nói, không quá to để mẹ khỏi nghe.

Tôi nằm trong giường cho đến lúc George đi học. Khi mẹ chuẩn bị đi làm, tôi xin mẹ trải chỗ nằm cho tôi trên sofa. Tôi nói tôi muốn học bài. Trên bàn uống trà tôi để mấy cuốn sách của Edgar Rice Burroughs. Nhưng tôi chả có hứng đọc sách. Tôi muốn mẹ đi làm để tôi còn coi ti vi.

Mẹ giặt nước toa lét.

Tôi không thể chờ thêm được nữa. Tôi bật ti vi lên mà không mở tiếng. Tôi đi ra bếp chỗ mẹ để gói thuốc rút ba điếu. Tôi giấu chúng trong tủ ly, quay lại sofa và bắt đầu đọc cuốn Công chúa sao Hỏa. Mẹ đi ra liếc qua ti vi nhưng không nói gì. Tôi để mở cuốn sách. Mẹ chải tóc trước gương rồi đi vào bếp. Khi mẹ đi ra tôi nhìn xuống sách.

“Mẹ muộn rồi. Bye con.” Mẹ không nhắc nhở gì đến chuyện ti vi. Đêm qua mẹ bảo mẹ không còn hình dung được đi làm mà không bị “quậy” là như thế nào nữa.

“Đừng nấu nướng gì nhé. Con không cần phải bật bếp lên làm gì. Nếu con đói thì có cá ngừ trong tủ lạnh.” Mẹ nhìn tôi, “Nhưng con đang đau bụng, mẹ nghĩ con không nên ăn. Dù gì thì con không cần phải bật bếp. Nghe chưa? Con uống viên thuốc đỏ đi, con trai, mẹ hy vọng đến tối bụng con sẽ ổn hơn. Có khi đến tối cả nhà đều thấy ổn hơn.”

Mẹ đứng ở lối ra vào vắn quả đấm. Trông mẹ như thể định nói gì khác. Mẹ mặc áo trắng, thắt lưng đen rộng bản, váy đen. Khi thì mẹ bảo đó là đồ đi chơi, khi thì mẹ bảo đó là đồng phục. Trong chừng mực tôi còn nhớ được, nó luôn luôn được treo trong tủ hoặc trên dây phơi, hoặc được giặt tay vào ban đêm hoặc được ủi trong bếp.

Mẹ đi làm từ thứ Tư đến Chủ nhật.

“Bye mẹ.”

Tôi chờ mẹ khởi động xe và làm nóng máy. Tôi nghe tiếng mẹ đánh xe khỏi lề đường. Rồi tôi ngồi dậy vắn ti vi to lên và đi lấy thuốc. Tôi hút một điếu và vừa xóc lọ vừa xem một show về bác sĩ và y tá. Rồi tôi bật sang kênh khác. Rồi tôi tắt ti vi. Tôi chả có hứng xem ti vi.

Tôi đọc xong chương trong đó Tars Tarkas đổ vì một cô ả da xanh, chỉ để rồi sáng hôm sau thấy cô ta bị gã anh rể ghen tuông ấy chặt đầu. Đây phải là lần thứ năm tôi đọc cuốn này. Rồi tôi vào phòng ngủ bố mẹ ngó nghiêng. Tôi không định tìm kiếm một thứ gì cụ thể trừ khi đó lại là bao cao su và mặc dù đã nhìn khắp song tôi chưa bao giờ thấy cái nào. Có lần tôi thấy một lọ Vaseline nằm sâu trong ngăn kéo. Tôi biết chắc nó phải liên quan gì đến chuyện đó, nhưng tôi không biết là gì. Tôi ngấm nghĩa cái nhãn, hy vọng nó sẽ tiết lộ điều gì đó, chẳng hạn mô tả người ta làm gì, hay là cách dùng nó như thế nào, đại khái vậy. Nhưng chẳng có gì hết. Gel Dầu Mỏ Tinh Khiết, trên nhãn đăng trước chỉ có vậy. Nhưng chỉ đọc nhiều đó cũng đủ để cậu nhỏ của tôi ngóc đầu dậy. Một Trợ Thủ Xuất Sắc Ở Nhà Trẻ – nhãn phía sau ghi như vậy. Tôi cố hình dung ra mối liên hệ giữa Nhà Trẻ – xích đu và cầu tuột, bãi cát và vòng treo – và cái diễn ra giữa họ

trên giường. Tôi đã mở cái lọ này nhiều lần, ngửi bên trong và nhìn xem nó vơi đi bao nhiêu kể từ lần trước. Lần này tôi bỏ qua lọ Gel Dầu Mỏ Tinh Khiết. Ý tôi là, tôi chỉ ngó qua để xem cái lọ còn ở đó không. Tôi lục vài ngăn kéo khác, không thật sự mong đợi sẽ tìm thấy gì. Tôi ngó dưới gầm giường. Không có cái gì ở chỗ nào hết. Tôi nhìn vào cái hộp trong tủ quần áo chỗ họ để tiền chợ. Không có tiền lẻ, chỉ có một tờ năm đồng và một tờ một đồng. Họ sẽ để ý mấy đồng đó. Rồi tôi nghĩ sẽ thay đồ và đi bộ ra suối Birch. Mùa cá hồi đã bắt đầu từ cách đây một hai tuần, nhưng hầu như mọi người không còn đi câu cá nữa. Mọi người bây giờ chỉ ngồi chờ đến mùa săn hoẵng và gà lôi.

Tôi lấy bộ quần áo cũ ra. Tôi mang vớ len ra bên ngoài vớ thường và hí hoáy buộc dây đôi bốt. Tôi làm mấy cái bánh mì kẹp cá ngừ và mấy cái bánh quy bơ đậu phộng hai lớp. Tôi lấy nước đầy bình rồi giặt con dao săn và bình nước vào thắt lưng. Khi chuẩn bị ra cửa, tôi quyết định để lại vài dòng. Thế là tôi viết: “Đã cảm thấy khỏe hơn nên đi ra suối Birch. Sẽ về sớm. Kh. 3:15.” Tức là khoảng bốn tiếng kể từ bây giờ. Và khoảng mười lăm phút trước khi George đi học về. Trước khi đi, tôi ăn một cái bánh mì kẹp, chiêu bằng một ly sữa.

Bên ngoài trời đẹp. Bây giờ là mùa thu. Nhưng trừ buổi tối thì trời không lạnh. Buổi tối người ta hun khói trong những vườn cây ăn quả và sáng dậy mũi bạn sẽ đen thui. Nhưng không ai nói gì hết. Người ta nói hun khói sẽ giúp được những trái lên non khỏi bị cọng, cho nên vậy cũng được.

Để tới suối Birch, bạn phải đi hết đường nhà chúng tôi, tới đó bạn sẽ gặp đường số 16. Bạn rẽ trái ở đường số 16, đi lên đồi, băng qua nghĩa trang xuống khu Lennox nơi có một tiệm ăn Tàu. Từ ngã tư bạn có thể nhìn thấy sân bay, suối Birch nằm ngay kế sân bay. Và từ ngã tư, đường số 16 đổi thành đường View. Bạn đi một đoạn dọc đường View cho đến khi gặp cây cầu. Hai bên đường có các vườn quả. Đôi khi đi ngang những vườn quả bạn có thể thấy vài con gà lôi chạy dưới các hàng cây, nhưng bạn không được săn chúng vì bạn có thể bị một gã Hy Lạp tên Matsos bắn. Tôi áng chừng mất bốn chục phút đi bộ cả thảy.

Tôi đi được nửa đường 16 thì một phụ nữ chạy chiếc xe màu đỏ ghé lại trước mặt tôi. Cô hạ kính phía bên khách xuống hỏi tôi có muốn đi nhờ không. Cô gầy, quanh miệng có mụn nhỏ. Tóc cô xoăn phồng lên. Nhưng trông cô khá ngon. Cô mặc áo thu màu nâu, ngực đẹp.

“Trốn học à?”

“Chắc vậy.”

“Đi kè không?”

Tôi gật.

“Vào đi. Chị đang vội.” Tôi bỏ cần và giỏ đựng cá lên ghế sau. Trên sàn xe và ghế sau có đầy những túi đựng hàng của tiệm Mel. Tôi cố nghĩ ra gì đó để nói.

“Em đi câu cá,” tôi nói. Tôi bỏ mũ ra, hất bình nước sang bên để ngồi xuống, ngồi sát cửa kính.

“À, chị sẽ chẳng bao giờ đoán ra”. Cô cười. Cô lái xe đi tiếp. “Em đi đâu? Suối Birch hả?”

Tôi lại gật. Tôi nhìn cái mũ của tôi. Chú tôi đã mua nó cho tôi khi chú đã đi xem 1 trận hockey ở Seattle. Tôi không nghĩ ra gì thêm để nói. Tôi hóp má lại, ngó ra cửa sổ. Bạn luôn luôn hình dung ra bạn được cô gái này tán tỉnh. Bạn biết hai người sẽ khoái nhau và cô nàng sẽ đưa bạn về nhà và mặc cho bạn đè cô ấy khắp nhà. Nghĩ về chuyện đó là cậu nhỏ của tôi bắt đầu ngóc dậy. Tôi nhích mũ che đuôi lại, nhắm mắt và cố nghĩ về bóng chày.

“Chị cứ nói là một ngày nào đó chị sẽ đi câu,” cô nói. “Nghe nói đi câu thư giãn lắm. Chị là người hay căng thẳng.”

Tôi mở mắt. Chúng tôi dừng ở ngã tư. Tôi muốn nói, Chị có bận lắm không? Chị có muốn bắt đầu từ sáng nay? Nhưng tôi không dám nhìn cô.

“Có đỡ cho em một quãng không? Chị phải rẽ ở đây. Tiếc là sáng nay chị có việc vội,” cô nói.

“OK ạ. Tốt rồi.” Tôi lấy đồ ra. Rồi tôi đội mũ lên và lại bỏ mũ ra khi nói. “Bye. Cám ơn. Có thể mùa hè tới,” nhưng tôi không thể nói hết câu.

“Ý em là đi câu cá? Dĩ nhiên.” Cô vẫy bằng mấy ngón tay cái kiểu mà phụ nữ hay vẫy.

Tôi bắt đầu cuộc bộ, nhắm lại những điều lẽ ra tôi phải nói. Tôi có thể nghĩ ra rất nhiều thứ. Tôi bị làm sao thế? Tôi vụt cái cần vào không khí và huyết sáo hai hay ba lần. Điều mà lẽ ra tôi phải làm để mào đầu là mời cô ấy ăn trưa. Ở nhà tôi đang không có ai. Đột nhiên tôi thấy chúng tôi nằm dưới chăn trong phòng của tôi. Cô ấy hỏi liệu cô không cởi áo có được không và tôi bảo tôi OK. Cô ấy cũng không cởi quần. Vậy cũng được, tôi nói. Tôi không thấy phiền gì.

Một chiếc Piper Cup sà thấp qua đầu tôi để chuẩn bị hạ cánh. Tôi chỉ cách cây cầu vài mét. Tôi đã nghe tiếng nước chảy. Tôi phóng xuống bờ suối, mở khóa quần, và câu vổng một mét rưỡi qua suối. Đó hẳn là một kỷ lục. Tôi thong thả chén cái sandwich còn lại mà mấy cái bánh quy phết bơ đậu phộng. Tôi uống một nửa chỗ nước trong bình. Tôi đã sẵn sàng câu cá.

Tôi cố nghĩ xem nên bắt đầu từ chỗ nào. Tôi đã câu ở đây được ba năm, kể từ khi chúng tôi chuyển đến. Bố từng mang George và tôi theo xe, đợi bọn tôi, hút thuốc, mắc mồi vào lưới câu, sắp xếp bộ cần mồi cho chúng tôi nếu chúng tôi câu được cá. Chúng tôi luôn luôn bắt đầu từ cây cầu này và di chuyển dần xuống, và chúng tôi luôn luôn câu được cá. Có khi, ngay ngày đầu tiên của mùa câu, chúng tôi đã câu được hết hạn mức cho phép. Tôi bày đồ nghề ra rồi thử quăng câu vài lần dưới gầm cầu trước.

Có mấy lúc tôi quăng câu ngay dưới bờ hoặc không thì cũng rơi vào sau một tảng đá to. Nhưng chẳng có gì xảy ra. Ở một chỗ nước đọng dưới đáy đầy lá vàng, tôi nhìn kỹ thấy mấy con tôm đang bò, giương những cái càng to tướng xấu xí lên. Mấy con chim cuốc lủi ra khỏi bụi cây. Khi tôi ném một cái que, một con gà lôi trống nhảy lên kêu oang oác cách chừng ba mét khiến tôi suýt đánh rơi cần.

Con suối nông và không rộng lắm. Tôi có thể lội qua bất cứ đoạn nào mà nước không tràn vào bốt. Tôi băng qua một bãi cỏ đầy phân bò, đến một chỗ nơi nước chảy ra từ một cái cống to. Tôi biết có một cái hốc nhỏ bên dưới cống nên rất thận trọng. Tôi quỳ xuống, cúi gần để thả dây câu. Chỉ vừa chạm nước thì cần đã giật, nhưng tôi đã để sảy con cá. Tôi có cảm giác nó đã kéo dây theo. Rồi nó thoát và dây trôi trở lại. Tôi mắc một trứng cá hồi khác và thử thả câu vài lần nữa. Nhưng tôi biết mình đã xúi quẩy.

Tôi lên bờ và chui qua hàng rào có bảng đề TRÁNH XA trên cột. Một trong những đường băng của sân bay bắt đầu từ đây. Tôi dừng lại ngắm đám hoa mọc trên những khe nứt của vỉa hè. Có thể nhìn thấy những vệt bánh xe cán lên vỉa hè để lại những vết nhơm nhóp xung quanh đám hoa. Tôi gấp lại con suối từ bờ bên kia và thả câu dọc theo suối cho đến tới chỗ cái hốc. Tôi đồ chừng chỉ có thể đi đến đây là xa nhất. Cách đây ba năm khi lần đầu tiên lên đến chỗ này, dòng nước gầm gào lên tận mép bờ. Nó chảy quá xiết nên tôi không thể câu được. Bây giờ thì mực nước suối thấp hơn bờ những gần hai mét. Nước sủi bọt nhảy nhót trong khúc suối hẹp sát mép vực này, nơi hầu như không thấy đáy. Xa hơn một chút, lòng suối dốc lên rồi lại phẳng đi như thể chẳng có gì xảy ra. Lần cuối cùng tới đây tôi câu được hai con dài chừng phần tư mét và sảy mất một con phải to gấp đôi – một con cá hồi đầu thép [1], bố bảo thế khi nghe tôi kể về nó. Bố nói chúng bơi ngược dòng những khi nước dâng cao vào đầu mùa xuân nhưng hầu hết quay về sông trước mùa cạn.

[1]:Nguyên văn: “summer steelhead”, một loại cá thuộc họ cá hồi, nhưng rất to.

Tôi nối thêm hai đoạn nữa vào dây câu và dùng răng cột chúng. Rồi tôi móc một cái trứng cá hồi tươi vào và quăng ra chỗ bậc nước đổ vào vực. Tôi mắc cho dòng chảy cuốn nó đi. Tôi cảm thấy cục chì giật giật khi va vào đá, một kiểu giật khác với kiểu giật khi cá cắn câu. Rồi sợi dây căng ra và dòng chảy cuốn cái trứng mất hút xuống cuối vực.

Tôi cảm thấy chán đời khi đi xa đến thế này mà chẳng được gì. Lần này tôi lôi ra mọi loại dây ra và quăng lần nữa. Tôi gác cần lên một nhánh cây và đốt điều thuốc thứ hai. Tôi nhìn lên phía thung lũng và bắt đầu hình dung về cô gái. Chúng tôi đã đến nhà cô vì cô nhờ tôi mang hộ mấy túi đồ ăn. Chồng cô đang ở nước ngoài. Tôi chạm vào người cô khiến cô bắt đầu run rẩy. Chúng tôi đang mút lưỡi nhau trên sofa thì cô xin phép đi vào buồng tắm. Tôi đi theo cô. Tôi nhìn cô tụt quần xuống ngồi lên toa lét. Cậu nhỏ của tôi ngóc đầu lên cứng ngắc khi cô vẫy tôi lại. Ngay khi tôi bắt đầu kéo khóa quần xuống, tôi nghe một tiếng phụt trong dòng suối. Tôi ngó ra và thấy đầu cần câu rung nhẹ nhẹ.

Cu câu không to lắm và cũng không chống cự nhiều. Nhưng tôi vờn nó thật lâu. Nó lật nghiêng ra nằm trong dòng chảy phía dưới. Tôi không biết nó là cá gì. Trông nó lạ. Tôi thu dây lại nhấc nó lên bờ cho nằm

trên đám cỏ, nó bắt đầu giãy đành đạch. Nó là một con cá hồi. Nhưng nó màu xanh lá cây. Tôi chưa từng thấy con cá nào giống như vậy. Hai bên sườn nó xanh có những chấm đen của cá hồi, một cái đầu xanh nhạt, và một cái bụng cũng hơi xanh. Nó có màu của rêu. Như thể nó được gói trong rêu một thời gian dài khiến rêu dính khắp người nó. Nó khá to khiến tôi băn khoăn sao nó không chống cự nhiều hơn. Tôi không biết nó có ổn không. Tôi nhìn nó một lúc nữa, rồi giúp cho nó thoát khỏi đau đớn.

Tôi bứt mấy cọng cỏ cho vào trong giỏ đựng cá và đặt nó vào, trên nắm cỏ.

Tôi quăng câu vài lần nữa, rồi tôi áng chừng lúc đó đã phải hai hay ba giờ chiều. Tôi nghĩ tốt hơn là phải di chuyển lại về phía cây cầu. Tôi nghĩ bụng sẽ câu dưới gầm cầu một lúc nữa trước khi về nhà. Và tôi quyết định sẽ chờ đến đêm rồi mới nghĩ về cô gái kia nữa. Nhưng ngay lập tức cậu nhỏ tôi lại ngóc đầu dậy khi tôi nghĩ về cú ngóc đầu mà đêm đó tôi sẽ có được. Rồi tôi nghĩ tốt hơn là đừng làm cái trò này quá nhiều. Cách đây chừng một tháng, một ngày thứ Bảy khi mọi người đều đi vắng, tôi vớ lấy cuốn Kinh Thánh ngay sau khi làm xong, hứa và thề thốt rằng tôi sẽ không làm trò đó nữa. Nhưng tôi làm vấy sữa đục vào cuốn Kinh Thánh, và những hứa hẹn thề thốt chỉ kéo dài một hai ngày, cho đến lúc tôi lại ở một mình.

Trên đường về tôi không thả câu. Khi tới cây cầu, tôi nhìn thấy một chiếc xe đạp trên đám cỏ. Tôi thấy một thằng nhóc vóc người cỡ bằng George chạy dọc theo bờ suối. Tôi chạy theo nó. Rồi nó quay lại và vừa chạy về hướng tôi vừa nhìn xuống nước.

“Ê, cái gì đó!” tôi réo. “Làm sao đấy?” tôi đồ chừng nó chẳng nghe tôi. Tôi thấy cái cần và túi đi câu của nó bỏ trên bờ, bèn vứt đồ của tôi xuống. Tôi chạy lại chỗ nó. Trông nó giống như một con chuột hay đại loại vậy. Răng nó vấu, cẳng tay khẳng khiu, còn cái áo sơ mi tay dài tả tơi thì quá bé so với nó.

“Chúa ơi, tao thề có một con cá bự nhất ở đây mà tao từng thấy!” nó kêu. “Nhanh! Nhìn! Nhìn đây này! Đây nó đây!”

Tôi nhìn chỗ nó chỉ và tìm tôi đập thành thích.

Nó phải dài bằng cả cánh tay tôi.

“Chúa, ôi Chúa, mày nhìn nó đi!” thằng nhóc nói.

Tôi nhìn chăm chú. Nó đang nằm nghỉ trong bóng mát dưới một nhánh cây sà trên mặt nước. “Chúa toàn năng,” tôi nói với con cá, “mày từ đâu ra thế hả?”

“Mình làm gì đây?” thằng nhóc nói. “Ước gì tao mang theo súng.”

“Mình sẽ bắt nó,” tôi nói. “Chúa ơi, nhìn nó kìa. Lùa nó ra chỗ nước cạn đi.”

“Vậy mày giúp tao nhé? Tụi mình hợp tác!” thằng nhóc nói.

Con cá to đã bơi xuôi dòng thêm vài mét và nằm đó lơ lửng ở đoạn nước trong.

“OK, mình làm gì bây giờ?” thằng nhóc nói.

“Tao đi lên đầu kia rồi lộn xuống suối lùa nó đi,” tôi nói. “Mày đứng ở chỗ bãi cạn, khi nào nó bơi ngang thì mày đá cho nó phọt cứt ra. Làm thế nào để đưa nó được lên bờ thì làm, kiểu gì cũng được. Rồi ôm chặt lấy nó và đợi ở đó.”

“OK. Ồ, cứt thật, nhìn nó kìa. Nhìn kìa, nó đang bơi đi. Nó bơi đi đâu?” thằng nhóc gào lên.

Tôi dõi theo con cá bơi ngược dòng rồi dừng lại gần bờ. “Nó không đi đâu được hết. Chẳng có chỗ nào cho nó đi. Thấy nó không? Nó sợ vãi tè rồi. Nó biết mình ở đây. Bây giờ nó chỉ bơi lòng vòng tìm xem có chỗ thoát không thôi. Thấy chưa, nó lại dừng rồi. Nó không đi đâu được hết. Nó biết vậy. Nó biết mình sắp sửa tóm nó. Nó biết là nó sắp toi rồi. Tao sẽ lên đằng kia dọa cho nó xuống. Mày vớ lấy nó khi nó bơi ngang nhé.”

“Ước gì tao có súng,” thằng nhóc nói. “Có súng tao sẽ cho nó biết mùi,” thằng nhóc nói.

Tôi đi lên một đoạn, rồi bắt đầu lộn xuôi dòng. Tôi ngoảnh đằng trước trong khi lộn. Đột nhiên con cá vọt ra khỏi bờ, quay ngoắt ngay trước mũi tôi làm tung xoáy nước bạc, rồi vút xuôi theo dòng.

“Nó tới đó!” tôi hú. “Ê, ề, nó tới đó.” Nhưng con cá lượn vòng trước khi tới bãi cạn và quay đầu lại. Tôi vừa đập nước tung tóe vừa hú hét khiến nó lại quay đầu. “Nó tới đó! Tóm lấy nó, tóm lấy nó! Nó tới đó!”

Nhưng thằng ngu đó đã kiếm được một cây gậy, thằng con lừa, và khi con cá tới chỗ bãi cạn, thay vì cố đá văng con quỷ đó lên bờ như lẽ ra nó phải làm, nó lại vụt gậy vào con cá. Con cá vọt khỏi, nổi khùng, lướt một bên lườn qua bãi cạn. Nó thoát. Thằng nhóc ngu dốt cố chụp nó và ngã sóng soài.

Nó lóp ngóp lội lên bờ, người ướt sũng. “Tao đập trúng nó!” thằng nhóc reo lên. “Chắc là nó cũng dính đòn. Tao chụp trúng nó rồi, nhưng không giữ được.”

“Mày chẳng làm được gì hết!” tôi hỗn hển. Tôi mừng vì thằng nhóc đã ngã xuống nước. “Thậm chí mày còn không lại gần được nó, con lừa ạ. Mày cầm cái gậy đó làm gì? Lẽ ra mày phải đá nó. Bây giờ thì nó đã bơi đi cả cây số rồi.” Tôi cố phun nước bọt. Tôi lắc đầu. “Tao không biết. Mình chưa tóm được nó. Chắc mình sẽ không tóm được nó,” tôi nói.

“Mẹ kiếp, tao đập trúng nó!” thằng nhóc gào lên. “Mày có thấy không? Tao đập trúng nó, tay tao còn chạm vào người nó. Mày đến gần nó được chừng nào chưa? Chưa kể, đây là con cá của ai?” Nó nhìn tôi. Nước chảy từ quần xuống giày nó.

Tôi không nói gì thêm, nhưng tự tôi cũng nghĩ về chuyện đó. Tôi nhún vai. “Hừ, thôi được. Tao nghĩ nó của cả hai. Lần này ráng tóm được nó. Không được phạm sai lầm nữa, cả mày cả tao,” tôi nói.

Chúng tôi lội xuôi dòng. Nước tràn vào boots tôi, nhưng thằng nhóc thì ướt tận cổ. Nó cắn chặt hàm răng vấu để khỏi phải đánh đàn răng.

Không thấy con cá trong dòng chảy phía dưới bãi cạn, cũng không thấy nó ở dải nước kế tiếp. Chúng tôi nhìn nhau, bắt đầu lo rằng con cá đã bơi xuôi dòng đủ xa để đến một trong những cái vùng sâu. Nhưng rồi con quỷ đó quẫy ngay gần bờ, khuấy đuôi văng cả cát xuống nước, rồi lại lủi đi. Nó vượt qua một bãi cạn khác, cái đuôi to thò trên mặt nước. Tôi thấy nó bơi qua gần bờ và dừng lại, một nửa cái đuôi chìa ra khỏi nước, bơi phe phẩy chỉ đủ để khỏi bị nước cuốn đi.

“Mày thấy nó không?” tôi nói. Thằng nhóc nhìn. Tôi cầm cánh tay nó và chỉ bằng ngón tay nó. “Kia kìa. Bây giờ OK rồi, nghe đây. Tao sẽ lội xuống cái dòng chảy nhỏ giữa hai bờ kìa. Mày hiểu ý tao không? Mày đợi ở đây tới khi tao ra dấu. Rồi mày bắt đầu đi xuống. OK? Lần này đừng để nó thoát nếu như nó quay đầu lại.”

“Ừ,” thằng nhóc nói, càm hàm răng vấu vào môi. “Lần này phải tóm được nó,” thằng nhóc nói, trông mặt nó lạnh cóng.

Tôi leo lên bờ và đi dọc xuống, cố gắng di chuyển nhẹ nhàng. Tôi trượt khỏi bờ suối và lội tiếp. Nhưng tôi không thấy cái con quỷ to đùng đó đâu hết và tìm tôi nhện nhện. Tôi nghĩ chắc chắn nó chuẩn mất rồi. Chỉ xuôi dòng một chút nữa thôi nó sẽ lẩn vào một trong những cái vùng. Lúc đó thì chúng tôi không cách nào tóm nó được.

“Nó còn đó không?” tôi hú. Tôi nín thở.

Thằng nhóc vẫy tay.

“Sẵn sàng rồi!” tôi lại hú.

“Bắt đầu đây!” thằng nhóc hú đáp lại.

Tay tôi run run. Con suối chỉ rộng chưa tới một mét chảy giữa hai bờ đất. Nước cạn nhưng chảy xiết. Thằng nhóc đang di chuyển xuôi dòng, nước lên tới đầu gối, ném đá về phía trước, đập nước và la hét.

“Nó tới đó!” Thằng nhóc vẫy cánh tay. Tôi thấy con cá rồi; nó bơi thẳng về phía tôi. Nó định quay lại khi thấy tôi nhưng đã quá muộn. Tôi quỳ xuống, chụp vào nước lạnh. Tôi tóm nó bằng cả hai cánh tay, lên, lên, tôi nhấc nó lên, quăng nó ra khỏi nước, cả hai văng lên bờ. Tôi giữ nó trước ngực, nó vùng vẫy giãy giụa, cho tới lúc tôi lùa tay khỏi cái lườn trơn mà tóm vào mang nó. Tôi thọc một tay ra tới mồm nó và khóa hàm nó lại. Tôi biết đã tóm được nó. Nó vẫn vùng vẫy, rất khó giữ, nhưng tôi đã tóm được nó và sẽ không để tuột.

“Mình tóm được nó rồi!” thằng nhóc vừa reo vừa bì bõm lội lên. “Nhờ Chúa, mình đã tóm được nó! Không phải nó ghê gớm lắm sao! Nhìn nó kia! Ôi Chúa, để tao ôm nó với,” thằng nhóc reo.

“Mình phải giết nó đã,” tôi nói. Tôi thọc tay kia xuống họng nó. Tôi giật ngược lên phía đầu mạnh hết sức có thể, cố tránh bộ răng của nó, và cảm thấy tiếng rắc nặng nề. Nó gãy nhẹ một lúc lâu rồi nằm đơ ra. Tôi đặt nó nằm trên bờ và chúng tôi nhìn nó. Nó dài ít nhất sáu tấc, ôm một cách kỳ cục, nhưng to hơn bất cứ con nào tôi từng bắt được. Tôi lại nắm lấy hàm nó.

“Ê,” thằng nhóc định mở mồm nhưng lại im khi thấy tôi định làm gì. Tôi rửa sạch máu và vứt con cá nằm trên bờ.

“Tao muốn cho bố tao xem con này ghê lắm,” thằng nhóc nói.

Chúng tôi đều ướt sũng và run lập cập. Chúng tôi nhìn nó, sờ mó nó. Chúng tôi banh mồm nó ra và sờ hàm răng nó. Hai bên lưỡi nó có những vết sẹo, những vết trắng sần sùi to bằng đồng xu và sưng tấy. Trên đầu nó, quanh mắt và mũi có những vết rách mà tôi ngờ là do nó va vào đá và do đánh nhau. Nhưng nó gãy tong, quá gãy nếu so với chiều dài của nó, gần như không thể thấy những sọc hồng hai bên lưỡi, còn bụng thì xám và nhão thay vì trắng và chắc như lẽ ra phải thế. Nhưng tôi vẫn nghĩ nó vẫn là quái kiệt.

“Chắc là tao phải về ngay rồi,” tôi nói. Tôi nhìn những đám mây trên đồi nơi mặt trời đang dần lặn xuống. “Tao phải về nhà.”

“Chắc thế. Tao cũng vậy. Tao lạnh cóng,” thằng nhóc nói. “Ê, tao muốn cầm nó,” thằng nhóc nói.

“Kiếm một cái que. Mình sẽ xỏ qua mồm nó để khiêng,” tôi nói.

Thằng nhóc tìm được một cái que. Chúng tôi xâu qua mang nó và đẩy con cá xuống giữa que. Rồi mỗi đứa cầm một đầu que và bắt đầu đi về, ngẩng con cá đóng đũa trên que.

“Mình sẽ làm gì với nó?” thằng nhóc nói.

“Tao không biết,” tôi nói. “Tao nghĩ là tao bắt được nó,” tôi nói.

“Cả hai cùng bắt. Ngoài ra, tao thấy nó trước.”

“Đúng vậy,” tôi nói. “À, mày muốn tung đồng xu hay sao?” tôi thò tay kia vào túi, nhưng tôi chả có đồng nào. Vả lại tôi sẽ làm gì nếu thua?

Dù sao đi nữa, thằng nhóc nói, “Không, tao không muốn tung xu.”

Tôi nói, “Cũng được. Tao OK.” Tôi nhìn thằng nhóc, tóc nó dựng đứng, môi xám ngoét. Nếu phải đánh nhau thì tôi có thể thắng nó. Nhưng tôi không muốn đánh nhau.

Chúng tôi tới nơi để đồ đạc và nhặt đồ lên bằng một tay, không đứa nào buông đầu que ra. Rồi chúng tôi cuốc bộ tới chỗ nó để xe đạp. Tôi nắm chặt đầu que để phòng thằng nhóc giở trò gì.

Rồi tôi nảy ra một ý. “Mình có thể chia đôi,” tôi nói.

“Ý mày là sao?” thằng nhóc nói, rằng nó lại đánh cầm cập. Tôi cảm thấy nó siết chặt đầu que.

“Chia đôi con cá. Tao có dao. Mình cắt làm đôi mỗi đứa lấy một nửa. Tao không biết, nhưng tao nghĩ mình có thể làm được.”

Nó giật một cọng tóc và nhìn con cá. “Mày định dùng con dao đó?”

“Mày có con nào không?” tôi nói.

Thằng nhóc lắc đầu.

“OK,” tôi nói.

Tôi rút cái que ra, đặt con cá trên bãi cỏ bên cạnh xe đạp của thằng nhóc. Tôi lấy dao ra. Một chiếc máy bay chạy lấy đà trên đường băng lúc tôi ướm một vạch. “Ngay đây nhé?” tôi nói. Thằng nhóc gật. Chiếc máy bay âm âm chạy trên đường băng và cất cánh ngay trên đầu chúng tôi. Tôi bắt đầu cắt con cá ra làm

đôi. Tôi đục tới ruột nó, liền lật nó lại và trút mọi thứ ra. Tôi hì hục cắt tiếp cho đến lúc chỉ còn một mảnh da bụng gắn nó lại với nhau. Tôi cầm cả hai phần của nó lên và giật cho đứt hẳn làm hai.

Tôi đưa thẳng nhóc phần đuôi.

“Không,” nó nói, lắc đầu. “Tao muốn nửa kia.”

Tôi nói, “Nó như nhau hết. Mẹ kiếp, xem này, tao nổi khùng bây giờ.”

“Kệ mày,” thẳng nhóc nói. “Nếu nó như nhau hết thì tao lấy nửa kia. Nó như nhau hết mà, đúng không?”

“Nó như nhau,” tôi nói. “Nhưng tao nghĩ tao sẽ giữ nửa này. Tại vì tao có công bắt cá.”

“Tao muốn nửa đó,” thẳng nhóc nói. “Tao thấy nó trước mà.”

“Mình dùng dao của ai?” tôi nói.

“Tao không muốn lấy khúc đuôi,” thẳng nhóc nói.

Tôi nhìn quanh. Không có chiếc xe nào trên đường và không có ai khác đi câu. Có tiếng một chiếc máy bay âm ỉ, và mặt trời đang lặn dần. Tôi lạnh run cả người. Thẳng nhóc run cầm cập, vẫn đợi.

“Tao có ý này,” tôi nói. Tôi mở giỏ cá và chỉ nó con cá hồi. “Thấy không? Nó màu xanh lá cây. Nó là con cá xanh lá cây duy nhất tao từng thấy. Vậy ai lấy khúc đầu thì đưa kia được con cá hồi xanh này và khúc đuôi. Công bằng chưa?”

Thẳng nhóc nhìn con cá hồi xanh rồi lấy nó ra khỏi giỏ mà cầm. Nó ngấm ngấm hai nửa con cá.

“Chắc được,” nó nói. “OK, chắc được. Mày lấy nửa đó. Tao có nhiều thịt hơn.”

“Tao không quan tâm,” tôi nói. “Tao sẽ rửa sạch nó. Nhà mày ở đâu?” tôi nói.

“Dưới đường Arthur.” Nó nhét con cá hồi màu xanh và khúc cá của nó vô trong một cái túi vải bần. “Tại sao mày hỏi?”

“Chỗ đó là chỗ nào? Có phải gần sân bóng?” tôi nói.

“Ừ, nhưng tao hỏi là tại sao.” Thẳng nhóc có vẻ sợ.

“Tao ở gần đó,” tôi nói. “Nên tao nghĩ tao có thể ngồi trên sườn xe. Mình sẽ thay phiên nhau đạp. Tao còn một điều này, mình có thể chia, nếu nó chưa bị ứt.”

Nhưng thẳng nhóc chỉ nói, “Tao lạnh cóng.”

Tôi rửa khúc của tôi dưới suối. Tôi nhúng đầu nó xuống nước và vạch miệng nó ra. Dòng nước tràn vào miệng nó và chảy ra đầu kia phần thân còn lại của nó.

“Tao lạnh cóng,” thẳng nhóc nói.

Tôi thấy George đạp xe đầu kia đường. Nó không thấy tôi. Tôi vòng ra sau nhà để tháo bớt. Tôi cởi cái giỏ cá ra để có thể mở nắp và sẵn sàng tiến vào nhà, miệng cười toe toét.

Tôi nghe tiếng họ liền nhìn qua cửa sổ. Tôi thấy họ đang ngồi bên bàn. Khói mịt mù nhà bếp. Tôi thấy nó bốc lên từ một cái chảo trên bếp. Nhưng cả hai không để ý.

“Cái tôi bảo với cô là sự thật không thể chối cãi,” bố nói. “Bọn trẻ biết gì? Cô sẽ thấy.”

Mẹ nói, “Tôi không thấy gì hết. Nếu tôi nghĩ vậy, chẳng thà tôi thấy chúng chết trước.”

Bố nói, “Cô bị làm sao đấy? Cô nên cẩn thận mồm mép.”

Mẹ bắt đầu khóc. Bố dúm điều thuốc vào gạt tàn rồi đứng dậy.

“Edna, cô có biết là cái chảo đang cháy không?” bố nói.

Mẹ nhìn cái chảo. Mẹ đẩy ghế ra sau, nắm lấy cán chảo rồi ném chảo vào tường chỗ bồn rửa bát.

Bố nói, “Cô mất trí rồi hả? Nhìn xem cô đã làm gì này!” Bố lấy một cái khăn lau bát ra và bắt tay chùi chảo.

Tôi mở cửa sau. Tôi bắt đầu ngoác miệng. Tôi nói, “Bố mẹ không tin được con bắt được gì ở suối Birch đâu. Hãy nhìn. Nhìn đây. Nhìn đây này. Nhìn xem con bắt được gì.”

Chân tôi run. Gần như tôi không thể đứng được. Tôi chìa cái giỏ về phía mẹ, và rớt cuộc mẹ cũng nhìn vào. “Ồi, ối, lạy Chúa tôi. Cái gì đây? Rắn hả? Cái gì đây? Làm ơn, làm ơn mang nó ra ngoài không tao nôn bây giờ.”

“Mang ra ngoài đi!” bố quát. “Mày không nghe bà ấy nói gì à? Mang nó ra khỏi đây!” bố quát.

Tôi nói, “Nhưng mà bố nhìn xem cái gì đây đã.”

Bố nói, “Tao không muốn nhìn.”

Tôi nói, “Đó là một con cá hồi đầu thép khổng lồ ở suối Birch. Nhìn xem! Đáng nể không? Nó là một quái kiệt. Con chạy xuôi chạy ngược suối đuổi theo nó như một thằng điên!” Giọng tôi run run. Nhưng tôi không hề dừng lại. “Còn một con khác nữa,” tôi nói với. “Một con màu xanh. Con thề! Nó màu xanh! Bố đã bao giờ thấy một con cá màu xanh chưa?”

Bố nhìn vào giỏ rồi há hốc mồm.

Ông gào, “Mang cái đồ chết tiệt này ra khỏi đây ngay! Mày bị sao vậy hả? Mang nó ra khỏi nhà bếp và vứt vô cái thùng rác chết tiệt đi!”

Tôi đi ra ngoài. Tôi nhìn vào giỏ. Cái thứ trong đó trông lấp lánh bạc dưới ánh đèn cổng. Cái thứ trong đó làm đầy cái giỏ.

Tôi nhắc nó ra. Tôi cầm nó trên tay. Tôi cầm nửa đó của nó.

8. Chương 8

SÁU MƯƠI MẪU

Cách đây một tiếng, lúc họ đang ăn thì có điện thoại. Có hai người đang đi săn trên khu đất của Lee Waite ở Toppenish Creek, mạn dưới cây cầu trên đường Cowiche. Joseph Eagle nhắc Lee Waite rằng đây là lần thứ ba hay thứ tư trong mùa đông này có người săn trộm ở đó. Joseph Eagle là một ông già da đỏ sống trong khu đất nhà nước cấp cách đường Cowiche một quãng, ông có một cái radio mà ông nghe cả ngày lẫn đêm và một cái điện thoại phòng khi đau ốm. Lee Waite ước gì cái ông già da đỏ này để cho anh yên về khu đất đó, ước rằng Joseph Eagle muốn làm gì thì cứ làm, trừ việc gọi anh.

Ra ngoài cổng, Lee Waite đứng nghỉ một chân và khước cọng thịt dính trong răng. Anh ốm, nhỏ thó, có gương mặt ốm và mái tóc đen dài. Nếu không phải vì cú điện thoại thì chiều nay anh đã đánh một giấc. Anh nhú mào, thông thả mặc áo khoác vào; đằng nào thì khi anh tới đó chúng cũng đã biến. Thường thường là thế. Những người đi săn từ Toppenish hay Yakima đến cũng được phép lái xe trên đường trong khu dành riêng cho người da đỏ như bất kỳ ai, chỉ có điều họ không được phép săn bắn. Nhưng họ cứ đi qua sáu mươi mẫu đất không người trông coi và đầy cám dỗ của anh hai, có khi ba lần, rồi nếu thấy ngứa tay chân thì đỗ xe bên mé đường khuất trong đám cây và băng vệt qua những đám lúa mạch hoang cao ngang đầu gối, xuống ven suối – có thể bắn vài con vịt, có thể không, nhưng luôn luôn bắn tứ tung một lúc trước khi chuồn đi. Joseph Eagle ngồi liệt trong căn nhà của mình theo dõi họ nhiều lần. Hay ít ra ông bảo Lee Waite vậy.

Anh dùng lưỡi quét sạch răng và nheo mắt trong ánh sáng nhờ nhờ của buổi chiều muộn mùa đông. Anh không sợ; không phải thế, anh tự nhủ. Anh chỉ không muốn chuốc lấy rắc rối.

Cái vòm cổng nhỏ, được xây ngay trước chiến tranh, gần như đã tối. Ô kính cửa sổ duy nhất đã bị đập vỡ từ nhiều năm trước, và Waite đã đóng một cái bao vải lên chỗ hở. Nó được treo ở đó bên cạnh cái tủ, bết cứng lại, khe đu đưa mỗi khi khí lạnh bên ngoài lùa vào quanh mép. Những bức tường treo đầy những bộ ách và yên cương cũ kỹ, và ở một mảng tường phía trên cửa sổ là một hàng dụng cụ cầm tay han gỉ. Anh đẩy lưỡi một lần chót, vặn chặt bóng đèn vào cái đuôi trên đầu, rồi mở tủ. Anh lấy một khẩu súng hai nòng trong tủ ra và với cái hộp trên ngăn kệ cao nhất để lấy một vỏ đạn. Chuôi đồng của những viên đạn lạnh ngắt, anh lẩn chúng trong tay trước khi thả vào túi áo khoác cũ đang mặc.

“Bố không nạp đạn à, bố ơi?” thằng bé Benny hỏi từ phía sau.

Waite ngoảnh lại, thấy Benny và thằng cu Jack đứng ngay cửa bếp. Kể từ lúc có điện thoại, chúng tôi leo đèo bám theo anh – muốn biết xem hôm nay anh có định bắn ai không. Cái kiểu trẻ con nói chuyện như vậy làm anh bức mình, và bây giờ chúng còn đứng ngay cửa khiến cho không khí lạnh ủa vào nhà và nhìn vào khẩu súng lớn dưới cánh tay anh nữa.

“Cút vào chỗ chúng mày trong nhà đi,” anh nói.

Chúng để cửa mở mà chạy vào lại chỗ mẹ anh và Nina đang ngồi tuốt trong phòng ngủ. Anh có thể nhìn thấy Nina ngồi ở bàn đang cố dỗ em bé ăn miếng bí, nhưng đứa bé cứ ẩy lại, lắc đầu nguây nguây. Nina nhìn lên, gương cười.

Waite bước vào nhà bếp, đóng cửa lại, rồi đứng dựa vào đó. Anh có thể nhận thấy nàng rất mệt. Phía trên môi nàng một hàng mồ hôi lấm tấm, và, khi anh ngẩng, nàng ngừng lại vén mớ tóc trước trán. Nàng lại ngẩng nhìn anh, rồi lại nhìn đứa bé. Những lần mang thai trước chưa bao giờ nàng mệt mỏi như thế này. Những lần khác nàng hầu như không thể ngồi yên mà luôn bật dậy đi lòng vòng, ngay cả khi chẳng có việc gì nhiều để làm ngoại trừ nấu nướng hay may vá. Anh mân mê chỗ da chùng quanh cổ, lén liếc nhìn mẹ anh đang lơ mơ từ lúc ăn xong trên cái ghế bên lò sưởi. Bà nheo mắt nhìn anh và gật đầu. Bà đã bảy mươi, nhăn nheo, nhưng tóc còn đen nhánh tết thành hai bím buông xuống trước vai. Lee Waite đoán chắc bà đang bị sao đấy vì có những lúc hai ngày liền bà không nói năng gì, chỉ ngồi trong căn phòng kia bên cửa sổ nhìn trừng trừng ra thung lũng. Khi bà làm như vậy anh thấy run sợ, anh không còn biết những dấu hiệu nhỏ của bà cũng như sự im lặng của bà có ý nghĩa gì.

“Sao mẹ không nói gì?” anh hỏi, lắc đầu. “Mẹ, làm sao con biết được mẹ muốn gì nếu mẹ không lên tiếng?” Waite nhìn bà một lúc, ngẩng bà giật đuôi bím tóc mình, đợi bà nói gì đó. Rồi anh hắng giọng và băng qua mặt bà, vớ lấy cái mũ trên cây đinh, rồi đi ra.

Trời lạnh. Một lớp tuyết hạt dày bốn năm phân từ ba ngày qua bao phủ mọi vật, khiến mặt đất vòng lên và làm cho hàng cột trồng đậu trợ trụ trước nhà trông ngơ ngẩn. Con chó từ dưới gầm nhà chạy ra sục sạo khi nó nghe tiếng cửa, rồi chạy thẳng ra chiếc xe tải mà không quay đầu lại. “Lại đây!” Waite đánh giọng gọi, tiếng anh dội lại trong bầu không khí loãng.

Anh chồm ra, nắm lấy cái mõm khô lạnh của con chó. “Lần này mày ở nhà thì hơn. Ừ, ừ.” Anh phẩy phẩy cái tai con chó và nhìn quanh. Anh không thấy đôi Satus bên kia thung lũng vì màn sương dày đặc, chỉ thấy được cánh đồng củ dền dọn sổng – màu trắng, trừ những chỗ đấy đó còn đen vì tuyết chưa chạm tới. Một chỗ trong tầm nhìn – nhà cửa của Charley Treadwel, cách một quãng khá xa – nhưng anh có thể chắc là không sáng đèn. Không một âm thanh nào ở đâu, chỉ có bầu trời thấp nặng mây đè xuống vạn vật. Anh ngỡ là có gió, nhưng vẫn tĩnh.

“Mày ở lại đây. Nghe chưa?”

Anh nổ máy chiếc xe tải, lại ước rằng mình chẳng phải đi. Đêm qua anh nằm mơ, về một cái gì đó mà anh không nhớ – như mọi lần, nhưng anh có một cảm giác bất an từ lúc thức dậy. Anh để số thấp lái ra cổng, xuống xe mở cổng, lái qua, rồi lại xuống xe, gài cổng lại. Anh không còn nuôi ngựa – nhưng thói quen luôn luôn đóng cổng đã ngấm vào người.

Trên đường, chiếc xe dọn tuyết đang bò về phía anh, lưỡi kêu xoen xোট chát chúa mỗi khi phần kim loại chạm vào mặt đất đông cứng. Không vội, nên anh đứng lại chờ chiếc xe dọn tuyết chậm chạp nhích đến. Một người trong buồng lái nghiêng người ra, điều thuốc trên tay, vẫy chào khi đi ngang. Nhưng Waite giả lơ. Anh đánh xe lên đường trở lại sau khi họ vượt qua. Anh nhìn vào nhà Charley Treadwell khi lái ngang

qua, nhưng ở đó vẫn không có ánh đèn, không có cả xe. Anh nhớ chuyện Charley kể anh nghe cách đây mấy ngày, về vụ đánh nhau giữa Charley và một thằng nhóc nào đó hôm Chủ nhật vừa rồi, nó tới hàng rào nhà anh ta buổi chiều mà bắn vào ao vịt, ngay bên cạnh trang trại. Charley nói chiều nào lũ vịt cũng tới đó. Chúng tin tưởng anh ta, anh ta nói, như thể điều đó quan trọng. Anh ta từ phía trang trại nơi anh ta đang vắt sữa chạy tới, vung vẩy tay và la hét, còn thằng nhóc kia thì chìa súng vào anh. Phải mà tôi có thể lột súng thằng oắt đó, Charley nói thế, trừng trừng nhìn Waite bằng con mắt lạnh lặn và gật đầu chậm chậm. Waite vận người trên ghế. Anh không muốn gặp bất cứ phiền phức nào như vậy. Anh hy vọng dù cho đó là ai thì khi anh tới họ đã đi rồi, như những lần trước.

Anh vượt qua Pháo đài Simcoe bên tay trái, phần chớp sơn trắng của mấy tòa nhà cũ kỹ này nhô lên đằng sau hàng rào sắt nhọn vốn đã được dựng lại. Những cánh cổng của pháo đài để mở, và Lee Waite thấy xe đồ quanh bên trong, có mấy người mặc áo khoác đi đi lại lại. Anh chẳng bao giờ thêm dừng lại. Có lần cô giáo đã dắt tất cả lũ trẻ con đến đó – đi thực địa, cô gọi là như thế – nhưng hôm ấy Waite không đi học. Anh hạ kính xe xuống, hắng giọng và phun toẹt vào cánh cổng khi lái xe ngang qua.

Anh rẽ vào Đường B tới chỗ của Joseph Eagle – tất cả đèn đều sáng, kể cả đèn cổng. Waite vượt qua, đến chỗ cắt với đường Cowiche thì ra khỏi xe nghe ngóng. Anh bắt đầu nghĩ họ có lẽ đã đi và anh có thể quay về thì nghe một loạt súng xa xa dùng dục văng qua cánh đồng. Anh đợi một lúc, rồi lấy một cái khăn ra, đi vòng quanh xe để lau tuyết và băng đọng trên rìa kính xe. Anh đá cho tuyết văng khỏi giày trước khi ngồi vào xe, lái một đoạn cho tới khi thấy cây cầu, rồi để ý tìm vết bánh xe nào dẫn vào những lùm cây, anh biết sẽ tìm thấy xe của họ ở đó. Anh dừng xe lại sau một chiếc sedan màu xám và tắt máy.

Anh ngồi chờ trong xe, di chân qua lại trên phanh và thỉnh thoảng nghe tiếng súng của họ. Sau vài phút anh chịu không thể ngồi yên nữa bèn leo ra, thả bộ quanh ra trước xe. Đã bốn, năm năm rồi anh chẳng xuống khu đó làm gì. Anh đứng tựa vào cái chắn bùn ngó lung ra khu đất. Anh chẳng hiểu bao thời gian trôi đi đâu.

Anh nhớ khi còn nhỏ thì anh muốn lớn lên. Hồi ấy anh từng xuống khu này để bẫy chuột xạ ở phần này của con suối và đặt cần câu đêm để câu cá hồi nâu. Waite ngó quanh, bàn chân nhúc nhích trong giày. Những chuyện đó đã lâu lắm rồi. Khi lớn lên, anh nghe bố bảo ông định dành khu đất này cho ba người con trai. Nhưng cả hai người anh đều đã chết. Tất cả khu đất này chỉ còn để cho Lee Waite.

Anh nhớ những cái chết. Đầu tiên là Jimmy. Anh nhớ lần thức dậy vì tiếng đập cửa ầm ầm – trời tối, mùi nhựa cây trong bếp lò, một chiếc ô tô đậu bên ngoài để đèn sáng và không tắt máy, và một giọng nói khê khê phát ra từ cái loa bên trong. Bố anh đẩy cửa, và hình dáng to đùng của một người đội nón cao bồi, đeo súng – viên cảnh sát phó – lấp cả lối ra vào. Waite à. Thằng Jimmy nhà ông bị đâm trong một tiệc khiêu vũ ở Wapato. Mọi người lên xe tải đi hết còn Lee ở lại một mình. Anh co ro trước lò sưởi suốt đêm, nhìn những cái bóng nhảy múa trên tường. Sau này, khi anh mười hai tuổi, một người khác đến, một viên cảnh sát khác, chỉ nói rằng họ nên đi theo cùng.

Anh rời khỏi chiếc xe tải, thả bộ vài bước về phía rìa cánh đồng. Bây giờ đã khác xưa, đơn giản vậy thôi. Anh ba mươi hai, Benny và cu Jack đang lớn lên. Rồi cả đứa bé nữa. Waite lắc đầu. Anh nắm cái thân cao của một cây cỏ bông tai. Anh bứt cổ nó rồi ngẩng lên khi nghe tiếng vịt kêu xáo xác trên đầu. Anh chúi tay vào quần, dũi theo chúng một lát, ngấm chúng xộc cánh lượn một vòng trên suối. Rồi chúng vụt sáng. Anh thấy ba con rơi xuống trước khi nghe tiếng súng. Anh vụt quay lại đi về xe tải.

Anh lấy súng ra, cẩn thận để cửa không sập mạnh. Anh di chuyển vào lùm cây. Trời đã gần tối. Anh ho một tiếng rồi đứng đó môi bặm lại

Chúng vạch bụi cây đi tới, hai đứa. Chúng lắc hàng rào làm nó kêu cọt két, rồi trèo qua, vào trong đồng và nện chân trên tuyết. Đến lúc tiến lại gần xe thì chúng đã thở phì phò.

“Ôi Chúa, có một cái xe tải ở đây!” một trong hai đứa nói và làm rớt mấy con vịt đang xách trên tay.

Đó là giọng nói một thằng con trai. Nó mặc một cái áo đi săn nặng nề, và Waite lờ mờ đoán ra số vịt khổng lồ trong cái túi chiến lợi phẩm.

“Thoải mái đi, được không mày?” Thằng kia vươn cổ ngó quanh, cố xem thử có gì. “Nhanh lên. Không có ai bên trong hết. Mày vác cái xác mày vào xe đi!”

Vẫn không nhúc nhích, cố gắng giữ giọng bình thản, Waite nói, “Đứng yên đó. Bỏ súng xuống.” Anh ló ra khỏi lùm cây đứng đối diện chúng, vung vẩy nòng súng. “Cởi áo khoác và trút sạch mọi thứ ra”

“Ôi Chúa, Chúa toàn năng!” một đứa nói.

Đứa kia không nói năng gì chỉ cởi áo khoác và bắt đầu trút vệt ra, mắt vẫn nhìn quanh.

Waite mở cửa xe chúng, thò một tay vào trong lần tìm công tắc đèn trước. Hai thằng kia giơ một tay lên che mắt, rồi quay lưng lại ánh đèn.

“Các cậu nghĩ đây là đất của ai?” Waite nói. “Ý các cậu là sao khi sấn vệt trên đất của tôi?”

Một đứa thận trọng ngoái lại, tay vẫn che mắt. “Anh định làm gì bọn em?”

“Các cậu nghĩ tôi định làm gì?” Waite nói. Anh nghe giọng mình là lạ, nhẹ nhàng, mỏng manh. Anh nghe tiếng mấy con vệt đáp xuống suối, xáo xác kêu với những con khác trên không. “Các cậu nghĩ tôi định làm gì?” anh nói. “Các cậu sẽ làm gì nếu bắt gặp người khác xâm nhập trái phép vào đất của mình?”

“Nếu họ xin lỗi và đó là lần đầu tiên thì em sẽ cho họ đi,” nó trả lời.

“Em cũng vậy, thưa anh, nếu họ nói họ xin lỗi,” thằng kia nói.

“Thật vậy sao? Các cậu thực sự nghĩ các cậu sẽ làm như vậy sao?” Waite biết anh đang câu giờ.

Chúng không trả lời. Chúng đứng trong luồng ánh sáng chói phát ra từ đèn xe rồi quay lưng lại.

“Làm sao tôi biết được các cậu chưa tới đây lần nào?” Waite nói. “Mấy lần trước tôi cũng phải xuống đây?”

“Hứa danh dự, thưa anh, bọn em chưa tới đây bao giờ. Bọn em chỉ lái xe đi ngang đây. Em thề đấy,” thằng bé thút thít.

“Đó là toàn bộ sự thật à,” đứa kia nói. “Ai trong đời cũng có lần lỗi lầm mà.”

Bấy giờ đã tối, một làn sương mỏng hạ xuống trước ánh đèn xe. Waite dựng thẳng cổ áo lên chăm chăm nhìn hai thằng kia. Từ phía dưới suối tiếng quang quác ầm ĩ của một con vệt đục vang đến tận chỗ anh. Anh liếc quanh những cái bóng kỳ dị của đám cây, rồi lại nhìn hai đứa.

“Có lẽ vậy,” anh nói, chân nhúc nhích. Anh biết một phút nữa là anh thả chúng đi. Anh không thể làm gì khác mấy. Anh đang đuổi chúng ra khỏi vùng đất của mình; đó mới là điều quan trọng. “Thế, các cậu tên gì? Cậu tên gì. Cậu đấy. Đây có phải xe của cậu hay không? Cậu tên gì?”

“Bob Roberts,” thằng bé thứ nhất đáp nhanh và ngó qua đứa bên kia.

“Williams, thưa anh,” đứa kia nói. “Bill William, thưa anh.”

Waite sẵn lòng hiểu rằng chúng là trẻ con, và chúng nói dối anh vì chúng sợ. Chúng đứng quay lưng lại anh, và Waite đứng nhìn chúng.

“Các cậu nói dối!” anh nói, kinh ngạc với chính mình. “Tại sao các cậu nói dối tôi? Các cậu đến vùng đất của tôi, bắn vệt của tôi và rồi lại nói dối như cuội!” Anh kê khẩu súng lên cánh cửa xe để nòng súng được đỡ chắc. Anh nghe tiếng cành khua trên những ngọn cây. Anh nghĩ tới Joshep Eagle ngồi đó trong căn nhà sáng đèn, chân gác lên một cái thùng, nghe radio.

“Được rồi, được rồi,” Waite nói. “Đồ nói dối. Cứ đứng đó, lũ nói dối.” Anh khó nhọc đi vòng qua chiếc xe tải của mình lấy ra một cái bao bố cũ, lắc cho nó mở ra, rồi bảo chúng bỏ tất cả vệt vào. Khi anh đứng yên, đợi chúng làm, đầu gối anh bỗng dưng run rẩy.

“Tiếp tục đi nào. Tiếp đi!”

Anh lùi lại khi chúng đến gần xe. “Tôi sẽ lui xe ra đường. Các cậu cũng lui xe cùng với tôi.”

“Vâng, thưa anh,” thằng bé thứ nhất vừa luồn người vào sau tay lái vừa nói. “Nhưng nếu bây giờ em không nổ máy được thì sao? Bình có thể đã cạn, anh biết không. Ngay từ đầu nó đã không mạnh lắm.”

“Tôi không biết,” Waite nói. Anh nhìn quanh. “Chắc là tôi phải đẩy các cậu ra.”

Thằng bé tắt hết các đèn, đạp ga và đề máy. Máy rồ chậm chậm nhưng bèn được, thằng bé giữ chân ga và rồ máy rồi mới mở đèn lên lại. Waite ngấm nghĩa gương mặt tái nhợt của chúng đang nhìn vào anh, tìm kiếm từ anh một dấu hiệu.

Anh quăng bao vệt lên xe tải rồi gác khẩu súng hai nòng ngang ghế. Anh ngồi vào và thận trọng lùi xe ra đường. Anh đợi chúng lùi xe ra, rồi lái theo chúng đến Đường B và ngưng lại, vẫn để máy nổ, nhìn theo ánh đèn đuôi xe chúng khuất về phía Toppenish. Anh đã đuổi chúng khỏi vùng đất của anh. Đó là tất cả những gì đáng kể. Tuy nhiên không hiểu sao anh cảm thấy điều gì đó hệ trọng đã xảy ra, một thất bại.

Nhưng đã không xảy ra điều gì.

Những đám sương mù từ phía thung lũng đã thổi vào. Khi dừng lại để mở cổng anh vẫn không thấy điều gì nhiều bên phía nhà Charley, chỉ một ngọn đèn yếu ớt sáng trên cổng mà Waite không nhớ có nhìn thấy lúc chiều hay không. Con chó nằm đợi nhà kho nhảy chồm lên và bắt đầu ngửi lũ vệt thì Waite vác chúng lên vai đi lên nhà. Anh dừng lại ở cổng một lúc để cất súng đi. Còn lũ vệt anh để trên sàn bên cạnh tủ. Ngày mai hay ngày kia anh sẽ dọn chúng.

“Lee à?” Nina gọi.

Waite bỏ mũ, nới lỏng bóng đèn, anh dừng lại một lúc trong bóng đêm tĩnh mịch trước khi mở cửa.

Nina đang ngồi trên bàn bếp, cái hộp nhỏ đựng đồ may vá để cạnh nàng trên một ghế khác. Nàng cầm một chiếc quần jean trên tay. Trên bàn có hai hay ba chiếc sơ mi của anh và một cái kéo. Anh lấy một cốc nước và nhặt từ cái kệ trên bồn rửa bát mấy viên đá màu mà bọn trẻ hay mang về nhà. Ở đó còn có một quả thông khô và mấy cái lá phong khô to tướng từ mùa hè vừa rồi. Anh liếc vào tủ bếp. Nhưng anh không đổi. Rồi anh bước ra phía lối ra vào và tựa vào khung cửa.

Đó là một căn nhà nhỏ. Chẳng có chỗ nào để đi.

Ở phía sau, trong một phòng, cả ba con anh ngủ ở đó, và trong phòng kia, Waite, Nina và mẹ anh ngủ, dù thỉnh thoảng vào mùa hè Waite và Nina ngủ bên ngoài. Chẳng bao giờ có chỗ nào để đi cả. Mẹ anh vẫn đang ngồi bên lò sưởi, giờ thì có một tấm chăn phủ chân, đôi mắt bé tí của bà mở, dõi theo anh.

“Các con muốn thức đến khi anh về,” Nina nói, “nhưng em bảo chúng anh nói phải đi ngủ.”

“Ừ, đúng rồi,” anh nói. “Chúng phải đi ngủ, đúng rồi.”

“Em sợ.”

“Sợ?” Anh có tỏ ra như thể điều này làm anh ngạc nhiên. “Mẹ cũng sợ à, mẹ?”

Bà già không đáp. Mấy ngón tay bà vân về mép chăn, gấp lại rồi kéo lên, che gió lùa.

“Nina, em cảm thấy thế nào? Tối nay có thấy đỡ hơn không?” Anh kéo một cái ghế ra và ngồi xuống bên bàn.

Vợ anh gật đầu. Anh không nói gì thêm, chỉ nhìn xuống và bắt đầu di di móng tay lên bàn.

“Anh có bắt được ai ở đó không?”

“Đó là hai thằng nhóc,” anh nói. “Anh tha cho chúng đi rồi.”

Anh đứng dậy, bước qua phía bên kia lò sưởi, nhô vào cái thùng gỗ, và đứng thọc mấy ngón tay trong túi quần sau. Gỗ phía sau lò sưởi màu đen và đang bong ra, và anh thấy, thò ra từ cái kệ trên đầu, một cái lưới mang cá màu nâu bọc quanh ngành của cây chìa sần cá. Nhưng đó là cái gì? Anh nheo mắt nhìn nó.

“Anh tha cho chúng đi,” anh nói. “Có thể anh dễ dãi với chúng quá.”

“Anh đã làm đúng,” Nina nói.

Anh liếc nhìn mẹ qua lò sưởi. Nhưng không có dấu hiệu gì từ bà, chỉ có đôi mắt đen nhìn anh chăm chú.

“Anh không biết nữa,” anh nói. Anh gặng nghĩ về việc đó, nhưng có vẻ như thể chuyện đó, bất kể là chuyện gì, đã diễn ra từ rất lâu rồi. “Lẽ ra anh phải làm chúng sợ hơn nữa, anh nghĩ thế.” Anh nhìn Nina. “Đất của anh mà,” anh thêm, “lẽ ra anh có thể giết chúng.”

“Giết ai?” mẹ anh nói.

“Mấy đứa nhóc ở khu đất đường Cowiche. Cái vụ mà Joseph Eagle gọi điện báo.”

Từ chỗ đang đứng anh có thể nhìn thấy những ngón tay của mẹ cử động trên đùi, lần tìm các hoa văn cộm lên trong chăn. Anh thì người qua lò sưởi, muốn nói gì đó khác. Nhưng anh không biết nói gì.

Anh vẫn vờ đi ra bàn và lại ngồi xuống. Rồi anh nhận ra mình vẫn chưa cởi áo khoác, liền đứng dậy, loay hoay cởi ra, vắt trên bàn. Anh kéo ghế gần lại đầu gối vợ, khoanh tay hờ, lấy lấy ngón tay mân mê ống tay áo sơ mi.

“Anh đang nghĩ có khi anh sẽ ấy câu lạc bộ săn bắn thuê khu đất dưới đó. Đi xuống đó như thế không tốt cho ta lắm. Đúng không? Nhà ở dưới đó hay đất ở ngay phía trước đây là chuyện khác nhau, đúng không?”

Trong sự tĩnh mịch anh chỉ nghe thấy tiếng cũi tí tách trong lò sưởi. Anh duỗi hai bàn tay lên bàn và có thể cảm thấy mạch đập trên cánh tay. “Anh có thể ột trong những câu lạc bộ săn vịt ở Toppenish thuê khu đó. Hoặc Yakima. Ai cũng sẽ thích có một khu như thế, ngay trên đường chúng bay. Đó là một trong những khu đi săn tốt nhất trong thung lũng... Nếu anh có thể khai thác khu đất theo một cách nào đó, thì sự việc sẽ khác.” Giọng anh nhỏ dần.

Nàng tựa người trong ghế. Nàng nói, “Nếu anh nghĩ vậy thì mình nên làm thế. Tùy anh nghĩ thế nào thôi. Em không biết.”

“Anh cũng không biết,” anh nói. Ánh mắt anh lướt qua sàn nhà, qua khỏi mẹ anh, và rồi một lần nữa dừng lại trên cây chìa sần cá. Anh đứng dậy, lắc đầu. Khi anh đi ngang qua căn phòng nhỏ, bà già ngoe đầu, kê má lên thành ghế, nheo mắt nhìn theo anh. Anh vờ lên, lấy cây chìa và đóng lưới từ cái kệ nát, rồi quay lại đứng lên ghế mẹ anh đang ngồi. Anh nhìn cái đầu màu đen bé teo, chiếc khăn choàng len màu nâu phủ gọn cái vai gù. Anh xoay cây chìa trên tay và bắt đầu mở cái lưới.

“Mình sẽ được bao nhiêu?” Nina nói.

Anh biết là anh không biết. Thậm chí nó còn làm anh lúng túng một lúc. Anh khẩy cái lưới, rồi đặt cây chìa lại trên kệ. Bên ngoài, một cành cây gãy đập mạnh vào nhà.

“Kìa Lee?”

Anh không chắc. Anh sẽ phải hỏi thăm lòng vòng. Mùa thu năm ngoái Mike Chuck cho thuê ba mươi mẫu giá năm trăm đô la. Jerome Shinpa năm nào cũng cho thuê một khoảng đất, nhưng Waite chưa bao giờ hỏi được bao nhiêu.

“Chắc một ngàn đô,” anh nói.

“Một ngàn đô?” nàng nói.

Anh gật, cảm thấy nhẹ nhõm khi nàng ngạc nhiên. “Chắc thế. Có thể hơn. Để anh xem thử. Anh phải hỏi thăm một người nào đó về giá cả.” Ngần ấy là rất nhiều. Anh đang nghĩ về việc có trong tay một ngàn đô. Anh nhắm mắt cố nghĩ.

“Đó không có nghĩa là bán đất, phải không?” Nina hỏi. “Nếu anh cho người ta thuê đất, nghĩa là đất vẫn của anh?”

“Ừ, ừ, vẫn là đất của anh!” Anh bước tới chỗ vợ và thì người qua bàn. “Em không biết chỗ khác nhau sao, Nina? Họ không thuê mua đất trong khu dành riêng cho người da đỏ. Em không biết điều đó à? Anh sẽ cho họ thuê đất sử dụng thôi.”

“Em hiểu rồi,” chị nói. Nàng nhìn xuống và nhắc ống tay một chiếc sơ mi của anh lên. “Họ sẽ phải trả lại? Đất vẫn thuộc về anh?”

“Em không hiểu à?” anh nói. Anh nắm lấy cạnh bàn. “Đó là cho thuê mà!”

“Mẹ sẽ nói gì?” Nina hỏi. “Làm thế có ổn không?”

Cả hai nhìn qua bà già. Nhưng mắt bà đã nhắm và dường như bà đang ngủ.

“Một nghìn đô,” Nina nói và lắc đầu.

Một nghìn đô. Có thể nhiều hơn. Anh không biết. Nhưng thậm chí một nghìn đô! Anh phân vân không biết sẽ bắt đầu như thế nào, ọi người biết rằng anh có đất để cho thuê. Năm nay thì đã quá muộn – nhưng vào mùa xuân anh có thể bắt đầu hỏi quanh. Anh khoan tay cổ nghĩ ngợi. Chân anh bắt đầu run, anh phải đứng dựa tường. Anh đứng đó nghĩ rồi buông người trượt nhẹ theo tường để ngồi xồm xuống.

“Chỉ là cho thuê mà,” anh nói.

Anh ngó sàn nhà trần trần. Dường như nó ngả nghiêng theo hướng anh; dường như nó di chuyển. Anh nhắm mắt, đưa hai tay ôm tai để giữ thăng bằng. Và rồi anh nghĩ phải khum lòng bàn tay lại, để tiếng gầm ầy vang đến, như tiếng gió rít từ vỏ sò.

9. Chương 9

CÓ GÌ Ở ALASKA?

Jack ra khỏi chỗ làm lúc ba giờ. Anh rời trạm xăng và lái xe tới một tiệm giày gần nhà. Anh gác chân lên cái ghế cao để người bán hàng tháo dây chiếc boots đi làm.

“Kiếm cái gì thoải mái ấy,” Jack nói. “Để đi thường ngày.”

“Chúng tôi có đấy,” người bán hàng nói.

Người bán hàng đem ba đôi giày ra, Jack nói anh sẽ lấy đôi màu be dịu mà anh mang thấy êm và thoải mái. Anh trả tiền, kẹp cái hộp đựng đôi boots dưới nách. Anh nhìn xuống chân ngắm đôi giày mới trong khi bước. Trong lúc lái xe về nhà, anh cảm thấy chân di chuyển thoải mái giữa chân ga và chân thẳng.

“Anh mua giày mới à,” Mary nói. “Cho em xem với.”

“Em thích không?” Jack nói.

“Màu thì em không thích, nhưng chắc là anh đi thoải mái. Anh cũng cần một đôi giày mới mà.”

Anh ngó đôi giày lần nữa. “Anh đi tắm đây,” anh nói.

“Mình sẽ ăn tối sớm,” chị nói. “Tối nay vợ chồng Helen và Carl mời mình qua nhà. Helen mua cho Carl một cái ống điều mới nhân sinh nhật Carl và họ đang nóng lòng muốn thử.” Mary nhìn anh. “Anh có đi được không?”

“Mấy giờ?”

“Tầm bảy giờ.”

“Được,” anh nói.

Chị ngó đôi giày lần nữa và chum chím. “Anh tắm đi,” chị nói.

Jack mở nước rồi cởi giày và quần áo. Anh nằm trong bồn tắm một lúc rồi lấy bàn chải chà những vết dầu mỡ bám dưới móng tay. Anh đuổi bai bàn tay ra rồi nhắc chúng ngang tầm mắt.

Chị mở cửa phòng tắm. “Em mang cho anh một chai bia,” chị nói. Hơi nước vẩy quanh và lan vào phòng khách.

“Tí nữa anh ra,” anh nói. Anh uống mấy ngụm bia.

Chị ngồi trên thành bồn tắm, tay đặt lên đùi anh. “Từ chiến trường trở về,” chị nói.

“Từ chiến trường trở về,” anh nói.

Chị lùa tay qua lớp lông ướt trên đùi anh. Rồi chị vỗ tay. “À, em muốn bảo với anh cái này! Hôm nay em đi phỏng vấn, chắc là người ta sẽ nhận em – ở Fairbanks.”

“Alaska?” anh nói.

Chị gật. “Anh nghĩ sao?”

“Lúc nào mà anh chẳng muốn đi Alaska. Em thấy có chắc lắm không?”

Chị lại gật. “Họ thích em. Họ nói tuần tới sẽ báo lại.”

“Tuyệt. Đưa anh cái khăn, được không? Anh ra đây.”

“Em đi dọn bàn,” chị nói.

Mấy đầu ngón tay ngón chân anh sun lại, nhột nhạt. Anh chậm rãi lau người rồi mặc quần áo sạch và mang đôi giày mới. Anh chải tóc rồi đi ra bếp. Anh uống một chai bia nữa trong khi dọn đồ ăn ra bàn.

“Mình phải mang theo soda kem và món gì đó ăn vặt,” chị nói. “Ghé cửa hàng một chút.”

“Soda kem và đồ ăn vặt. OK,” anh nói.

Khi ăn xong, anh giúp chị dọn bàn. Rồi họ ghé chợ mua soda kem, khoai tây chiên, bánh ngô chiên và bánh quy vị hành tây. Tại quầy tính tiền anh bốc thêm một nắm thanh sô cô la U-No.

“À, đúng rồi,” chị nói khi thấy chúng.

Họ lái xe về nhà, đỗ xe, rồi đi bộ dọc theo dãy nhà để sang chỗ Helen và Carl.

Helen mở cửa. Jack đặt túi đồ lên bàn ăn. Mary ngồi xuống cái ghế bập bên, khụt khịt mũi.

“Mình muộn rồi,” chị nói. “Họ đã bắt đầu mà không đợi mình, Jack ơi.”

Helen bật cười. “Bọn mình thử một miếng lúc Carl về. Bọn mình chưa đốt cái miếng cày đầu. Bọn mình chờ các cậu đến mà.” Chị đứng giữa phòng, nhìn họ cười toe toét. “Để xem trong túi có gì nào,” chị nói. “Ồ! Đây, mình nghĩ mình sẽ xơi một ít ngô chiên bây giờ. Các cậu ăn không?”

“Bọn anh mới ăn tối,” Jack nói. “Tí nữa bọn anh ăn sau.” Nước đã ngừng chảy, Jack nghe tiếng Carl huýt sáo trong buồng tắm.

“Bọn mình có kem que Popsicle và sô cô la M&M,” Helen nói. Chị đứng bên cạnh bàn mà khoắng cái túi khoai tây chiên. “Nếu Carl mà có bao giờ tắm xong thì anh ấy sẽ chuẩn bị miếng.” Chị mở hộp bánh quy và đút một cái vào miệng. “Ồi, cái này ngon thật,” chị nói.

“Mình không biết Emily Post sẽ nói về cậu như thế nào,” Mary nói.

Helen cười phá lên. Chị lắc đầu.

Carl từ buồng tắm bước ra. “Chào mọi người. Chào Jack. Có gì buồn cười thế?” anh nói, cười ngoác. “Mình có thể nghe tiếng mọi người cười.”

“Bọn em đang cười Helen,” Mary nói.

“Tự nhiên Helen cười thôi,” Jack nói.

“Cô ấy buồn cười mà,” Carl nói. “Nhìn bao nhiêu thứ ngon lành kia. Đây, mọi người làm một cốc soda kem nhé? Mình chuẩn bị miếng.”

“Cho em một cốc,” Mary nói. “Còn anh thì sao, Jack?”

“Cho anh một ít,” Jack nói.

“Tối nay Jack hơi khó chịu trong người,” Mary nói.

“Sao em lại nói vậy?” Jack hỏi. Anh nhìn vợ. “Nói vậy dễ khiến anh khó chịu lắm đấy.”

“Em đùa thôi,” Mary nói. Chị bước lại ngồi cạnh anh trên sofa. “Em đùa thôi, cưng.”

“Ê, Jack, đừng khó chịu nhé,” Carl nói. “Để mình cho cậu xem mình được tặng gì vào sinh nhật. Helen, em mở một chai soda kem trong khi anh chuẩn bị điếu nhé. Anh khát khô rồi.”

Helen mang khoai chiên, ngô chiên và bánh quy ra bàn. Rồi chị lấy một chai soda kem và bốn cái ly.

“Nhìn như bọn mình sắp có tiệc ấy,” Mary nói.

“Nếu không nhịn ăn cả ngày thì mỗi tuần mình phải tăng đến gần năm cân,” Helen nói.

“Mình hiểu ý cậu,” Mary nói.

Carl từ phòng ngủ bước ra mang theo cái điếu. Anh nói với Jack, “Cậu thấy sao?” Anh đặt ống hút lên bàn.

“Nhìn rất oách,” Jack nói. Anh cầm nó lên, nhìn.

“Người ta sẽ gọi nó là se điếu,” Helen nói. “Ở chỗ mình mua người ta gọi như thế. Chỉ là một cái nhỏ thôi, nhưng dùng được.” Chị cười.

“Cậu mua nó ở chỗ nào?”

“Gi? Cái tiệm nhỏ nhỏ trên đường số 4. Cậu biết mà,” Helen nói.

“Chắc rồi. Mình biết,” Mary nói. “Hôm nào mình phải ghé lại,” Mary nói. Chị xếp tay lại dỗi theo Carl.

“Nó dùng thế nào?” Jack nói.

“Cậu bỏ thuốc vô đây,” Carl nói. “Rồi cậu đốt đầng này. Rồi cậu hít bằng ống này, khói sẽ được lọc qua nước. Vị khá ngon và rất phê.”

“Giáng sinh tới mình sẽ mua cho Jack một cái,” Mary nói. Chị nhìn Jack cười, và sờ cánh tay anh.

“Anh muốn có một cái,” Jack nói. Anh duỗi chân, nhìn đôi giày dưới ánh đèn.

“Này, thử đi,” Carl nói, thở ra một luồng khói mỏng và đưa Jack cái ống. “Xem thử ra thế nào.”

Jack cầm ống hút một hơi, giữ khói trong miệng, rồi đưa ống cho Helen.

“Đưa Mary trước,” Helen nói. “Em sẽ hút sau Mary. Các anh sẽ phải chạy theo thôi.”

“Tớ không phản đối,” Mary nói. Chị kê ống hút vào mồm hút hai hơi thật nhanh trong khi Jack ngẩng đám bong bóng chị thổi ra.

“Được lắm,” Mary nói. Chị chuyền ống hút cho Helen.

“Đêm qua bọn tớ đã thử rồi,” Helen nói, cười vâng.

“Sáng nay thức dậy cùng mấy đứa nhỏ Helen vẫn còn say đấy,” Carl nói, cười phá. Anh ngẩng Helen kéo ống hút lên.

“Tụi nhỏ thế nào?” Mary hỏi.

“Tụi nó bình thường,” Carl nói, kê ống vào miệng. Jack nhấp một chút soda kem, ngẩng nhìn đám bong bóng trong ống. Chúng khiến anh nhớ tới những cái bong bóng nổi lên từ một cái mũ thợ lặn. Anh tưởng tượng ra một cái hồ và những đàn cá sắc sỡ.

Carl chuyền ống.

Jack đứng dậy, vươn người.

“Anh đi đâu đó, cưng?” Mary hỏi.

“Đâu có đi đâu,” Jack nói. Anh ngồi xuống, lắc đầu và nhe miệng cười. “Jesus!”

Helen cười phá.

“Có gì buồn cười à?” một lúc lâu sau Jack nói.

“Chúa ơi, em không biết nữa,” Helen nói. Chị lau mắt rồi cười tiếp, Mary và Carl cũng cười theo.

Một lúc sau Carl vắn nắp cái điều ra rồi thổi vào ống. “Thỉnh thoảng nó lại tắc,” anh nói.

“Em có ý gì khi bảo anh đang khó chịu?” Jack nói với Mary.

“Gì?” Mary nói.

Jack nhìn vợ chằm chằm rồi chớp mắt. “Em nói cái gì đó rằng là anh đang khó chịu. Tại sao em nói vậy?”

“Bây giờ em chẳng nhớ nữa, nhưng em có thể nhận ra khi nào anh như thế,” chị nói. “Nhưng đừng lôi chuyện gì bực bội ra nhé, OK?”

“OK,” Jack nói. “Anh chỉ muốn nói là anh không biết tại sao em nói như thế. Nếu trước khi em nói anh chưa khó chịu, thì khi em nói thế là cũng đủ khiến anh lên cơn.”

“Nếu giày mà vừa chân,” Mary nói. Chị ngả người lên thành ghế sofa cười đến nỗi chảy nước mắt.

“Chuyện gì đó?” Carl nói. Anh nhìn Jack rồi nhìn Mary. “Mình không nghe được chuyện gì.” Carl nói.

“Lẽ ra mình phải làm tốt chấm ấy món chiên này,” Helen nói.

“Chẳng phải là còn một chai soda kem nữa à?” Carl nói.

“Bọn mình mua hai chai,” Jack nói.

“Mình uống hết hai chai chưa?” Carl nói.

“Mình có uống chút nào không?” Helen vừa nói vừa cười. “Không, em chỉ mới mở một chai thôi. Em nghĩ là em mới mở một chai. Em không nhớ đã mở nhiều hơn một chai.” Helen vừa nói vừa cười.

Jack chuyển cái ống cho Mary. Chị cầm tay anh và hướng ống vào miệng mình. Anh nhìn khói tràn qua môi chị một lúc lâu sau.

“Một ít soda kem thì sao?” Carl nói.

Mary và Helen cùng cười.

“Thì sao?” Mary nói.

“À, anh nghĩ bọn mình sắp uống thêm,” Carl nói. Anh nhìn Mary và cười ngoác.

Mary và Helen cùng cười.

“Có gì buồn cười?” Carl nói. Anh nhìn Helen rồi Mary. Anh lắc đầu. “Anh chẳng hiểu bọn em nữa,” anh nói.

“Có thể bọn mình sẽ đi Alaska,” Jack nói.

“Alaska?” Carl nói. “Có gì ở Alaska? Các cậu định làm gì ở đó?”

“Ước gì bọn mình có thể đi đâu đó,” Helen nói.

“Ở đây thì có chuyện gì?” Carl nói. “Các cậu sẽ làm gì ở Alaska? Nghiêm túc đấy. Mình muốn biết.”

Jack bỏ một miếng khoai tây chiên vào miệng rồi nhấp một ngụm soda kem. “Mình không biết. Cậu nói gì?”

Một lúc sau Carl nói, “Có gì ở Alaska?”

“Mình không biết,” Jack nói. “Hỏi Mary ấy. Mary biết. Mary, anh sẽ làm gì ở đó? Có lẽ anh sẽ trồng đám bắp khổng lồ mà em đọc trong sách.”

“Hay bí đỏ,” Helen nói. “Trồng bí đỏ đi.”

“Cậu sẽ phát,” Carl nói. “Chờ bí đỏ xuống đây để bán dịp lễ Halloween. Mình sẽ làm nhà phân phối cho cậu.”

“Carl sẽ là nhà phân phối cho anh,” Helen nói.

“Đúng rồi,” Carl nói. “Bọn mình sẽ phát.”

“Giàu to,” Mary nói.

Một lát sau Carl đứng dậy. “Mình biết thứ gì ngon, đó là soda kem,” Carl nói.

Mary và Helen cùng cười.

“Cứ cười đi,” Carl nói, cười ngoác mồm. “Ai muốn một ít nào?”

“Một ít gì?”

“Một tí soda kem.”

“Anh đứng như thể sắp đọc diễn văn ấy,” Mary nói.

“Mình chưa nghĩ tới chuyện đó,” Carl nói. Anh lắc đầu và cười. Anh ngồi xuống. “Cái đồ đó ngon,” anh nói.

“Lẽ ra mình phải lấy thêm,” Helen nói.

“Thêm gì?” Mary nói.

“Thêm tiền,” Carl nói.

“Không có tiền,” Jack nói.

“Hình như có mấy thanh sô cô la U-No trong cái túi kia?” Helen nói.

“Anh có mua một ít,” Jack nói. “Anh phát hiện ra nó vào phút chót.”

“Sô cô la U-No thì ngon,” Carl nói.

“Béo ngậy,” Mary nói. “Và tan trong miệng.”

“Bọn mình có sô cô la M&M và kem que Posicle, ai muốn ăn thì nói nhé,” Carl nói.

Mary nói, “Em muốn ăn Popsicle. Anh có xuống bếp không?”

“Có, và anh cũng lấy cả soda kem nữa,” Carl nói. “Mình vừa sức nhớ ra. Các cậu uống một ly?”

“Cứ mang cả vào rồi tính sau,” Helen nói. “Mang cả sô cô la M&M.”

“Mang cả bếp vào đây có khi còn dễ hơn,” Carl nói.

“Hồi bọn mình còn sống ở thành phố,” Mary nói, “người ta nói muốn biết đêm hôm trước nhà nào nổi hứng chỉ cần nhìn bếp của họ sáng hôm sau. Hồi bọn mình sống ở thành phố, bọn mình chỉ có một cái bếp bé tí.”

“Bếp nhà mình cũng bé tí,” Jack nói.

“Mình cũng đi ra xem thử tìm được gì,” Carl nói.

“Em sẽ đi với anh,” Mary nói.

Jack nhìn theo họ đi vào nhà bếp. Anh ngả người ra gối tựa lưng và nhìn họ đi. Rồi thật từ từ anh nhồm tới trước. Anh nheo mắt. Anh thấy Mary cà người vào Carl từ phía sau và vòng tay quanh eo Carl.

“Vợ chồng anh có nghiêm túc không?” Helen nói.

“Rất nghiêm túc,” Jack nói.

“Về chuyện Alaska,” Helen nói.

Jack nhìn Helen chăm chăm.

“Em tưởng anh nói gì đó,” Helen nói.

Carl và Mary quay lại. Carl mang một cái túi to toàn M&M và một chai soda kem. Mary mút một cây Popsicle vị cam.

“Có ai muốn ăn sandwich không?” Helen nói.

“Bọn mình có món để kẹp sandwich.”

“Không phải buồn cười sao,” Mary nói. “Các cậu ăn món tráng miệng trước, xong rồi mới ăn vào món chính.”

“Thật buồn cười,” Jack nói.

“Anh châm chích hử, cưng?” Mary nói.

“Ai muốn soda kem?” Carl nói. “Một lượt soda kem đang tới.”

Jack chìa ly ra, Carl rót đầy ly. Jack để ly trên bàn nhưng khi với lấy ly thì anh làm đổ khiến soda chảy xuống giày.

“Con bà nó,” Jack nói. “Cái quái gì thế này! Mình làm đổ ra giày rồi.”

“Helen, mình có cái khăn nào không? Lấy cho Jack một cái khăn,” Carl nói.

“Giày mới keng đấy,” Mary nói. “Anh ấy mới mua.”

“Trông có vẻ thoải mái,” một lúc sau Helen nói và đưa cho Jack cái khăn.

“Mình cũng bảo anh ấy thế,” Mary nói.

Jack cởi giày, lấy khăn đánh.

“Thôi xong,” anh nói, “Cái soda kem này chẳng bao giờ ra.”

Mary, Carl và Helen cùng cười.

“Chuyện này khiến mình nhớ tới chuyện mình đọc trên báo,” Helen nói. Chị lấy một ngón tay ấn ấn chóp mũi và nheo mắt lại. “Bây giờ thì mình không nhớ ra chuyện gì,” chị nói.

Jack xỏ lại giày. Anh đặt cả hai chân dưới đèn và nhìn đôi giày.

“Em đọc gì?” Carl nói.

“Gì?” Helen nói.

“Em nói em đọc thấy chuyện gì đó trên báo,” Carl nói.

Helen cười. “Em chỉ nghĩ về Alaska, và em nhớ ra người ta tìm thấy người tiền sử trong một khối băng. Cái gì đó khiến em nhớ lại.”

“Chuyện đó không phải ở Alaska,” Carl nói.

“Có thể không phải, nhưng nó gợi nhớ em nhớ về chuyện đó,” Helen nói.

“Còn về Alaska thì sao, các cậu?” Carl nói.

“Không có cái gì ở Alaska hết,” Jack nói.

“Anh ấy đang khó chịu trong người,” Mary nói.

“Các cậu sẽ làm gì ở Alaska?” Carl nói.

“Không có gì để làm ở Alaska hết,” Jack nói. Anh gác chân dưới bàn. Rồi anh rút chân ra đặt dưới ánh đèn lần nữa. “Ai muốn có một đôi giày mới?” Jack nói.

“Tiếng ồn gì đó nhỉ?” Helen nói.

Họ lắng nghe. Có tiếng cào cửa.

“Nghe như tiếng con Cindy,” Carl nói. “Tốt hơn là mình cho nó vào nhà.”

“Nhân tiện đứng dậy, anh lấy cho em một que Popsicle,” Helen cười. Chị ngả đầu ra và cười.

“Em cũng ăn một que nữa, cưng,” Mary nói. “Mình nói gì nhỉ? Ý mình là Carl,” Mary nói. “Xin lỗi, mình tưởng mình nói chuyện với Jack.”

“Popsicle cho tất cả,” Carl nói. “Cậu muốn một que Popsicle không Jack?”

“Gi?”

“Cậu muốn một que Popsicle vị cam?”

“Một que vị cam,” Jack nói.

“Bốn que Popsicle sẽ được mang đến,” Carl nói.

Một lúc sau anh quay lại phân phát Popsicle ọi người. Anh ngồi xuống, mọi người lại nghe tiếng cào cửa.

“Mình biết là mình quên cái gì đó mà,” Carl nói. Anh đứng dậy, mở cửa trước.

“Ôi Chúa,” anh nói, “Cái gì thế này. Mình đồ chừng tối nay Cindy ra ngoài ăn tối. Nay, mọi người, nhìn cái này.”

Con mèo tha một con chuột vào phòng khách, dừng lại nhìn họ, rồi tha con chuột xuống dưới hành lang.

“Mọi người có thấy cái mình mới nhìn thấy không? Mary nói. “Thật là khó chịu.”

Carl mở đèn hành lang. Con mèo tha con chuột khỏi hành lang vào phòng tắm.

“Nó đang ăn con chuột,” Carl nói.

“Em không nghĩ là em muốn nó ăn chuột trong phòng tắm,” Helen nói. “Đuổi nó ra ngoài đi. Đồ đạc của con trong đó.”

“Nó không ra đâu,” Carl nói.

“Con chuột thì sao?” Mary nói.

“Điên quá,” Carl nói. “Con Cindy phải học cách săn mồi nếu mình chuyển tới Alaska.”

“Alaska?” Helen nói. “Chuyện này liên qua gì đến Alaska?”

“Đừng hỏi anh,” Carl nói. Anh đứng cạnh cửa phòng tắm xem con chuột. “Mary và Jack nói họ sẽ chuyển đến Alaska. Cindy phải học cách săn mồi.”

Mary gác cằm lên hai bàn tay rồi nhìn chăm chăm vào hành lang.

“Nó đang ăn con chuột,” Carl nói.

Helen chén xong miếng ngô chiên cuối cùng. “Mình đã bảo anh ấy mình không muốn thấy con Cindy ăn chuột trong nhà tắm. Carl này,” Helen nói.

“Gi?”

“Đuổi nó ra khỏi nhà tắm đi, em đã bảo mà,” Helen nói.

“Lạy Chúa,” Carl nói.

“Nhìn này,” Mary nói. “Ui. Con mèo chết tiệt đang đi vào trong này,” Mary nói.

“Nó làm gì?” Jack nói.

Con mèo lôi con chuột vào gầm bàn. Nó nằm dưới gầm bàn và liếm con chuột. Nó giữ con chuột bằng vuốt và nhả nha liếm, từ đầu tới đuôi.

“Con mèo phê rồi,” Carl nói.

“Nó làm mình lạnh lưng,” Mary nói.

“Quy luật tự nhiên thôi mà,” Carl nói.

“Nhìn mắt nó kìa,” Mary nói. “Nhìn cái cách nó nhìn mình. Nó đúng thật là đang phê.”

Carl lại ghé sofa ngồi cạnh Mary. Mary nhích về phía Jack để tránh chỗ cho Carl. Chị gác tay lên đầu gối Jack.

Họ chăm chú nhìn con mèo ăn con chuột.

“Cậu không bao giờ cho con mèo đó ăn hả?” Mary nói với Helen.

Helen cười ha ha.

“Các cậu hút một lượt nữa nhé?” Carl nói.

“Bọn mình phải về,” Jack nói.

“Có gì mà vội?” Carl nói.

“Ngồi lại một tí nữa,” Helen nói. “Các cậu chưa việc gì phải về.”

Jack đăm đăm nhìn Mary, trong khi Mary đang đăm đăm nhìn Carl. Carl đăm đăm nhìn cái gì đó trên tấm thảm gần chân anh.

Helen lựa mấy viên M&M trong tay.

“Mình thích màu xanh nhất,” Helen nói.

“Sáng mai mình phải đi làm,” Jack nói.

“Trông anh ấy khó chịu làm sao kia,” Mary nói. “Các cậu có muốn nghe chuyện về một người đang khó chịu không? Đây một người đang khó chịu đây.”

“Em có về không?” Jack nói.

“Có ai muốn một ly sữa không?” Carl nói. “Bọn mình có sữa ngoài kia.”

“Em uống soda kem no căng rồi,” Mary nói.

“Hết soda kem rồi,” Carl nói.

Helen cười. Chị nhắm tịt mắt, rồi mở mắt ra và lại cười.

“Bọn mình phải về nhà,” Jack nói. Một chốc sau anh đứng dậy, nói, “Bọn mình có áo khoác không nhỉ? Hình như là bọn mình không mang theo áo khoác.”

“Gi? Hình như mình không mang áo khoác,” Mary nói. Chị vẫn ngồi.

“Mình phải đi thôi,” Jack nói.

“Họ phải về rồi,” Helen nói.

Jack đặt hai tay xuống vai Mary kéo chị lên.

“Tạm biệt các cậu,” Mary nói. Chị ôm Jack. “Em no quá đi không nổi,” Mary nói.

Helen cười.

“Helen lúc nào cũng tìm cớ gì đó để cười,” Carl nói, cười toét miệng. “Em cười cái gì, Helen?”

“Em không biết nữa. Tại vì Mary nói cái gì đó.”

“Mình nói gì?” Mary nói.

“Mình không nhớ,” Helen nói.

“Mình phải về,” Jack nói.

“Tạm biệt,” Carl nói. “Nghỉ ngơi nhé.”

Mary gượng cười.

“Về thôi,” Jack nói.

“Chúc mọi người ngủ ngon,” Carl nói. “Chúc ngủ ngon, Jack,” Jack nghe Carl nói rất, rất chậm.

Bên ngoài, Mary khoác tay Jack bước đi, đầu cúi xuống. Họ đi chậm rãi trên lề đường. Anh lắng nghe tiếng giày chị lê. Anh nghe tiếng chó sủa gắt và rõ, nghe tiếng xe cộ rì rầm đằng xa.

Chị ngẩng đầu lên. “Khi về nhà, Jack, em muốn anh làm tình với em, nói chuyện với em, giải khuây cho em. Giải khuây cho em, Jack. Đêm nay em cần được giải khuây.” Chị ôm cánh tay anh chặt hơn.

Anh cảm thấy giày mình ẩm ướt. Anh mở cửa và bật đèn.

“Lên giường đi,” chị nói.

“Đợi anh tí,” anh nói.

Anh vào bếp uống hai ly nước. Anh tắt đèn phòng khách rồi sờ soạng dọc tường để về phòng.

“Jack!” chị rú lên. “Jack”

“Chúa ơi, anh đây mà!” anh nói. “Anh đang bật đèn lên.”

Anh tìm thấy đèn, thấy chị ngồi thẳng đứng trên giường. Mắt chị sáng rực. Anh kéo cái cần trên đồng hồ báo thức và bắt đầu cởi quần áo. Đầu gối anh run run.

“Còn gì để hút không?” chị nói.

“Mình chẳng có gì,” anh nói.

“Vậy lấy cho em đồ uống. Mình có đồ uống. Đừng nói với em rằng mình không có gì để uống.”

“Chỉ có bia.”

Họ chăm chăm nhìn nhau.

“Cho em một lon,” chị nói.

“Em thật sự muốn uống bia?”

Chị chậm chạp gật đầu, cắn môi.

Anh mang bia quay lại phòng. Chị ngồi đó, cái gối của anh trên đùi. Anh đưa lon bia cho chị, bỏ vào giường và kéo chăn lên.

“Em đã quên uống thuốc,” chị nói.

“Gì?”

“Em quên uống thuốc.”

Anh leo xuống giường lấy thuốc cho vợ. Chị mở mắt và anh thả viên thuốc lên cái lưới đang thè ra. Chị nuốt viên thuốc bằng mấy ngụm bia, anh leo lên giường lại.

“Cầm cái này. Em không mở mắt nổi nữa,” chị nói.

Anh để vỏ lon bia trên sàn rồi nằm nghiêng nhìn chăm chăm vào cái hành lang tối. Chị vòng tay quanh sườn anh và xoa mấy ngón tay trên ngực anh.

“Có gì ở Alaska?” chị nói.

Anh xoay người nằm sấp lại, trườn qua phần giường của mình. Chốc lát chị đã ngáy.

Ngay khi định tắt đèn ngủ, anh nghĩ mình thấy gì trong hành lang. Anh cứ nhìn chăm chăm và nghĩ anh lại nhìn thấy nó, một cặp mắt nhỏ. Tim anh thành thịch. Anh chớp mắt rồi lại nhìn chăm chăm. Anh chồm người qua tìm cái gì đó để ném. Anh nhặt một chiếc giày lên. Anh ngồi thẳng dậy và nắm chiếc giày bằng cả hai tay. Anh nghe vợ ngáy và anh nghiêng răng. Anh đợi. Anh đợi nó nhúc nhích một lần nữa, gây ra một tiếng động khê khàng nhất.

10. Chương 10

LỚP ĐÊM

Hôn nhân của tôi vừa tan vỡ. Tôi không tìm được việc làm. Tôi có một cô gái khác. Nhưng cô đang đi vắng. Thành thử tôi ngồi ở một quầy bar nhấm nháp bia, có hai người đàn bà ngồi cách tôi vài ghế và một trong hai người bắt chuyện với tôi.

“Anh có xe không?”

“Có, nhưng không ở đây,” tôi nói.

Vợ tôi lấy cái xe. Tôi đang ở nhờ bố mẹ. Thỉnh thoảng tôi chạy xe của họ. Nhưng đêm nay tôi đi bộ.

Người kia nhìn tôi. Cả hai chừng bốn mươi, hoặc hơn.

“Cậu hỏi gì anh ta?” Người kia hỏi người đầu tiên.

“Mình hỏi anh ta có xe không.”

“Vậy anh có xe không?” Người thứ hai hỏi tôi.

“Tôi vừa nói với cô kia. Tôi có xe. Nhưng nó không có ở đây,” tôi nói.

“Vậy thì chẳng giúp được gì cho bọn tôi rồi, phải không?” Cô nói.

Người thứ nhất cười. “Chúng tôi có một kế hoạch và chúng tôi cần một cái xe để kế hoạch thành công. Tệ quá.” Cô quay sang người bartender gọi thêm hai ly bia.

Nãy giờ tôi uống cầm chừng, nhưng giờ tôi uống cạn ly bia, nghĩ rằng họ có thể bao tôi một ly. Nhưng không.

“Anh làm gì?” Người thứ nhất hỏi tôi.

“Hiện giờ không làm gì,” tôi nói. “Thỉnh thoảng, khi có thể, tôi đi học.”

“Anh ta đi học,” cô nói với người kia. “Anh ta là sinh viên. Anh học ở đâu?”

“Quanh đây,” tôi nói.

“Mình đã bảo với cậu mà,” người thứ nhất nói. “Trông anh ta không giống sinh viên à?”

“Anh học cái gì?” Người thứ hai nói.

“Gì cũng học,” tôi nói.

“Ý tôi là,” cô nói, “anh dự định làm gì? Mục tiêu lớn của đời anh là gì? Ai cũng có mục tiêu lớn trong đời.”

Tôi chìa cái ly rỗng không về phía bartender. Anh ta cầm và lấy cho tôi một ly bia nữa. Sau khi đưa anh mấy xu lẻ, tôi chỉ còn ba mươi xen trong chỗ hai đô la tôi có lúc bắt đầu uống cách đây mấy tiếng đồng hồ. Cô ta đang đợi tôi trả lời.

“Dạy. Dạy học,” tôi nói.

“Anh ta muốn trở thành giáo viên.”

Tôi nhấp bia. Ai đó nhét một đồng xu vào máy nghe nhạc, một bài hát vợ tôi thích trỗi lên. Tôi ngó quanh. Hai người đàn ông phía đằng trước đang ngồi chơi trò tạt đĩa. Cửa mở, bên ngoài tối.

“Bọn tôi cũng là sinh viên, anh biết không?” Người thứ nhất nói. “Bọn tôi đi học.”

“Bọn tôi học lớp đêm,” người kia nói. “Bọn tôi học một lớp kỹ năng đọc vào các tối thứ Hai.”

Người thứ nhất nói, “Sao anh không ngồi lại gần đây, anh thầy giáo, để bọn tôi khỏi phải gào lên?”

Tôi cầm ly bia và thuốc lá lên rồi nhích tới hai ghế.

“Tốt hơn rồi,” cô nói. “Nào, có phải anh nói anh là sinh viên?”

“Thỉnh thoảng, phải, nhưng không phải lúc này,” tôi nói.

“Ở đâu?”

“State College.”

“Đúng rồi,” cô nói. “Giờ tôi đã nhớ ra. Cô nhìn người kia. Anh có bao giờ nghe nói một giáo viên ở đó tên là Patterson không? Ông ấy dạy lớp kỹ năng dành cho người lớn. Ông dạy cái lớp bọn tôi học vào các tối thứ Hai. Anh làm tôi nhớ tới Patterson.”

Họ nhìn nhau cười ha hả.

“Đừng bận tâm về bọn tôi,” người thứ nhất nói. “Đây là trò đùa riêng giữa tôi và cô ấy. Mình có nên nói với anh ta mình định làm gì không, Edith? Nên không?”

Edith không trả lời. Cô uống một hơi bia, rồi nheo mắt lại nhìn chính cô, ba chúng tôi, trong tấm gương phía sau quầy bar.

“Bọn tôi đang tính,” người thứ nhất tiếp tục, “nếu tối nay bọn tôi có xe thì ghé thăm ông ấy, Patterson. Phải không, Edith?”

Edith cười một mình. Cô uống hết bia và gọi một lượt nữa cho cả tôi. Cô trả tiền bia bằng một tờ năm đô.

“Patterson thích uống,” Edith nói.

“Cậu cứ nói thế nữa đi,” người kia nói. Cô quay qua tôi. “Có lần bọn tôi nói về chuyện đó trong lớp. Patterson nói ông ấy luôn uống vang trong bữa ăn và một hai ly cocktail trước bữa tối.”

“Lớp gì vậy?” tôi nói.

“Lớp kỹ năng đọc của Patterson. Ông ấy thích tán hươu tán vượn.”

“Bọn tôi học cách đọc sách,” Edith nói. “Anh có tin được không?”

“Tôi thích đọc Hemingway và các sách tương tự, người kia nói. Nhưng Patterson bắt bọn tôi đọc những truyện như trong tạp chí Reader’s Digest.”

“Thứ Hai nào bọn tôi cũng có bài kiểm tra,” Edith nói. “Nhưng Patterson được lắm. Nếu mình ghét nhà ông ấy uống cocktail ông ấy không có ý kiến gì đâu. Dù sao thì ông ấy cũng đâu biết làm gì khác. Bọn tôi nắm thóp ông ấy mà. Nắm thóp Patterson,” cô nói.

“Tối nay bọn tôi rồi việc,” người kia nói. “Nhưng xe của Edith thì đang để ở ga ra.”

“Nếu giờ anh có xe, mình sẽ đi thăm ông ấy,” Edith nói. Cô nhìn tôi. “Anh có thể bảo Patterson rằng anh muốn làm giáo viên. Các anh có điểm chung.”

Tôi cạn ly bia. Cả ngày tôi chưa ăn gì ngoài vài ba hạt lạc. Cứ ngồi nói chuyện suông hoài thật khó chịu.

“Jerry, cho ba ly nữa nhé,” người thứ nhất nói với anh bartender.

“Cám ơn,” tôi nói.

“Anh sẽ hợp với Patterson,” Edith nói.

“Vậy gọi ông ấy đi,” tôi nói. Tôi nghĩ chỉ nói chơi thôi.

“Tôi sẽ không làm thế,” cô nói. “Ông ấy có thể bịa ra lý do nào đó. Ta cứ thò mặt ra ngay trước cổng nhà ông ấy, ông ấy phải cho ta vào thôi.” Cô nhấp ngụm bia.

“Vậy ta đi thôi,” người thứ nhất nói. “Ta còn chờ gì nữa? Anh nói là xe ở đâu?”

“Có một chiếc xe cách đây vài dãy nhà,” tôi nói. “Nhưng tôi không chắc.”

“Anh muốn đi hay không?” Edith nói.

“Anh ta nói anh ta muốn mà,” người thứ nhất nói. “Mình hãy mua một hộp sáu lon mang theo.”

“Tôi chỉ còn ba mươi xen,” tôi nói.

“Ai cần mấy đồng tiền chết tiệt của anh,” Edith nói. “Bọn tôi cần cái xe chết tiệt của anh. Jerry, ba ly nữa. Và một hộp sáu lon mang đi.”

“Chúc mừng Patterson,” người thứ nhất nói khi bia được mang ra. “Chúc mừng Patterson và những ly cocktail của ông ta.”

“Ông ta sẽ làm rơi bát mất,” Edith nói.

“Cạn ly nhé,” người thứ nhất nói.

Chúng tôi cuộc bộ trên vỉa hè về phía Nam, hướng ra khỏi thành phố. Tôi đi giữa hai người đàn bà. Lúc đó chừng mười giờ.

“Tôi có thể uống một lon bia ngay bây giờ,” tôi nói.

“Cứ tự nhiên,” Edith nói.

Cô mở túi và tôi thò vào xé hộp lấy một lon.

“Bọn tôi đoán ông ấy ở nhà.”

“Patterson,” người kia nói. “Bọn tôi không chắc. Nhưng bọn tôi nghĩ thế.”

“Còn xa không?” Edith hỏi.

Tôi ngừng lại, nâng lon bia lên, uống nửa lon. “Dãy kế tiếp, tôi nói. Tôi ở với bố mẹ. Đây là nhà của họ.”

“Tôi cho thế cũng không có gì sai,” Edith nói. “Nhưng trông anh khá già mà còn sống với bố mẹ.”

“Như thế là không lịch sự, Edith.” Người kia nói.

“Ừ, tính tôi như vậy,” Edith nói. “Anh ta phải làm quen vậy thôi. Tính tôi là như vậy.”

“Tính cô ấy như vậy,” người kia nói.

Tôi uống nốt chỗ bia rồi vứt vỏ lon vào đám cỏ.

“Giờ còn bao xa?” Edith nói.

“Đây. Ngay đây. Tôi sẽ cố lấy chìa khoá xe,” tôi nói.

“Ừm, nhanh lên.” Edith nói.

“Bọn tôi đợi bên ngoài,” người kia nói.

“Lạy chúa,” Edith nói.

Tôi mở cửa rồi đi xuống cầu thang. Bố đang xem ti vi trong bộ pyjama. Trong nhà ấm áp, tôi đứng dựa khung cửa một lúc rồi đưa tay xoa mắt.

“Con mới uống vài ly bia,” tôi nói. “Bố đang xem gì đấy?”

“John Wayne,” ông nói. “Hay phết. Ngồi xuống đây mà xem. Mẹ mày chưa về.”

Mẹ tôi làm ca đêm ở tiệm Paul, một nhà hàng bia Đức. Bố tôi không đi làm. Ông từng làm việc trong rừng, nhưng rồi ông bị thương. Ông được bồi thường, nhưng khoản đó đã bị tiêu gần hết. Khi vợ tôi chia tay, tôi hỏi vay ông hai trăm đô nhưng ông từ chối. Mắt ông rơm rớm khi nói không và thêm rằng ông hy vọng tôi không hờn trách. Tôi nói không sao, tôi không hờn trách gì ông cả.

Tôi biết lần này ông cũng sẽ nói không. Nhưng tôi vẫn ngồi xuống đầu kia ghế sofa mà nói, “Con gặp mấy cô gái, họ nhờ con lái xe đưa về nhà.”

“Mày bảo họ sao?” ông nói.

“Họ đang đợi con ở trên,” tôi nói.

“Cứ để họ đợi,” ông nói. “Sẽ có ai đó tới thôi. Mày không nên sa vào cái đám lộn xộn đó.” Ông lắc đầu. “Mày không thực sự chỉ cho họ xem chỗ mình ở đây chứ? Họ thực sự không ở trên kia chứ?” Ông ngo ngoáy ghế sofa và lại nhìn ti vi. “Dù sao đi nữa thì mẹ mày cầm chìa khoá rồi.” Ông chậm rãi gật đầu, mắt vẫn nhìn ti vi.

“Vây cũng OK,” tôi nói. “Con không cần xe. Con cũng không định đi đâu.”

Tôi đứng dậy nhìn vào hành lang, chỗ tôi ngủ trên một cái giường xếp. Có một cái gạt tàn, một cái đồng hồ Lux, vài cuốn truyện bìa mềm cũ kỹ trên chiếc bàn bên cạnh giường. Tôi thường vào giường lúc nửa đêm rồi đọc đến khi chữ nhập nhoạng mới ngủ thiếp đi mặc cho đèn sáng còn sách thì trên tay. Trong một trong những cuốn bìa mềm tôi đang đọc tôi nhớ có chuyện tôi đã kể lại cho vợ tôi. Tôi có ấn tượng rất tuyệt về truyện đó. Có một anh chàng nọ gặp ác mộng và trong cơn ác mộng anh ta mơ thấy anh ta đang mơ rồi thức giấc thấy một người đàn ông đứng bên cửa sổ phòng ngủ. Anh chàng nằm mơ hoảng sợ đến nỗi không nhúc nhích được hầu như không thở được. Người đàn ông bên cửa sổ nhìn chằm chằm vào phòng rồi bắt đầu nạy cửa. Anh chàng nằm mơ không nhúc nhích được. Anh muốn gào, nhưng anh không thở được. Rồi trắng hiện ra sau một đám mây, và anh chàng nằm mơ trong cơn ác mộng nhận ra người đàn ông bên ngoài. Đó là bạn thân nhất của anh, bạn thân nhất của anh chàng nằm mơ nhưng không phải là người gặp ác mộng biết.

Kể lại chuyện đó cho vợ tôi, tôi cảm thấy máu dồn lên mặt và dựng tóc gáy. Nhưng nàng chẳng để ý.

“Đó chỉ là truyện thôi,” nàng nói. “Bị ai đó trong gia đình phản bội, đó mới là ác mộng thực thụ.”

Tôi nghe tiếng họ lắc cánh cửa bên ngoài. Tôi nghe tiếng chân họ trên lề đường phía trên cửa sổ nhà tôi.

“Cái thằng chó đẻ chết tiệt!” tôi nghe tiếng Edith nói.

Tôi vào nhà tắm một lúc lâu rồi lên cầu thang và chui ra. Trời đã lạnh hơn nên tôi kéo áo khoác lên. Tôi cuốc bộ tới tiệm Paul. Nếu tới đó trước khi mẹ hết ca, tôi có thể kiếm được một cái sandwich kẹp gà tây. Sau đó tôi có thể tới sạp báo Kirby lướt qua mấy cuốn tạp chí. Rồi tôi có thể về nhà, lên giường đọc sách cho đến khi mỏi mắt thì ngủ.

Mấy người đàn bà, họ không còn ở đó khi tôi ra khỏi nhà, và họ cũng chẳng ở đó khi tôi quay lại.

11. Chương 11

NHỮNG NGƯỜI ĐI THU TIỀN

Tôi thất nghiệp. Nhưng ngày nào tôi cũng chờ tin từ mạn Bắc. Tôi nằm trên sofa lắng nghe tiếng mưa. Thỉnh thoảng tôi nhồm dậy ngó qua màn cửa xem bác đưa thư có đến không.

Ngoài đường không một bóng người, không có gì cả.

Tôi lại nằm xuống chưa được năm phút thì nghe có tiếng người bước vào cổng, đứng đợi, rồi gõ cửa. Tôi nằm yên. Tôi biết đó không phải bác đưa thư. Tôi thuộc lòng tiếng chân bác ấy. Thận trọng là không thừa khi bạn đang thất nghiệp và nhận các giấy báo trong thùng thư hoặc không thì nhét dưới cửa. Người ta cũng có thể đến tận nhà nói chuyện với bạn, nhất là nếu bạn không có điện thoại.

Tiếng gõ cửa lại vang lên, to hơn, một dấu hiệu xấu. Tôi ngồi dậy cố nhìn ra cổng. Nhưng người nào đó giờ đã đứng ngay cửa, một dấu hiệu xấu khác. Tôi biết sàn nhà kêu cọt két, nên không có cách nào lên qua phòng bên kia mà nhìn ra cửa sổ.

Lại một tiếng gõ cửa nữa, và tôi nói, Ai đấy?

Đây là Aubrey Bell, một người đàn ông nói. Ông là ông Slater phải không?

Anh cần gì? Tôi nói vọng ra từ sofa.

Tôi mang cái này cho bà Slater. Bà ấy trúng giải. Đây là nhà bà Slater phải không?

Bà Slater không sống ở đây, tôi nói.

Thế à, vậy ông có phải là ông Slater? người đàn ông nói. Ông Slater... và người đàn ông hất xì.

Tôi leo xuống sofa. Tôi mở khóa và hé cửa. Đó là một người đứng tuổi, béo, kền càng dưới lớp áo mưa. Nước chảy từ áo mưa, nhều vào cái va li to đùng đựng một cái máy gì đó hắt đang rách.

Hắn toét miệng cười đặt cái va li to xuống. Hắn chìa tay ra.

Aubrey Bell, hắn nói.

Tôi không biết ông, tôi nói.

Bà Slater, hắn bắt đầu nói. Bà Slater đã điền vào một cái phiếu. Hắn lôi mớ phiếu từ túi áo trong ra mà xáo một hồi. Bà Slater, hắn đọc. Số nhà hai trăm bốn mươi lăm đường South Sixth East? Bà Slater là người trúng giải.

Hắn bỏ mũ và gật đầu long trọng, đập mũ vàoáo khoác như thể là thế đây, mọi việc đã xong xuôi, đã trọn cung đường, đã về đến đích.

Hắn đợi.

Bà Slater không sống ở đây, tôi nói. Bà ấy trúng cái gì?

Tôi phải cho ông xem, hắn nói. Tôi vào nhà được không?

Tôi không biết. Nếu không quá mất thời giờ, tôi nói. Tôi khá bận rộn.

Tốt, hắn nói. Để tôi cởi áo mưa ra trước. Rồi đôi ủng. Không muốn làm trầy thảm nhà ông đâu. Tôi thấy rõ là nhà ông có trải thảm, ông...

Khi nhìn thấy tấm thảm mất hắn sáng lên rồi dịu lại. Hắn lắc lắc người. Rồi hắn cởi áo mưa. Hắn giũ rồi móc cổ áo lên nắm đấm cửa. Đó là chỗ thích hợp để treo áo mưa, hắn nói. Đằng nào thì thời tiết cũng chết tiệt. Hắn cúi xuống cởi ủng. Hắn để va li vào bên trong phòng. Hắn rút chân ra khỏi ủng và mang dép lê vào phòng.

Tôi đóng cửa. Hắn thấy tôi ngó đôi dép lê chằm chằm nên là nói, W. H. Auden thi sĩ mang dép lê đi khắp Trung Hoa trong chuyến viếng thăm đầu tiên đến đó. Chẳng bao giờ bỏ ra. Vì mấy cái mụn cóc.

Tôi nhún vai. Tôi nhìn xuống đường lần nữa xem bác đưa thư có đến không rồi đóng cửa lại.

Aubrey Bell nhìn tấm thảm chằm chằm. Hắn bặm môi. Rồi hắn cười. Hắn cười và lắc đầu.

Có gì buồn cười lắm hả?

Không có gì. Chúa ơi, hắn nói. Hắn lại cười. Tôi nghĩ là tôi mất trí rồi. Tôi nghĩ là tôi bị sốt. Hắn lấy tay sờ trán. Tóc hắn bết lại, quanh đầu có vết ngấn do đội mũ.

Ông có cảm thấy người tôi nóng không? hắn nói. Tôi chẳng biết, tôi nghĩ có khi tôi bị sốt rồi. Hắn vẫn ngó tấm thảm trần trần. Ông có aspirin không?

Ông bị sao thế? tôi nói. Hy vọng ông không đổ bệnh ở đây. Tôi còn khối việc phải làm.

Hắn lắc đầu. Hắn ngồi xuống sofa. Hắn khoắng bàn chân mang dép lê trên tấm thảm.

Tôi vào bếp, hứng một cốc nước từ vòi, lắc chai để lấy hai viên aspirin.

Đây, tôi nói. Xong rồi tôi nghĩ ông nên đi.

Ông nói nhân danh bà Slater à? hắn xì miệng. Không, không, hãy quên là tôi đã nói vậy, hãy quên là tôi đã nói vậy. Hắn lau mặt. Hắn nuốt hai viên aspirin. Hắn đảo mắt quanh căn phòng trống lốc. Rồi hắn

gắng nhồm người tới mở khóa va li. Cái va li bật ra, để lộ các ngăn xếp đầy những là vôi, bàn chải, mấy cái ống sáng loáng và một vật màu xanh dương trông nặng nề gắn trên mấy bánh xenhỏ. Hấn chăm chăm nhìn những vật này như thể ngạc nhiên. Thì thào bằng giọng ngân nga như đọc kinh, hấn nói, Ông biết cái này là cái gì không?

Tôi nhích lại gần hơn. Tôi nghĩ đây là một cái máy hút bụi. Tôi không có ý định mua máy hút bụi, tôi nói. Hấn nhiên tôi hoàn toàn không có ý định mua máy hút bụi.

Tôi muốn cho ông xem cái này, hấn nói. Hấn lấy trong túi áo khoác ra một cái phiếu. Nhìn cái này, hấn nói. Hấn đưa tôi cái phiếu. Không ai nói là ông đang định mua máy hút bụi. Nhưng nhìn chữ ký xem. Đó có phải là chữ ký của bà Slater hay không?

Tôi nhìn cái phiếu. Tôi giơ nó ra ánh sáng. Tôi lật nó lại, nhưng mặt bên kia để trống. Vậy thì sao? tôi nói.

Phiếu của bà Slater được bóc ngẫu nhiên từ một thùng phiếu. Có hàng trăm phiếu như cái phiếu nhỏ này. Bà ấy đã trúng được một cái máy hút bụi và một chai dầu giặt thảm. Bà Slater là người trúng giải. Không có điều kiện gì. Tôi tới đây thậm chí còn để hút bụi đệm cho ông, thưa ông... Ông sẽ ngạc nhiên khi thấy người ta có thể thu được những gì từ một tấm đệm sau bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm. Hằng ngày, hàng đêm trong đời chúng ta, chúng ta để lại những mảnh nhỏ của mình, những mảnh troc chỗ này chỗ nọ. Chúng đi đâu, những phần tử của chúng ta? Xuyên ngay qua khăn trải giường và lẫn vào trong đệm, chúng chui vào đó! Cả gối nữa. Đều như vậy cả.

Hấn bắt đầu lấy mấy đoạn ống dài sáng loáng ra và nối các phần lại với nhau. Bây giờ hấn nhét mấy cái ống đã khớp nhau vào cái vôi. Hấn đang quỳ, lăm bắm gì đó. Hấn gắn cái gì như cái muỗng vào vôi và nhấc vật màu xanh dương có bánh xe ra.

Hấn cho tôi xem xét cái bộ lọc hấn định dùng

Ông có ô tô không? hấn nói.

Không có ô tô, tôi nói. Tôi không có ô tô. Nếu có ô tô tôi sẽ chở ông đi đâu đó.

Chán nhĩ, hấn nói. Cái máy hút bụi bé này được trang bị một cuộn dây nối dài hơn mười tám mét. Nếu có ô tô, ông có thể đẩy cái máy nhỏ nhỏ này đến tận cửa xe để hút bụi bộ thảm nhung và cả bộ ghế sang trọng bật ra sau được. Ông sẽ ngạc nhiên khi thấy sau nhiều năm tháng bao nhiêu phần của ta đã mất đi, bao nhiêu phần của ta đã tụ tập lại trong mấy cái ghế đẹp dễ bỏ.

Ông Bell này, tôi nói, tôi nghĩ tốt hơn là ông nên gói ghém lại và ra khỏi đây. Tôi nói thế nhưng không có bất kỳ ác ý nào đâu.

Nhưng hấn đã ngó quanh phòng tìm chỗ cấm. Hấn tìm thấy một chỗ ở đầu ghế sofa. Cái máy kêu lục cục như có đá bên trong, hoặc bên trong có gì lỏng, rồi chuyển sang đều nhịp chạy ì ì.

Cả phần đời trưởng thành Rilke sống trong hết lâu đài này đến lâu đài khác. Cửa các nhà tài trợ, hấn nói to để át tiếng ì ì của máy hút bụi. Ông ấy ít khi nào chịu đi xe hơi, ông thích đi tàu hơn. Rồi hãy xem Voltaire ở Cirey với Madame Châtelet. Khuôn mặt thạch cao của ông ấy. Thanh thần làm sao. Hấn giơ bàn tay phải lên như thể tôi sắp sửa không đồng ý. Không, không, không đúng, phải không? Đừng nói ra. Nhưng ai mà biết? Tới đó hấn bắt đầu quay đi và kéo máy hút bụi vào căn phòng bên kia.

Có một cái giường, một khung cửa sổ. Chăn nằm một đồng trên sàn. Một cái gối, một cái ga giường trên tấm đệm. Hấn lột vỏ gối ra rồi nhanh chóng kéo ga giường khỏi đệm. Hấn ngó tấm đệm chăm chăm rồi đưa mắt nhìn tôi. Tôi vào bếp lấy một cái ghế. Tôi ngồi ở lối ra vào theo dõi. Đầu tiên hấn kiểm tra sức hút bằng cách giở đầu hút vào lòng bàn tay. Hấn cúi xuống vặn một cái nút trên máy. Để làm một việc như thế này mình phải mở máy ở chế độ mạnh nhất, hấn nói. Hấn kiểm tra lực hút một lần nữa rồi kéo vôi đến tận đầu giường và bắt đầu rà đầu hút dưới đệm. Đầu hút vướng vào đệm. Cái máy rồ to hơn. Hấn rà tấm đệm ba lượt, rồi tắt máy. Hấn ấn một cái cần khiến nắp bật ra. Hấn lấy túi lọc ra. Cái túi lọc này chỉ dùng để biểu diễn thôi. Khi thường dùng, tất cả những thứ này, những thứ vật chất này, sẽ chui hết vào cái túi này, ở đây, hấn nói. Hấn nhón mấy thứ bụi bặm giữa các ngón tay. Hấn phải được một cốc bụi.

Mặt hấn trông rất lạ.

Không phải đệm của tôi, tôi nói. Tôi nhồm người tới trênhế, ra chiều quan tâm.

Giờ đến lượt cái gối. Hấn đặt cái túi lọc đã dùng lên bệ cửa sổ và nhìn ra ngoài một lúc. Hấn xoay sang tôi. Tôi muốn ông giữ đầu này của gối, hấn nói.

Tôi đứng dậy giữ hai góc của cái gối. Tôi cảm thấy như mình đang nắm lấy tai một thứ gì đó.

Như thế này hả? tôi nói.

Hấn gạt đầu. Hấn sang phòng bên kia rồi quay lại với một túi lọc khác.

Mấy thứ này có đắt tiền không? tôi nói.

Rẻ không ấy mà, hấn nói. Làm bằng giấy pha nhựa. Không thể đắt được.

Hấn bật máy lại và tôi giữ chặt trong lúc đầu hút ngập vào gối và rà dọc theo gối – một, hai, ba lần. Hấn tắt máy, lấy túi lọc ra, nhắc lên không nói một lời. Hấn đặt nó lên bệ cửa sổ cạnh cái túi lọc kia. Rồi hấn mở cửa tủ. Hấn nhìn vào trong, nhưng trong đó chỉ có một hộp thuốc đuổi chuột.

Tôi nghe có tiếng chân ngoài cổng, tiếng nắp lỗ nhét thư mở ra và tiếng sập lại. Chúng tôi nhìn nhau.

Hấn kéo cái máy hút bụi đi và tôi theo chân hấn vào phòng bên kia. Chúng tôi nhìn phong thư nằm úp trên thảm gần cửa trước.

Tôi tiến về phía phong thư, ngoảnh lại nói, Còn gì nữa không? Muộn rồi. Tắm tắm này không đáng để vọc đâu. Nó chỉ là một tắm tắm bông mười hai nhân mười lăm chưa trảy trụa gì được mang từ cửa hàng tắm Rug City về. Không đáng để vọc đâu.

Ông có một cái gạt tàn đầy không? hấn nói. Hoặc một chậu cây hay cái gì tương tự. Một nắm đất cũng tốt.

Tôi tìm thấy cái gạt tàn. Hấn cầm lấy, đổ toẹt lên tắm tắm, lấy dép giẫm lên tàn và vụn thuốc. Hấn lại quỳ xuống lắp một túi lọc mới. Hấn cởi áo khoác quăng lên sofa. Dưới nách hấn mồ hôi ướt đầm. Bụng hấn phệ. Hấn vặn đầu hút ra rồi lắp một thiết bị khác vào vòi. Hấn điều chỉnh nút vặn. Hấn mở máy lại và bắt đầu di chuyển tới lui, lui tới trên tắm tắm sồn. Hai lần tôi định tiến về phía phong thư. Nhưng dường như đoán được ý, hấn chặn đầu tôi, đại để vậy, bằng vôi, ống, và bằng cách quét, quét...

Tôi mang ghế ra chỗ bếp, ngồi đó theo dõi hấn làm việc. Một lát sau hấn tắt máy, mở nắp, và lặng lẽ mang cái túi lọc lại cho tôi, đầy những bụi, tóc, những thứ li ti. Tôi nhìn cái túi lọc, đứng dậybỏ nó vào thùng rác.

Bây giờ thì hấn làm việc chăm chú. Không giải thích gì thêm. Hấn mang một cái chai có ít chất lỏng màu xanh vào nhà bếp. Hấn để cái chai dưới vòi vặn đầy nước vào.

Ông phải biết là tôi không trả ông đồng nào đâu, tôi nói. Có giết tôi tôi cũng không trả ông được một đô. Đầu tư vào tôi chỉ có lỗ sặc gạch, vậy thôi. Ông đang phí thời gian với tôi, tôi nói.

Tôi muốn nói trắng ra, để khỏi hiểu nhầm.

Hấn cứ tiếp tục làm việc. Hấn gắn một thứ khác vào vòi, và bằng một cách thức phức tạp gắn cái chai vào thứ kia. Hấn di chuyển chậm chậm trên tắm tắm, thi thoảng làm xì ra những làn hơi nhỏ màu ngọc lục, đẩy bàn chải tới lui trên tắm tắm, dồn lên những đồng bọt.

Tôi đã nói hết những điều trong đầu. Tôi ngồi trên ghế trong bếp, giờ thì thư giãn, theo dõi hấn làm việc. Thỉnh thoảng tôi ngó ra ngoài cửa sổ nhìn mưa. Trời đã bắt đầu tối. Hấn tắt máy. Hấn đứng ở góc nhà gần cửa trước.

Ông uống cà phê? tôi nói.

Hấn thở khó nhọc. Hấn chùi mặt.

Tôi đặt nước lên bếp, đến khi nước sôi và tôi pha xong hai cốc cà phê thì hấn đã tháo rời mọi thứ xong xuôi cất lại vào trong va li. Rồi hấn nhặt lá thư lên. Hấn đọc tên trên phong bì và nhìn kỹ địa chỉ người gửi. Hấn gấp lá thư làm đôi, nhét vào trong túi hồng. Tôi cứ nhìn theo hấn. Tôi chỉ làm có vậy. Cà phê bắt đầu nguội.

Thư gửi ột ông Slater nào đó, hần nói. Tôi sẽ lo chuyện này. Hần nói, có lẽ tôi sẽ bỏ qua cà phê. Tốt hơn là tôi không nên đi ngang tẩm thắm này. Tôi vừa mới giặt nó mà.

Đúng thế, tôi nói. Rồi tôi nói, Ông có chắc là thư gửi cho người đó không?

Hần với lấy cái áo khoác trên sofa, mặc vào, rồi mở cửa trước. Trời vẫn đang mưa. Hần xỏ ủng, cột dây, rồi mặc áo mưa và nhìn lại vào trong nhà.

Ông muốn xem nó à? hần nói. Ông không tin tôi sao?

Chỉ có vẻ lạ, tôi nói.

Thôi, tôi phải đi, hần nói. Nhưng hần cứ đứng đó. Ông muốn mua cái máy hút bụi này hay không?

Tôi nhìn cái va li to lúc giờ đã đóng lại và sẵn sàng xách đi.

Không, tôi nói, chắc là không. Tôi sắp sửa đi khỏi đây. Nó chỉ tổ vướng chân.

Được thôi, hần nói, và hần sập cửa.

12. Chương 12

ANH LÀM GÌ Ở SAN FRANCISCO?

Chuyện này không liên quan gì đến tôi. Đây là chuyện về một cặp vợ chồng trẻ có ba đứa con dọn đến một căn nhà trên lộ trình của tôi đầu mùa hè qua. Tôi lại phải nghĩ tới họ khi tôi nhặt tờ báo Chủ nhật vừa rồi lên và thấy ảnh một thanh niên bị bắt ở San Francisco vì giết vợ và bạn trai cô ta bằng gậy bóng chày. Dĩ nhiên, đó không phải cùng một người, mặc dù hai người trông giống giống vì cùng để râu. Nhưng tình cảnh khá gần nhau khiến tôi phải nghĩ ngợi.

Henry Robinson là tên tôi. Tôi là bưu tá, viên chức liên bang kể từ năm 1947. Cả đời tôi sống ở bờ Tây trừ ba năm phục vụ trong quân đội thời kỳ chiến tranh. Tôi ly dị đã hai mươi năm, có hai đứa con mà tôi không gặp gần như suốt ngần ấy thời gian. Tôi không phải là người hời hợt, và theo tôi tự đánh giá, cũng không phải là người nghiêm túc. Tôi tin rằng thời bấy giờ đàn ông phải vừa hơi thế này vừa hơi thế kia. Tôi cũng tin vào giá trị của công việc – càng vất vả càng tốt. Một người không đi làm thì có quá nhiều thời gian rảnh; quá nhiều thời gian nên hay dần đọc bản thân và những rắc rối của mình.

Tôi tin chắc rằng đó phần nào là rắc rối của người thanh niên sống ở đây – hần không đi làm. Nhưng tôi nghĩ cũng là lỗi của cô ta. Người đàn bà đó. Cô ta khuyến khích điều ấy.

Dân Beat, tôi đồ chừng bạn sẽ gọi họ như vậy nếu bạn thấy họ. Người thanh niên để bộ râu nâu có chòm nhọn và trông hần có vẻ cần được ngồi xuống ăn một bữa tối ngon lành rồi sau đó hút một điếu xì gà. Người đàn bà có mái tóc sẫm dài và nước da sáng trông hấp dẫn, không nghi ngờ gì. Nhưng tin tôi đi, cô ta không phải là người vợ và người mẹ tốt. Cô ta là họa sĩ. Người thanh niên, tôi không biết hần làm gì – có thể một nghề gì đó tương tự. Cả hai không ai đi làm. Nhưng bằng cách nào đó họ trả được tiền thuê nhà và sống được – ít nhất trong mùa hè này.

Lần đầu tôi thấy họ là khoảng mười một giờ, mười một giờ mười lăm một sáng thứ Bảy. Tôi đi được khoảng hai phần ba lộ trình thì rẽ vào dãy nhà của họ và để ý thấy một chiếc Ford bốn chỗ đời 56 ghé vào sân kéo theo một chiếc móc U-Haul không mui khá to. Chỉ có ba căn nhà trên đường Pine, nhà họ là căn cuối cùng, hai căn kia là của nhà Murchison đã ở Arcata gần một năm nay và nhà Grant dọn đến đây chừng hai năm. Murchison làm việc ở Simpson Redwood, còn Gene Grant là đầu bếp ca sáng ở tiệm Denny. Hai căn đó, rồi một khu đất trống, rồi tới căn nhà cuối đường từng thuộc về nhà Cole.

Người thanh niên xuống sân, ra phía sau chiếc móc còn cô vợ vừa mới ló khỏi cửa trước miệng phì phèo thuốc lá, mặc quần jean trắng bó và một cái áo lót trắng của đàn ông. Cô dừng lại khi thấy tôi và cô ở đó dõi theo tôi đi lại gần. Tôi đi chậm lại khi tới ngang thùng thư nhà họ và gặt đầu chào cô.

“Sắp xếp mọi thứ ổn thỏa chứ?” Tôi nói.

“Sẽ mất ít lâu,” cô ta nói và hất mớ tóc khỏi trán trong khi vẫn tiếp tục hút thuốc.

“Tốt,” tôi nói. “Chào mừng tới Arcata.”

Tôi cảm thấy hơi kỳ cục sau khi nói câu đó. Không biết tại sao, nhưng tôi luôn thấy mình có cảm giác kỳ cục những lần ít ỏi lại gần người phụ nữ này.

Đó là một trong những lý do khiến tôi khó chịu với cô ta ngay từ đầu.

Cô ta mỉm cười gượng gạo với tôi và khi tôi bắt đầu tiếp tục lộ trình thì người thanh niên – Marston là tên hấn – từ phía sau chiếc moóc khênh một thùng ca tông đồ chơi đi tới. Hiện tại, Arcata không phải một chỗ nhỏ mà cũng chẳng là chỗ lớn, mặc dù tôi đồ chừng phải nói rằng nó có vẻ nghiêng về phía nhỏ hơn. Chắc chắn Acrata không phải là nơi tận cùng thế giới, nhưng hầu hết người ở đây hoặc làm việc tại các trại gỗ hoặc liên quan ít nhiều đến ngành đánh cá, hoặc không thì cũng làm việc trong mấy cửa hàng dưới phố. Dân ở đây không quen nhìn thấy đàn ông để râu – hoặc đàn ông không đi làm, ý là thế.

“Xin chào,” tôi nói. Tôi chìa tay ra khi hấn để thùng các tông lên cản trước ô tô. “Tôi là Henry Robinson. Các bạn vừa mới đến?”

“Chiều hôm qua,” hấn nói.

“Một chuyến đi ra trò! Chúng tôi mất đến mười bốn tiếng đi từ San Francisco,” người đàn bà lên tiếng từ phía cổng. “Kéo theo cái moóc chết tiệt kia.”

“Ồ,” tôi nói và lắc đầu. “San Francisco? Tôi vừa mới xuống San Francisco, để xem nào, tháng Tư hay tháng Ba vừa rồi.”

“Thế à?” cô ta nói. “Anh làm gì ở San Francisco?”

“Ồ, thật ra là không làm gì. Mỗi năm tôi xuống đó một hai lần. Ra Fisherman’s Wharf xem đội Giants chơi. Chỉ vậy thôi.”

Câu chuyện ngưng một lúc và Marston lấy ngón chân khưi khưi cái gì đó trong đám cỏ. Tôi tiếp tục đi. Vừa lúc đó lũ trẻ ủa ra cửa trước, la hét và cặm đầu chạy tuốt đến cổng. Khi cánh cửa lưới bật mở, tôi tưởng Marston sắp sửa nhảy dựng lên. Nhưng cô ta chỉ đứng đó khoanh tay, tỉnh như không, chẳng lộ xúc cảm gì. Trông Marston không ổn chút nào. Những cử động nhỏ, giật giật, nhanh mỗi khi hấn phải làm gì đó. Và ánh mắt của hấn – chúng hướng vào bạn rồi lảng đi chỗ khác rồi lại hướng vào bạn.

Có ba đứa trẻ, hai bé gái tóc xoăn chừng bốn hay năm tuổi, và một bé trai nhỏ hơn một chút.

“Mấy đứa nhỏ dễ thương,” tôi nói. “À, tôi phải đi tiếp đây. Có lẽ các bạn nên đổi tên trên thùng thư.”

“Chắc chắn,” hấn nói. “Chắc chắn. Một hai ngày nữa tôi sẽ thu xếp. Nhưng dù sao đi nữa trong thời gian trước mắt chắc chúng tôi chẳng có thư nào.”

“Không biết trước được đâu,” tôi nói. “Anh chẳng biết được cái gì sẽ xuất hiện trong cái túi thư cũ kỹ này đâu. Chuẩn bị sẵn đâu có ảnh hưởng gì.” Tôi dậm chân đi. “Nhân đây, nếu anh cần tìm việc trong mấy trại gỗ thì tôi có thể giới thiệu anh cần gặp ai ở Simpson Redwood. Một người bạn của tôi làm đốc công ở đó. Chắc anh ta sẽ cần ai đó...” Tôi nhỏ giọng dần, thử xem họ có quan tâm chút nào không.

“Không, cảm ơn,” hấn nói.

“Anh ấy không tìm việc,” cô ta thêm.

“Thế à, tạm biệt vậy.”

“Tạm biệt,” Marston nói.

Cô ta không nói câu nào.

Như đã nói, hôm đó là thứ Bảy, một ngày trước Lễ Tưởng niệm. Chúng tôi nghỉ bù vào thứ Hai và đến thứ Ba tôi mới quay lại đó. Có thể nói là tôi không hề ngạc nhiên khi thấy chiếc U-Haul vẫn còn trong sân trước. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên là hấn vẫn chưa dỡ đồ xuống. Tôi áng chừng độ một phần tư số đồ

đặc đã được chuyển tới cổng trước – một cái ghế bọc, một cái ghế nhà bếp mạ crôm và một thùng các tông quần áo nắp đã bị giật ra. Một phần tư hần đã được đưa vào nhà, phần còn lại vẫn còn trong chiếc moóc. Máy đĩa trẻ cầm que quất vào hai bên chiếc moóc trong lúc chui ra chui vào cửa sau xe. Không thấy bố mẹ chúng đâu.

Thứ Năm tôi lại thấy hần ngoài sân và nhắc hần về chuyện đổi tên trên thùng thư.

“Tôi đang thu xếp làm việc đó,” hần nói.

“Cứ thông thả,” tôi nói. “Dọn đến chỗ mới thì có bao nhiêu việc phải làm mà. Máy người sống ở đây, gia đình nhà Cole, mới dọn ra trước khi anh đến hàng ngày. Anh ta sẽ đi làm ở Eureka. Phòng Câu Cá Trò Chơi.”

Marston xoa râu và nhìn tránh đi như vẻ hần đang nghĩ về vấn đề gì khác.

“Hẹn gặp lại anh,” tôi nói.

“Chào anh.”

Thôi, vòng vo nhưng tóm lại hần chẳng bao giờ đổi tên trên thùng thư cả. Vài hôm sau tôi mang thư đến địa chỉ đó thì hần nói đại khái, “Marston? Vâng, đó là của chúng tôi, Marston... Bữa nào tôi sẽ phải đổi tên trên cái thùng thư. Tôi sẽ kiếm một thùng sơn và chỉ cần sơn đè lên cái tên kia... Cole,” trong lúc nói mắt hần cứ đảo qua đảo lại. Rồi hần liếc nhìn tôi và hất cằm một hai lần. Nhưng hần chẳng bao giờ đổi tên trên thùng thư, nên sau một thời gian tôi thấy kệ và quên chuyện đó đi.

Thỉnh thoảng có những lời đồn đại. Vào những thời điểm khác nhau tôi nghe người ta nói hần là tù được giảm án nhưng phải chịu quản thúc, hần đến Arcata để tránh cái môi trường không lành mạnh của San Francisco. Theo câu chuyện này, người đàn bà là vợ hần, nhưng cả ba đứa trẻ đều không phải con hần. Theo một câu chuyện khác thì hần đã phạm một tội ác và đang ẩn náu ở đây. Nhưng không nhiều người tin câu chuyện đó. Trông hần không giống loại người thực sự phạm một tội ác nào đó. Câu chuyện nhiều người có vẻ tin nhất, ít nhất là câu chuyện được đồn đại nhiều nhất, cũng là chuyện kinh khủng nhất. Chuyện như thế này, người đàn bà nghiện ma túy, và người chồng mang cô ta lên vùng này để cai nghiện. Để làm bằng chứng, sự kiện về chuyến thăm của Sallie Wilson luôn được dẫn ra – Sallie Wilson làm cho công ty We e Wagon[1]. Cô ghé thăm họ một chiều nọ và sau đó kể rằng, không nói dối đâu, họ khá buồn cười – đặc biệt người đàn bà. Vừa mới thấy cô tangòì đó dường như chăm chú lắng nghe Sallie nói chuyện, thế rồi trong khi Sallie vẫn còn đang nói thì đã thấy cô ta đứng dậy, bắt đầu vẽ tranh như thể Sallie không có mặt ở đó. Cả cái lối cô ta âu yếm hôn hít mấy đứa trẻ rồi đột nhiên lên giọng quát tháo chúng mà chẳng vì lý do gì rõ ràng. À, cái kiểu cặp mắt cô ta nhìn nếu bạn lại gần cô ta cũng lạ, Sallie nói. Nhưng Sallie Wilson đã tò mò soi mói vào chuyện người khác hàng bao năm nay dưới bề ngoài làm việc cho We e Wagon.

[1]: Một công ty chuyên liên hệ với những người vừa mới dọn nhà vào chỗ mới, cung cấp cho họ các coupon và quảng cáo về hàng hóa và dịch vụ ở địa phương.

“Ai biết được,” tôi nói khi ai cố lôi chuyện đó ra. “Ai dám chắc? Có khi giờ hần đi làm rồi thì sao”

Dù sao đi nữa, theo tôi thấy thì có vẻ họ đã có kha khá rắc rối ở San Francisco, bất kể bản chất rắc rối đó là gì, và họ quyết rũ sạch nó. Mặc dù lý do tại sao họ lại chọn Arcata để làm chốn dừng chân thì thật khó nói, vì chắc chắn họ không đến để tìm việc.

Vài tuần đầu tiên không có thư từ gì, dù có vài tờ rơi của hãng Sears và Western Auto và những thứ tương tự. Rồi bắt đầu có vài lá thư, một hai lá một tuần. Những lúc đi ngang, đôi khi tôi thấy một trong hai người bên ngoài nhà, đôi khi không. Nhưng bọn trẻ luôn ở đó chạy vào chạy ra hoặc chơi đùa trên khu đất trống cạnh nhà. Dĩ nhiên, ngay từ đầu đó đã không phải là một căn nhà kiểu mẫu, nhưng sau một thời gian họ ở cổ đại mọc đầy và cái bãi cỏ ở đó úa vàng rồi chết. Người ta ghét nhìn thấy những thứ như thế. Tôi biết quản trị viên Jessup có đến đó một vài lần yêu cầu họ bật nước lên, nhưng họ nại rằng họ không mua được vòi nước. Nên ông để lại cho họ một cái vòi. Rồi tôi để ý thấy bọn trẻ mang nó ra nghịch trong khu đất, và thế là nó toi. Có hai lần tôi thấy một chiếc xe thể thao màu trắng trước sân, một chiếc xe không phải ở vùng này.

Một lần duy nhất tôi có việc phải gặp trực tiếp người phụ nữ. Có một lá thư người nhận trả cước nên tôi mang nó vào tận cửa. Một đứa bé gái cho tôi vào nhà rồi chạy đi gọi mẹ. Căn nhà ngổn ngang đồ đạc cũ

linh tinh còn quần áo thì vứt tứ tung. Nhưng không đến nỗi bần. Có thể là không gọn gàng, nhưng cũng không bần. Một cái sofa cũ kỹ và ghế kê dọc tường phòng khách. Phía dưới bệ cửa sổ là kệ sách làm bằng gạch và ván, lèn chặt sách bìa mềm khổ nhỏ. Trong góc có một đồng tranh úp mặt và một bức khác phủ khăn đặt trên giá.

Tôi xúc bao đựng thư sang một bên và giữ nguyên tư thế đó, nhưng bắt đầu ước rằng giá tôi tự trả lấy phần chênh lệch. Trong khi đứng đợi, tôi ngắm cái giá, sắp sửa lén lại gần nhắc tấm khăn lên thì nghe có tiếng chân.

“Ông cần gì?” Cô ta nói, xuất hiện ở hành lang và không có vẻ gì thân thiện.

Tôi sờ vành mũ và nói, “Có một lá thư người gửi phải trả cước, hy vọng chị không phiền.”

“Cho tôi xem. Ai gửi? Sao, Jer gửi à! Cái thằng điên. Gửi thư không dán tem. Lee!” cô ta gọi. “Thư của Jerry này.” Marston đi ra, nhưng trông hắc không vui lắm. Tôi đứng nghỉ một chân, rồi chuyển sang chân kia, đợi.

“Tôi sẽ trả tiền,” cô ta nói, “vì nó từ anh bạn cũ Jerry. Đây. Giờ thì chào ông.”

Mọi việc diễn ra kiểu như vậy – nghĩa là có thể nói là không có kiểu gì hết. Tôi không có ý nói rằng mọi người quanh đây đã quen thuộc với họ – họ không thuộc loại người mà bạn có bao giờ quen thuộc được. Nhưng sau một thời gian thì có vẻ chẳng ai chú ý đến họ nhiều nữa. Người ta có thể chăm chăm nhìn bộ râu của hắn khi hắn đẩy xe mua hàng ở Safeway, nhưng chỉ có thế. Không nghe thêm chuyện gì nữa.

Rồi một ngày họ biến mất. Theo hai hướng. Sau này tôi phát hiện ra rằng cô ta chuồn mất tuần trước cùng với ai đó – một gã – và sau đó vài ngày hắn mang mấy đứa trẻ đến chỗ mẹ hắn ở Redding. Sáu ngày liên tục từ thứ Năm đến thứ Tư tuần sau thư của họ nằm trong thùng thư. Tất cả mảnh cửa đều được kéo xuống và không ai biết chắc liệu họ có đi luôn không. Nhưng ngày thứ Tư đó tôi nhận thấy chiếc Ford lại đỗ trong sân, tất cả mảnh cửa vẫn được kéo xuống nhưng thư thì không còn.

Bắt đầu ngày tiếp theo hắn luôn ở chỗ thùng thư đợi tôi đến giao thư tận tay, không thì hắn ngồi trên bậc tam cấp ở cổng hút thuốc, đợi, rõ là như vậy. Khi thấy tôi tới hắn đứng dậy, phủi quần, bước lại thùng thư. Nếu như tôi có thư nào cho hắn, tôi thấy hắn liếc nhìn địa chỉ người gửi thậm chí còn trước khi tôi đưa thư cho hắn. Chúng tôi hiếm khi mở miệng, chỉ gật đầu với nhau nếu có chạm mắt nhau, chuyện cũng không thường xảy ra. Dù vậy hắn đang đau khổ – ai cũng có thể nhìn thấy điều đó – và một cách nào đó tôi cũng muốn giúp anh chàng, nếu có thể. Nhưng chính xác là tôi chẳng biết nói gì.

Một buổi sáng nọ, chừng một tuần sau khi hắn quay lại, tôi thấy hắn thọc hai tay vào túi quần saudi đi lại trước thùng thư, và tôi quyết định nói gì đó. Nói gì, tôi chưa biết, nhưng chắc chắn tôi sẽ nói gì đó. Lúc tôi đi tới hắn đang quay lưng lại phía tôi. Khi tôi tới gần, hắn đột nhiên quay mặt lại và cái vẻ mặt hắn khiến lời lẽ trong miệng tôi đông cứng. Tôi dừng lại giữa đường, thư của hắn trong tay. Hắn tiến vài bước về phía tôi và tôi đưa cho hắn không nói gì. Hắn nhìn nó chăm chăm như thể rất ngạc nhiên.

“Gửi người ở địa chỉ này,” hắn nói.

Đó là một tờ rơi từ Los Angeles quảng cáo về một chương trình bảo hiểm bệnh viện. Sáng hôm đó tôi giao ít nhất bảy mươi lăm cái. Hắn gấp đôi nó lại rồi vào nhà.

Ngày hôm sau hắn lại ra đó như thường lệ. Vẻ mặt hắn vẫn như thế, nhưng trông có vẻ tự chủ hơn hôm trước một chút. Lần này tôi linh cảm rằng tôi có thứ mà hắn đang đợi. Sáng nay ở bưu cục tôi đã thấy nó khi sắp xếp thư thành từng gói. Đó là một cái phong bì trắng trơn, địa chỉ được ghi bằng một nét bút đàn bà bay bướm choán hết cả chỗ. Nó có dấu bưu điện Portland, và tên người gửi là hai chữ viết tắt JD với địa chỉ Portland.

“Xin chào,” tôi nói, chìa thư ra.

Hắn cầm lấy lá thư từ tôi không nói một lời và mặt trở nên tái nhợt. Hắn lảo đảo một lúc rồi quay vào nhà, chìa lá thư ra ánh sáng.

Tôi gọi với, “Cô ả không phải người tốt, chàng trai ạ. Tôi có thể thấy thế ngay khi nhìn thấy cô ả. Sao anh không quên cô ta đi? Sao anh không đi làm và quên cô ta đi? Sao anh không thích đi làm chứ? Chỉ có công

việc, công việc ngày đêm, công việc khiến tôi quên lãng đi khi tôi ở vào tình thế của anh và có tranh cãi về việc tôi...”

Sau lần đó hấn không đợi tôi bên ngoài nữa, và hấn chỉ ở đó thêm năm ngày. Dù vậy, mỗi ngày tôi đều thoáng thấy hấn vẫn đợi tôi như trước, nhưng đứng sau cửa sổ nhìn tôi qua màn cửa. Hấn không ra ngoài chừng nào tôi chưa đi khỏi, chừng đó thì tôi nghe tiếng cửa mở. Nếu tôi quay lại nhìn, hấn có vẻ không vội vàng gì khi mở tới thùng thư.

Lần cuối cùng tôi thấy hấn thì hấn đang đứng ở cửa sổ mặt trông có vẻ bình tĩnh và thư giãn. Màn cửa buông, màn được kéo lên, và tôi đoán lúc đó hấn đang thu dọn đồ đạc để đi. Nhưng bằng vào vẻ mặt hấn tôi có thể nói lần này hấn không theo dõi tôi. Hấn nhìn đăm đăm về đầu đó lướt qua tôi, khỏi tôi, có thể nói vậy, qua khỏi mái nhà, qua những hàng cây, về hướng Nam. Hấn cứ nhìn đăm đăm thậm chí sau khi tôi đi ngang nhà và đi tiếp trên vỉa hè. Tôi ngoái lại nhìn. Tôi thấy hấn vẫn đứng ở cửa sổ. Có một cảm giác thật mạnh mẽ khiến tôi quay đầu nhìn theo hướng hấn nhìn. Nhưng, như bạn có thể đoán, tôi chẳng thấy gì ngoài bầu trời, những dãy núi, rừng cây quen thuộc.

Ngày kế tiếp hấn đi mất. Hấn không để lại địa chỉ chuyển tiếp. Thỉnh thoảng hấn hay vợ hấn hoặc cả hai lại có một lá thư gì đó. Nếu đó là thư hạng nhất, chúng tôi giữ lại một ngày rồi gửi trả. Chẳng có nhiều. Và tôi không bận tâm. Tất cả chỉ là công việc, đằng nào cũng là công việc, và tôi luôn luôn vui vẻ khi có công ăn việc làm.

13. Chương 13

VỢ NGƯỜI SINH VIÊN

Khi đang đọc Rilke – một thi sĩ mà anh ngưỡng mộ – cho nàng nghe, thì nàng thiếp đi đầu gối lên cái gối của anh. Anh thích đọc to, và anh đọc khá hay – giọng anh vang, tự tin, khi trầm đục u sầu, khi cao, khi hồi hộp. Lúc đọc anh không bao giờ rời mắt khỏi trang sách và chỉ ngừng lại để với lấy điều thuốc trên tủ đầu giường. Đó là một chất giọng ấm áp đưa nàng vào giấc mơ về những đoàn lũ hành ra đi từ những thành phố có tường bao quanh và những người đàn ông râu ria mặc áo choàng. Nàng lắng nghe anh được vài phút rồi nhắm mắt lại thiếp đi.

Anh vẫn tiếp tục đọc vang. Bọn trẻ đã ngủ được mấy tiếng rồi, bên ngoài thỉnh thoảng có tiếng bánh xe rít bên vệ đường ướt át. Một đôi sau anh đặt cuốn sách xuống và xoay người trên giường để với tay tới ngọn đèn ngủ. Nàng bắt chợt mở mắt, vẻ hoảng sợ, chớp chớp mắt mấy lần. Anh thấy mí mắt nàng trông có vẻ nặng nề và u ám dị thường khi chúng cứ chớp chớp trên đôi mắt bất động vô hồn. Anh nhìn nàng đăm đăm.

“Em ngủ mê à?”

Nàng gạt đầu rồi nhấc tay lên sờ mấy cái cuốn tóc hai bên đầu. Ngày mai là thứ Sáu, ngày nàng dành cho đám trẻ từ bốn đến bảy tuổi ở Chung cư Woodlawn. Anh vẫn nhìn nàng, từ người trên một khuỷu tay, cùng lúc cổ kéo tấm khăn trải giường cho ngay lại bằng tay còn rảnh. Nàng có khuôn mặt mịn màng với lưỡng quyền nhô cao; cặp lưỡng quyền đó, thỉnh thoảng nàng khẳng định với bạn bè rằng nàng thừa hưởng từ cha nàng, người có một phần tư dòng máu Nez Perce [1] trong người.

[1]: Một bộ tộc da đỏ sống ở vùng Pacific Northwest, Hoa Kỳ.

Rồi: “Mike, làm cho em một cái sandwich nhỏ kẹp gì đó đi. Bơ, rau diếp và uối lên bánh mì nhé.”

Anh không làm gì hết cũng không nói gì hết vì anh muốn ngủ. Nhưng khi anh mở mắt nhìn nàng vẫn thức, nhìn anh.

“Em không ngủ được sao, Nan?” anh nói, rất quả quyết. “Muộn rồi.”

“Em muốn ăn cái gì đó”, nàng nói. “Chân tay em không hiểu sao đau nhừ, mà em lại đói bụng.”

Anh rên rầm một cách thái quá khi lăn xuống giường.

Anh làm cho nàng một cái sandwich và mang vào trên một cái đĩa cạn lòng. Nàng ngồi thẳng dậy trên giường mỉm cười khi anh vào phòng, rồi luồn một cái gối ra sau lưng, đỡ lấy cái đĩa. Trong cái áo ngủ trắng trông nàng như bệnh nhân bệnh viện.

“Em mơ buồn cười quá.”

“Em mơ thấy gì?” anh nói, leo vào giường và nằm quay mặt đi chỗ khác. Anh nhìn trần cái tủ đầu giường. Rồi anh từ từ nhắm mắt lại.

“Anh có thực sự muốn nghe không?” nàng nói.

“Có,” anh nói.

Nàng ngả người thoải mái trên gối và khều một miếng vụn bánh trên môi.

“Ừm. Dường như đó là một giấc mơ dài ngoẵng, anh biết không, chẳng chịt các mối quan hệ, nhưng bây giờ thì em không nhớ hết. Lúc mới thức dậy em nhớ rất rõ ràng, bây giờ mọi thứ bắt đầu mờ nhạt đi rồi. Em ngủ được bao lâu, Mike? Chuyện đó không thành vấn đề lắm, em đồ là vậy. Dù sao đi nữa, em nhớ em mơ thấy bọn mình nghỉ qua đêm ở một chỗ nào đó. Em không biết các con ở đâu, chỉ có anh và em ở một khách sạn nhỏ hay đại loại thế. Chuyện diễn ra trên một cái hồ lạ. Có một cặp vợ chồng khác, lớn tuổi hơn, đang ở đó và họ muốn chở mình đi một vòng bằng xuồng máy.” Nàng bật cười, nhớ lại, và nhồm người khỏi gối. “Chuyện kể tiếp mà em nhớ là mình ở trên xuồng. Chỉ có điều hóa ra là họ chỉ có một ghế ngồi trên xuồng, một cái kiểu như băng ghế ở đằng trước, nó chỉ đủ rộng cho ba người ngồi thôi. Anh với em đang tranh cãi nhau ai phải hy sinh ngồi bó rọ phía sau. Anh nói để anh, còn em nói để em. Nhưng rốt cuộc em chui vào phía sau xuồng. Nó chật đến nỗi làm em đau chân, và em sợ rằng nước sắp tràn qua mạn xuồng. Thế rồi em thức giấc.”

“Một giấc mơ lạ,” anh cố buông một câu bình luận và nhột nhạt cảm thấy nên nói thêm gì đó. “Em có nhớ Bonnie Travis không? Vợ của Fred Travis ấy. Cô ấy nói cô ấy từng có những giấc mơ màu sắc.”

Nàng nhìn cái sandwich trên tay rồi cắn một miếng. Khi nuốt xong, nàng rà lưỡi sau vành môi và giữ thẳng bằng cái đĩa trong lòng, với tay ra sau vỗ gối cho phình lên. Rồi nàng mỉm cười và lại tựa vào gối.

“Anh có nhớ cái lần mình nghỉ qua đêm bên sông Tilton không Mike? Cái lần mà sáng hôm sau anh câu được con cá to đùng ấy?” Nàng để tay lên vai anh. “Anh nhớ chuyện đó không?” nàng nói.

Nàng thì nhớ. Những năm qua nàng hiếm khi nghĩ về chuyện đó, nhưng dạo gần đây chuyện đó hay quay lại với nàng hơn. Khoảng một hai tháng sau khi cưới, họ đi chơi xa vào dịp cuối tuần. Đêm hôm ấy họ ngồi bên một đồng lửa nhỏ, ngâm một trái dưa hấu xuống sông cho lạnh, và nàng chiên món thịt heo hộp hiệu Spam, trứng và đậu hộp cho bữa khuya rồi bánh kếp, thịt heo hộp Spam và trứng trong cái chảo đen thui vào sáng hôm sau. Nàng làm cháy chảo trong cả hai lần nấu, và họ chẳng bao giờ đun sôi được cà phê, nhưng đó là một trong những quãng thời gian đẹp nhất họ từng có. Nàng nhớ đêm đó anh cũng đọc thơ cho nàng nghe: Elizabeth Browning và mấy bài thơ trong tập Rybáiyát[2]. Họ phải đắp thật nhiều chăn đến nỗi chân nàng hầu như không thể ngo ngậy dưới toàn bộ sức nặng ấy. Sáng hôm sau một con cá hồi to mắc câu, mọi người dừng xe trên con đường bên kia sông để xem anh kéo con cá vào.

[2]: Tức tập thơ Rubai – một dạng thơ của Ba Tư.

“Này, anh có nhớ hay không?” nàng nói, vỗ vai anh. “Mike?”

“Anh nhớ,” anh nói. “Anh khê cựa mình, mở mắt. Anh không nhớ rõ lắm, anh nghĩ vậy. Cái anh nhớ là mái tóc chải chuốt cẩn thận và những ý tưởng sống sót dờ hơi về cuộc sống và nghệ thuật, và anh không muốn nhớ những thứ ấy.

“Chuyện đó lâu rồi Nan,” anh nói.

“Hồi đó mình vừa học xong phổ thông. Anh chưa vào đại học,” nàng nói.

Anh đợi, rồi anh chống người trên cánh tay và ngoảnh đầu nhìn nàng qua vai. “Em sắp ăn xong cái sandwich chưa, Nan?” Nàng đang ngồi thẳng lưng trong giường.

Nàng gật đầu đưa cho anh cái đĩa.

“Anh tắt đèn đây,” anh nói.

“Nếu anh muốn,” nàng nói.

Rồi anh lại buông người xuống giường và duỗi chân ra chạm vào chân nàng. Anh nằm yên một lúc và sau đó cố thư giãn.

“Mike, anh không buồn ngủ đấy chứ?”

“Không,” anh nói. “Không buồn ngủ tí nào.”

“Ừa, đừng ngủ trước em,” nàng nói. “Em không muốn thức một mình.”

Anh không trả lời, nhưng anh nhích tới gần nàng hơn một chút, vẫn nằm nghiêng. Khi nàng vòng tay quanh người anh và xòe bàn tay đặt trên ngực anh, anh nắm mấy ngón tay nàng bóp nhẹ. Nhưng trong chốc lát anh buông tay xuống giường, thở dài.

“Mike? Cưng ới? Em muốn anh xoa chân cho em. Chân em đau,” nàng nói.

“Chúa ới,” anh thì thào. “Anh buồn ngủ lắm rồi.”

“Ôi, em muốn anh xoa chân cho em và nói chuyện với em. Vai em cũng đau. Nhưng chân đau hơn.”

Anh quay sang và bắt đầu xoa chân nàng, rồi lại ngủ thiếp đi, tay gác trên hông nàng.

“Mike?”

“Gì đấy Nan? Nói với anh là cái gì đi.”

“Em muốn anh xoa khắp người em,” nàng nói và ngả người nằm xuống. “Tối nay cả chân tay em đều đau.” Nàng co đầu gối lên thành một cái tháp bên dưới chân.

Anh thoáng mở mắt trong bóng tối rồi nhắm lại. “Đau như trẻ đang lớn, hả?”

“Ôi Chúa, vâng,” nàng nói, ngo ngoáy ngón chân, vui mừng vì lời được anh ra. “Hồi mười, mười một tuổi em đã to bằng bây giờ. Giá mà anh thấy em hồi đó! Em lớn nhanh quá nên tay chân em lúc nào cũng đau. Anh không thể sao?”

“Không gì?”

“Anh không bao giờ cảm thấy mình lớn lên à?”

“Anh không nhớ,” anh nói.

Cuối cùng anh cũng chống khuỷu tay ngồi dậy, bật một que diêm, và nhìn đồng hồ. Anh lật gối sang bên kia át hơn rồi lại nằm xuống.

Nàng nói, “Anh buồn ngủ à, Mike. Em ước gì anh muốn nói chuyện.”

“Được rồi,” anh nói, không nhúc nhích.

“Chỉ cần ôm em và dỗ em ngủ thôi. Em không ngủ được,” nàng nói.

Anh quay sang choàng tay qua vai nàng trong khi nàng nghiêng người nằm quay mặt vào tường.

“Mike?”

Anh nhíp ngón chân vào chân nàng.

“Sao anh không kể em nghe về những thứ anh thích và không thích.”

“Giờ thì chẳng biết gì hết,” anh nói. “Nếu thích thì em kể đi,” anh nói.

“Nếu anh hứa sẽ kể cho em. Anh có hứa không?”

Anh nhíp vào chân nàng lần nữa.

“Ừm...” nàng nói và nằm ngửa lại, hài lòng. “Em thích đồ ăn ngon, steak và khoai tây nướng cháy sém, đại loại vậy. Em thích những cuốn sách và tạp chí hay, thích đi tàu ban đêm, và những lúc đi máy bay.” Nàng

dừng lại. “ Dĩ nhiên em kể những thứ này không theo một thứ tự yêu thích nào hết. Nếu phải kể theo thứ tự yêu thích thì em sẽ phải nghĩ ngợi. Nhưng em thích đi máy bay. Cái khoảnh khắc rời mặt đất mình cảm thấy dù chuyện gì xảy ra thì cũng chấp nhận được.” Nàng gác chân lên mắt cá anh. “Em thích thức khuya rồi sáng hôm sau nằm lì trên giường. Em ước mình có thể thường xuyên làm thế, chứ không chỉ thỉnh thoảng. Và em thích sex. Đôi khi em thích được sờ nắn một cách bất ngờ. Em thích đi xem phim và sau đó uống bia với bạn bè. Em thích có bạn. Em rất quý Janice Hendricks. Em thích đi nhảy ít nhất tuần một lần. Em thích lúc nào cũng có quần áo đẹp. Em thích có thể mua quần áo đẹp cho con bất cứ lúc nào chúng cần mà không phải đợi. Laurie cần có quần áo đi chơi lễ Phục sinh. Và em muốn kiếm cho Gary một bộ vest hay gì đó. Nó lớn rồi. Em muốn anh cũng có bộ vest mới. Thực sự anh cần có vest mới hơn cả nó. Và em muốn chúng mình có chỗ ở của chúng mình. Em muốn thôi phải mỗi năm hay cách năm lại chuyển nhà lòng vòng. Trên hết,” nàng nói, “em muốn hai chúng mình có thể sống một cuộc sống trung thực mà không phải lo lắng về tiền bạc, hóa đơn và những thứ tương tự. Anh buồn ngủ rồi,” nàng nói.

“Chưa mà,” anh nói.

“Em không nghĩ ra thêm gì nữa. Tới lượt anh. Kể em nghe anh thích gì đi.”

“Anh không biết. Nhiều thứ lắm,” anh lúng búng.

“Nào, kể đi. Mình chỉ nói chuyện mà, đúng không?”

“Anh ước gì em để cho anh yên, Nan.” Anh lại quay sang phần giường của anh và thông tay xuống qua mép giường. Nàng cũng quay sang và ép vào người anh.

“Mike?”

“Jesus,” anh nói. Rồi: “Thôi được. Để anh duỗi chân ra một lúc đã, rồi anh sẽ tỉnh dậy.”

Một lúc sau nàng nói, “Mike? Anh ngủ rồi à?” Nàng lắc vai anh nhẹ nhàng, nhưng không có phản ứng gì. Nàng nằm đó một lúc rúc vào người anh, cố ngủ. Đầu tiên nàng nằm yên, không cựa quậy, áp vào anh và chỉ thở rất nhẹ, rất đều đặn. Nàng cố điều chỉnh nhịp thở sao cho nàng hít vào thở ra cùng nhịp với anh. Nhưng vô ích. Âm thanh nho nhỏ phát ra từ mũi anh khiến mọi thứ vô ích. Có tiếng khò khè trong lồng ngực anh nữa. Nàng lại xoay trở và áp mông vào mông anh, dang tay qua mép giường và thận trọng kê đầu ngón tay lên bức tường lạnh. Tấm chăn đã tụt xuống chân giường, nàng có thể cảm thấy luồng gió khi nhúc nhích chân. Nàng nghe tiếng hai người lên cầu thang vào căn hộ bên cạnh. Ai đó cười khùng khục trước khi mở cửa. Rồi nàng nghe thấy tiếng ghế kéo lê trên sàn. Nàng lại loay xoay. Nhà bên cạnh có tiếng giạt nước toa lét, rồi lại có tiếng giạt nước. Nàng lại xoay, lần này nằm ngửa ra, cố gắng thư giãn. Nàng nhớ một bài báo nàng đọc được trên một tạp chí: Nếu tất cả xương, cơ và khớp trong cơ thể có thể hội nhau trong một sự thư giãn hoàn hảo, giấc ngủ gần như chắc chắn sẽ đến. Nàng thở một hơi dài, nhắm mắt, nằm bất động tuyệt đối, hai cánh tay thẳng bên người. Nàng cố thư giãn. Nàng cố tưởng tượng ra chân nàng được treo lên, bao trong cái gì đó giống như gạc. Nàng xoay người nằm sấp lại. Nàng nhắm mắt, rồi lại mở ra. Nàng nghĩ về những ngón tay nằm cong queo trên ga giường ngay trước mũi nàng. Nàng nhấc một ngón tay lên rồi buông xuống ga giường. Nàng lấy ngón cái sờ cái nhẫn cưới trên ngón tay đeo nhẫn của nàng. Nàng xoay người nằm nghiêng rồi lại nằm ngửa. Và rồi nàng bắt đầu cảm thấy sợ, và trong một khoảnh khắc mong chờ không lý giải được nàng cầu nguyện để đi vào giấc ngủ.

Xin Chúa hãy cho con ngủ.

Nàng cố ngủ.

“Mike,” nàng thì thào.

Không có tiếng trả lời.

Nàng nghe tiếng một trong mấy đứa con trở người trên giường và vào tường phòng bên cạnh. Nàng lắng nghe và lắng nghe nhưng không có âm thanh nào khác. Nàng đặt tay phía trước ngực trái và cảm thấy nhịp tim đập tràn vào mấy ngón tay. Nàng xoay người nằm sấp và bắt đầu khóc, đầu trượt khỏi gối, miệng áp vào ga giường. Nàng khóc. Và nàng trèo ra từ phía chân giường.

Nàng rửa tay, rửa mặt trong phòng tắm. Nàng đánh răng. Nàng đánh răng và tự ngấm mình trong gương. Nàng bật sưởi trong phòng khách lên. Rồi nàng ngồi xuống bàn trong bếp, co chân lên trong chiếc áo ngủ.

Nàng lại khóc. Nàng châm một điếu từ gói thuốc trên bàn. Một lát sau nàng quay lại phòng mặc áo choàng vào.

Nàng ghé phòng các con. Nàng kéo chăn lên tận vai con trai. Nàng quay về phòng khách ngồi vào một cái ghế to. Nàng lật qua một cuốn tạp chí, cố đọc. Nàng nhìn các tấm ảnh và cố gắng tiếp tục đọc. Thỉnh thoảng có xe đi ngang trên đường, khi đó nàng ngẩng lên. Cứ mỗi xe đi ngang nàng lại chờ đợi, lắng nghe. Và rồi nàng lại nhìn xuống cuốn tạp chí. Có một chồng tạp chí trên kệ sau cái ghế to. Nàng lật qua tất cả.

Khi ngoài trời bắt đầu sáng nàng đứng dậy. Nàng đến bên cửa sổ. Bầu trời không mây phía trên những ngọn đồi bắt đầu chuyển sang màu trắng. Những hàng cây và dây căn hộ hai tầng bên kia đường bắt đầu hiện rõ trong khi nàng nhắm mắt. Bầu trời trắng hơn, ánh sáng nhanh chóng lan ra từ phía sau các ngọn đồi. Trừ những lần nàng thức giấc cùng với một trong các con (nàng không tính bởi vì những lần đó nàng không nhìn ra ngoài, chỉ vội vã quay lại giường hoặc ra nhà bếp), nàng chỉ thấy mặt trời mọc vài lần trong đời và đó là hồi nàng còn bé. Nàng biết không có lần nào giống như thế này. Cả trong các bộ phim nàng đã xem lẫn trong các cuốn sách nàng đã đọc chưa bao giờ nàng thấy một bình minh kinh khủng như thế này.

Nàng chờ đợi rồi nàng nhích ra phía cửa, mở khóa, bước ra ngoài cổng. Nàng kéo áo choàng lên che cổ. Không khí ướt và lạnh. Dần dần mọi thứ đều hiện rất rõ. Nàng nhìn mọi thứ cho đến ánh mắt nàng níu lại trên quãng ánh sáng đỏ nhấp nháy phía tháp radio trên ngọn đồi đối diện.

Nàng băng ngang căn hộ lơ mơ sáng, trở vào trong phòng ngủ. Anh nằm cong queo ngay giữa giường, chôn nùi vào bên vai, đầu nửa trên nửa dưới gối. Trông anh có vẻ tuyệt vọng trong giấc ngủ nặng nề, hai cánh tay soãi ra phần giường của nàng, hàm nghiến chặt. Trong khi nàng nhìn anh, căn phòng trở nên rất sáng và tấm ga giường nhạt màu bỗng trắng lấp lóa trước mắt nàng.

Nàng bập môi thành tiếng rồi quỳ xuống. Nàng chìa hai tay đặt trên giường.

“Lạy Chúa,” nàng nói. “Lạy Chúa, ngài có giúp đỡ chúng con không, lạy Chúa?” nàng nói.

14. Chương 14

THỬ ĐẶT ANH VÀO ĐỊA VỊ CỦA TÔI

Anh đang chạy máy hút bụi thì điện thoại đổ chuông. Anh đã hút bụi căn hộ được nửa chừng và đang làm phòng khách, sử dụng đầu vòi để hút lông mèo mắc giữa những cái gối tựa. Anh ngừng lại lắng nghe rồi tắt máy hút bụi. Anh nhắc điện thoại.

“A lô,” anh nói. “Myers nghe đây.”

“Myers,” chị nói. “Anh khỏe không? Anh đang làm gì đấy?”

“Không làm gì hết,” anh nói. “Chào em, Paula.”

“Chiều nay văn phòng có tiệc,” chị nói. “Anh cũng được mời. Dick mời anh.”

“Chắc anh không đến được,” Myers nói.

“Dick vừa mới bảo gọi điện cho anh bạn già nhà em đi. Lôi anh ấy xuống đây làm một ly. Lôi anh ấy ra khỏi cái tháp ngà và trở về thế giới thực một lát. Khi nhậu Dick rất tếu. Myers?”

“Anh nghe,” Myers nói.

Myers từng làm việc cho Dick. Dick lúc nào cũng nói tới chuyện đi Paris để viết tiểu thuyết, và Myers nghỉ việc để viết tiểu thuyết, Dick nói anh sẽ đợi tên Myers xuất hiện trên danh sách best-seller.

“Bây giờ anh không tới được.”

“Sáng nay bọn em mới nghe được vài tin khủng khiếp,” Paula tiếp tục, như thể chị không nghe anh nói gì. “Anh nhớ Larry Gudinas không. Anh ấy vẫn còn ở đây hồi anh bắt đầu làm. Anh ấy hỗ trợ mục sách khoa học một thời gian, rồi người ta đẩy anh ấy ra làm việc vặt, rồi xử anh ấy luôn. Sáng nay bọn em nghe tin anh ấy tự tử. Anh ấy tự bắn vào mồm mình. Anh hình dung ra không? Myers?”

“Anh nghe,” Myers nói. Anh cố nhớ Larry Gudinas và hình dung lại một anh chàng cao, khòm, đeo kính gọng kim loại, cà vạt sáng màu, hói hai bên đầu. Anh có thể hình dung ra cú giật, cái đầu toác ra. “Lạy Chúa,” Myers nói. “Thật buồn khi nghe chuyện đó.”

“Tối chỗ văn phòng đi anh, được không?” Paula nói. “Mọi người chỉ trò chuyện, uống vài ly và nghe nhạc Giáng sinh thôi. Đến nhé,” chị nói.

Myers có thể nghe thấy mọi âm thanh ở đầu dây bên kia. “Anh không muốn tới,” anh nói. “Paula?” Mấy bông tuyết lả tả bay ngoài cửa sổ khi anh nhìn ra. Anh sờ cửa kính và lấy mấy ngón tay viết tên mình lên cửa kính, chờ đợi.

“Gì cơ? Em nghe,” chị nói. “Thôi được,” Paula nói. “Vậy thì, mình gặp nhau uống chút gì ở quán Voyles nhé? Myers?”

“OK,” anh nói. “Voyles. Cũng được.”

“Mọi người ở đây sẽ thất vọng nếu anh không đến,” chị nói. “Đặc biệt là Dick. Dick ngưỡng mộ anh, anh biết đấy. Dick ngưỡng mộ anh thật lòng. Anh ấy bảo em thế. Anh ấy ngưỡng mộ sự can đảm của anh. Anh ấy nói nếu cũng can đảm được như anh, anh ấy đã nghỉ việc từ nhiều năm rồi. Dick nói phải can đảm lắm để làm giống như anh. Myers?”

“Anh đây mà,” Myers nói. “Anh nghĩ anh sẽ nổ máy xe được. Nếu không, anh sẽ gọi lại cho em.”

“Vâng ạ,” chị nói. “Hẹn gặp lại anh ở Voyles. Nếu không thấy anh gọi lại, năm phút nữa em sẽ rời khỏi đây.”

“Cho anh gửi lời chào Dick,” Myers nói.

“Em sẽ chuyển lời,” Paula nói. “Anh ấy đang nói về anh.”

Myers cất máy hút bụi đi. Anh bước xuống hai dãy bậc thang tới chỗ xe anh đang đỗ ở ô cuối cùng bị tuyết phủ đầy. Anh vào xe, nhấp chân côn vài lần, rồi đề thử. Xe nổ máy. Anh dè mạnh chân côn.

Trong khi lái xe, anh nhìn những người xách túi mua sắm đi lại vội vã trên vỉa hè. Anh liếc nhìn bầu trời xám đầy bông tuyết, nhìn những tòa nhà cao tầng tuyết đọng giữa các khe và trên rìa các cửa sổ. Anh cố nhìn ngắm mọi thứ, lưu giữ chúng cho sau này. Anh vừa viết xong một truyện mà chưa bắt đầu truyện khác được, điều đó khiến anh chán nản. Anh tìm thấy quán Voyles, một quán bar nhỏ ở góc gần cửa hàng quần áo nam giới. Anh đỗ xe phía sau rồi đi vào. Anh ngồi ở quầy bar một lúc rồi cầm ly đến cái bàn nhỏ gần cửa.

Khi bước vào Paula nói, “Chúc mừng Giáng sinh,” và anh đứng dậy hôn lên má chị. Anh kéo ghế cho chị.

Anh nói. “Scotch nhé?”

“Scotch,” chị nói, rồi nói “Scotch với đá” với cô phục vụ.

Paula nhắc ly của anh lên uống cạn

“Cho tôi một ly nữa,” Myers nói với cô phục vụ. “Anh không thích chỗ này,” Myers nói sau khi cô ta đi.

“Chỗ này thì sao?” Paula nói. “Mình đến đây luôn mà.”

“Anh chỉ không thích,” anh nói. “Mình uống một ly rồi đi chỗ khác.”

“Sao cũng được,” chị nói.

Cô phục vụ mang đồ uống đến. Myers trả tiền rồi cụng ly với Paula.

Myers nhìn chị đắm đắm.

“Dick gửi lời chào anh,” chị nói.

Myers gật đầu.

Paula nhấp một ngụm. “Hôm nay anh làm việc được không?”

Myers nhún vai.

“Anh làm gì?” chị nói.

“Không gì hết,” anh nói. “Anh hút bụi.”

Chị cầm lấy tay anh. “Mọi người đều gửi lời chào anh.”

Họ uống cạn ly.

“Em có ý này,” chị nói. “Sao mình không ghé thăm nhà Morgan một tí. Mình chưa gặp họ bao giờ, Chúa ơi, mà họ về lại đây đã mấy tháng rồi. Mình có thể ghé ngang chào họ một tiếng, chúng tôi là vợ chồng Myers đây. Ngoài ra, họ đã gửi thiệp ình. Họ bảo mình ghé thăm trong dịp lễ. Họ mời mình. Em không muốn về nhà,” cuối cùng chị nói và lần tay trong bóp tìm thuốc lá.

Myers nhớ mình đã chỉnh máy sưởi và tắt hết đèn trước khi ra khỏi nhà. Và rồi anh nghĩ về những bông tuyết bay dạt ngang cửa sổ.

“Còn cái thư xúc phạm mà họ bảo họ nghe nói mình có nuôi mèo trong nhà thì sao?” anh nói.

“Đến giờ thì họ quên chuyện đó rồi,” chị nói. “Dù sao thì đó không phải là chuyện gì ghê gớm lắm. Ôi, đi nào, Myers. Ghé qua đi.”

“Mình nên gọi trước nếu mình định ghé qua,” anh nói.

“Không,” chị nói. “Thế mới vui. Không cần gọi. Cứ đến gõ cửa chào hỏi, nói mình từng sống ở đây. Được không? Myers?”

“Anh nghĩ mình nên gọi điện trước,” anh nói.

“Đang dịp lễ mà,” chị nói, đứng lên khỏi ghế. “Đi nào, anh.”

Chị kéo tay anh và họ đi ra dưới trời tuyết. Chị bảo đi xe chị rồi sẽ lấy xe anh sau. Anh mở cửa cho chị xong, thì đi vòng qua bên ghế khách.

Anh bồi hồi khi nhìn thấy những ô cửa sổ sáng đèn, thấy tuyết trên mái nhà, thấy chiếc xe có thùng kéo ở ngõ vào nhà. Các màn cửa để mở và ánh đèn trên cây thông Noel nhấp nháy với họ từ cửa sổ.

Họ ra khỏi xe. Anh nắm khuỷu tay chị khi họ bước qua một đồng tuyết tiến về phía cổng trước. Họ mới đi được vài bước thì một con chó xồm to dùng phóng ra từ góc ga ra xộc thẳng về hướng Myers.

“Ôi, Chúa ơi,” anh nói, khò người lại, giật lùi, đưa tay lên cao. Anh trượt chân trên lối đi, áo khoác bùng nhùng, anh ngã vào đồng cỏ đông cứng ngắc và trong cơn sợ hãi cầm chắc con chó sẽ xông vào cắn họng. Con chó gừ lên một tiếng và bắt đầu đánh hơi áo khoác của Myers.

Paula nhặt một nắm tuyết ném con chó. Đèn cổng bật sáng, cửa mở, một người đàn ông gọi. “Buzzy!” Myers đứng dậy phủi phủi.

“Cái gì đó?” người đàn ông ở cửa nói. “Ai đó? Buzzy, lại đây, anh bạn. Lại đây!”

“Chúng tôi là vợ chồng Myers,” Paula nói. “Chúng tôi đến chúc Giáng sinh.”

“Vợ chồng Myers à?” người đàn ông ở cửa nói. “Đi ra! Vào trong ga ra. Đi, đi!” “Vợ chồng nhà Myers,” ông ta nói với người đàn bà đứng sau lưng đang cố nhìn qua vai ông.

“Vợ chồng Myers,” bà ta nói, “À, kêu họ vào, kêu họ vào, trời ạ.” Bà ta bước ra cổng và nói, “Vào nhà đi, xin mời, ngoài này lạnh cóng. Tôi là Hilda Morgan còn đây là Edgar. Chúng tôi rất vui khi gặp anh chị. Xin mời vào.”

Tất cả vội vã bắt tay nhau tại cổng trước. Myers và Paula bước vào còn Edgar Morgan đóng cửa lại.

“Đưa áo khoác cho tôi. Cởi áo khoác đi,” Edgar Morgan nói. “Anh không sao chứ?” ông ta nói với Myers, quan sát anh thật kỹ, và Myers gật đầu. “Tôi biết con chó đó khủng, nhưng nó chưa bao giờ làm gì như vậy. Tôi nhìn thấy hết. Tôi đang ngó ra cửa sổ thì chuyện xảy ra.”

Lời bình luận này với Myers có vẻ kỳ cục, anh nhìn người đàn ông. Edgar Morgan khoảng bốn mươi, gần như hói, mặc quần đen, áo thun, mang dép da.

“Nó tên là Buzzy,” Hilda Morgan thông báo và cau mặt. “Đó là chó của Edgar. Tôi thì chẳng chịu được con gì trong nhà, nhưng Edgar mua con chó này và hứa sẽ để nó ở hẳn bên ngoài.”

“Nó ngủ trong ga ra,” Edgar Morgan nói. “Nó đòi vào nhà nhưng chúng tôi không cho, anh biết không.” Morgan cười khùng khục. “Nhưng, ngồi xuống, ngồi xuống, bỏ qua cho cái sự bẽ bộn này nhé. Hilda, dời mấy thứ này đi chỗ khác để ông bà Myers có chỗ ngồi.”

Hilda Morgan dọn cái sofa đầy những gối, giấy bao, kéo, hộp ruy băng, nơ bướm. Bà để mọi thứ xuống sàn nhà.

Myers để ý thấy Morgan lại chăm chăm nhìn anh, lần này thì không cười.

Paula nói, “Myers, có cái gì trong tóc kìa anh.”

Myers đưa tay lên sau đầu thấy một nhánh cây nhỏ bèn bỏ vào túi.

“Cái con chó đó,” Morgan nói và lại cười khùng khục. “Chúng tôi đang uống trà, cà phê và gói mấy món quà muộn. Ông bà uống với chúng tôi một tách mừng ngày lễ nhé? Ông bà uống gì?”

“Gì cũng được ạ,” Paula nói.

“Gì cũng được,” Myers nói. “Nếu biết ông bà đang bận chúng tôi đã không đường đột.”

“Thôi đi,” Morgan nói. “Chúng tôi đã... rất tò mò về gia đình Myers. Ngài sẽ uống đồ nóng chứ?”

“Thế cũng tốt,” Myers nói.

“Còn bà Myers?” Morgan nói.

Paula gật đầu.

“Tôi sẽ mang hai tách đồ uống nóng lên,” Morgan nói. “Em này, anh nghĩ mình cũng đã sẵn sàng phải không?” ông ta nói với vợ. “Đây chắc chắn là dịp tốt.”

Ông cầm cốc của vợ vào bếp. Myers nghe tiếng cửa tủ bếp đánh ầm và nghe một tiếng lầm bầm nghe như lời nguyên rủa. Myers nheo mắt. Anh nhìn Hilda Morgan lúc đó đang ổn định chỗ ngồi trên cái đôn ở một đầu sofa.

“Ông bà ngồi xuống đây,” Hilda Morgan nói. Bà ta vỗ vỗ thành sofa. “Chỗ này, bên cạnh lò sưởi. Khi ông Morgan quay vào ta sẽ bảo ông ấy làm cho nó bùng lên lại.” Họ ngồi xuống. Hilda Morgan hai tay nắm nhau đặt trên đùi, người khẽ nghiêng về phía trước, dò xét gương mặt của Myers.

Phòng khách vẫn giống như anh nhớ, ngoại trừ trên bức tường đằng sau ghế Hilda Morgan ngồi anh thấy ba bức ảnh nhỏ được đóng khung. Trong một bức ảnh, một người đàn ông mặc đồ vest và áo măng tô đang ngả nón chào hai quý bà cầm ô che nắng. Bối cảnh là một sảnh rộng có ngựa và xe ngựa.

“Ở Đức thế nào?” Paula nói. Chị ngồi trên mép cái gối tựa, ví để trên đầu gối.

“Chúng tôi thích nước Đức lắm,” Edgar Morgan nói trong khi đi từ bếp vào mang theo một cái khay và bốn cốc lớn. Myers nhận ra mấy cái cốc.

“Bà đi Đức bao giờ chưa, bà Myers?” Morgan hỏi.

“Chúng tôi muốn đi,” Paula nói. “Phải không, Myers? Có thể sang năm, hè sang năm. Nếu không thì hai năm nữa. Chừng nào chúng tôi đủ tiền. Có lẽ ngay khi Myers bán được cái gì đó. Myers viết văn.”

“Tôi cho rằng một chuyến đi châu Âu sẽ rất bổ ích ột nhà văn,” Edgar Morgan nói. Ông để cốc lên trên miếng lót. “Xin cứ tự nhiên.” Ông ngồi xuống cái ghế đối diện vợ và nhìn Myers. “Trong thư ông nói ông nghĩ việc để viết văn”

“Đúng vậy,” Myers nói và nhấp một ngụm.

“Hầu như hàng ngày anh ấy đều viết cái gì đó,” Paula nói.

“Thật thế không?” Morgan nói. “Thật ấn tượng! Hôm nay ông viết gì, cho hỏi được không?”

“Không có gì cả,” Myers nói.

“Đang là ngày lễ mà,” Paula nói.

“Bà hẳn tự hào về ông ấy lắm, bà Myers,” Hilda Morgan nói.

“Đúng vậy,” Paula nói.

“Tôi thấy mừng cho bà,” Hilda Morgan nói.

“Hôm nọ tôi nghe được một chuyện mà có lẽ ông sẽ quan tâm,” Edgar Morgan nói. Ông lấy thuốc ra và bắt đầu nhồi tẩu. Myers châm một điếu thuốc và nhìn quanh tìm gạt tàn, rồi thả que diêm ra đằng sau ghế sofa.

“Thực sự đó là một chuyện kinh khủng. Nhưng có thể ông sử dụng được nó, ông Myers à.” Morgan bật lửa và rít tẩu. “Gì cũng biến thành văn được, ông biết rồi, đại khái thế,” Morgan nói, cười khà và vẩy que diêm. “Có anh chàng này tầm tuổi tôi. Anh ta là đồng nghiệp trong mấy năm. Chúng tôi biết nhau sơ sơ, và có vài người bạn thân chung. Rồi anh ta chuyển đi, ra làm ở một trường đại học gần đó. Hừ, anh biết đấy, thỉnh thoảng chuyện này hay xảy ra – anh ta ngủ với một sinh viên của mình.”

Bà Morgan tắc lưỡi tỏ ý không tán thành. Bà thò tay xuống lấy một gói quà nhỏ màu xanh lá cây và bắt đầu đánh một cái nơ đỏ lên

“Theo các nguồn tin, đó là một câu chuyện tình ái nóng bỏng kéo dài mấy tháng,” Morgan tiếp tục kể. “Thực ra là kéo dài đến tận gần đây. Chính xác là cách đây một tuần. Ngày hôm đó – vào buổi tối – anh ta thông báo với vợ – họ đã cưới nhau được hai mươi năm – anh ta thông báo với vợ rằng anh ta muốn ly dị. Ông có thể tưởng tượng người đàn bà tội nghiệp kia phản ứng thế nào – đột ngột như thế, đại khái vậy. Họ cãi nhau kịch liệt. Cả nhà đều tham gia. Cô ta ra lệnh cho anh ta cuốn khỏi nhà ngay lập tức. Nhưng ngay khi anh ta chuẩn bị đi, con trai anh ta ném một hộp xúp cà chua trúng vào trán. Anh ta chấn thương phải chở vào bệnh viện. Tình trạng anh ta khá nghiêm trọng.”

Morgan rít tẩu ngó Myers.

“Em chưa bao giờ nghe một chuyện như thế,” bà Morgan nói. “Edgar, chuyện đó thật kinh tởm.”

“Kinh khủng,” Paula nói.

Myers cười gằn.

“Giờ có chuyện này cho ông đây, ông Myers,” Morgan nói, đón cái cười gằn và nheo mắt lại. “Nghĩ về câu chuyện mà anh sẽ có được, nếu anh có thể chui vào đầu anh ta.”

“Hoặc đầu của cô ta,” bà Morgan nói. “Của người vợ. Nghĩ về chuyện của cô ấy nữa. Bị phản bội theo kiểu như thế sau hai mươi năm. Hãy nghĩ cô ấy có cảm giác như thế nào.”

“Nhưng hãy thử tưởng tượng những gì thằng bé tội nghiệp phải trải qua,” Paula nói. “Tưởng tượng xem, suýt giết chết cha nó.”

“Vâng, tất cả chuyện đó đều đúng,” Morgan nói. “Nhưng đây là cái mà tôi nghĩ rằng chưa ai nghĩ đến. Hãy nghĩ về chuyện này một lúc. Ông Myers, ông có đang lắng nghe không? Hãy nói cho tôi nghe ông nghĩ gì về chuyện này. Ông hãy đặt mình vào chỗ của một cô sinh viên mười tám tuổi yêu một người đàn ông có vợ. Nghĩ về cô ta một lúc xem, rồi ông sẽ nhìn thấy các khả năng phát triển cho câu chuyện của ông.”

Morgan gạt đầu và ngã người ra sau trên ghế, vẻ thỏa mãn.

“Tôi e là tôi chẳng thông cảm gì với cô ta,” bà Morgan nói. “Tôi chẳng thể tưởng tượng được cô ta là loại người gì. Ta đều biết thừa cô ta loại nào, cái loại dục dãi mấy lão già. Tôi cũng chẳng thông cảm gì cho ông kia – người đàn ông, kẻ theo đuổi, không, tôi không thông cảm. Tôi e là trong trường hợp này tôi chỉ có thể cảm thông với người vợ và cậu con trai.”

“Cần phải có một Tolstoy để kể chuyện này và kể cho ra trò,” Morgan nói. “Không kém hơn một Tolstoy. Ông Myers, nước vẫn còn nóng.”

“Đến giờ phải về rồi,” Myers nói.

Anh đứng dậy ném điều thuốc vào lò lửa.

“Ở lại đã,” bà Morgan nói. “Chúng ta còn chưa kịp quen nhau. Ông không biết là chúng tôi đã... bàn tán về ông như thế nào đâu. Bây giờ cuối cùng chúng ta mới gặp nhau, ở lại một chút nữa. Đây là một ngạc nhiên thú vị mà.”

“Chúng tôi cảm kích về tấm thiệp và lời nhắn của ông bà,” Paula nói.

“Tấm thiệp?” bà Morgan nói.

Myers ngồi xuống.

“Năm nay chúng tôi quyết định không gửi tấm thiệp nào,” Paula nói. “Lúc cần gửi thì tôi không sắp xếp công việc được, còn gửi vào giờ chót thì có vẻ chẳng có ý nghĩa gì.”

“Bà dùng thêm tách trà nữa chứ bà Myers?”

Morgan nói, bây giờ ông đang đứng trước mặt chị, tay để lên cốc của chị. “Bà sẽ nêu gương cho chồng bà đó.”

“Trà ngon lắm,” Paula nói. “Ấm cả người.”

“Đúng rồi,” Morgan nói. “Ấm cả người. Nói đúng rồi. Em, em có nghe bà Myers nói không? Ấm cả người. Như thế là rất tốt. Ông Myers à,” Morgan nói và chờ đợi. “Ông tham gia cùng chúng tôi chứ?”

“Thôi được,” Myers nói và để cho Morgan lấy cốc.

Con chó bắt đầu gừ gừ và cào cào cánh cửa.

“Cái con chó đó. Tôi không biết nó ăn phải cái quái gì nữa,” Morgan nói. Ông ta đi ra bếp và lần này Myers nghe rõ tiếng ông Morgan rửa xả khi nện cái ấm nước vào bếp lò.

Bà Morgan hát thầm trong miệng. Bà nhặt một gói quà đang được bao nửa chừng, cắt một đoạn băng keo và bắt đầu dán giấy lại.

Myers châm một điều thuốc. Anh thả que diêm xuống miếng lót cốc. Anh nhìn đồng hồ đeo tay.

Bà Morgan ngẩng đầu lên. “Hình như có tiếng hát,” bà nói. Bà lắng nghe. Bà đứng dậy đi ra cửa sổ đằng trước. “Có người hát này, Edgar!” bà gọi.

Myers và Paula đến bên cửa sổ.

“Đã bao năm rồi tôi chưa từng thấy những người đi hát mừng Giáng sinh,” bà Morgan nói.

“Cái gì đó?” Morgan hỏi. Ông ta cầm khay cốc. “Cái gì đó? Có chuyện gì hả?”

“Không có chuyện gì hết, anh à. Là những người hát mừng Giáng sinh. Họ ở đằng kia, bên kia đường,” bà Morgan nói.

“Bà Myers,” Morgan nói, chìa khay ra. “Ông Myers. Em.”

“Cám ơn,” Paula nói.

“Muchas gracias [1].” Myers nói.

[1] :Tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản: Cảm ơn nhiều.

Morgan để khay xuống rồi quay lại cửa sổ mang theo cốc của mình. Một đám thanh thiếu niên tụ tập trên lối đi trước căn nhà bên kia đường, có cả trai và gái, và một cậu bé cao hơn, già dặn hơn mặc áo khoác dài, quần khàn quàng cổ dày. Myers có thể nhận ra các khuôn mặt ở cửa sổ nhà bên kia – nhà Ardrey – và khi đám trẻ hát xong, Jack Ardrey ra cửa đưa gì đó cho cậu bé lớn hơn kia. Cả đám xuống đường, ánh đèn pin lấp loáng, rồi dừng lại trước một ngôi nhà khác.

“Bọn chúng không đến đây đâu,” lát sau bà Morgan nói.

“Cái gì? Tại sao bọn chúng không đến đây?” Morgan nói và ngoảnh sang vợ. “Nói cái gì ngớ ngẩn vậy. Tại sao chúng không tới đây?”

“Em chỉ biết là chúng sẽ không đến,” bà Morgan nói.

“Còn anh thì nói chúng sẽ đến,” Morgan nói. “Bà Myers, đám hát đó sẽ đến đây hay không? Bà nghĩ sao? Liệu chúng có quay lại để mang phúc lành cho nhà này không? Chúng tôi để tùy ông bà đấy.”

Paula ép sát hơn vào khung cửa sổ. Nhưng đám hát đã đi xa tận cuối đường. Chị không trả lời.

“Hừ, giờ thì những nhộn nhịp đó đã qua rồi,” Morgan nói và đi lại ghế của mình. Ông ta ngồi xuống, cau mày, bắt đầu nhồi tấu.

Myers và Paula quay lại sofa. Cuối cùng bà Morgan cũng rời cửa sổ. Bà ngồi xuống. Bà mỉm cười nhìn vào trong cốc. Rồi bà đặt cốc xuống và bắt đầu khóc.

Morgan đưa khăn tay cho vợ. Ông ta nhìn Myers. Bây giờ Morgan bắt đầu nện tay vào thành ghế. Myers nhích chân. Paula nhìn vào ví cô tìm một điều thuốc. “Thấy ông bà đã gây ra những gì chưa?” Morgan nói, mắt nhìn chăm chăm vào cái gì đó trên tấm thảm gần giày của Myers.

Myers gắng gượng.

“Edgar, mang thêm đồ uống cho họ,” bà Morgan vừa nói vừa chậm mắt. Bà lấy khăn tay lau mũi. “Em muốn họ nghe câu chuyện về bà Attenborough. Ông Myers viết văn. Em nghĩ ông ấy sẽ cảm kích câu chuyện này. Bọn em sẽ chờ anh quay lại trước khi bắt đầu câu chuyện.”

Morgan vợ mấy cái cốc. Ông ta mang cốc vào bếp. Myers nghe tiếng bát đĩa va lách cách, tiếng cánh cửa tủ bếp đóng sầm. Bà Morgan nhìn Myers mỉm cười yếu ớt.

“Chúng tôi phải về,” Myers nói. “Chúng tôi phải về. Paula, lấy áo khoác đi.”

“Không, không, chúng tôi năn nỉ đấy, ông Myers,” bà Morgan nói. “Chúng tôi muốn ông nghe chuyện bà Attenborough, bà Attenborough tội nghiệp. Có thể bà cũng cảm kích chuyện này, bà Myers à. Đây là dịp để bà xem đầu óc chồng bà xử lý chất liệu thô như thế nào.”

Morgan quay lại đưa thức uống nóng ra. Ông nhanh chóng ngồi xuống.

“Anh kể cho họ nghe chuyện bà Attenborough đi,” bà Morgan nói.

“Cái con chó đó suýt cắn đứt giò tôi,” Myers nói và ngay lập tức ngạc nhiên về lời nói của mình. Anh đặt cốc xuống.

“Ôi, thôi nào, làm gì tệ thế,” Morgan nói. “Tôi thấy mà.”

“Bà thấy nhà văn chưa,” bà Morgan nói với Paula. “Họ ưa phóng đại.”

“Quyền lực của ngòi bút và đại loại thế,” Morgan nói.

“Chính thế,” bà Morgan nói. “Bề ngòi bút của mình thành lưỡi cày, ông Myers à.”

“Chúng ta sẽ để bà Morgan kể câu chuyện về bà Attenborough,” Morgan nói, phớt lờ Myers lúc đó đã đứng dậy. “Bà Morgan có quan hệ mật thiết với sự vụ này. Tôi đã kể cho ông bà nghe chuyện anh chàng bất ngờ bị ném một hộp xúp vào mặt.” Morgan cười khùng khục. “Chúng ta sẽ để bà Morgan kể chuyện này.”

“Anh kể đi. Và ông Myers, ông nghe cho kỹ nhé,” bà Morgan nói.

“Chúng tôi phải về,” Myers nói. “Paula, đi nào.”

“Chuyện nói về sự trung thực,” bà Morgan nói.

“Thì cứ nói về sự trung thực,” Myers nói. Rồi anh nói, “Paula, em có đi không?”

“Tôi muốn ông bà nghe chuyện này,” Morgan nói, cao giọng. “Ông bà sẽ xúc phạm bà Morgan, ông bà sẽ xúc phạm cả hai chúng tôi, nếu không lắng nghe câu chuyện này.” Ông Morgan nghiêng đầu.

“Myers, xin anh,” Paula lo lắng nói. “Em muốn nghe chuyện. Rồi mình về, Myers? Xin anh đẩy, ngồi xuống một vài phút nữa thôi.”

Myers nhìn chị. Chị nhúc nhích mấy ngón tay, như ra hiệu với anh. Anh lưỡng lự, rồi ngồi xuống cạnh chị.

Bà Morgan bắt đầu. “Một chiều nọ ở Munich, Edgar và tôi đến thăm Bảo tàng Dortmunder. Mùa thu năm ấy có triển lãm phái Bauhaus, và Edgar nói thầy kẹ, hãy nghỉ làm một ngày – dạo đó anh ấy đang làm nghiên cứu – thầy kẹ, hãy nghỉ làm một ngày. Chúng tôi bắt xe điện đi băng qua Munich để đến viện bảo tàng. Suốt nhiều tiếng đồng hồ, chúng tôi xem triển lãm và thăm lại một số phòng tranh để bày tỏ sự kính trọng đối với vài họa sĩ mà chúng tôi yêu thích trong số những bậc thầy xưa. Ngay lúc chúng tôi định đi khỏi, tôi vào phòng vệ sinh nữ. Tôi bỏ quên xác ở đó. Trong ví có séc hàng tháng của Edgar bên nhà mới gửi qua hôm trước và một trăm hai mươi đô la tiền mặt mà tôi định sẽ nộp vào ngân hàng cùng với tấm séc. Giấy tờ tùy thân tôi cũng bỏ trong xác. Mãi đến khi về tới nhà tôi mới nhớ cái xác. Edgar ngay lập tức gọi điện cho ban quản lý bảo tàng. Nhưng trong lúc anh ấy đang nói chuyện tôi thấy một chiếc taxi dừng lại trước cửa. Một phụ nữ tóc bạc ăn vận lịch lãm bước ra. Đó là một phụ nữ to con mang theo hai chiếc xác. Tôi gọi Edgar rồi ra cửa. Người phụ nữ tự giới thiệu mình là bà Attenborough, đưa xác cho tôi, giải thích rằng bà ta cũng đi bảo tàng chiều hôm ấy và lúc vào nhà vệ sinh bà để ý thấy cái túi xác trong thùng rác. Dĩ nhiên bà đã mở xác để tìm xem chủ là ai. Có giấy tờ tùy thân trong đó nên bà tìm được địa chỉ chúng tôi. Ngay lập tức bà ra khỏi bảo tàng bắt taxi đến để đích thân giao chiếc xác. Tấm séc của Edgar còn đó, nhưng tiền, một trăm hai mươi đô, không còn. Dù vậy tôi vẫn rất biết ơn vì những thứ khác còn nguyên vẹn. Lúc đó gần bốn giờ và chúng tôi bảo bà ở lại uống trà. Bà ngồi xuống và trong chốc lát bắt đầu kể về mình. Bà sinh ra lớn lên ở Úc, lấy chồng khi còn trẻ, có ba người con, đều là trai, chồng mất, và vẫn sống ở Úc với hai con trai. Họ nuôi cừu, có hơn hai mươi mẫu đất để chăn cừu, và thuê người chăn cừu hay cắt lông cừu hay làm những việc khác cho họ tùy mùa trong năm. Khi bà tới nhà chúng tôi ở Munich, bà đang trên đường từ Anh về Úc, bà đã đi thăm con trai út của bà, một luật sư, ở Anh. Bà đang trên đường quay lại Úc thì gặp chúng tôi,” bà Morgan nói. “Bà đang đi tham quan nhiều nơi trên thế giới. Bà ghé nhiều nơi trong hành trình của mình.”

“Vào điểm chính đi em,” Morgan nói.

“Vâng. Rồi chuyện diễn ra thế này, ông Myers à. Đột nhiên, sau khi chúng tôi chuyện trò vui vẻ trong chùng một tiếng đồng hồ, sau khi người phụ nữ đó kể chúng tôi nghe về cuộc đời đầy mạo hiểm của bà ở Úc, bà đứng dậy đi về. Ngay khi bắt đầu đưa cốc cho tôi, miệng bà chợt há hốc, cốc rơi xuống, bà ngã ra sofa và chết. Chết. Ngay trong phòng khách chúng tôi. Đó là khoảnh khắc sốc nhất trong đời chúng tôi.”

Morgan gật đầu khẳng định.

“Ôi Chúa,” Paula nói.

“Định mệnh gửi bà ta tới chết trên sofa trong phòng khách nhà chúng tôi ở Đức,” bà Morgan nói.

Myers phá ra cười, “Định mệnh... gửi... bà ta... tới... chết.... trong... phòng khách... nhà... ông bà?” anh nói đứt quãng.

“Buồn cười hả, ngài?” Morgan nói. “Ngài thấy chuyện đó buồn cười thật à?”

Myers gật đầu. Anh không ngớt cười. Anh lau mắt lên ống tay áo. “Tôi thành thật xin lỗi,” anh nói. “Tôi không nhận được. Cái câu đó ‘Định mệnh gửi bà ta tới chết trên sofa trong phòng khách nhà chúng tôi ở Đức.’ Xin lỗi. Chuyện đó xảy ra khi nào?” anh cố nói. “Tôi muốn biết sau đó chuyện gì xảy ra.”

“Ông Myers, chúng tôi không biết phải làm gì,” bà Morgan nói. “Sốc kinh khủng. Edgar bắt mạch bà ta, nhưng chẳng có dấu hiệu gì của sự sống. Và bà ấy bắt đầu đổi màu. Cả tay và mặt bà ấy trở nên xám ngoét. Edgar ra chỗ điện thoại để gọi ai đó. Rồi anh ấy nói, ‘Mở xác bà ấy xem bà ấy ở đâu.’ Tôi lấy ví của bà ta ra mà luôn tránh nhìn cái vật tội nghiệp trên ghế sofa đó. Hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên và hoang mang toàn diện của tôi, hoang mang cùng cực, khi thứ đầu tiên tôi thấy bên trong xác là một trăm hai mươi đô la của tôi, vẫn còn kẹp bằng kẹp giấy. Chưa bao giờ tôi kinh ngạc như thế.”

“Và thất vọng,” Morgan nói. “Đừng quên điều đó. Thất vọng nào nê.”

Myers cười khùng khục.

“Nếu ông thực sự là nhà văn, như ông tự xưng, ông Myers, thì ông sẽ không cười,” Morgan đứng dậy nói. “Ông sẽ không dám cười! Ông sẽ cố mà hiểu. Ông sẽ rúc sâu vào trái tim của linh hồn tội nghiệp đó và cố mà hiểu. Nhưng ông không phải là nhà văn, thưa ngài.”

Myers không ngớt cười khùng khục.

Morgan đập tay lên bàn uống trà khiến những chiếc cốc tung lên trên miếng lót. “Câu chuyện thực thụ nằm ngay đây, trong căn nhà này, trong chính cái phòng khách này, và đã đến lúc nó phải được kể! Câu chuyện thực sự ở ngay đây, ông Myers!,” Morgan nói. Ông đi đi lại lại trên những tờ giấy gói quà rục rờ được trải ra và bây giờ vương vãi trên thảm. Ông dừng lại ném cho Myers một cái nhìn, lúc đó Myers đang ôm trán và cười rung bần bật.

“Hãy xem xét khả năng này, ông Myers!,” Morgan gào lên. “Hãy xem xét! Một người bạn – tạm gọi là ông X – là bạn của... của ông bà Y, cũng là bạn của ông bà Z. Không may ông bà Y và ông bà Z không biết nhau. Tôi nói không may vì nếu họ đã biết nhau thì đã không có câu chuyện này vì nó sẽ không bao giờ xảy ra. Giờ thì, ông X biết rằng ông bà Y chuẩn bị đi Đức một năm và cần ai đó ở nhà họ trong thời gian đi vắng. Ông bà Z đang tìm nơi ở phù hợp, và ông X bảo họ rằng ông biết một chỗ. Nhưng trước khi ông X giới thiệu ông bà Z với ông bà Y, ông bà Y phải đi sớm hơn dự định. Ông X, với tư cách là bạn được ông bà Y ủy thác cho bất kỳ ai thuê nhà tùy ý ông ấy, bao gồm cả ông bà Y... ý tôi là Z. Rồi, ông bà .. Z dọn vào nhà mang theo một con mèo mà sau này ông bà Y nghe được trong một lá thư từ ông X. Ông bà Z mang một con mèo vào nhà mặc dù điều kiện cho thuê nhà đã quy định rõ cấm nuôi mèo hay bất cứ con vật nào khác vì bà Y bị suyễn. Câu chuyện thực thụ, thưa ông Myers, nằm trong tình huống mà tôi vừa mô tả. Ông bà Z... ý tôi là ông bà Y dọn vào nhà của vợ chồng Z, xâm phạm căn nhà của vợ chồng Z, nếu sự thật cần được kể ra. Ngủ trên giường vợ chồng Z là một chuyện, nhưng mở khóa tủ riêng của vợ chồng Z và sử dụng ga gối, phá hoại những đồ đạc tìm thấy trong đó là đi ngược lại với tinh thần và văn bản hợp đồng cho thuê. Và cũng cái cặp này, vợ chồng Z, mở những hộp dụng cụ nhà bếp dán nhãn ‘Đừng Mở.’ Và làm vỡ đĩa trong khi trong cùng hợp đồng thuê đó nêu rõ, nêu rõ rằng họ không được phép sử dụng đồ đạc của chủ nhân, đồ đạc riêng của vợ chồng Z, tôi nhấn mạnh riêng.”

Môi Morgan trắng bệch. Ông ta tiếp tục đi đi lại lại trên giấy, thỉnh thoảng dừng lại nhìn Myers và phát ra những tiếng bập môi nho nhỏ.

“Còn đồ đạc trong nhà tắm nữa, anh – đừng quên đồ đạc trong nhà tắm,” bà Morgan nói. “Sử dụng chăn màn của vợ chồng Z là tệ lắm rồi, họ còn mó đến những thứ trong nhà tắm và ngó nghiêng những đồ vật riêng tư cất trong tầng áp mái, phải biết đâu là giới hạn chứ.”

“Đó là câu chuyện thực thụ ông Myers ạ,” Morgan nói. Ông ta cố nhồi tẩu. Tay ông run run khiến thuốc lá vung ra thảm. “Đó là câu chuyện thực sự chờ được viết ra.”

“Và không cần phải Tolstoy mới kể được,” bà Morgan nói.

“Không cần Tolstoy,” Morgan nói.

Myers cười ha hả. Anh và Paula đứng dậy cùng lúc và tiến ra cửa. “Chúc ngủ ngon,” Myers vui vẻ nói.

Morgan đứng sau lưng anh. “Nếu ngài thực sự là nhà văn, thưa ngài, ngài sẽ viết câu chuyện đó ngay mà không câu nệ.”

Myers chỉ cười. Anh chạm vào nắm đấm cửa.

“Một việc khác,” Morgan nói, “tôi không định mang chuyện này ra, nhưng do cách cư xử của ông ở đây tối nay, tôi muốn nói cho ông biết tôi mất bộ hai đĩa ‘Jazz at the Philharmonic’. Mấy đĩa đó có giá trị tình cảm to lớn. Tôi mua chúng năm 1955. Và bây giờ tôi yêu cầu ông nói tôi nghe chuyện gì đã xảy ra với những đĩa đó!”

“Nói cho ngay, Edgar,” bà Morgan nói trong khi đang giúp Paula mặc áo khoác, “từ sau khi anh kiểm các đĩa nhạc, anh đã thừa nhận anh không thể nhớ ra lần cuối cùng anh nhìn thấy mấy đĩa đó là khi nào.”

“Nhưng bây giờ anh chắc chắn về việc đó,” Morgan nói. “Anh tin chắc anh nhìn thấy mấy đĩa đó ngay trước khi ta lên đường, và bây giờ, bây giờ, anh muốn ông nhà văn này bảo anh chính xác ông ta biết chúng ở đâu. Ông Myers?”

Nhưng Myers đã ra bên ngoài, và, nắm tay vợ, anh vội vã dẫn vợ đi xuống chỗ đậu xe. Họ làm con Buzzy ngạc nhiên. Con chó kêu ăng như là sợ hãi rồi nhảy sang một bên.

“Tôi yêu cầu được biết về chuyện này!” ông Morgan gọi. “Tôi chờ nghe đây, thưa ngài!”

Myers đỡ Paula vào xe rồi bắt đầu nổ máy. Anh nhìn cặp kia ở cổng lần nữa. Bà Morgan vẫy tay, rồi bà và Edgar Morgan quay vào nhà và đóng cửa.

Myers đánh xe khỏi lề đường.

“Mấy người đó điên rồi,” Paula nói.

Myers vỗ lên tay vợ.

“Họ đáng sợ,” chị nói.

Anh không trả lời. Giọng chị đến với anh dường như từ nơi nào xa xôi. Anh cứ lái xe. Tuyệt lửa vào kính. Anh im lặng quan sát đường. Anh thực sự ở cuối một câu chuyện.

15. Chương 15

JERRY VÀ MOLLY VÀ SAM

Theo như Al thấy, chỉ có một giải pháp. Anh phải quảng con chó đi mà không để Betty hay bọn trẻ biết về chuyện đó. Đơn giản anh chỉ cần chở con Suzy tới – ừm, một chỗ nào đó, anh sẽ quyết định sau – mở cửa, đẩy nó ra, lái đi. Càng sớm càng tốt. Anh thấy nhẹ nhõm vì đã quyết định xong. Anh bắt đầu tin rằng bất cứ hành động gì thì cũng tốt hơn là không làm gì hết.

Hôm đó là Chủ nhật. Sau khi một mình ăn xong bữa sáng muộn trong bếp anh đứng bên cạnh bồn rửa bát, thọc tay túi quần. Gần đây chẳng có việc gì ổn thỏa. Nếu không phải lo toan về con chó hôi hám này thì cũng đã có đủ thứ để anh phải vật vờ rồi. Ở Aerojet người ta đang sa thải thay vì muốn người. Hồi giữa hè vừa rồi, các hợp đồng quốc phòng trên khắp cả nước bị đình trệ và Aerojet tính đến chuyện cắt giảm nhân sự. Thực tế là, đang cắt giảm nhân sự, mỗi ngày một nhiều hơn. Anh chẳng an toàn hơn bất cứ ai khác cho dù anh làm ở đó năm nay đã là năm thứ ba. Anh quan hệ tốt với những người cần thiết, ừ thì vậy, nhưng thâm niên hay bạn bè, cái nào cũng vậy, thời buổi này chẳng có ý nghĩa quái gì. Nếu tới lượt bạn thì, a lê hấp – không ai có thể giúp được gì. Họ sẵn sàng cho thôi việc, thì họ cho thôi việc. Năm mươi, một trăm người một lúc.

Chẳng ai an toàn, từ đốc công, giám sát cho đến người trực tiếp đứng dây chuyền. Và cách đây ba tháng, ngay trước khi những vụ sa thải bắt đầu, anh đã để Betty thuyết phục dọn vào cái căn nhà tươm tất hai trăm đô một tháng này. Thuê, kèm quyền chọn mua. Cứt thật!

Al đã không thực sự muốn rời chỗ cũ. Chỗ đó khá tiện nghi đối với anh. Ai mà biết chỉ hai tuần sau khi anh dọn nhà người ta bắt đầu sa thải? Nhưng thời buổi này thì ai mà biết được chuyện gì? Jill là một ví dụ. Jill làm kế toán ở Weinstock. Cô là một cô gái dễ thương, nói rằng cô yêu Al. Cô chỉ cô đơn, đêm đầu tiên cô bảo anh như thế. Cũng trong đêm đầu tiên cô bảo cô không có thói quen đi lại với đàn ông có vợ. Anh gặp Jill cách đây chừng ba tháng, khi anh đang rất chán nản và nhạy cảm vì những bàn tán về việc sa thải mới bắt đầu. Anh gặp cô ở quán Town and Country, một quán bar không quá xa chỗ ở mới của anh. Họ nhảy với nhau một chút rồi anh đưa cô về và họ hôn nhau đắm đuối trong xe hơi ngay trước căn hộ của cô. Tối đó anh không lên nhà cùng cô, dù anh chắc rằng anh có thể. Anh lên nhà cùng cô tối hôm sau.

Giờ thì anh đang ngoại tình, ôi Chúa, và anh chẳng biết phải xử trí thế nào. Anh không muốn tiếp tục, mà cũng chẳng muốn cắt đứt: người ta không quăng mọi thứ khỏi thuyền trong cơn bão. Al đang trôi dạt, anh biết anh đang trôi dạt, và anh chẳng đoán định được tất cả sẽ kết thúc ở đâu. Nhưng anh đang bắt đầu cảm thấy mất khả năng kiểm soát mọi sự. Mọi sự. Cũng gần đây, sau mấy ngày bị táo bón – một niềm đau khổ mà anh luôn gán cho người già – anh chợt thấy mình suy nghĩ về tuổi già. Rồi còn có vấn đề một chấm hói nhỏ khiến anh bắt đầu lo không biết sẽ chải tóc kiểu khác như thế nào. Anh sẽ làm gì với đời mình? anh muốn biết.

Anh ba mốt tuổi.

Đang phải đương đầu với tất cả thứ này thì cách đây bốn tháng Sandy, cô em vợ, cho bọn trẻ, Alex và Mary cái con chó lai đó. Anh ước gì anh chưa bao giờ nhìn thấy con chó ấy. Hay kể cả Sandy cũng vậy. Cái con điểm! Cô ả luôn xuất hiện với một thứ thái độ nào đó khiến anh phải hao tốn tiền của, một thứ tào lao nào đó sau một hai ngày là trục trặc và cần phải sửa, một thứ nào đó khiến bọn trẻ hú hét đánh lộn giành giật nhau. Lạy Chúa! Và xoay sang anh để vui vịnh, thông qua Betty, hai mươi lăm đô. Nội ý nghĩ về những tấm séc hai mươi lăm hay năm mươi đô, và tấm séc tám mươi lăm đô cách đây mấy tháng thanh toán tiền xe ô tô cho ả – thanh toán tiền xe ô tô cho ả, Chúa ạ, khi ngay cả anh cũng không biết liệu có chỗ chui ra chui vào hay không – là cũng đủ khiến anh muốn giết cái con chó khốn kiếp đó.

Sandy! Betty và Alex và Mary! Jill! Và con chó Suzy khốn kiếp!

Đây là Al.

Anh phải bắt đầu từ đâu đó – đưa mọi thứ vào nề nếp, thu xếp mọi chuyện. Đã đến lúc phải làm gì đó, đến lúc cần có suy nghĩ thẳng thắn để thay đổi. Và anh dự định bắt đầu vào đêm nay.

Anh sẽ lén dụ con chó vào xe, tìm cớ gì đó để ra khỏi nhà. Tuy nhiên anh ghét nghĩ đến cái kiểu Betty hạ mắt nhìn anh thay quần áo, và rồi, sau đó, ngay trước khi anh bước ra cửa, liền hỏi anh đi đâu, đi bao lâu, v.v... bằng cái giọng cam chịu khiến anh cảm thấy càng khó chịu hơn. Anh chẳng bao giờ quen với việc nói dối. Ngoài ra, anh ghét phải dùng nốt chút tình cảm còn sót lại của Betty cho việc nói dối về một điều khác với điều chị nghĩ ngờ. Một lời nói dối lãng phí, có thể nói vậy. Nhưng anh không thể nói sự thật với chị, không thể nói rằng anh không đi uống, không gặp gỡ ai, thay vào đó sắp sửa thủ tiêu con chó chết tiệt kia và qua đó thực hiện bước đầu tiên trong quá trình thiết lập trật tự trong nhà.

Anh xoa mặt, cố xua mọi thứ ra khỏi đầu một lúc. Anh lấy trong tủ lạnh ra một chai nửa lít bia Lucky lạnh và gỡ cái nắp nhôm ra. Đời anh đã trở thành một mê cung, cái này chồng chéo lên cái kia đến mức anh không chắc anh có thể lần ra đầu mối nếu như anh buộc phải làm vậy.

“Đồ chó chết tiệt,” anh nói to lên.

“Nó không biết điều,” là cách Al mô tả nó. Ngoài ra, nó là con vật dễ tiện. Ngay khi cửa sau đếm mở và mọi người đi vắng, nó sẽ khêu cánh cửa lưới ở ra, chui vào phòng khách và đá lên thảm. Trên tấm thảm bây giờ có ít nhất nửa chục vết bẩn to cỡ tấm bản đồ. Nhưng chỗ yêu thích nhất của nó là phòng giặt, nơi nó sẽ rúc vào quần áo bẩn, khiến cho hết thấy quần soóc và quần lót đều bị cắn đứt hay mòn. Nó còn gặm cả dâyăng ten ti vi bên ngoài nhà, và có lần Al lái xe về nhà thấy nó đang nằm ở sân trước với một chiếc giày Florsheim của anh trong mõm.

“Nó điên,” anh nói, “và nó làm mình phát điên. Mình không làm ra tiền đủ nhanh để mua đồ mới. Cái con chó mất dạy, bữa nào mình sẽ phải giết nó!”

Betty chịu đựng con chó được lâu hơn, có vẻ chung sống hòa bình một thời gian, nhưng đột nhiên chị sẽ có thể lên cơn, nắm chặt tay lại, gọi nó là đồ con hoang, con điếm, quát tháo bọn trẻ bắt chúng đuổi chó ra khỏi phòng chúng, phòng khách, v.v... Betty đối xử với bọn trẻ cũng theo cung cách đó. Chị có thể hòa bình với bọn trẻ từng ấy, để chúng tự do từng ấy, rồi lại lên cơn hung hăng với chúng, tát chúng, gào thét, “Ngừng lại, ngừng lại, tao không chịu nổi nữa.”

Nhưng lúc đó Betty nói, “Đó là con chó đầu tiên của các con. Anh hãy nhớ lại anh đã mê con chó đầu tiên của anh như thế nào.”

“Chó của anh có đầu óc,” anh sẽ bảo. “Nó là một con chó săn giống Ai len.”

Buổi chiều trôi qua. Betty và lũ trẻ đi đâu đó về bằng xe, và tất cả bọn họ ăn sandwich và khoai tây chiên trong sân. Anh lặn ra ngủ trên bãi cỏ, khi anh thức dậy thì đã gần tối.

Anh tắm, cạo râu, mặc quần dài và áo sơ mi sạch. Anh cảm thấy thoải mái nhưng uể oải. Trong khi mặc đồ anh nghĩ về Jill. Anh nghĩ về Betty và Alex và Mary và Sandy và Suzy. Anh thấy say thuốc.

“Mình sắp ăn tối đấy,” Betty nói, đi đến cửa buồng tắm nhìn anh chằm chằm.

“Đâu có sao. Anh không đói. Nóng quá chẳng muốn ăn,” anh vừa nói vừa mân mê cổ áo. “Có lẽ anh lái qua chỗ Carl, chơi vài cơ, uống vài ly bia.”

Chị nói, “Em hiểu rồi.”

Anh nói, “Chúa ơi!”

Chị nói, “Đi đi, em không quan tâm.”

Anh nói, “Anh không đi lâu đâu.”

Chị nói, “Đi đi, em nói rồi. Em nói em không quan tâm.”

Trong ga ra, anh nói, “Chết tiệt tất cả các người!” và đá cái cào văng từ bên này qua bên kia sàn xi măng. Rồi anh châm một điếu thuốc và cố gắng kiềm chế. Anh nhặt cái cào lên cất lại chỗ cũ. Anh đang lăm bằm một mình, “Trật tự, trật tự,” thì con chó đi vào ga ra, ngừng quanh cánh cửa, nhìn vào.

“Đây. Lại đây, Suzy. Đây, cô bé,” anh gọi.

Con chó vẫy đuôi nhưng cứ đứng yên.

Anh đi lại cái tủ phía trên máy cắt cỏ lấy ra một, rồi hai, cuối cùng là ba hộp thức ăn.

“Tối nay mày muốn gì cũng được, Suzy, gái già. Cho mày ăn thả ga,” anh dụ, mở cả hai đầu của hộp đồ ăn thứ nhất và trút đồng loạt nhón vào đĩa của con chó.

Anh lái xe vòng vòng cả tiếng đồng hồ, không sao quyết định được địa điểm. Nếu anh thả nó ở bất cứ khu lân cận nào và có người báo cho trạm chó lạc thì con chó sẽ quay về nhà trong vòng một hai ngày. Trạm chó lạc của hạt sẽ là nơi đầu tiên mà Betty gọi. Anh nhớ mình đã từng đọc chuyện những chú chó tìm đường về nhà xa hàng trăm dặm. Anh nhớ tới các chương trình chống tội phạm khi ai đó thấy một biển số xe, và ý nghĩ đó làm tim anh đập thình thịch. Dưới quan điểm của công chúng, không cần biết mọi sự kiện liên quan, nếu bị bắt gặp vứt bỏ một con chó thì thật là xấu hổ. Anh sẽ phải tìm ra một địa điểm thích hợp.

Anh lái xe đến gần sông American. Dù sao con chó cũng cần được đưa ra ngoài nhiều hơn, để được cảm thấy gió lùa trên lưng, được bơi và được lội nước khi nó muốn; thật tội nghiệp nếu lúc nào cũng nhốt chó sau hàng rào. Nhưng bãi đất gần bờ đê có vẻ quá hoang vắng, chẳng có nhà cửa nào xung quanh. Dù sao anh vẫn muốn con chó được ai đó tìm thấy và chăm sóc. Anh muốn tìm một ngôi nhà hai tầng lớn, nơi có những đứa trẻ vui vẻ, biết điều và cần một con chó, đang hết sức cần một con chó. Nhưng chẳng có căn nhà hai tầng cũ kỹ nào ở đây, chẳng có lấy một cái.

Anh vòng xe lại xa lộ. Từ lúc anh lừa nó vào xe anh chưa nhìn lại nó. Nó nằm yên lặng trên băng ghế sau. Nhưng anh khi tấp vào vệ đường và dừng xe lại, nó ngồi thẳng lên cầu nhàu, nhìn quanh.

Anh ngừng ở một quán bar, hạ tất cả kính xe xuống trước khi đi vào trong. Anh ở đó gần một tiếng đồng hồ, uống bia và chơi trò tạt đĩa. Anh cứ bắn khoản liệu có nên hé cả các cửa xe không. Khi anh quay ra, Suzy ngồi thẳng lên trong ghế cuộn lưới lại, phô hàm răng.

Anh ngồi vào xe và lại nổ máy.

Rồi anh nghĩ tới chỗ đó. Cái khu mà họ từng sống, có đầy trẻ con và ngay bên kia địa phận hạt Yolo, đó sẽ là chỗ thích hợp. Nếu con chó được ai đó tìm thấy, nó sẽ được đưa đến trạm chó lạc ở Woodland, không phải trạm ở Sacramento. Chỉ cần lái đến một trong những con đường ở cái khu cũ đó, ngừng lại, quăng ra một nắm cái thứ đồ ăn thối tha cho nó, mở cửa, giúp nó một tí bằng cách ẩy ra, và nó sẽ ra ngoài trong khi anh lái đi. Xong! Việc sẽ xong.

Anh vội vã lái xe ra đó.

Đèn cổng các nhà đã sáng và khi lái xe ngang ba hay bốn căn nhà anh thấy đàn ông đàn bà ngồi ngay bậc thềm trước. Anh đánh xe dọc theo con đường, và khi tới nhà cũ của mình anh chạy chậm lại gần như dừng hẳn dăm dăm ngó cánh cửa trước, cái cổng, ô cửa sáng đèn. Càng nhìn căn nhà, anh càng cảm thấy không hiện hữu. Anh đã sống đó ư – trong bao lâu? Một năm, mười sáu tháng? Trước đó nữa, Chico, Red Bluff, Ta, Portland – nơi anh gặp Betty – Yakima... Toppenish, nơi anh sinh ra và học trung học. Đường như với anh, kể từ khi không còn là trẻ con, chưa bao giờ anh biết sống mà không phải lo âu và không phải chịu những thứ còn tệ hơn. Anh nghĩ đến những mùa hè đi câu cá và cắm trại ở Cascades, những mùa thu đi săn trĩu chạy theo sau con Sam, bộ lông đỏ của con chó săn nháy nháy như ngọn đèn hiệu băng qua những cánh đồng ngô và đồng cỏ linh lăng nơi cậu bé là anh và con chó của anh hai đứa chạy như điên. Anh ước gì đêm nay anh có thể lái mãi, lái mãi cho đến khi lái trên con đường chính lát gạch cũ kỹ của Toppenish, rẽ trái ở chỗ có đèn giao thông đầu tiên, rồi rẽ trái tiếp, dừng lại khi tới chỗ mẹ anh sống, và không bao giờ, không bao giờ, vì bất cứ lý do gì, ra đi lần nữa.

Anh tới phía đầu tối của con phố. Có một bãi đất trống lớn ngay trước mặt và con phố rẽ sang bên phải men theo bãi đất đó. Gần như nguyên cả dãy nhà này không có căn nào nằm ở phía gần bãi đất hơn và chỉ có một căn, hoàn toàn tối, nằm phía bên kia. Anh dừng xe, không nghĩ ngợi gì thêm về việc anh định làm, bốc một nắm đồ ăn cho chó, nghiêng người qua ghế, mở cánh cửa phía sau gần bãi đất, ném đồ ra, và nói, “Đi nào, Suzy.” Anh đẩy nó cho đến lúc nó nhảy xuống đây về miền cường. Anh chồm tới chút nữa, kéo cánh cửa đóng lại, và từ từ lái đi. Rồi anh phóng càng lúc càng nhanh hơn.

Anh ngừng lại ở Dupee, quán bar đầu tiên anh gặp trên đường về lại Sacramento. Anh bồn chồn, mồ hôi lấm tấm. Anh đã nghĩ sẽ cảm thấy thoát nợ hay nhẹ nhõm, nhưng giờ anh không thực sự thấy thế. Nhưng anh tự trấn an mình rằng đó là một bước đi đúng đắn, rằng cảm giác yên ổn sẽ đến với anh vào ngày mai. Cái cần làm bây giờ là chờ đợi.

Uống được bốn ly bia thì một cô gái mặc áo cổ lọ, đi xăng đan xách một cái va li đến ngồi cạnh anh. Cô để va li ở giữa mấy cái ghế quầy bar. Có vẻ như cô quen anh bartender, và anh chàng bartender cứ nói giớ với cô mỗi khi đi ngang, một đôi lần còn đứng lại một chút để trò chuyện. Cô bảo Al cô tên là Molly, nhưng cô không đồng ý để anh mời cô bia. Thay vào đó, cô đề nghị ăn nửa cái pizza.

Anh mỉm cười với cô, và cô mỉm cười lại. Anh lấy thuốc lá và bật lửa ra để trên quầy bar.

“Thì pizza!” anh nói.

Chốc sau, anh nói, “Em có cần đi nhờ xe anh không?”

“Không, cảm ơn. Em đang đợi một người,” cô nói.

Anh nói, “Em định đi đâu?”

Cô nói, “Không đâu cả. Ồ,” cô nói, ngón chân chạm vào cái va li và cười xòa, “ý anh nói cái này?” “Em ở đây, Wet Sac. Em không định đi đâu cả. Trong này chỉ là cái động cơ máy giặt của mẹ em. Jerry – anh bartender kia – sửa đồ rất giỏi. Jerry nói anh ấy sẽ sửa không lấy tiền.”

Al đứng dậy. Anh hơi lảo đảo chú người về phía cô gái. Anh nói, “Thôi, chào tạm biệt, cưng. Hẹn gặp lại.” “Hẹn gặp lại!” cô nói. “Và cảm ơn về vụ pizza nhé. Chưa ăn gì từ trưa. Đang cố giảm một ít cái này.” Cô kéo áo thun lên, bóp một nắm thịt quanh eo.

“Chắc chắn là em không đi nhờ xe anh chứ?” anh nói.

Cô gái lắc đầu.

Vào lại trong xe, lái tiếp, anh thò tay tìm thuốc lá và cuống cuồng tìm bật lửa thì nhớ ra đã để quên mọi thứ ở quầy bar. Khi gió thật, anh nghĩ, hãy để cho cô ta giữ nó. Để cho cô ta nhét cái bật lửa và thuốc lá vào trong va li cùng cái máy giặt. Anh ghi sổ cho con chó, thêm một chi phí nữa. Nhưng ơn Chúa, là chi phí cuối cùng! Bây giờ nó làm anh nổi giận, vì rằng anh đang sắp xếp mọi thứ đâu vào đấy, rằng cô gái kia đã không thân thiện hơn. Nếu đang có tâm trạng khác, có thể anh đã tán tỉnh cô. Nhưng khi người ta đang chán nản, điều đó lộ khắp người, kể cả trong cách châm thuốc.

Anh quyết định đi gặp Jill. Anh ghé một cửa hàng bán rượu mua một panh whiskey rồi leo cầu thang lên căn hộ của cô, dừng lại ở chiếu nghỉ để thở và dùng lưỡi chà răng. Anh vẫn có thể nghe mùi nắm của pizza, còn miệng và cổ họng thì khô khốc vì whiskey. Anh chợt nhận ra điều anh muốn làm bây giờ là vào phòng tắm của Jill và dùng bàn chải đánh răng của cô.

Anh gõ cửa. “Al đây,” anh thì thầm. “Al,” anh nói to hơn. Anh nghe thấy chân cô chạm xuống sàn. Cô mở khóa và cổ tháo sợi dây xích ra trong khi anh dè dặt vào cửa.

“Từ từ nào, cưng. Al, anh đừng đẩy nữa... em không mở ra được. Rồi,” cô nói và mở cửa, nhìn thoáng qua mặt anh trong khi nắm lấy tay anh.

Họ ôm nhau một cách vội vã, và anh hôn lên má cô.

“Ngồi xuống, cưng. Đây.” Cô bật đèn lên và đưa anh tới sofa. Rồi cô đưa tay lên sờ mấy cái cuộn tóc, nói, “Em tô son một chút. Trong lúc đó anh muốn uống gì không? Cà phê? Nước trái cây? Bia? Chắc em sẽ uống bia. Anh có gì đó... whiskey hả? Anh muốn uống gì, cưng?” Một tay cô nghịch tóc anh và cô chồm qua người anh, nhìn vào mắt anh. “Tội nghiệp cưng của em, anh muốn gì?” cô nói.

“Chỉ muốn em ôm anh,” anh nói. “Đây. Ngồi xuống. Không cần son,” anh nói, kéo cô ngồi lên lòng. “Ôm. Anh đang ngủ,” anh nói.

Cô vòng tay quanh vai anh. Cô nói, “Anh lại giường đi, cưng, anh muốn gì em chiều.”

“Này, Jill,” anh nói, “mình đang trượt trên băng mỏng. Có thể vỡ bất cứ lúc nào... Anh không biết.” Anh nhìn cô đắm đuối với một vẻ mặt bất động, chờ đợi mà anh có thể cảm thấy nhưng không sửa được ‘Nghiêm túc đây,’ anh nói.

Cô gạt đầu. “Đừng nghĩ gì cả cưng. Thả lỏng đi,” cô nói. Cô kéo mặt anh về phía cô, hôn lên trán và môi anh. Cô khẽ xoay người trong lòng anh nói, “Đừng, đừng nhúc nhích, Al,” những ngón tay của hai bàn tay cô thỉnh thoảng luồn ra sau cổ anh và cùng lúc ôm lấy mặt anh. Anh nhìn vợ vẩn quanh phòng một thoáng, rồi cố tập trung xem cô đang làm gì. Cô giữ yên đầu anh trong mấy ngón tay khỏe mạnh. Cô nặn được một cái mụn đầu đen bên cánh mũi anh bằng hai móng tay cái.

“Ngồi yên!” cô nói.

“Không,” anh nói. “Đừng! Thôi đi! Không có hứng cho chuyện đó.”

“Em nặn gần xong rồi. Ngồi yên, em bảo!... Đó, nhìn đi. Anh nghĩ sao? Không biết nó ở đó, đúng không? Bây giờ chỉ một cái nữa, một cái to, cưng. Cái cuối cùng,” cô nói.

“Vào nhà tắm,” anh nói, hất cô ra, lấy đường đi.

Ở nhà, đang ngập ngựa nước mắt, rối tinh. Mary chạy ra xe, khóc, trước cả khi anh đỗ xe.

“Suzy mất rồi,” nó thút thít. “Suzy mất rồi. Nó không bao giờ trở về nữa. Bố ơi, con biết thế mà. Nó mất rồi!”

Chúa ơi, tìm anh chừng xuống. Mình đã làm gì thế này?

“Đừng lo nào, con yêu. Chắc nó chỉ quanh quẩn đâu đây. Nó sẽ trở về,” anh nói.

“Nó không trở về, bố. Con biết là nó không về. Mẹ nói mình có thể phải kiếm một con chó khác.”

“Như vậy không được sao con?” anh nói. “Một con chó khác, nếu Suzy không quay lại. Mình sẽ đến cửa hàng thú nuôi...”

“Con không muốn một con chó khác!” đứa bé khóc, bám vào chân anh.

“Mình kiếm một con khi được không bố, thay vì con chó?” Alex hỏi. “Nếu như mình đến cửa hàng thú nuôi để tìm một con chó, thì thay vào đó mình kiếm một con khi được không?”

“Con không muốn con khi!” Mary khóc. “Con muốn Suzy.”

“Tất cả buông ra nào, để bố vào nhà đã. Bố đang nhức đầu kinh khủng, kinh khủng,” anh nói.

Betty nhắc đĩa thức ăn trong lò ra. Trông chị mệt mỏi, bực bội... già xom. Chị chẳng nhìn anh. “Connó với anh rồi? Suzy đi mất? Em đã tìm kỹ trong vùng. Mọi nơi, em thề.”

“Con chó sẽ xuất hiện,” anh nói. “Chắc chỉ quanh quẩn đâu đó. Con chó đó sẽ quay về,” anh nói

“Nói nghiêm túc,” chị nói, quay sang anh tay chống nạnh, “Em nghĩ tới chuyện khác. Em nghĩ chắc nó bị xe cán. Em muốn anh lái xe lòng vòng xem. Tối qua các con gọi nó, lúc đó đã không thấy nó. Đó là lần cuối thấy nó. Em gọi trạm chó lạc và mô tả nó, họ nói các xe chưa về hết. Sáng nay em định gọi lại.”

Anh vào nhà tắm mà vẫn nghe chị tiếp tục. Anh bắt đầu mở nước vào bồn, bắn khoăn, cảm thấy nhộn nhạo trong bụng, không biết sai lầm của anh nghiêm trọng chừng nào. Khi tắt vòi rồi, anh vẫn nghe thấy tiếng vợ. Anh cứ nhìn cái bồn dầm dẫm.

“Anh có nghe em nói không?” chị gọi. “Sau bữa tối em muốn anh lái xe vòng quanh tìm nó. Con cũng có thể đi cùng anh để tìm... Al?”

“Ừ, ừ,” anh trả lời.

“Gì?” chị nói. “Anh nói gì?”

“Anh nói ừ. Ừ! Được rồi. Gì cũng được. Nhưng phải để anh rửa mặt một cái, được không?”

Chị nhìn từ bếp sang. “Hừ, mặt mũi anh bị cái quái gì vậy? Em có bảo anh say xỉn tối qua đâu, phải không? Em ngán lắm rồi, em bảo anh! Hôm nay em có một ngày chả ra sao, nếu anh muốn biết. Alex vào giường đánh thức em dậy lúc năm giờ, bảo rằng bố nó ngáy to quá đến nỗi... đến nỗi anh làm nó sợ. Em thấy anh ngoài kia quần áo đầy đủ đi ngang qua còn căn phòng thì bốc mùi lên tận trời. Em bảo anh em ngán lắm rồi!” Chị đảo mắt nhìn quanh bếp như muốn chộp cái gì.

Anh đá cánh cửa ập lại. Mọi thứ đang trở nên tồi tệ. Trong lúc cạo râu, có lúc anh ngừng lại cầm dao cạo trong tay nhìn mình trong gương: mặt anh đông cứng, vô hồn – vô đạo đức, đó mới là từ chính xác. Anh để cái dao cạo xuống. Tôi tin rằng lần này tôi đã phạm sai lầm nghiêm trọng nhất. Tôi tin rằng tôi đã phạm sai lầm nghiêm trọng nhất trong đời. Anh đưa dao cạo lên ngang cổ họng và kết thúc.

Anh không tắm, không thay quần áo. “Cắt phần ăn của anh vào trong lò,” anh nói. “Hoặc trong tủ lạnh. Anh đi ra ngoài. Ngay bây giờ,” anh nói.

“Anh có thể đợi đến lúc ăn tối xong. Con có thể đi cùng.”

“Không, đi làm quái gì. Để cho con ăn tối, tìm quanh nếu chúng muốn. Anh không đói, mà trời sắp tối rồi.”

“Mọi người phát điên hết rồi sao?” chị nói. “Em không biết chuyện gì sắp xảy ra với chúng ta. Em muốn quy ngã rồi. Em muốn mất trí rồi. Các con sẽ ra sao nếu em mất trí?” Chị sụp vào kệ bát đĩa, mặt nhăn nhúm, nước mắt lăn chả trên má. “Dù sao thì anh có yêu con đâu! Chưa bao giờ anh yêu con. Em không lo lắng về con chó. Mà về chúng ta. Về chúng ta! Em biết anh chẳng còn yêu em – quý tha ma bắt anh! – nhưng thậm chí con anh cũng chẳng yêu!”

“Betty, Betty!” anh nói. “Chúa ơi!” anh nói. “Mọi chuyện sẽ ổn thôi. Anh hứa với em,” anh nói. “Đừng lo,” anh nói. “Anh hứa với em, chuyện sẽ ổn cả. Anh sẽ tìm thấy con chó và rồi chuyện sẽ ổn,” anh nói.

Anh lao ra khỏi nhà, nép vào lùm cây khi nghe tiếng các con anh đi tới: con gái anh khóc, gọi, “Suzy, Suzy”; con trai anh nói chắc nó đã bị tàu cán. Khi chúng vào nhà rồi, anh đi về phía cái xe.

Anh cúi kính khi phải đợi đèn xanh, bực bội khi mất thời gian đỏ xăng. Mặt trời xuống thấp và nặng nề, ngay trên dãy đồi thâm thấp phía đầu kia thung lũng. Tối đa anh còn khoảng một tiếng đồng hồ ánh sáng ban ngày.

Anh thấy cả cuộc đời anh lụi tàn từ đây. Nếu sống được thêm năm mươi năm nữa – hầu như không thể – anh cảm thấy anh chẳng bao giờ vượt qua nổi chuyện này, chuyện vứt bỏ con chó. Anh cảm thấy đời anh xem như xong nếu không tìm thấy con chó. Người nào vứt bỏ một con chó nhỏ thì người đó chẳng đáng xu nào. Loại người đó hẳn việc gì cũng dám làm, không chùn bước trước bất cứ việc gì.

Anh nhấp nhúm trên ghế, đăm đăm nhìn bộ mặt sừng phồng của mặt trời khi nó hạ xuống dãy đồi. Anh biết tình hình bây giờ đã nghiêm trọng, nhưng anh chẳng làm gì được. Anh biết bằng cách nào đó anh phải lần ra con chó, hết như đêm hôm trước anh đã biết anh phải dứt bỏ nó.

“Mình là người sắp điên,” anh nói và tự gật đầu tán thành.

Lần này anh tới khu đất nơi anh bỏ con chó từ đầu bên kia, vừa đi vừa để ý có dấu hiệu chuyển động nào không.

“Mong rằng nó ở đây,” anh nói.

Anh dừng xe lại và lục soát khu đất. Rồi anh lái tiếp, chậm chậm. Một chiếc moóc đang nổ máy ì ì đỗ trong lối vào một căn nhà riêng lẻ, anh thấy một người phụ nữ ăn mặc chín chu mang giày cao gót đi ra cửa trước cùng một bé gái. Họ nhìn anh chằm chằm khi anh lái xe ngang. Thêm một đoạn nữa anh rẽ trái, anh nhìn suốt con phố và các khoảnh sân ở cả hai bên đường xa hết tầm mắt. Chẳng thấy gì. Hai đứa bé có xe đạp đứng bên cạnh một chiếc xe đang đỗ cách đó một dãy nhà.

“Xin chào,” anh rẽ xe lại, nói với hai thằng bé. “Hôm nay các em có thấy một con chó nhỏ màu trắng quanh đây không? Một loại chó trắng lông xù? Anh mất một con.”

Một cậu chỉ nhìn anh. Cậu kia nói, “Chiều nay em thấy đám trẻ con chơi với một con chó ở đằng kia. Ở con phố phía bên kia phố này. Em không biết đó là loại chó gì. Có thể là màu trắng. Có khá nhiều trẻ con ở đó.”

“OK, tốt quá. Cám ơn nhé,” Al nói. “Cám ơn rất rất nhiều,” anh nói.

Anh rẽ phải ở cuối đường. Anh tập trung vào con đường trước mặt. Mặt trời giờ đã lặn. Trời đã gần tối. Những căn nhà đứng kề nhau, cây cối, bãi cỏ, cột điện thoại, những chiếc xe đỗ, cảnh tượng đó làm anh xao động vì vẻ yên bình, không phiền muộn. Anh nghe tiếng một người đàn ông gọi con; anh thấy một phụ nữ mặc tạp dề bước ra chỗ cánh cửa sáng đèn.

“Có còn cơ hội nào ỉnh không?” Al nói. Anh cảm thấy mắt rơm rớm. Anh kinh ngạc. Anh không thể không tự cười mình và lắc đầu trong khi lấy khăn tay ra. Rồi anh thấy một tốp trẻ con đang đi xuống phố. Anh vẫy tay để thu hút sự chú ý.

“Các cháu có nhìn thấy một con chó trắng nhỏ không?” Al nói với chúng.

“Ồ, chắc rồi,” một đứa nói. “Chó của chú à?”

Al gật đầu.

“Cách đây chừng một phút bọn cháu vừa mới chơi với nó, hướng này. Trong sân nhà Terry.” Cậu bé chỉ. “Hướng này.”

“Chú có con chứ?” một đứa bé gái lên tiếng.

“Có, chú có con,” Al nói.

“Terry nói nó sẽ giữ con chó. Nó không có chó,” cậu bé nói.

“Chú không biết,” Al nói. “Chú không nghĩ con chú sẽ thích điều đó. Con chó là của chúng mà. Nó chỉ bị lạc,” Al nói.

Anh lái xe theo hướng đó. Lúc này trời đã tối, khó mà nhìn thấy gì, và anh lại bắt đầu lo sợ, thềm nguyên rủa. Anh chửi mình vì cái tội thay đổi như thời tiết, lúc thế này lúc thế nọ.

Lúc đó anh thấy con chó. Anh hiểu anh đã nhìn nó được một lúc. Con chó di chuyển chậm chạp, ngừng dăm cỏ dọc theo hàng rào. Al ra khỏi xe, đi băng qua bãi cỏ, vừa đi vừa cúi người xuống phía trước, gọi, “Suzy, Suzy, Suzy.”

Con chó ngừng lại khi thấy anh. Nó ngẩng đầu lên. Anh ngồi xuống trên gót chân, chìa tay ra, chờ đợi. Cả hai nhìn nhau. Nó ngoe nguẩy đuôi mừng. Nó lấn kènh ra hai chân trước ôm đầu chào anh. Anh đợi. Nó đứng dậy. Nó đi vòng quanh rào rồi khuất tầm mắt.

Anh ngồi đó. Sau khi ngẫm nghĩ hết mọi lẽ anh nghĩ là anh cảm thấy không quá tệ. Thế gian đầy những chó. Đâu cũng chó và đâu cũng chó. Có những con chó ta chẳng làm gì được.

16. Chương 16

TẠI SAO, CON TRAI?

Thưa Ông,

Tôi rất ngạc nhiên khi nhận được thư ông hỏi về con trai tôi, làm thế nào ông biết được tôi ở đây? Tôi chuyển đến chỗ này cách đây nhiều năm ngay sau khi chuyện đó bắt đầu diễn ra. Không ai biết tôi ở đây cả mà tôi cũng sợ người ta biết. Người mà tôi lo ngại chính là nó. Mỗi khi đọc báo tôi lại lắc đầu băn khoăn. Tôi đọc những gì người ta viết về nó và tự hỏi cái người đó có thật là con trai tôi không, nó có thực sự làm những việc này không?

Nó là một đứa ngoan, trù tính nóng nảy và trù chuyện nó không thể nói thật. Tôi không đưa ra cho ông được lý do nào. Chuyện bắt đầu vào một mùa hè trong dịp lễ Quốc Khánh, hồi đó nó chừng mười lăm tuổi. Con mèo Trudy nhà tôi biến mất cả đêm và cả ngày hôm sau. Tối hôm sau bà Cooper ở ngay sau nhà tôi sang nhà tôi bảo tôi rằng con Trudy lết vào sân sau nhà bà rồi chết. Con Trudy tanh bành nhưng bà nói bà vẫn nhận ra đó là Trudy. Ông Cooper chôn phần còn lại của Trudy.

Tanh bành? Tôi hỏi. Ý bà nói tanh bành là sao?

Ông Cooper thấy hai thằng bé ngoài đồng nhét pháo vào tai và chỗ đáy của Trudy. Ông ấy cố ngăn chúng lại nhưng chúng chạy mất.

Ai, ai có thể làm một trò như thế, ông ấy có nhận ra ai không?

Ông ấy không biết đứa kia nhưng một trong hai đứa chạy lối này. Ông Cooper nghĩ đó là con trai bà.

Tôi lắc đầu. Không, không phải thế đâu, nó không làm trò đó, nó thương Trudy mà, con Trudy ở với nhà tôi bao năm rồi, không, không phải là thằng con tôi đâu.

Tối hôm ấy tôi kể cho nó nghe chuyện con Trudy, nó tỏ vẻ ngạc nhiên và sốc, nói chúng tôi nên treo thưởng. Nó đánh máy một cái gì đó rồi hứa sẽ dán ở trường. Nhưng đêm đó trước lúc về phòng nó nói mẹ đừng coi nặng chuyện này quá, nó già rồi, phải sáu lăm hay bảy mươi tính theo tuổi mèo, nó đã khá thọ rồi.

Vào các buổi chiều và thứ Bảy nó đi làm, nó có chân sắp xếp hàng hóa ở cửa hàng Hartley. Betty Wilks, một người bạn của tôi làm ở đó, mách tôi công việc này và nói sẽ giới thiệu nó. Tối đó tôi bảo nó, nó nói, tốt, thiếu niên không dễ tìm việc.

Cái đêm nó lĩnh lương lần đầu, tôi nấu món khoai khoai của nó và bày trên bàn sẵn chờ nó về. A người đàn ông của gia đình đây, tôi nói và ôm nó. Mẹ tự hào lắm, con lĩnh được bao nhiêu, con trai? Tám mươi đô, nó nói. Tôi kinh ngạc. Thật là tuyệt, con trai ạ, mẹ không thể tin được. Con đói ngấu rồi, nó nói, mình ăn đi.

Tôi vui, nhưng tôi không hiểu được, chỗ đó còn nhiều hơn lương của tôi.

Khi giặt quần áo tôi thấy giấy lĩnh lương của cửa hàng Hartley trong túi áo nó, chỉ ghi hai mươi tám đô, nó nói tám mươi. Sao nó không nói thật? Tôi không hiểu được.

Nếu tôi hỏi tối qua con đi đâu, nó sẽ trả lời đi xem biểu diễn. Rồi tôi sẽ phát hiện ra nó đi khiêu vũ ở trường hay lượn lờ cả đêm với ai đó bằng xe hơi. Tôi nghĩ có gì khác biệt đâu, sao nó không thể thành thật, chẳng có lý do gì mà dối mẹ cả.

Tôi nhớ có lần nó nói là đi thực địa về, tôi hỏi nó con thấy những gì trong chuyến đi. Và nó nhún vai bảo địa chất, đá núi lửa, tro, người ta chỉ cho bọn con nơi cách đây hàng triệu năm là một cái hồ lớn, bây giờ chỉ là sa mạc. Nó nhìn vào mắt tôi và huyền thuyên. Rồi tôi nhận được thư của nhà trường nói họ muốn xin phép cho nó đi thực địa, liệu nó có được phép đi không.

Gần cuối năm lớp mười hai, nó mua một chiếc xe hơi và đi chơi suốt. Tôi lo lắng về điểm chác của nó nhưng nó chỉ cười. Ngài biết đấy, nó là một học sinh xuất sắc, hẳn ngài biết rõ điều đó. Sau đó nó mua một khẩu súng ngắn và một con dao săn.

Tôi ghét nhìn thấy những thứ đó trong nhà và tôi bảo nó thế. Nó cười, lúc nào nó cũng cười. Nó nói nó sẽ để súng và dao trong cốp xe, nó nói dù sao để đó cũng dễ lấy hơn.

Một tối thứ Bảy nó không về nhà. Tôi lo đến độ phờ phạc. Khoảng mười giờ sáng hôm sau nó về bảo tôi nấu bữa sáng cho nó, nó nói nó đi săn về nên rất đói, nó xin lỗi vì đã đi cả đêm, nó nói chúng đã lái một quãng đường dài đến chỗ kia. Nghe là lạ. Nó có vẻ run run.

Con đi đâu?

Lên tận Wenas. Bắn được vài phát.

Con đi với ai?

Fred

Fred?

Nó ngó tôi và tôi không nói gì nữa.

Ngày Chủ nhật kể sau đó tôi rón rén vào phòng nó lấy chìa khóa xe. Nó đã hứa mua đồ ăn sáng trên đường đi làm về tối hôm trước và tôi nghĩ nó để quên trong xe. Tôi thấy đôi giày mới của nó thò ra dưới giường dính đầy bùn và cát. Nó mở mắt.

Con trai, giày con làm sao thế? Nhìn giày con kìa.

Xe hết xăng, con phải đi bộ mua xăng. Nó ngồi dậy. Mẹ quan tâm làm gì?

Mẹ là mẹ con mà.

Trong lúc nó tắm tôi lấy chìa khóa và ra xe. Tôi không tìm thấy đồ ăn. Tôi thấy khẩu súng nằm trên một tấm khăn, cả con dao nữa, và tôi thấy áo sơ mi của nó vo tròn, tôi giữ thì thấy máu me be bét. Nó còn ướt. Tôi thả nó xuống. Tôi đóng cốp xe quay vào nhà thì thấy nó đang đứng nhìn nơi cửa sổ và nó mở cửa cho tôi.

Con quên bảo mẹ, nó nói, con bị chảy máu mũi, con không biết cái áo đó có giặt được không, hay là vứt đi vậy. Nó mỉm cười.

Mấy ngày sau tôi hỏi nó công việc ở chỗ làm thế nào. Nó bảo, tốt, nó mới được tăng lương. Nhưng tôi gặp Betty Wilks ngoài đường và chị ấy bảo mọi người ở Hartley đều rất tiếc khi nó bỏ việc, mọi người rất mến nó, Betty Wilks nói.

Sau đó hai đêm tôi nằm trên giường mà không ngủ được, tôi nhìn trần nhà chăm chăm. Tôi nghe tiếng xe nó dừng trước nhà, tôi lắng nghe tiếng nó tra chìa khóa vào ổ khóa và nó vào nhà bếp, đi qua hành lang về phòng rồi đóng cửa lại. Tôi dậy. Tôi có thể nhìn thấy đèn phòng nó hắt ra dưới cửa. Tôi gõ cửa và hỏi nó có muốn uống trà hay cà phê không, con trai, mẹ không ngủ được. Nó cúi xuống bên tủ quần áo, đóng rầm một ngăn kéo và quay sang tôi, mẹ ra khỏi đây đi, nó gào, ra khỏi đây đi, con chán thấy mẹ rình mò con rồi, nó gào. Tôi về phòng mình khóc đến khi ngủ thiếp. Đêm đó nó làm lòng tôi tan nát.

Sáng hôm sau nó dậy và đi trước khi tôi thấy nó, nhưng với tôi thế cũng được. Kể từ đó tôi coi nó như khách trọ trừ khi nó muốn thay đổi, tôi hết chịu được rồi. Nó sẽ phải xin lỗi nếu nó muốn chúng tôi không phải là những người lạ ở chung nhà.

Tối đó khi tôi về nó đã ăn tối xong. Mẹ khỏe không, nó hỏi, nó đỡ áo khoác cho tôi. Mọi việc hôm nay thế nào?

Tôi nói tối qua mẹ không ngủ được, con trai. Mẹ tự hứa sẽ không gợi lại chuyện và không cố làm cho con cảm thấy có lỗi nhưng mẹ không quen bị con trai mình nói bằng giọng như thế.

Con muốn ẹ xem cái này, nó nói, và nó cho tôi xem bài luận nó viết trong lớp dân sự. Tôi nghĩ là về mối quan hệ giữa quốc hội và tòa tối cao. (Đó là bài luận giúp nó đoạt giải khi tốt nghiệp!) Tôi gắng đọc và rồi tôi quyết định, đã đến lúc. Con này, mẹ muốn nói chuyện với con, với mọi sự như ngày nay nuôi dạy con cái là một việc khó khăn, đặc biệt khó khăn khi không có một người bố trong nhà, không có một người đàn ông mà chúng ta nương tựa khi cần. Con bây giờ đã gần trưởng thành nhưng mẹ vẫn còn trách nhiệm và mẹ cảm thấy mẹ có quyền được tôn trọng và đếm xỉa đến, mẹ đã cố công bằng, thành thật với con. Mẹ muốn sự thật, con à, đó là tất cả những gì mẹ đòi hỏi ở con, sự thật. Con trai, tôi thở một hơi, thử nghĩ nếu con có con mà khi con hỏi nó một cái gì đó, bất cứ thứ gì, nó đã ở đâu hoặc định đi đâu, định làm gì, bất cứ thứ gì, nó không bao giờ, không bao giờ nói sự thật? Mà nếu con hỏi nó có phải bên ngoài trời mưa không, lại trả lời không, trời đẹp và nắng, và mẹ nghĩ là nó sẽ cười một mình cho rằng con quá già hoặc quá ngốc nên không thấy quần áo nó ướt. Tại sao nó nói dối, con hỏi chính mình xem, nó được gì mẹ không hiểu. Mẹ cứ tự hỏi mình mà mẹ không có câu trả lời. Tại sao, con trai?

Nó không nói gì, nó cứ nhìn tôi chăm chăm, rồi nó nhích về phía tôi và nói con sẽ chỉ ẹ. Con bảo quỳ, con bảo mẹ quỳ xuống, nó nói, đó là lý giải đầu tiên.

Tôi chạy vào phòng mình khóa trái cửa. Tối đó nó bỏ đi, mang theo đồ đạc của nó, những thứ nó cần, và bỏ đi. Tin hay không thì tùy nhưng tôi chưa bao giờ gặp lại nó. Tôi thấy nó trong lễ tốt nghiệp nhưng lúc đó có nhiều người xung quanh. Tôi ngồi cùng cử tọa và nhìn thấy nó nhận bằng và giải thưởng cho bài luận của mình, rồi tôi nghe nó phát biểu và cùng vỗ tay với mọi người.

Sau đó tôi về nhà.

Tôi không bao giờ gặp lại nó. Ồ dĩ nhiên tôi thấy nó trên tivi và tôi thấy hình nó trên báo.

Tôi biết nó vào lính thủy đánh bộ và tôi nghe ai đó bảo nó ra khỏi lính thủy đánh bộ rồi đi học đại học bên bờ Đông rồi cưới cái con bé đó và đi làm chính trị. Tôi bắt đầu thấy tên nó trên báo. Tôi tìm ra địa chỉ của nó và viết thư cho nó, vài tháng tôi lại viết một lá thư, không bao giờ có hồi âm. Nó tranh cử thống đốc, đắc cử, và giờ nổi tiếng. Đó là khi tôi bắt đầu lo lắng.

Những nỗi sợ hãi này tăng dần trong tôi, tôi bắt đầu sợ, dĩ nhiên tôi thôi viết thư cho nó và tôi hy vọng rằng nó nghĩ tôi đã chết. Tôi chuyển đến đây. Tôi đặt một số điện thoại không đăng ký danh bạ. Và rồi tôi phải đổi tên. Nếu ông là người có quyền lực và ông muốn tìm ai đó thì ông tìm thấy, không khó khăn gì lắm.

Lẽ ra tôi phải thấy tự hào nhưng tôi sợ. Tuần trước tôi thấy một chiếc xe hơi trên phố và một người đàn ông ngồi trong mà tôi biết là theo dõi tôi, tôi đi ngay về nhà khóa cửa lại. Cách đây vài hôm điện thoại đổ chuông liên hồi khi tôi đã nằm nghỉ. Tôi nhấc điện thoại nhưng không có gì cả.

Tôi già rồi. Tôi là mẹ nó. Tôi phải là người mẹ hạnh diện nhất trong số các bà mẹ trên mặt đất nhưng tôi chỉ lo sợ.

Cảm ơn ông đã viết thư cho tôi. Tôi muốn phải có ai đó biết chuyện. Tôi rất xấu hổ.

Tôi cũng muốn biết làm thế nào mà ông biết được tên tôi và nơi tôi ở. Tôi đã cầu rằng không ai biết. Nhưng ông đã biết? Sao ông lại biết? Vui lòng nói cho tôi.

Trân trọng.

17. Chương 17

LỮ VỊT

Chiều hôm đó một cơn gió nổi lên mang theo trận mưa rào khiến cho lũ vịt đen kịt bay tán loạn khỏi mặt hồ tìm những cái hốc yên tĩnh trong rừng. Anh đang chế củi ở đằng sau nhà thì thấy bọn vịt bay cắt qua xa lộ rồi hạ xuống đầm lầy phía sau những rặng cây. Anh nhìn theo từng tốp sáu con, nhưng thường là từng đôi, tốp này theo sau tốp kia. Trời đã sẫm tối trên mặt hồ và sương giăng đầy nên anh không thể thấy bên kia hồ, nơi có trại cưa. Anh tranh thủ làm nhanh hơn, giáng cái nêo mạnh hơn xuống những khúc củi khô to, tách toạc chúng ra khiến những chỗ mục văng tung tóe. Trên dây phơi của vợ anh, căng giữa hai cây thông, ga giường và chăn đập phàn phật trong gió. Anh khuôn hai lượt hết chỗ củi vào trong cổng trước khi trời bắt đầu đổ mưa.

“Bữa tối xong rồi!” chị vợ gọi với ra từ bếp.

Anh vào trong rửa mặt. Trong khi ăn họ trò chuyện một chút, chủ yếu về những chuyến đi Reno. Đi làm ba ngày nữa, tới ngày lãnh lương, rồi tới kỳ nghỉ cuối tuần ở Reno. Ăn tối xong anh ra cổng và bắt đầu ảy con mỗi nhữ vào bao. Anh ngừng lại khi chị ra. Chị đứng ngay lối ra vào dõi theo anh.

“Sáng mai anh lại định đi săn?”

Anh nhìn tránh sang chỗ khác và nhìn ra hồ. “Nhìn thời tiết kìa. Sáng mai chắc trời đẹp.” Những tấm ga giường của chị kêu phành phạch trong gió và một cái chăn, “Đồ của em sắp ướt kìa.”

“Đằng nào thì cũng có khô đâu. Đã phơi ngoài đó hai ngày mà vẫn chưa khô.”

“Có chuyện gì vậy? Em không khỏe à?” anh nói.

“Em thấy bình thường.” Chị quay vào bếp, đóng cửa và nhìn anh qua cửa sổ. “Em chỉ ghét việc anh lúc nào cũng đi vắng,” chị nói với cái cửa sổ. Hơi thở chị bám lại trên kính, rồi mờ đi. Khi vào nhà, anh đặt mấy con mỗi vào một góc và đi lấy túi đựng đồ ăn trưa. Chị đang đứng tì vào tủ bếp, tay đặt trên mép bồn rửa bát. Anh chạm vào hông vợ, giật vẩy chị.

“Em đợi đến khi mình đi Reno nhé. Ở đó mình sẽ vui.” Anh nói.

Chị gạt đầu. Trong bếp thì nóng và có mấy giọt mồ hôi rịn trên mắt chị. “Khi anh về em sẽ dậy làm bữa sáng cho anh.”

“Em ngủ đi. Em cứ ngủ thì hơn.” Anh với tay ra phía sau chị để lấy túi đựng đồ ăn trưa.

“Hôn tạm biệt em đi,” chị nói.

Anh ôm chị. Chị siết chặt cánh tay quanh cổ anh và ghì anh. “Em yêu anh. Lái xe cẩn thận nhé.”

Chị đi lại cửa sổ nhà bếp và dõi nhìn anh chạy, nhảy qua mấy vũng nước mưa tới chỗ chiếc xe tải nhỏ. Chị vẫy tay khi anh ngoảnh lại từ trong buồng lái. Trời gần như tối và mưa nặng hạt.

Chị đang ngồi trên ghế bên cửa sổ phòng khách nghe radio và nghe mưa thì thấy ánh đèn xe tải của anh rẽ vào lối vào. Chị bật dậy vội vã ra cửa sau. Anh đứng đó ở cửa, chị sờ cái áo cao su ướt của anh.

“Họ bảo mọi người đi về nhà. Sếp trại cửa lên cơn đau tim. Ông ấy ngã xuống sàn ngay trong trại và chết.”
“Anh làm em sợ.” Chị cầm túi đựng đồ ăn trưa của anh rồi đóng cửa. “Ai nhỉ? Có phải đó là đốc công tên Mel?”

“Không, ông ấy tên là Jack Granger. Anh nghĩ ông ấy chừng năm mươi.” Anh bước lại gần cái lò sưởi bằng dầu và hơ tay. “Jesus, thật buồn cười! Ông ấy tới chỗ anh làm hỏi anh công việc thế nào rồi đi có lẽ chưa được năm phút thì Bill Bessie vào, bảo anh rằng Bill Granger vừa chết ngay trong trại.” Anh lắc đầu. “Chỉ vậy thôi.”

“Đừng nghĩ về chuyện đó nữa,” chị nói và cầm hai tay anh, xoa mấy ngón tay.

“Anh không nghĩ đâu. Những chuyện như vậy vẫn xảy ra. Mình chẳng biết đâu được.”

Mưa quất vào nhà và bắn tung tóe ngang những khung cửa sổ.

“Trời, trong đây nóng quá! Còn bia không?” anh nói.

“Chắc còn vài chai,” chị nói và theo anh đi ra bếp. Tóc anh còn ướt, chị lùa mấy ngón tay qua tóc anh khi anh ngồi xuống. Chị mở một chai bia cho anh và rót một ít vào ly của mình. Anh ngồi uống từng ngụm nhỏ, nhìn ra cửa sổ về khu rừng tối đen.

Anh nói, “Có người bảo ông ấy có vợ và hai con.”

Chị nói, “Tội nghiệp ông Granger đó, thật bất hạnh. Em vui vì có anh ở nhà, nhưng em không muốn chuyện như vậy xảy ra.”

“Anh cũng bảo mấy cậu kia như vậy. Đi về thì cũng thích, nhưng Chúa ơi, anh ghét được nghỉ kiểu này.” Anh khẽ nhích người trong ghế. “Em biết không, anh nghĩ hầu hết đám đàn ông có thể tiếp tục làm việc nhưng mấy cậu bé trong trại nói chúng không làm việc được khi ông ấy nằm đó như vậy.” Anh cạn chai bia rồi đứng lên. “Anh nói em nghe: anh thấy mừng khi chúng không làm việc được,” anh nói.

Chị nói, “Em cũng mừng khi anh không làm việc. Tối nay khi anh ra khỏi nhà, em có cảm giác thật là buồn cười. Em đang nghĩ về cái cảm giác đó, cái cảm giác buồn cười của em, thì thấy ánh đèn xe.”

“Tối hôm qua ông ấy mới ở trong phòng ăn kể chuyện cười, Granger là người tốt. Lúc nào cũng cười.”

Chị gật đầu. “Em chuẩn bị gì để ăn nhé, nếu như anh muốn ăn một chút.”

“Anh không đói, nhưng anh sẽ ăn một chút,” anh nói.

Họ ngồi trong phòng khách nắm tay nhau xem ti vi.

“Trước đây anh chưa bao giờ thấy chương trình này,” anh nói.

Chị nói, “Em không còn quan tâm lắm đến chuyện xem ti vi. Chẳng có gì đáng xem cả. Thứ Bảy hay Chủ nhật thì còn đỡ. Những tối ngày thường thì chả có gì.”

Anh duỗi chân và ngả người ra. Anh nói, “Anh hơi mệt. Chắc anh sẽ đi ngủ.”

Chị nói, “Chắc em tắm rồi cũng đi ngủ.” Chị lùa tay qua tóc anh rồi buông tay ra và mân mê cổ anh. “Có lẽ tối nay mình vui với nhau một chút. Mình chả có mấy dịp với nhau.” Chị vuốt ve đùi anh bằng tay kia, nghiêng sang và hôn anh. “Anh nghĩ sao?”

“Nghe cũng được,” anh nói. Anh đứng dậy đến bên cửa sổ. Anh nhìn bóng cây bên ngoài nhưng vẫn có thể thấy chị đứng sau lưng anh hơi chệch sang một bên. “Em này, sao em không đi tắm đi rồi mình vào giường,” anh nói. Anh đứng đó một lát ngắm mưa quất vào cửa sổ. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Nếu đang làm việc thì giờ này là giờ ăn trưa. Anh vào phòng ngủ và bắt đầu cởi quần áo.

Mặc mỗi quần soóc, anh quay lại phòng khách và nhặt cuốn sách trên sàn lên – Những bài thơ được yêu chuộng nhất Hoa Kỳ. Anh đoán cái câu lạc bộ mà chị là thành viên gửi tới theo đường bưu điện. Anh đi quanh nhà để tắt đèn. Rồi anh quay lại phòng ngủ. Anh lườn vào dưới chăn, chồng gối của vợ lên gối của mình, bẻ cái đèn cổ vịt cho ánh sáng rọi vào trang sách. Anh mở giữa chừng cuốn sách và bắt đầu đọc vài bài thơ. Rồi anh gác cuốn sách lên tủ đầu giường và bẻ đèn hướng vào phía tường. Anh chăm một điều

thuốc. Anh gối đầu lên cánh tay nằm đó hút thuốc. Anh nhìn thẳng vào tường. Ánh đèn soi rõ từng kẽ nứt nhỏ, từng chỗ phồng lên trong lớp vôi. Trong một góc, cao gần trần nhà, có một cái mạng nhện. Anh nghe tiếng mưa dội xuống từ trên mái.

Chị đứng dậy trong bồn tắm và bắt đầu lau người. Khi để ý thấy anh đang nhìn, chị mỉm cười, choàng khăn qua vai, bước một bước nhỏ trong bồn và làm dáng.

“Trông như thế nào?”

“Ồn,” anh nói.

“OK,” chị nói.

“Anh tưởng em vẫn còn...” anh nói.

“Em vẫn.” Chị lau người xong, thả khăn xuống sàn bên cạnh bồn tắm và duyên dáng bước lên đó. Chiếc gương bên cạnh chị đầy hơi nước và mùi cơ thể chị lan đến anh. Chị quay người lại với lấy cái hộp trên kệ. Rồi chị luồn vào quần lót và điều chỉnh miếng băng trắng. Chị cố nhìn anh, cố mỉm cười. Anh dụi điều thuốc rồi cầm cuốn sách lên lại.

“Anh đang đọc gì đó?” chị nói.

“Anh không biết. Vớ vẩn ấy mà.” Anh lật ra bìa sau nhìn lướt qua phần tiểu sử.

Chị tắt đèn, ra khỏi buồng tắm và chải tóc. “Sáng mai anh vẫn đi?” chị nói.

“Chắc không,” anh nói.

Chị nói, “Em vui lắm. Mình sẽ ngủ nướng, rồi dậy, ăn một bữa sáng thịnh soạn.”

Anh chồm qua lấy thêm điều thuốc.

Chị cất lược vào ngăn kéo, mở ngăn khác lấy một cái áo ngủ ra.

“Anh có nhớ anh mua cho em cái này hồi nào không?” chị nói.

Anh chỉ nhìn vợ.

Chị đi vòng qua mé giường phía anh. Họ nằm im một hồi, hút điều thuốc của anh đến khi anh gạt đầu ra dấu anh đã hút xong, và khi đó chị dụi tắt. Anh chồm qua người chị, hôn lên vai chị, và tắt đèn. “Em biết không,” anh nói, trong khi nằm ngửa, “anh nghĩ là anh muốn đi khỏi đây. Đến một nơi nào đó.” Chị xích lại gần anh và luồn chân giữa hai chân anh. Họ nằm nghiêng quay mặt vào nhau, môi gần như chạm nhau. Anh bắn khoả không biết hơi thở anh có sạch như hơi thở chị. Anh nói, “Anh chỉ muốn đi. Mình ở đây đã lâu. Anh muốn quay về quê gặp lại bạn bè. Hoặc chuyển lên Oregon. Đó là một chỗ dễ chịu.”

“Nếu như anh muốn vậy,” chị nói.

“Anh nghĩ vậy,” anh nói. “Có nhiều chỗ để đi.”

Chị khẽ cựa quậy, cầm tay anh đặt trên ngực mình. Rồi chị mở miệng và hôn anh, dùng tay kia vít đầu anh xuống. Từ từ chị nhích lên phía trên giường, nhẹ nhàng đẩy anh xuống ngực mình. Anh ngậm lấy núm vú và bắt đầu mút. Anh cố nghĩ ra anh yêu vợ nhiều bao nhiêu hay là anh có yêu vợ không. Anh nghe tiếng chị thở và anh cũng nghe tiếng mưa. Họ nằm như thế.

Chị nói, “Nếu anh không muốn thì cũng không sao.”

“Không phải vậy,” anh nói, không biết mình định nói gì.

Anh buông chị ra khi anh đoán chị đã ngủ và xoay qua phần giường của mình. Anh cố nghĩ về Reno. Anh có nghĩ về những cái khe trong máy đánh bạc, cách những viên xúc xắc đổ và trông chúng thế nào khi lật dưới ánh đèn. Anh cố nghe cho được tiếng quả banh ru lét khi nó lăn quanh cái bánh xe lấp lánh. Anh cố tập trung vào cái bánh xe. Anh nhìn và nhìn và lắng nghe và lắng nghe và nghe thấy tiếng cửa và máy chậm chậm lại, dừng hẳn.

Anh ra khỏi giường đến bên cửa sổ. Bên ngoài tối đen và anh chẳng thể nhìn thấy gì, kể cả mưa. Nhưng anh có thể nghe thấy tiếng mưa, trượt từ mái nhà xuống vũng nước dưới cửa sổ. Anh có thể nghe thấy tiếng mưa khắp nhà. Anh lần tay lên chỗ nước đọng trên cửa kính.

Khi quay vào giường, anh nhích lại gần vợ và đặt tay lên hông chị. “Em ơi, dậy đi,” anh thì thào. Nhưng chị chỉ rùng mình rồi nhích ra tận mép giường. Chị vẫn ngủ say. “Dậy đi,” anh thì thào. “Anh nghe tiếng gì ngoài kia.”

18. Chương 18

CÒN CÁI NÀY THÌ SAO?

Toàn bộ niềm lạc quan tô vẽ cho chuyến bay rời thành phố đã không còn, đã biến mất trong buổi tối của ngày thứ nhất, khi họ lái xe về phía bắc dưới bóng những cụm cây cù tùng tối sẫm. Giờ đây, những đồng cỏ trải dài, những con bò và những nông trang nằm tách biệt của miền Tây bang Washington có vẻ chẳng mang đến cho anh điều gì, chẳng có gì mà anh thực sự muốn. Anh đã mong đợi cái gì đó hoàn toàn khác. Anh cứ miên man lái trong khi một cảm giác vô vọng và bức bối cứ dâng lên.

Anh giữ tốc độ 50 dặm/giờ, đường này chỉ cho phép mức đó. Mồ hôi đọng trên trán và môi trên của anh, mùi hăng hắc của cỏ ba lá lơ lửng quanh người. Cảnh quan bắt đầu thay đổi; đường xa lộ đột nhiên hẵng xuống, băng qua một đoạn cống, gồ lên lại, rồi đường nhựa hết mất và giờ anh điều khiển xe trên con đường đất, một vệt bụi kinh hoàng bốc lên sau xe. Khi họ chạy ngang cái nền xưa của một căn nhà đã cháy rụi lẫn sau lùm phong, Emily bỏ kính mát ra nhòm tới, nhìn đắm đắm.

“Đó là chỗ của gia đình Owen ngày xưa,” cô nói. “Ông ấy và bố là bạn. Ông ấy có một bức tranh tĩnh vật để trên tầng áp mái và có một đôi ngựa kéo lớn ông dùng để tham gia tất cả hội chợ. Ông ấy chết vì vỡ ruột thừa khi em chừng mười tuổi. Một năm sau nhà ông cháy rụi trong lễ Giáng Sinh. Sau đó họ chuyển tới Bremerton.”

“Thế à?” anh nói. “Giáng sinh.” Rồi: “Anh rẽ trái hay rẽ phải ở đây? Emily? Trái hay phải?”

“Trái,” cô nói. “Trái.”

Cô lại đeo kính lên, chỉ để vài phút sau lại bỏ ra. “Cứ tiếp đường này, Harry, tới khi anh gặp giao lộ kế tiếp. Rồi rẽ phải. Thêm một quãng ngắn nữa thì tới.” Cô hút thuốc liên tục, hết điếu này tới điếu khác, bây giờ thì im lặng nhìn ra những cánh đồng đã được dọn dẹp, những cụm linh sam tách biệt, những ngôi nhà cũ kỹ rải rác.

Anh sang số, rẽ phải. Con đường đổ dần xuống một thung lũng thưa cây. Phía xa là Canada, anh đoán thế – anh có thể nhìn thấy một rặng núi và sau những ngọn núi đó là một dãy núi khác, sẫm màu hơn và cũng cao hơn.

“Có một con đường nhỏ,” cô nói, “ở phía đáy thung lũng. Đó chính là con đường mình phải đi.”

Anh cẩn thận rẽ và cho xe chạy chậm chậm theo lối mòn, trông chờ dấu hiệu đầu tiên của căn nhà. Emily ngồi cạnh anh, anh có thể thấy cô run run, lại hút thuốc, cũng chờ đợi bóng dáng căn nhà xuất hiện. Anh chớp mắt khi mấy nhánh cây lòa xòa quét vào kính xe. Cô khê nhòm người tới trước chạm tay vào chân anh. “Đây,” cô nói. Anh chạy chậm lại gần như dừng hẳn, cho xe vượt qua một lạch suối nhỏ nước trong veo từ đám cỏ cao bên trái chảy ra, rồi chui vào đám sơn thù du quần quýt, xóa khắp xe trong khi con đường nhỏ lên dốc. “Kia kìa,” cô nói, bỏ tay khỏi chân anh.

Sau thoáng nhìn đầu tiên, anh tập trung nhìn đường. Anh nhìn căn nhà một lần nữa sau khi dừng xe gần cửa trước. Rồi anh liếm môi, ngoảnh sang cô, và cố mỉm cười.

“Ừm, mình ở đây rồi,” anh nói.

Cô đang nhìn anh, không hề nhìn căn nhà.

Harry luôn sống ở thành phố – trong ba năm gần đây là San Francisco, và trước đó, Los Angeles, Chicago và New York. Nhưng đã từ lâu anh muốn về vùng quê, một vùng quê nào đó. Đầu tiên anh không rõ lắm về việc muốn đi đâu; anh chỉ biết anh muốn rời thành phố để tái khởi đầu. Anh nghĩ trong đầu sẽ là một cuộc sống giản đơn, chỉ những thứ thiết yếu, anh nói. Anh ba mươi hai tuổi và theo một cách nào đó là nhà văn, nhưng anh cũng là diễn viên và nhạc công. Anh chơi saxophone, thỉnh thoảng biểu diễn cùng nhóm Bay City Players, và đang viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên. Anh viết cuốn tiểu thuyết này từ lúc sống ở New York. Một chiều Chủ nhật tháng Ba âm đậm, khi anh lại bắt đầu nói về thay đổi, về một cuộc sống chân chất hơn đâu đó vùng thôn quê, cô đã nhắc tới, ban đầu chỉ ý đùa, chỗ bỏ hoang của bố cô ở miền Tây Bắc bang Washington.

“Lạy Chúa,” Harry nói, “em không phiền đấy chứ? Ý anh là sống thô kệch như thế. Sống ở chỗ nhà quê như thế?”

“Em sinh ra ở đó,” cô cười, nói. “Anh nhớ không? Em đã sống ở quê. Cũng ổn mà. Cũng có những cái hay. Em có thể về đó ở lại. Nhưng em không biết anh thế nào, Harry. Liệu nó có tốt cho anh không?”

Cô vẫn nhìn anh, giờ thì nghiêm túc. Gần đây anh cảm thấy lúc nào cô cũng nhìn anh.

“Em sẽ không hối tiếc chứ?” anh nói. “Từ bỏ những thứ ở đây?”

“Em có từ bỏ gì nhiều đâu, phải không, Harry?” Cô nhún vai. “Nhưng em không khuyến khích ý tưởng này đâu, Harry.”

“Ở đó em vẽ được không?”

“Ở đâu em cũng vẽ được,” cô nói. “Ở đó có trường đại học. Hoặc không thì Vancouver hoặc Seattle.” Cô cứ dõi nhìn anh. Cô ngồi trên cái ghế cao trước bức chân dung mờ ảo một người đàn ông và một người đàn bà đang vẽ dở, cứ se hai cái cọ vẽ tới lui trong tay.

Đó là cách đây ba tháng. Họ đã bàn đi bàn lại về chuyện đó và giờ họ ở đây.

Anh đập đập lên bức tường gần cửa trước. “Chắc. Cốt chắc. Điều chính yếu là phải có một cái cốt chắc chắn.” Anh tránh nhìn cô. Cô rất tinh nên chắc có lẽ đã đọc được điều gì đó trong mắt anh.

“Em đã bảo anh đừng kỳ vọng nhiều quá,” cô nói.

“Có, em có bảo thế. Anh nhớ rõ,” anh nói, vẫn không nhìn cô. Anh gõ tấm ván trơn một lần nữa rồi nhích ra đứng bên cạnh cô. Tay áo anh xắn lên trong cái nóng nồm nớp của buổi chiều, và anh đang vận quần jean trắng đi xăng đan. “Yên tĩnh, nhỉ?”

“Rất khác ở thành phố.”

“Chúa ơi, ừ... rất khác.” Anh cố mỉm cười. “Cần sửa sang một chút, vậy thôi. Sửa sang một chút. Nếu mình muốn ở đây nó cũng là chỗ tốt. Ít ra hàng xóm cũng không làm phiền mình.”

“Hồi còn nhỏ ở đây nhà em cũng có hàng xóm,” cô nói. “Muốn gặp họ phải lái xe đi, nhưng dù gì họ cũng là hàng xóm.”

Cánh cửa hé mở. Cái bản lề trên cao bị lỏng: cũng không đến nỗi. Harry ước lượng. Họ thông thả đi từ phòng này sang phòng nọ. Anh cố che dấu sự thất vọng. Hai lần anh gõ lên tường và nói, “Chắc lắm.” Hoặc, “Người ta không làm nhà như thế này nữa. Nhà như thế này mình có thể bày nhiều trò lắm.”

Cô dừng lại trước một căn phòng lớn và hít một hơi dài.

“Phòng của em à?”

Cô lắc đầu.

“Và mình có thể mượn đồ đạc cần thiết từ dì Elsie?”

“Ừ, bất cứ thứ gì mình cần,” cô nói. “Đó là trong trường hợp mình muốn ở lại đây. Em không ép. Quay lại vẫn không quá muộn. Không mất mát gì hết.”

Trong nhà bếp, họ thấy một cái bếp lò bằng gỗ và một tấm đệm dựng vào tường. Quay lại phòng khách, anh nhìn quanh mà nói, “Anh tưởng ở đây có lò sưởi.”

“Em chưa bao giờ nói có lò sưởi.”

“Không hiểu tại sao anh cứ tưởng là ở đây có một cái... Cũng không có ổ cắm,” một lúc sau anh nói. Rồi: “Không có điện!”

“Không cả toa lét nữa,” cô nói.

Anh liếc môi. “Hừ,” anh nói, quay đi xem xét cái gì đó ở góc nhà, “anh nghĩ mình có thể sửa sang một trong mấy phòng này, lắp bồn tắm và những thứ khác, và nhờ ai đó chạy đường ống nước. Nhưng điện là chuyện khác, phải không? Ý anh là, hãy đối diện với những vấn đề này khi mình đụng tới chúng. Lần lượt từng thứ một, phải không? Hãy... hãy đừng để mình chán nản vì những điều này, OK?”

“Em ước gì anh im lặng,” cô nói.

Cô quay đi và bước ra ngoài.

Một phút sau anh nhảy xuống mấy bậc thang, hít một hơi và cả hai chân thuốc. Một đám quạ cất lên ở phía cuối đồng cỏ và bay chậm chậm, lạng lẹ vào trong rừng.

Họ cuộc bộ về phía nhà kho, dừng lại ngắm nghía mấy cây táo quắt queo. Anh bẻ một nhánh cây khô nhỏ, lật qua lật lại trong tay khi cô đứng sau lưng anh hút thuốc. Quả là một vùng quê yên bình, nếu không nói là quấy rầy, và anh nghĩ thật dễ chịu khi cảm thấy một cái gì đó thường hằng, thực sự thường hằng, có thể thuộc về anh. Anh rung động vì một sự trù mên thành linh dành cho vườn cây ăn quả nhỏ.

“Phải làm ấy cái cây này có quả lại,” anh nói. “Chỉ cần tưới nước và chăm sóc một chút.” Anh mừng tượng cảnh anh bước ra khỏi nhà mang theo một cái giỏ mây và hái những quả táo đỏ lớn còn đắm sương mai, và anh nhận ra rằng cái ý tưởng đó hấp dẫn anh.

Anh cảm thấy tươi vui hơn một chút khi họ tới nhà kho. Anh xem qua những bảng số xe cũ dính trên cửa. Những biển số xanh, vàng, trắng của bang Washington, giờ đã gỉ sét, 1922-23-24-25-26-27-28-29-34-36-37-40-41-1949; anh xem xét những ngày tháng như thể anh nghĩ rằng chuỗi số có thể tiết lộ một mật mã. Anh tháo cái chèn cửa bằng gỗ rồi kéo, đẩy cánh cửa nặng nề để nó mở toang ra. Bên trong có mùi không khí lưu cữu. Nhưng anh tin đó không phải là một thứ mùi khó chịu.

“Mùa đông ở đây mưa nhiều,” cô nói. “Em nhớ tháng Sáu ở đây chưa bao giờ nóng thế này.” Ánh sáng mặt trời rơi qua những kẽ hở trên mái. “Có lần bố bắn một con hươu không trong mùa săn. Hồi đó em độ chừng – em không chắc lắm – tám hay chín tuổi, đang loay quanh ở đó.” Cô ngoảnh sang anh khi anh đứng lại bên cửa nhìn bộ yên cương cũ mọc trên đỉnh. “Bố đang ở đây trong cái kho này cùng với con hươu đó thì người gác rừng lái xe vào sân. Lúc đó đã tối. Mẹ bảo em xuống gọi bố, và người gác rừng, một người to cao đội mũ, đi theo em. Bố cầm một cái đèn vừa mới từ gác xếp bước xuống. Bố và người gác rừng trao đổi trong vài phút. Con hươu đang treo đó, nhưng người gác rừng không nói gì. Ông mời bố nhai thuốc lá, nhưng bố từ chối – bố không bao giờ thích nhai thuốc và ngay cả lúc đó cũng không nhận. Rồi người gác rừng bẹo tai em rồi đi. Nhưng em không muốn nghĩ về những chuyện ấy,” cô vội vã nói thêm. “Trong nhiều năm trời em không nghĩ về những chuyện như vậy. Em không muốn so sánh,” cô nói. “Không,” cô nói. Cô lùi lại, lắc đầu. “Em sẽ không khóc đâu. Em biết chuyện đó nghe có vẻ ủy mị và ngốc nghếch, và em xin lỗi vì tỏ ra ủy mị và ngốc nghếch. Nhưng Harry, thật sự là...” Cô lại lắc đầu. “Em không biết. Có thể việc quay lại đây là một sai lầm. Em cảm nhận được sự thất vọng của anh.”

“Em không biết đâu,” anh nói.

“Không, đúng thế, em không biết,” cô nói. “Và em xin lỗi. Thực tình em không định thuyết phục anh bằng cách này hay cách nọ. Nhưng em nghĩ anh không muốn ở lại. Phải không?”

Anh nhún vai.

Anh lấy một điều thuốc ra. Cô nhận điều thuốc từ tay anh và cầm nó, chờ đợi que diêm, chờ đợi ánh mắt anh gặp ánh mắt cô qua que diêm.

“Khi em còn nhỏ,” cô tiếp tục, “em muốn khi lớn lên thì theo gánh xiếc. Em không muốn làm y tá hay giáo viên. Hay họa sĩ. Lúc đó em không muốn thành họa sĩ. Em muốn trở thành Emily Horner, nghệ sĩ đi dây. Với em chuyện đó là quan trọng. Em từng tập ở đây, trong kho này, đi trên những cái xà nhà. Cái xà nhà to đằng kia, em đi trên đó hàng trăm lần.” Cô định nói gì khác, nhưng lại bập thuốc và dụi bó bằng gót chân, cẩn thận vùi nó xuống đất.

Anh nghe tiếng chim kêu bên ngoài nhà kho, rồi anh nghe thấy tiếng chân chạy trên mấy tấm ván phía trên gác xép. Cô đi ngang qua anh, ra ngoài chỗ sáng, và bắt đầu chậm rãi băng qua đám cỏ cao ngút hướng về phía căn nhà.

“Mình sẽ làm gì đây, Emily,” anh gọi với theo cô.

Cô dừng lại, và anh tiến đến gần bên cô.

“Sống sót,” cô nói. Rồi cô lắc đầu và mỉm cười yếu ớt. Cô chạm cánh tay anh. “Jesus, em chắc là chúng mình đang gặp rắc rối, phải không? Nhưng em chỉ biết nói vậy, Harry à.”

“Mình phải quyết định,” anh nói, không thực sự biết mình có ý định nói gì.

“Harry, anh quyết định đi, nếu như anh chưa quyết định. Đây là quyết định của anh. Em sẽ quay về ngay nếu như điều đó làm anh dễ chịu hơn. Mình sẽ ở với dì Elsie một hai ngày rồi quay về. Được không? Nhưng cho em một điều, nhé? Em đi lên nhà.”

Anh nhích lại gần cô hơn, tưởng tượng họ có thể ôm nhau. Anh muốn ôm. Nhưng cô không nhúc nhích; cô chỉ nhìn anh không rời mắt, nên anh chỉ véo mũi cô nói, “Chốc nữa gặp lại em.”

Anh nhìn theo cô. Anh xem đồng hồ, quay lại, chậm rãi đi xuống phía đồng cỏ dẫn vào trong rừng. Cỏ cao đến gối anh. Ngay trước khi bước vào rừng, chỗ cỏ bắt đầu thưa ra, anh tìm thấy một lối đi. Anh xoa sống mũi phía dưới cái kính mát, ngoảnh lại nhìn ngôi nhà và nhà kho, rồi tiếp bước, thông thả. Một đám muỗi bay quanh đầu khi anh bước đi. Anh ngừng lại châm điếu thuốc. Anh ngoảnh lại một lần nữa, nhưng giờ thì không thấy cả căn nhà lẫn nhà kho. Anh đứng đó nhả khói, bắt đầu cảm nhận được sự tĩnh lặng lẫn trong cỏ cây và trong bóng đổ sau lùm cây. Chẳng phải đây là điều mà anh mong muốn sao? Anh bước tiếp, tìm chỗ để ngồi.

Anh châm một điếu nữa và dựa vào một thân cây. Anh nhặt mấy miếng gỗ vụn từ trong đám đất mềm mại giữa hai chân. Anh hút thuốc. Anh nhớ một tập kịch của Ghelderode nằm trên đồng đồ đạc trong ghế sau xe, và anh nhớ lại tên một số thị trấn nhỏ mà sáng hôm đó anh đi ngang – Ferndale, Lyuden, Custer, Nooksack. Đột nhiên anh nhớ lại tấm đệm trong nhà bếp. Anh cố hình dung ra cảnh Emily đi trên cái xà to trong nhà kho. Nhưng điều đó cũng làm anh sợ. Anh hút thuốc. Thực sự anh cảm thấy bình tĩnh, sau khi nghĩ kỹ mọi việc. Anh biết rằng anh sẽ không ở lại đây, nhưng việc biết điều đó bây giờ không làm anh bức bối. Anh vui vì anh biết anh quá rõ bản thân. Anh xác định anh sẽ ổn thỏa. Anh chỉ mới ba mươi hai. Không quá già. Trong thời khắc hiện tại, anh đang rắc rối. Anh thừa nhận điều đó. Sau rốt, anh ngẫm nghĩ, đời là như thế, chẳng phải sao? Anh dập thuốc. Trong chốc lát anh lại châm điếu thuốc khác.

Khi vòng qua góc nhà, anh thấy cô vừa mới lộn một vòng. Cô tiếp đất nhẹ nhàng, hơi nhoài ra, rồi cô thấy anh.

“Hê,” cô gọi, ngoác miệng cười.

Cô nhướn lên, cả người đổ trụ vào phần trên của bàn chân, gơ hai cánh tay ngang đầu, lướt tới. Cô lộn hai vòng nữa trong khi anh dõi theo, và rồi cô gọi, “Còn cái này thì sao!” Cô trồng chuối trên hai bàn tay, giữ thẳng bằng, bắt đầu run run tiến về phía anh. Mặt đỏ bừng, áo dòn xuống cằm, hai chân vẩy điên loạn, cô tiến về phía anh.

“Anh đã quyết định chưa,” cô nói, gần như không thở.

Anh gật đầu.

“Vậy sao?” cô nói. Cô ngả bằng vai và lăn ngửa ra, che mắt cho khỏi chói bằng một cánh tay như thể khoe ngực.

Cô nói, “Harry.”

Anh đang xòe tay châm thuốc bằng que diêm cuối cùng thì tay anh bắt đầu run rẩy. Que diêm tắt ngấm, và anh đứng đó cầm hộp diêm rỗng cùng điếu thuốc, đăm đăm nhìn khoảng cây mênh mông ở phía cuối đồng cỏ sáng.

“Harry, chúng mình cần phải yêu nhau,” cô nói. “Chúng mình chỉ cần phải yêu nhau,” cô nói.

19. Chương 19

XE ĐẠP, CƠ BẮP, THUỐC LÁ

Đã hai ngày từ khi EvanHamilton bỏ thuốc, và dường như với anh trong hai ngày qua mọi điều anh nói hay suy nghĩ đều ít nhiều gợi về thuốc lá. Anh nhìn đôi tay mình dưới ánh đèn nhà bếp. Anh ngửi ngửi đốt tay và ngón tay.

“Anh ngửi thấy mùi thuốc,” anh nói.

“Em biết. Như thể nó ứa ra theo mồ hôi,” AnnHamilton nói. “Trong vòng ba ngày sau khi bỏ thuốc em có thể ngửi thấy mùi thuốc trên người em. Ngay cả khi em vừa mới tắm xong. Thật kinh tởm.” Chị đang xếp đĩa lên bàn chuẩn bị cho bữa tối. “Em chia sẻ với anh. Em biết anh phải trải qua những gì. Nhưng anh nên yên tâm rằng ngày thứ hai luôn là ngày khó khăn nhất. Ngày thứ ba dĩ nhiên cũng khó, nhưng sau ba ngày đầu, nếu anh có thể chịu đựng được từng ấy thời gian, anh đã qua được giai đoạn khó khăn nhất. Nhưng em rất vui vì anh bỏ thuốc một cách nghiêm túc, vui không nói hết.” Chị chạm cánh tay anh. “Giờ, anh gọi Roger về đi để mình ăn tối.”

Hamilton mở cửa trước. Trời đã tối. Đã là đầu tháng Mười một nên ngày ngắn và lạnh. Có một thằng bé lớn hơn con trai anh đang ngồi trên một chiếc xe đạp nhỏ nhưng trang bị đầy đủ trong ngõ vào nhà. Thằng bé nhồm nhồm yên xe, nhón chân chạm vào vỉ hè và giữ người thẳng.

“Chú là Hamilton?” thằng bé nói.

“Đúng rồi,” Hamilton nói. “Chuyện gì thế? Liên quan đến Roger hả?”

“Chắc Roger đang ở nhà cháu nói chuyện với mẹ cháu. Kip và một thằng nữa tên GaryBerman cũng ở đó. Có chuyện liên quan đến cái xe đạp của em cháu. Cháu không biết chắc lắm,” thằng bé nói, vịn hai tay lái, “nhưng mẹ cháu bảo mời chú đến. Mời bố hoặc mẹ Roger.”

“Nhưng nó không sao chứ?” Hamilton nói. “Được, dĩ nhiên. Chú sẽ ra ngay.”

Anh vào nhà mang giày.

“Anh có thấy nó không?” AnnHamilton nói.

“Nó đang mắc mứu gì đó,” Hamilton trả lời. “Liên quan tới cái xe đạp. Có một thằng bé – anh chưa kịp hỏi tên – đang ở ngoài. Nó muốn anh hoặc em đi cùng đến nhà nó.”

“Con có sao không?” AnnHamilton hỏi và cởi tạp dề ra.

“Chắc chắn là không sao.” Hamilton nhìn vợ và lắc đầu. “Nghe có vẻ như là chuyện cãi nhau của trẻ con, và mẹ thằng bé tự dính líu vào.”

“Anh có muốn em đi không?” AnnHamilton hỏi.

Anh ngẫm nghĩ một chút. “Ừ, anh muốn để em đi hơn, nhưng thôi để anh đi. Chờ bố con anh về hãy ăn tối nhé. Chắc không lâu đâu.”

“Em không thích nó ở ngoài khi trời đã tối,” AnnHamilton nói. “Em không thích thế.”

Thằng bé kia ngồi trên xe đạp và giờ đang bóp thắng.

“Bao xa?” Hamilton nói khi họ bắt đầu đi theo lề đường.

“Ở phía khu Arbuckle Court,” thằng bé trả lời, và khi Hamilton nhìn nó, thằng bé thêm, “Không xa đâu. Cách đây chừng hai dãy nhà.”

“Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Cháu không biết rõ. Cháu không rõ đầu đuôi câu chuyện. Hình như nó, Kip và thằng Gary Berman đã sử dụng chiếc xe đạp của em cháu trong lúc bọn cháu đi nghỉ, và cháu đoán là chúng làm hỏng nó. Cố tình. Nhưng cháu không biết. Dù sao thì bọn họ cũng đang nói về chuyện này. Em cháu không tìm thấy xe đạp của mình trong khi chúng, tức là Kip và Roger, sử dụng xe lần cuối. Mẹ cháu đang cố tìm xem nó ở đâu.”

“Chú biết Kip,” Hamilton nói. “Còn đứa kia là đứa nào?”

“Gary Berman. Cháu đoán nó mới đến xóm này. Bố nó sẽ tới ngay khi ông ấy về nhà.”

Họ rẽ ở một góc đường. Thằng bé chống đẩy xe đi trước anh một chút. Hamilton nhìn thấy vườn cây ăn quả, rồi họ rẽ ở một góc khác vào một con phố cụt. Anh chưa biết đến sự hiện diện của con phố này và anh chắc sẽ không nhận ra bất kỳ ai sống ở đây. Anh nhìn những căn nhà lạ lẫm quanh anh mà thấy bất ngờ về phạm vi đời sống riêng tư của con trai.

Thằng bé rẽ vào một ngõ, xuống xe và dựng tựa vào nhà. Nó mở cửa trước, Hamilton theo nó qua phòng khách vào nhà bếp, anh thấy con trai đang ngồi một bên cạnh bàn cùng với Kip Hollister và một thằng bé khác. Hamilton nhìn kỹ Roger rồi quay sang nhìn người đàn bà tóc đen tròn trịa ngồi ở đầu bàn.

“Anh là bố của Roger?” người đàn bà nói với anh.

“Vâng, tôi tên là Evan Hamilton. Chào chị.”

“Tôi là Miller, mẹ của Gilbert,” cô ta nói. “Xin lỗi đã gọi anh sang đây, nhưng chúng ta đang có rắc rối.”

Hamilton ngồi xuống chiếc ghế ở đầu kia bàn và nhìn quanh. Một thằng bé chừng chín mười tuổi, Hamilton đoán là đứa mất xe đạp, ngồi cạnh người đàn bà. Một thằng bé khác, tầm mười bốn, ngồi cạnh bồn rửa bát chân đung đưa dõi nhìn theo một đứa nữa đang nói chuyện điện thoại. Rãnh mảnh cười vì điều gì đó trên điện thoại, thằng bé với qua bồn rửa bát, điều thuốc trên tay. Hamilton nghe âm thanh của điều thuốc xèo tắt trong ly nước. Đứa dẫn anh tới đứng khoanh tay dựa vào tủ lạnh.

“Con có gặp bố hay mẹ của Kip không?” người đàn bà nói với thằng bé.

“Chị nó nói bọn họ đang đi mua sắm. Con đến nhà Gary Berman và bố nó sẽ tới đây trong vòng vài phút nữa. Con để lại địa chỉ mà.”

“Anh Hamilton,” người đàn bà nói, “tôi sẽ kể lại với anh chuyện gì xảy ra. Tháng vừa rồi chúng tôi đi nghỉ và Kip muốn mượn chiếc xe đạp của Gilbert để Roger giúp nó cùng đi giao báo. Tôi đoán là xe đạp của Roger bị xẹp lốp hay sao đó. Hừm, nhưng hóa ra là...”

“Gary bóp cổ con, bố.” Roger nói.

“Cái gì?” Hamilton nói, quan sát con.

“Nó bóp cổ con. Còn vết đây này.” Con trai anh kéo cổ áo thun xuống để lộ cổ.

“Bọn nó ở ngoài ga ra,” người đàn bà tiếp tục. “Tôi không biết chúng làm gì cho đến khi Curt, thằng lớn nhà tôi, ra xem.”

“Nó gây sự trước!” Gary Berman nói với Hamilton. “Nó chửi cháu là đồ ngu.” Gary Berman ngóng ra cửa trước.

“Tớ nghĩ là xe tốt giá tầm sáu mươi đô, các cậu ạ,” thằng bé tên là Gilbert nói. “Các cậu có thể đền tiền cho tớ.”

“Gilbert, đừng xía vào,” người đàn bà nói với nó.

Hamilton thở dài. “Kể tiếp đi,” anh nói.

“À, hóa ra là, Kip và Roger dùng xe của Gilbert để giúp Kip giao báo, rồi hai đứa, cả Gary nữa, bọn nó nói thế, thay phiên nhau vận xe.”

“‘Vận xe’ là sao?” Hamilton nói.

“Vận xe,” người đàn bà nói. “Đẩy xuống đường cho chạy và mặc cho đổ kênh ra. Rồi, mong anh không phiền lòng – chúng mới thú nhận cách đây vài phút – Kip và Roger mang đến trường và quăng ở một trụ gôn.”

“Đúng không, Roger?” Hamilton nói, lại nhìn con trai.

“Đúng một phần, bố ạ,” Roger nói, nhìn xuống và di ngón tay lên bàn. “Nhưng bọn con chỉ vận có một lần. Kip làm, rồi Gary, rồi đến con.”

“Một lần là quá lắm,” Hamilton nói. “Một lần đã là quá lắm, Roger. Bố ngạc nhiên và thất vọng về con. Và cả cháu nữa, Kip,” Hamilton nói.

“Nhưng anh thấy đấy,” người đàn bà nói, “ai đó vẫn còn nói dối hoặc chưa nói hết sự thật, vì thực tế là cái xe đạp vẫn còn mất tích.”

Mấy thằng bé lớn tuổi hơn trong bếp cười đùa với thằng bé đang nói chuyện điện thoại.

“Bọn cháu không biết cái xe đạp ở đâu, cô Miller ạ,” thằng bé tên Kip nói. “Bọn cháu đã kể rồi. Lần cuối cùng bọn cháu thấy là lúc Roger và cháu đem về nhà cháu sau khi mang xe đến trường. Ý cháu đó là lần trước lần cuối cùng. Lần cuối cùng thực sự là khi cháu mang nó lại đây vào sáng hôm sau và dựng nó đằng sau nhà.” Nó lắc đầu. “Bọn cháu không biết nó ở đâu,” thằng bé nói.

“Sáu mươi đô,” thằng bé tên Gilbert nói với thằng bé tên Kip. “Cậu có thể trả bốn năm đô một tuần cho đến hết.”

“Gilbert, mẹ cảnh cáo con,” người đàn bà nói. “Anh thấy chưa, chúng nói rằng,” người đàn bà tiếp, giờ thì cau mày, “nó biến mất từ đây, từ phía đằng sau nhà. Nhưng làm sao có thể tin chúng một khi chúng đã không thành thật suốt cả buổi tối.”

“Bọn cháu nói thật,” Roger nói. “Tất tần tật.”

Gilbert ngả người ra sau ghế lắc đầu nhìn con trai của Hamilton.

Chuông cửa reo và thằng bé ngồi trên bếp nhảy xuống đi vào phòng khách.

Một người đàn ông vai u tóc cắt kiểu thủy thủ có cặp mắt sắc màu xám bước vào nhà bếp mà không nói năng gì. Anh ta liếc qua người đàn bà rồi đi tới đứng sau lưng Gary Berman.

“Anh chắc là Berman?” người đàn bà hỏi. “Rất vui được gặp anh. Tôi là mẹ Gilbert, và anh Hamilton đây là bố của Roger.”

Người đàn ông gật đầu với Hamilton nhưng không chìa tay.

“Chuyện gì đây?” Berman nói với con.

Mấy thằng bé đang ngồi ở bàn cùng lúc lên tiếng.

“Im lặng!” Berman nói. “Tao đang nói chuyện với Gary. Sẽ tới lượt chúng mày.”

Thằng bé bắt đầu kể. Cha nó lắng nghe chăm chú, thỉnh thoảng nheo mắt nhìn hai đứa kia.

Khi Gary Berman kể xong, người đàn bà nói, “Tôi muốn biết ngọn ngành câu chuyện này. Tôi không quy tội cho đứa nào, các anh hiểu chứ, anh Hamilton và anh Berman – tôi chỉ muốn biết ngọn ngành chuyện này.” Cô ta nhìn Roger và Kip không rời mắt, trong khi hai đứa lắc đầu nhìn Gary Berman.

“Không đúng vậy, Gary,” Roger nói.

“Bố, con nói chuyện riêng với bố tí?” Gary Berman nói.

“Đi nào,” người đàn ông nói, và họ đi ra phòng khách.

Hamilton nhìn họ đi. Anh có cảm giác rằng anh nên chặn họ lại, cái sự bí mật này. Lòng bàn tay anh ướt nhem, và anh thò tay vào trong túi áo tìm điều thuốc. Rồi, hít thở thật sâu, anh quệt mũi nói, “Roger, ngoài những chuyện đã kể con biết gì thêm về chuyện này không? Con có biết xe đạp của Gilbert ở đâu không?”

“Không ạ,” thằng bé nói. “Con thề.”

“Lần chót con thấy chiếc xe đạp là khi nào?” Hamilton nói.

“Lúc bọn con đem từ trường về để ở nhà Kip.”

“Kip,” Hamilton nói, “cháu có biết xe đạp của Gilbert ở đâu không?”

“Cháu thề cháu cũng không biết,” thằng bé trả lời. “Cháu mang nó về sau buổi sáng, chúng cháu đem đến trường và cháu để nó đằng sau ga ra.”

“Cô tưởng cháu nói cháu để đằng sau nhà chứ,” người đàn bà nói ngay.

“Ý cháu là nhà! Cháu định nói như vậy,” thằng bé nói.

“Mấy hôm sau cháu có quay lại đây chạy xe không?” cô ta nói, nghiêng người về phía trước.

“Không ạ,” Kip trả lời.

“Kìa Kip,” cô ta nói.

“Cháu không mà! Cháu không biết nó ở đâu,” thằng bé hét lên.

Người đàn bà nhún vai. “Biết tin ai và tin gì?” cô ta nói với Hamilton. “Tôi chỉ biết là Gilbert mất một cái xe đạp.”

GaryBerman và bố quay lại nhà bếp.

“Roger là đứa nghĩ ra trò vắn xe,” GaryBerman nói.

“Cậu nghĩ ra thì có!” Roger nói, bật dậy khỏi ghế. “Cậu muốn làm chuyện đó! Rồi cậu muốn đem đến vườn cây và tháo đồ ra!”

“Mày cảm phiền đi!” Berman nói với Roger. “Chừng nào người ta chưa nói chuyện với mày thì đừng nói, oắt con ạ. Gary, để bố lo chuyện này – đêm hôm mà bị mấy thằng vô lại lôi ra khỏi nhà! Giờ nếu một trong hai đứa mày,” Berman nói, nhìn Kip trước rồi nhìn Roger, “biết cái xe đạp của thằng nhóc này ở đâu thì tao khuyên chúng mày mở mồm đi.”

“Tôi nghĩ anh mất bình tĩnh rồi,” Hamilton nói.

“Gì?” Berman nói, sầm mặt lại. “Còn tôi thì nghĩ là anh lo chuyện của anh đi!”

“Đi nào Roger,” Hamilton nói, đứng dậy. “Kip, cháu muốn đi cùng hay ở lại.” Anh quay sang người đàn bà. “Tôi không biết tối nay chúng ta còn làm được gì nữa. Tôi dự định nói chuyện thêm với Roger về chuyện này, nhưng nếu phải bồi thường thì tôi nghĩ là, vì Roger có tham gia đập phá cái xe, nên nó có thể trả một phần ba nếu chuyện phải đến mức đó.”

“Tôi không biết nói gì,” người đàn bà trả lời, theo Hamilton ra phòng khách. “Tôi sẽ nói chuyện lại với bố của Gilbert – anh ấy đi vắng. Chúng tôi sẽ tính xem. Rốt cuộc thì chắc cũng đâu đó thôi, nhưng cứ để tôi nói chuyện với bố nó.”

Hamilton tránh ra một bên để mấy thằng bé có thể qua mặt anh đi ra cổng, anh nghe tiếng GaryBerman nói từ phía sau, “Nó nói con là đồ ngu, bố.”

“Nó dám nói như vậy hả?” Hamilton nghe Berman nói. “Hừ, nó là đồ ngu. Nhìn nó giống như thằng ngu.”

Hamilton ngoảnh lại nói, “Tôi nghĩ tối nay anh thực sự mất bình tĩnh rồi đó, anh Berman. Sao anh không tự kiểm chế mình?”

“Còn tôi đã bảo tôi nghĩ anh nên tránh khỏi chuyện này!” Berman nói.

“Con về nhà đi Roger,” Hamilton nói, liếm môi. “Bố ra lệnh đấy,” anh nói, “đi đi.” Roger và Kip bước ra lối đi trên hè. Hamilton đứng án ngay cửa nhìn Berman đang cùng con trai đi qua phòng khách.

“Anh Hamilton,” người đàn bà bắt đầu lo lắng nhưng không nói hết câu.

“Anh muốn gì?” Berman nói. “Coi chừng đó, tránh đường ra.” Berman huých vai Hamilton khiến Hamilton loạng choạng văng ra khỏi cổng vào bụi cây gai nhọn. Anh không tin nổi chuyện ấy đã xảy ra. Anh lồm cồm ra khỏi bụi cây và lao vào người đàn ông đang đứng ngay cổng. Họ ngã ụnh ra bãi cỏ. Họ lăn trên bãi cỏ, Hamilton vật ngã Berman ra và dần dần gối hai bên bắp tay của Berman. Anh nắm cổ Berman và bắt đầu giộng đầu Berman xuống bãi cỏ thì người đàn bà la, “Ôi Chúa ơi, ai đó can họ ra. Lạy Chúa, ai đó gọi cảnh sát đi!”

Hamilton dừng lại.

Berman nhìn lên nói, “Bỏ tao ra.”

“Các anh có sao không?” người đàn bà hỏi hai người đàn ông khi họ buông nhau ra. “Lạy chúa,” cô ta nói. Cô nhìn hai người đàn ông đang đứng cách cô mấy thước, quay lưng vào nhau thở hổn hển. Mấy đứa trẻ lớn hơn bâu lại quanh cổng xem; giờ chuyện đã xong, chúng chờ đợi, nhìn hai người đàn ông, và chúng bắt đầu vỗ dấm lên cánh tay và mạn sườn của nhau.

“Mấy đứa vào nhà ngay,” người đàn bà nói. “Tôi chưa bao giờ nghĩ tôi sẽ thấy chuyện như thế này,” cô ta nói và đặt tay lên ngực.

Hamilton toát mồ hôi, phổi anh nóng rất khi anh cố hít hơi dài. Có một cục gì đó trong cổ họng nên anh không thể nuốt. Anh bắt đầu đi bộ, con trai anh và thằng bé tên Kip đi hai bên. Anh nghe thấy tiếng cửa xe đóng sầm, tiếng máy nổ. Đèn xe quét qua người anh trong khi anh đi.

Roger thút thít, còn Hamilton khoác tay qua vai con trai.

“Cháu phải về nhà,” Kip nói và bắt đầu khóc. “Bố cháu sẽ đi tìm,” và thằng bé chạy đi.

“Bố xin lỗi,” Hamilton nói. “Bố xin lỗi vì đã để con phải nhìn thấy những chuyện như vậy,” Hamilton nói với con.

Họ tiếp tục đi và khi về đến dãy nhà của họ, Hamilton bỏ tay ra.

“Nếu hấn giơ dao lên thì sao bố? Hay giơ gậy lên?”

“Hấn sẽ không làm như vậy đâu,” Hamilton nói.

“Nhưng nếu hấn làm?” con anh nói.

“Khó mà biết người ta sẽ làm gì khi giận dữ,” Hamilton nói.

Họ bắt đầu đi về cửa nhà. Tim anh xao động khi nhìn thấy ô cửa sổ sáng đèn.

“Cho con xem cơ bắp của bố,” con anh nói.

“Không phải bây giờ,” Hamilton nói. “Con vào ăn tối rồi đi ngủ đi nhé. Nói mẹ bố không sao, chỉ ngồi ở cổng một lát thôi.”

Thằng bé nhảy căng lên ngắm bố, rồi phóng ào vào nhà gọi, “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”

Anh ngồi ở cổng tựa vào tường ga ra duỗi chân ra. Mồ hôi trên trán anh đã khô. Anh cảm thấy nhom nhóp dưới lớp quần áo.

Có lần anh từng nhìn thấy bố anh – một người vai còng, nói chậm, xanh tái – rơi vào tình huống giống như thế này. Đó là một kỷ niệm tồi tệ – cả hai người đều bị thương. Chuyện xảy ra trong một quán cà phê. Người kia là một công nhân đồn điền. Hamilton rất yêu bố và còn nhớ nhiều điều về ông. Nhưng bây giờ anh chỉ nhớ nắm đấm của bố như thế đó là mọi thứ của bố anh.

Khi vợ anh ra anh vẫn còn ngồi bên cổng.

“Chúa ơi,” chị vợ nói và ôm lấy đầu anh. “Vào nhà tắm, rồi mình ăn tối và anh kể lại chuyện nhé. Đồ ăn vẫn còn ấm. Roger đi ngủ rồi.”

Nhưng anh nghe tiếng con gọi anh.

“Nó vẫn còn thức,” chị nói.

“Chốc anh vào ngay,” Hamilton nói. “Rồi có lẽ mình uống chút gì nhé.”

Chị lắc đầu. “Thực sự em không tin nổi chuyện này.”

Anh vào phòng con trai và ngồi ở chân giường.

“Muộn lắm rồi mà con vẫn còn thức, nên bố vào nói chúc con ngủ ngon thôi,” Hamilton nói.

“Chúc bố ngủ ngon,” cậu bé nói, hai tay gác sau cổ, cùi chỏ khuỳnh ra.

Nó mặc pyjama và nó tỏa ra mùi sạch nồng khiến Hamilton hít mạnh. Anh vỗ con trai qua lớp chăn.

“Từ giờ trở đi coi như xong xuôi rồi nhé. Tránh xa cái khu đó, và bố không muốn nghe thấy con làm hư xe đạp hay bất cứ đồ đạc gì của ai khác. Rõ chưa?” Hamilton nói.

Cậu bé gật đầu. Anh cầm lấy hai tay nó gối xuống dưới cổ và nhặt một cái gì đó trên khăn trải giường.

“Ok, thôi,” Hamilton nói, “chúc con ngủ ngon.”

Anh định nghiêng người hôn con thì cậu bé lên tiếng.

“Bố, ông nội có mạnh như bố không? Ý con là khi ông nội bằng tuổi bố, và bố...”

“Và bố chín tuổi chứ gì? Ý con nói vậy đúng không? Có, bố nghĩ ông nội cũng mạnh như vậy,” Hamilton nói.

“Đôi khi con hầu như không thể nhớ ông,” cậu bé nói. “Con không muốn quên gì về ông hết, bố biết không? Bố biết con muốn nói gì không, bố?”

Khi Hamilton không trả lời ngay, cậu bé tiếp. “Hồi bố còn bé, ông nội với bố có giống bố với con không? Bố có yêu ông nhiều hơn con không? Hay bằng nhau?” Cậu bé đột ngột nói. Nó ngo nguẩy chân dưới chăn và nhìn lảng đi. Khi thấy Hamilton vẫn không trả lời, nó nói, “Ông nội có hút thuốc không? Con nhớ ông có một cái tẩu hay sao ấy.”

“Trước khi mất ít lâu ông nội có bắt đầu hút tẩu, đúng vậy,” Hamilton nói. “Ông từng hút thuốc từ lâu sau rồi đó ông bắt mẫn với chuyện gì đó nên ông bỏ, nhưng rồi ông đổi sang hiệu khác và hút trở lại. Bố cho con xem cái này,” Hamilton nói. “Ngửi mu bàn tay bố đi.”

Cậu bé cầm lấy tay anh, ngửi, và nói, “Con không ngửi thấy mùi gì hết, bố ạ. Gì thế?”

Hamilton ngửi bàn tay rồi ngón tay mình. “Giờ thì bố cũng không ngửi thấy mùi gì,” anh nói. “Nó từng có mùi, nhưng giờ thì hết rồi.” Chắc nó sợ mình, anh nghĩ. “Bố muốn cho con xem một thứ. Nhưng thôi, muộn rồi. Con ngủ đi,” Hamilton nói.

Cậu bé lăn người nằm nghiêng dõi theo bố đi ra cửa và nhìn bố đặt tay lên công tắc điện. Và rồi cậu nói, “Bố? Bố sẽ nghĩ là con điên điên, nhưng con ước gì con quen biết bố khi bố còn bé. Ý con là bằng tuổi con bây giờ. Con không biết nói thế nào, nhưng nghĩ tới đó con thấy cô đơn. Như thế là... như là con đã nhớ bố rồi nếu con nghĩ về chuyện đó bây giờ. Chuyện này hơi điên phải không bố? Dù sao, bố cứ để cửa mở cho con.”

Hamilton để cửa mở, rồi anh đổi ý và khép lại nửa chừng.

20. Chương 20

CÔNG TƠ MÉT NÀY CÓ CHẠY ĐÚNG KHÔNG?

Thực tế là chiếc xe cần được bán gấp, và Leo giao Toni làm việc đó. Toni thông minh và cá tính. Cô từng bán bách khoa toàn thư trẻ em giao tận nhà. Cô thuyết phục được anh, cho dù anh chẳng có con. Sau đó, Leo hẹn hò với Toni, và cuộc hẹn đó dẫn đến tình trạng hiện giờ. Giao dịch này phải thực hiện bằng tiền mặt, và nó phải được hoàn thành trong tối nay. Ngày mai ai đó có thể siết nợ cái xe. Thứ Hai họ sẽ ra tòa, không còn nhà – nhưng tin tức về họ đã loang từ hôm qua, khi luật sư của họ gửi thư thông báo ý định phá sản đi. Chẳng việc gì phải lo phiên tòa thứ Hai, luật sư nói. Họ sẽ bị thẩm vấn phải ký một số giấy tờ, và chỉ thế. Nhưng hãy bán chiếc xe mui xếp đi, ông ta nói – ngay hôm nay, ngay tối nay. Họ có thể giữ cái xe nhỏ, xe của Leo, không vấn đề gì. Nhưng nếu họ ra tòa với chiếc xe mui xếp to đó, tòa sẽ lấy, và thế là hết.

Toni diện quần áo. Lúc đó là bốn giờ chiều. Leo lo bãi xe đóng cửa. Nhưng Toni cứ thong thả chọn quần áo. Cô mặc một cái áo trắng mới, cổ tay rộng thêu ren, bộ vest mới, giày cao gót mới. Cô chuyển đồ từ cái túi còi sang cái xách tay da láng mới. Công tắc khóa túi đựng đồ trang điểm bằng da kỳ đà và cho nó vào luôn. Toni trang điểm mặt mũi tóc tai đã hai tiếng đồng hồ. Leo đứng ở cửa phòng ngủ cọ đốt tay vào môi, ngắm nhìn.

“Anh làm em run,” cô nói. “Em ước gì anh đừng đứng không,” cô nói. “Vậy nói xem trông em thế nào.”

“Trông em xinh,” anh nói. “Trông em tuyệt. Anh sẽ mua xe của em bất kỳ lúc nào.”

“Nhưng anh không có tiền,” cô nói, ngắm mình trong gương. Cô vuốt tóc, cau mày. “Và tình trạng tín dụng của anh thì thảm hại. Anh chẳng là gì,” cô nói. “Trêu anh thôi,” cô nói và nhìn anh qua gương. “Đừng nghiêm trọng quá,” cô nói. “Việc phải làm, nên em sẽ làm. Giả thử mình đem cầm, cùng lắm được ba, bốn trăm đô, cả anh và em đều biết như thế. Anh yêu, sẽ là may mắn nếu anh không phải trả cho họ.” Cô vuốt tóc lần cuối, bấm môi, dùng khăn giấy lau chỗ son lem. Cô quay khỏi gương và cầm ví lên. “Em sẽ phải ăn tối hay gì đó, em đã bảo anh rồi, cách họ làm việc là như vậy, em biết họ. Nhưng đừng lo, em sẽ chuẩn được,” cô nói. “Em sẽ xử lý được.”

“Jesus ” Leo nói, “em có cần phải nói như vậy không?”

Cô nhìn anh chăm chú. “Chúc em may mắn đi,” cô nói.

“Chúc may mắn,” anh nói. “Em có cái giấy cho thôi việc ở đó không?” anh nói.

Cô gật đầu. Anh đi theo cô băng qua nhà, cô là một phụ nữ cao, ngực cao và nhỏ, hông và đùi rộng. Anh cào một cái mụn trên cổ. “Em chắc không?” anh nói. “Phải chắc chắn đấy. Em phải mang theo cái giấy cho thôi việc.”

“Em có cái giấy đó rồi,” cô nói.

“Phải chắc chắn đấy.”

Cô định nói gì đó, nhưng thay vì vậy cô nhìn mình trong kính cửa sổ mặt trước nhà rồi lắc đầu.

“Ít nhất hãy gọi điện,” anh nói. “Cho anh biết chuyện gì đang diễn ra.”

“Em sẽ gọi,” cô nói. “Hôn, hôn. Ở đây,” cô nói và chỉ tay vào khóe miệng. “Cẩn thận,” cô nói.

Anh giữ cửa cho cô. “Em định thử ở đâu trước?” anh nói. Cô vượt qua anh đi ra cổng.

Ernest Williams nhìn từ bên kia đường. Vận quần lửng, bụng phệ, ông vừa nhìn Leo và Toni vừa xịt tước đám thu hải đường. Có một lần vào mùa đông vừa rồi, trong những ngày lễ, khi Toni và bọn trẻ về thăm mẹ Leo, Leo mang một cô gái về nhà. Chín giờ sáng hôm sau, một thứ Bảy sương mù giá lạnh, Leo đưa cô ta ra xe, làm Ernest Williams – lúc ấy đang ở trên vỉa hè với tờ báo trên tay – ngạc nhiên. Sương mù tan, Ernest Williams nhìn chăm chăm, rồi đập mạnh tờ báo vào chân.

Leo nhớ lại cú đập đó, rụt vai lại, nói, “Em đã dự định chỗ nào trước rồi chứ?”

“Em cứ tùy tình hình,” cô nói. “Cứ đến bãi xe đầu tiên, rồi em sẽ liệu xem.”

“Cứ đặt giá khởi điểm là chín trăm,” anh nói. “Rồi hạ xuống. Chín trăm là một món hời, cho dù có phải trả tiền mặt.”

“Em biết phải bắt đầu từ đâu.”

Ernest Williams xoay vòi nước về hướng họ. Ông nhìn họ chăm chăm qua tia nước xịt ra. Leo đột nhiên muốn thú tội.

“Anh chỉ muốn chắc,” anh nói.

“OK, OK,” cô nói. “Em đi đây.”

Đó là xe của cô, họ gọi đó là xe của cô, và điều đó khiến sự việc tồi tệ hơn. Mùa hè cách đây ba năm họ mua nó, mới tinh. Cô muốn làm gì đó sau khi bọn trẻ bắt đầu đi học nên quay lại công việc bán hàng. Anh đi làm sáu ngày một tuần tại nhà máy thủy tinh. Có thời gian họ chẳng biết làm thế nào để tiêu tiền. Họ mua chiếc xe mui xếp, trả trước một nghìn đô, rồi hàng tháng trả gấp đôi, gấp ba lần các khoản tiền trả góp nên trong vòng một năm đã thanh toán xong. Trước đó, khi cô đang thay quần áo, anh đã lấy con đội và phụ tùng ra khỏi cốp xe cũng như dọn dẹp sạch sẽ bút chì, diêm, tem Blue Chip trong ngăn để găng tay. Rồi anh rửa xe và hút bụi. Cái nắp ca pô đỏ và cản sóc trông sáng loáng.

“Chúc may mắn,” anh nói và chạm khuỷu tay cô.

Cô gật. Anh thấy như cô đã đi rồi, đã vào cuộc thương lượng rồi.

“Mọi chuyện rồi sẽ khác,” anh gọi khi cô tới lối ra. “Thứ Hai mình sẽ khởi đầu lại. Anh nói thật đấy.”

Ernest Williams nhìn họ và quay đầu nhỏ nước bọt. Cô ngồi vào xe và châm một điếu thuốc.

“Giờ này tuần tới!” Leo lại gọi. “Sẽ trở thành dĩ vãng cũ xưa!”

Anh vẫy tay khi cô lùi xe ra đường. Cô sang số và bắt đầu chạy. Cô tăng tốc, lốp xe rít nhẹ.

Trong bếp Leo rót một ly rượu Scotch rồi mang ra sân sau. Bọn trẻ con đang ở nhà mẹ anh. Cách đây ba ngày anh nhận được một lá thư, tên anh được viết bằng bút chì trên một cái phong bì bẩn, lá thư duy nhất trong cả mùa hè không yêu cầu thanh toán đầy đủ. Thư viết, bọn con rất vui. Bọn con thích bà nội. Bọn con có một chó mới tên là Ông Sáu. Nó dễ thương. Bọn con yêu nó. Chào bố.

Anh đi lấy lên thêm một ly. Anh thêm đá và thấy tay mình run run. Anh xòe tay trên bồn rửa bát. Anh nhìn tay mình một chốc, để ly xuống, rồi xòe tay kia ra. Rồi anh cầm ly lên quay ra ngoài ngồi trên mấy bậc thang. Anh nhớ hồi còn nhỏ bố anh chỉ cần nhà xinh xắn, một ngôi nhà trắng, cao có những cây táo và hàng rào gỗ bao quanh. “Đó là nhà của Finch,” bố anh nói giọng đầy ngưỡng mộ. “Ông ấy phá sản ít nhất hai lần. Nhìn nhà ông ấy kia.” Nhưng phá sản nghĩa là công ty sụp đổ hoàn toàn, các nhà quản lý cắt cổ tay và nhảy ra cửa sổ, hàng nghìn người phải dạt ra đường.

Leo và Toni hãy còn đồ đạc. Leo và Toni có đồ đạc, còn Tom và bọn trẻ con có quần áo. Những thứ đó được miễn trừ. Còn gì nữa? Xe đạp của bọn trẻ, nhưng anh đã gửi cất ở nhà mẹ anh. Máy lạnh xách tay và đồ điện tử, máy giặt và máy sấy mới, cách đây nhiều tuần xe tải đã đến chỗ đi. Họ còn có gì nữa? Cái này cái nọ, chẳng có gì đáng kể, toàn những thứ cũ mềm hoặc sút mẻ từ lâu. Nhưng họ đã có những bữa tiệc tùng tùng bừng, những chuyến du lịch tốt đẹp. Đến Reno và Tahoe, chạy tám chục dặm giờ để mua trà và radio mở. Đồ ăn, đó là một trong những thứ họ tiêu tốn nhiều. Họ ngập trong thực phẩm. Anh ước chừng nội những món xa xỉ phải đến hàng nghìn. Toni ra tiệm vớ lấy tất cả thứ cô nhìn thấy. “Hồi nhỏ em rất thiếu thốn,” cô nói. “Các con sẽ không phải thiếu thốn,” như thể anh đã nói rằng chúng nên thiếu thốn. Cô tham gia mọi câu lạc bộ đọc sách. “Hồi bé em chẳng bao giờ có sách,” cô nói khi xé những cái gói bưu kiện nặng nề. Họ tham gia các câu lạc bộ băng đĩa nhạc để có thể mượn đĩa về nghe trên bộ dàn âm thanh mới. Họ mua đủ thứ. Kể cả một con chó săn nòi tên là Ginger. Anh trả hai trăm mua nó chỉ để hai tuần sau thấy nó bị cắn ngoài đường. Họ mua những thứ họ muốn. Nếu không trả được, họ mua chịu. Họ cứ mua.

Áo lót anh ướt; anh cảm thấy mồ hôi lặn từ nách. Anh ngồi trên bậc thềm với cái ly rỗng trên tay ngắm bóng chiều lấp ló dần khuất dần. Anh đuổi người, lau mặt. Anh nghe tiếng xe cộ trên xa lộ và nghĩ xem có nên đi xuống tầng hầm, leo lên cái bồn rửa, treo cổ bằng thắt lưng hay không. Anh biết mình sẵn lòng để chết.

Vào trong nhà anh lấy một cái ly to rồi mở ti vi và kiểm gì đó ăn. Anh ngồi ở bàn với ớt và bánh quy, xem phim gì đó về một thám tử mù. Anh dọn bàn. Anh rửa chảo, tô, lau khô cất đi, rồi cho phép mình nhìn đồng hồ.

Đã hơn chín giờ. Cô đã đi gần năm tiếng đồng hồ.

Anh rót rượu Scotch, thêm nước, mang ly vào phòng khách. Anh ngồi trên sofa nhưng lại thấy vai cứng đến nỗi không ngả ra mà dựa được. Anh ngó màn hình đăm đăm, nhấp rượu, và chẳng mấy chốc lại đi rót ly khác. Anh lại ngồi xuống. Chương trình tin tức bắt đầu – lúc đó là mười giờ – và anh nói, “Chúa ơi, cái quái gì hồng bét đây?” rồi vào bếp để rót thêm rượu Scotch. Anh ngồi đó, mắt nhắm, chỉ mở mắt khi nghe điện thoại reng.

“Em đã muốn gọi điện,” cô nói.

“Em ở đâu?” anh nói. Anh nghe tiếng nhạc dương cầm, và tim anh xáo động.

“Em không biết nữa,” cô nói. “Một chỗ nào đó. Bọn em đang uống, rồi bọn em sẽ đi chỗ khác ăn tối. Em đang ngồi với tay quản lý bán hàng. Hẳn thô lỗ, nhưng cũng chơi được. Hẳn đã mua xe. Em phải đi bây giờ. Em đang trên đường tới toa lét thì thấy điện thoại.”

“Đã có ai mua xe chưa?” Leo nói. Anh nhìn ra cửa sổ bếp tới chỗ xe cô vẫn luôn đỗ trên lối đi.

“Em kể với anh rồi,” cô nói. “Em phải đi bây giờ.”

“Khoan, một phút thôi, lạ Chúa,” anh nói. “Đã có ai mua xe hay không?”

“Lúc em đứng dậy hẳn rút tập séc ra,” cô nói. “Bây giờ em phải đi. Em phải vào toa lét.”

“Đợi đã,” anh gào lên. Đường dây tắt ngấm. Anh lắng nghe tiếng tí tí. “Đức Jesus,” anh đứng đó cầm ống nghe trên tay mà nói.

Anh đi vòng quanh bếp rồi trở ngược ra phòng khách. Anh ngồi xuống. Anh đứng lên. Vào phòng tắm anh chải răng thật kỹ. Rồi anh dùng chỉ nha khoa. Anh rửa mặt rồi trở ra bếp. Anh nhìn đồng hồ rồi lấy một cái ly sạch từ bộ ly vẽ hình quân bài. Anh bỏ đá vào ly. Anh chăm chăm nhìn một lúc lâu cái ly mà anh bỏ lại trong bồn.

Anh ngồi tựa vào một đầu ghế sofa, chân gác lên đầu kia. Anh nhìn màn hình, nhận ra rằng anh không biết người ta đang nói gì. Anh xoay cái ly rỗng trong tay và tính đến chuyện cắn mép ly. Anh run rẩy một hồi và nghĩ đến chuyện đi ngủ, cho dù anh biết anh sẽ mơ thấy một người đàn bà to lớn tóc bạc. Trong mơ anh luôn cúi xuống cột dây giày. Khi anh đứng thẳng dậy, bà ta nhìn anh, và anh lại cúi xuống cột dây lần nữa. Anh nhìn tay mình. Trong khi anh ngắm nhìn tay mình, bàn tay anh tự vo lại thành nắm. Điện thoại đổ chuông.

“Em ở đâu đấy, em yêu?” anh nói nhẹ nhàng thông thả.

“Bọn em đang ở quán ăn,” cô nói, giọng cô khỏe tươi tắn.

“Quán nào vậy em?” anh nói. Anh đưa cổ tay lên ấn vào mắt.

“Ở đâu đó trong trung tâm thành phố,” cô nói. “Hình như là quán New Jimmy. Xin lỗi,” cô nói với ai đó, “chỗ này có phải là New Jimmy? Đây là New Jimmy, Leo,” cô nói với anh. “Mọi chuyện ổn cả, bọn em gần xong rồi, rồi hẳn sẽ đưa em về.”

“Em?” anh nói. Anh áp điện thoại vào tai lắng nghe người tới lui, mắt nhắm. “Em?”

“Em phải đi đây” cô nói. “Em đã muốn gọi. Dù sao đi nữa, anh đoán bao nhiêu?”

“Em,” anh nói.

“Sáu trăm hai mươi lăm,” cô nói. “Em cất trong ví rồi. Hẳn nói xe xe mui xếp không được ưa chuộng lắm. Em nghĩ bọn mình may mắn từ trong trứng,” cô nói và cười. “Em kể cho hẳn nghe đầu đuôi câu chuyện. Em nghĩ em cần phải làm thế.”

“Em,” Leo nói.

“Gì cơ?” cô nói.

“Xin em đây,” Leo nói.

“Hắn nói hắn thông cảm,” cô nói. “Nhưng gì mà chẳng nói được.” Cô lại cười. “Hắn nói cá nhân hắn sẽ thà bị coi là ăn cướp hay hiếp dâm hơn là phá sản. Dù vậy, hắn cũng khá tử tế,” cô nói.

“Về nhà đi,” Leo nói. “Bắt taxi mà về.”

“Không được,” cô nói. “Em nói với anh rồi, bọn em đang ăn tối dở chừng.”

“Anh sẽ đến đón em,” anh nói.

“Đừng,” cô nói. “Em đã nói bọn em gần xong rồi. Em đã bảo, đó là một phần của vụ này. Họ phải đòi hỏi mọi thứ chứ. Nhưng đừng lo lắng gì, bọn em sắp ra về. Chốc nữa là em về đến nhà.” Cô gác máy.

Vài phút sau anh gọi đến quán New Jimmy. Một giọng đàn ông trả lời. “Tối nay New Jimmy đã đóng cửa,” người đó nói.

“Tôi muốn nói chuyện với vợ tôi,” Leo nói.

“Cô ấy làm việc ở đây không?” người đó hỏi. “Cô ấy là ai?”

“Cô ấy là khách,” Leo nói. “Cô ấy đi cùng một người. Một doanh nhân.”

“Liệu tôi có biết cô ấy không?” người kia nói. “Cô ấy tên gì?”

“Chắc ông không biết cô ấy đâu,” Leo nói.

“Thôi được rồi,” Leo nói. “Thôi được rồi. Tôi thấy cô ấy rồi.”

“Cám ơn vì đã gọi đến New Jimmy,” người kia nói.

Leo vội vàng phóng tới cửa sổ. Một chiếc ô tô mà anh không nhận ra chạy chậm lại trước nhà, rồi tăng tốc. Anh đợi. Hai, ba tiếng sau, điện thoại lại đổ chuông. Không ai ở đầu dây bên kia khi anh nhấc máy. Chỉ có tiếng títt títt.

“Anh ở ngay đây!” Leo gào vào điện thoại.

Gần sáng anh nghe tiếng chân ngoài cổng. Từ sofa anh đứng dậy. Ti vi lào rào, màn hình nhấp nháy. Anh mở cửa. Cô va vào tường khi đi vào nhà. Cô nhoẻn cười. Mặt cô sưng sưng, như thể cô đã ngủ dưới tác dụng của thuốc an thần. Cô liếm môi, thụp người xuống né khi anh vung nắm đấm.

“Đánh đi,” cô nói giọng khàn khàn. Cô đứng đó người lảo đảo. Rồi cô rút lên và nhào tới, túm áo anh, xé toạc vạt trước. “Phá sản!” cô gào. Cô vặn lại, tóm lấy áo lót anh và xé ngay cổ. “Đồ chó đẻ,” cô nói, cào anh.

Anh bóp cổ tay cô, rồi buông ra, lùi lại, tìm một cái gì đó đằm tay. Cô vấp ngã khi tiến vào phòng ngủ. “Phá sản,” cô gầm gừ. Anh nghe tiếng cô gieo mình xuống giường rên rầm.

Anh đợi một lúc, vã nước lên mặt và đi vào phòng ngủ. Anh bật đèn lên, nhìn cô, và bắt đầu lột quần áo cô. Anh vắn cô lăn qua lăn lại để cởi quần áo. Cô nói gì đó nhưng vẫn ngủ, tay vung vẩy. Anh cởi quần lót cô, nhìn kỹ dưới ánh đèn, rồi quăng vào góc phòng. Anh kéo chăn ra rồi lăn cô vào, trần truồng. Rồi anh mở ví cô. Anh đang đọc tẩm séc thì nghe có tiếng xe rẽ vào nhà.

Anh nhìn qua rèm cửa trước thấy chiếc xe mui xép trước nhà, tiếng nổ êm, đèn trước sáng chói, khiến anh nhắm rồi mở mắt. Anh thấy một người đàn ông dáng cao đi vòng trước mũi xe đến trước cổng. Người đàn ông để cái gì đó trên bậc thềm rồi quay ra xe. Hắn mặc một bộ vest bằng vải lạnh trắng.

Leo bật đèn cổng lên và thận trọng mở cửa. Túi trang điểm của vợ anh nằm ở bậc trên cùng. Người đàn ông nhìn Leo qua mũi xe, rồi ngồi vào trong xe và thả thắng tay.

“Đợi đã,” Leo gọi và bước xuống bậc cấp. Người đàn ông thắng xe khi Leo bước tới trong ánh đèn xe. Chiếc xe bị thắng kêu rín rít. Leo cố kéo hai mảnh áo rách lại với nhau, cố nhét vào quần.

“Anh muốn gì?” người đàn ông nói. “Nghe này,” người đàn ông nói, “tôi phải đi đây. Đừng giận dữ. Tôi mua bán xe, thế nhé? Quý cô kia để quên túi trang điểm. Cô ấy là một quý cô dễ thương, rất lịch sự. Cái gì đây?”

Leo tựa cửa nhìn người đàn ông. Người đàn ông bỏ tay khỏi vô lăng và rồi gác tay lên lại. Hắn sang số lùi, lùi được một đoạn.

“Tôi muốn nói với ông,” Leo nói và liếm môi.

Đèn phòng ngủ nhà Earnest Williams bật sáng. Màn cửa được kéo lên.

Leo lắc đầu, lại nhét áo vào quần. Anh bước lui khỏi xe. “Hôm nay là thứ Hai,” anh nói.

“Hôm nay là thứ Hai,” người đàn ông nói, mắt dè chừng những cử động bất ngờ.

Leo chậm chậm gật đầu.

“Thôi, chúc ngủ ngon,” người đàn ông nói và ho. “Thoải mái đi nhé? Thứ Hai, đúng rồi. OK vậy.” Hắn bỏ chân khỏi thắng, rồi lại đạp thắng khi xe trôi lui cả thước. “Hãy, một câu hỏi thôi. Xem như chỗ bạn bè, anh cho tôi hỏi công tơ mét này chạy có đúng không?” Người đàn ông chờ đợi, hắng giọng. “OK, dù sao nữa cũng không quan trọng lắm,” người đàn ông nói. “Tôi phải đi đây. Thoải mái nhé.” Hắn lùi xe ra đường, nhanh chóng lái đi, rồi rẽ ở góc đường mà không hề dừng lại.

Leo nhét áo vô quần rồi đi vào nhà. Anh khoá trước, xong kiểm tra cẩn thận. Rồi anh vào phòng ngủ khoá cửa và lật chăn lên. Anh nhìn cô trước khi tắt đèn. Anh cởi quần áo, xếp lại cẩn thận trên sàn, rồi vào giường nằm cạnh cô. Anh nằm ngửa một lát giật giật lông bụng, ngẫm nghĩ. Anh nhìn ra cửa phòng ngủ rõ hơn dưới ánh sáng yếu ớt từ ngoài hắt vào. Giờ anh thò tay ra chạm hông cô. Anh sờ hông cô và cảm thấy vết rạn da ở đó. Chúng như những con đường, và anh lần theo chúng trong da thịt cô. Anh lùa tay lên xuống, từng ngón một. Chúng chạy khắp nơi trên cơ thể cô, hàng chục, có lẽ hàng trăm con đường. Anh nhớ lại lần thức dậy vào buổi sáng sau khi họ mua xe, nhìn thấy nó, ở đó trước nhà, dưới ánh nắng, lóng lánh.

21. Chương 21

NHỮNG DẤU HIỆU

Wayne và Caroline tới quán Aldo, một tiệm ăn lịch sự mới mở cửa ở khá xa về mạn Bắc, phần đầu trong kế hoạch chơi sang của họ tối hôm đó. Họ băng qua khu vườn nhỏ có tường bao và những bức tượng nhỏ, được một người đàn ông cao tóc hoa râm mặc đồ sẫm đón, ông ta nói, “Xin chào quý ông bà,” và đẩy cánh cửa nặng cho họ.

Vào trong, đích thân Aldo mời họ xem vườn chim – một con công, một đôi trĩ vàng, một con trĩ Trung Hoa cổ đỏ, và một số con khác không rõ tên bay quanh hay đậu trên cành. Aldo tự tay đưa họ đến bàn, kéo ghế mời Caroline ngồi, xong quay sang Wayne nói, “Một quý bà đáng yêu,” trước khi đi khỏi – đó là một người dasăm, nhỏ con, hoàn hảo, có giọng nói mềm mại.

Họ vui vì được ông chú ý.

“Anh đọc trên báo thấy nói ông ấy có một ông chú có chức tước gì đó ở Vatican,” Wayne nói,. Đó là lý do ông ta có phiên bản của mấy bức tranh này. Wayne hất đầu về phía một bức tranh chép Velasquez trên bức tường gần nhất. “Chú của ông ấy ở Vatican,” Wayne nói.

“Ông ấy từng là maître d’ [1] của khách sạn Copacabana ở Rio,” Caroline nói. “Ông ấy quen biết Frank Sinatra, và Lana Turner là bạn tốt của ông ấy.”

[1]:Tiếng Pháp trong nguyên bản, viết tắt của maître d’hôtel, nghĩa là “quản lý”

“Thế à?” Wayne nói. “Anh không biết chuyện đó. Anh đọc trên báo thấy nói ông ấy từng làm ở khách sạn Victoria bên Thụy Sĩ và một khách sạn lớn khác bên Paris. Anh không biết ông ấy làm cho Copacabana ở Rio.”

Caroline khẽ đóng cửa túi xách khi người hầu bàn đặt bộ cốc nặng trĩu xuống. Anh ta rót nước xong liền đi về phía sau Wayne.

“Em thấy bộ đồ ông ấy mặc không?” Wayne nói. “Chẳng mấy khi thấy bộ vest như vậy đâu. Bộ đó ba trăm đô đấy.” Anh cầm menu lên. Một lát sau, anh nói, “Sao, em định gọi món gì?”

“Em không biết,” cô nói. “Em chưa quyết định. Anh gọi món gì?”

“Anh không biết,” anh nói. “Anh cũng chưa quyết định.”

“Một trong mấy món kiểu Pháp này thì sao, Wayne? Hay là món này? Phía bên này này.” Cô trở ngón tay và nheo mắt nhìn anh trong khi anh đọc menu, mím môi, cau mày, lắc đầu.

“Anh không biết nữa,” anh nói. “Anh muốn biết đại để món đó trông ra sao. Anh thực sự không biết.”

Người hầu bàn quay lại cầm theo phiếu và bút, nói gì đó mà Wayne không hiểu lắm.

“Chúng tôi chưa quyết định,” Wayne nói. Anh lắc đầu khi người hầu bàn vẫn đứng bên cạnh. “Tôi sẽ ra hiệu cho anh khi chúng tôi sẵn sàng.”

“Chắc anh sẽ gọi món thăn bò. Em muốn ăn gì thì gọi,” Wayne nói với Caroline khi người hầu bàn đã đi chỗ khác. Anh gấp menu lại và nâng cốc. Anh có thể nghe tiếng líu lo từ phía vườn chim trỗi lên khỏi tiếng rì rào từ các bàn khác. Anh thấy Aldo đón một nhóm bốn người, trò chuyện với họ, mỉm cười, gật đầu chào và đưa họ tới bàn.

“Lẽ ra mình có thể có một bàn khác tốt hơn,” Wayne nói. “Thay vì ngay chính giữa ai cũng có thể đi ngang và nhìn mình ăn. Lẽ ra mình có thể có một bàn sát tường. Hoặc gần đài phun nước đằng kia.”

“Chắc em sẽ gọi món bò Tournedos,” Caroline nói.

Cô vẫn nhìn vào menu. Anh lấy một chiếc khăn ra, châm thuốc, liếc quanh nhìn những thực khách khác. Caroline vẫn dăm dăm nhìn vào menu.

“Này, Chúa ơi, nếu em định gọi món đó thì gấp menu lại để anh ta còn ghi món nữa.” Wayne giơ tay vẫy người hầu bàn đang loay hoay quanh phía sau nói chuyện với một hầu bàn khác.

“Hắn chẳng có chuyện gì để làm ngoài tán nhảm với mấy đứa hầu bàn khác,” Wayne nói.

“Anh ta đang tới,” Caroline nói.

“Vâng thưa ngài?” Người hầu bàn là một anh chàng gầy mặt đỏ, mặc bộ đồ đen thùng thình và đeo một cái nơ đen.

“...Và chúng tôi gọi một chai sâm banh, tôi nghĩ vậy. Một chai nhỏ. Loại, ừm, nội địa,” Wayne nói.

“Vâng, thưa ngài,” người hầu bàn nói.

“Và mang ra ngay nhé. Mang ra trước món xa lát hay đĩa khai vị,” Wayne nói.

“Ồ, dù sao nhớ vui lòng mang khay khai vị nhé,” Caroline nói.

“Vâng, thưa bà,” người hầu bàn nói.

“Toàn dân lẩu cá,” Wayne nói. “Em có nhớ anh chàng tên Bruno từng làm việc ở văn phòng trong tuần và chạy bàn dịp cuối tuần không? Fred bắt gặp nó chôm tiền mặt. Bọn anh đuổi nó rồi.”

“Nói chuyện gì tươi vui đi,” Caroline nói.

“Cũng được,” Wayne nói.

Người hầu bàn rót sâm banh vào ly của Wayne, Wayne nhấp ly, nếm, nói, “Tốt, cái này hợp đấy.” Rồi anh nói, “Ly này cho em,” và nâng cao ly. “Chúc mừng sinh nhật.”

Họ chạm ly.

“Em thích sâm banh,” Caroline nói.

“Anh thích sâm banh,” Wayne nói.

“Lẽ ra mình có thể gọi một chai Lancer,” Caroline nói.

“Hừm, sao lúc này em không nói gì, nếu em muốn gọi loại đó?” Wayne nói.

“Em không biết,” Caroline nói. “Em chỉ không nghĩ tới. Dẫu sao cái này cũng được.”

“Anh không rành sâm banh lắm. Anh không ngần ngại thú nhận rằng anh không phải loại... sành sỏi. Anh không ngại thừa nhận mình chỉ là kẻ hạ tiện.” Anh cười phá cổ đón ánh mắt cô, nhưng cô mãi tìm một quả ô liu trong món khai vị. “Không giống như cái hội mà dạo gần đây em chơi cùng đâu. Nhưng nếu em muốn uống Lancer,” anh tiếp tục, “thì lẽ ra em nên gọi Lancer.”

“Ôi im đi!” cô nói. “Anh không nói chuyện gì khác được sao?” Cô ngẩng nhìn anh khiến anh phải nhìn chỗ khác. Anh nhúc nhích chân dưới gầm bàn.

Anh nói, “Em muốn thêm tí sâm banh không, em?”

“Vâng, cảm ơn anh,” cô khẽ nói.

“Ly này cho chúng ta,” anh nói.

“Cho chúng ta, anh yêu,” cô nói.

Họ nhìn nhau không rời mắt trong khi uống.

“Mình nên làm thế này thường xuyên hơn,” anh nói.

Cô gật đầu.

“Thỉnh thoảng đi chơi tí cũng tốt. Anh sẽ cố gắng hơn, nếu em muốn thế.”

Cô vói lấy cần tây. “Tùy anh thôi.”

“Không đúng. Không phải anh là... anh là...”

“Anh là sao?” cô nói.

“Anh không quan tâm em làm cái gì,” anh nói, hạ mắt xuống.

“Thật không?”

“Không biết tại sao anh nói thế,” anh nói.

Người hầu bàn mang xúp ra, dọn chai sâm banh và ly uống rượu đi, xong rót thêm nước vào cốc họ.

“Cho tôi cái thìa ăn xúp nhé?” Wayne hỏi.

“Dạ sao ạ?”

“Thìa ăn xúp,” Wayne nhắc lại.

Người hầu bàn trông ngạc nhiên và bối rối. Anh ta liếc nhìn các bàn khác. Wayne ra dấu xúc trên bát xúp. Aldo xuất hiện bên cạnh bàn.

“Mọi chuyện có ổn không? Có chuyện gì bất ổn à?”

“Đường như chồng tôi không có thìa ăn xúp,” Caroline nói. “Xin lỗi vì đã quấy rầy,” cô nói.

“Dĩ nhiên. Une cuiller, s’il vous plaît[1],” Aldo nói với người hầu bàn bằng giọng đều đều. Ông nhìn Wayne một cái rồi giải thích với Caroline, “Đây là đêm làm việc đầu tiên của Paul. Cậu ta bận bực tiếng Anh, nhưng tôi tin quý khách sẽ đồng ý cậu ta là một phục vụ xuất sắc. Cậu bé dọn bàn quên sắp thìa.” Aldo mỉm cười. “Vì thế Paul đã rất ngạc nhiên.”

[1] :Tiếng Pháp trong nguyên bản: Xin lấy ột cái thìa.

“Chỗ này thật là đẹp,” Caroline nói.

“Cám ơn,” Aldo nói. “Tôi rất vui vì ông bà đến đây tối nay. Ông bà có muốn xem phòng giữ rượu vang và phòng ăn riêng không?”

“Có, rất muốn,” Caroline nói.

“Tôi sẽ cho người đưa ông bà đi xem sau khi ông bà dùng xong bữa tối,” Aldo nói.

“Chúng tôi nóng lòng muốn xem,” Caroline nói.

Aldo khẽ gật người chào và lại nhìn Wayne. “Tôi hy vọng ông bà thích thú với bữa ăn,” ông nói với họ.

“Cái thằng ngu,” Wayne nói.

“Ai?” cô nói. “Anh đang nói ai?” cô nói, bỏ thìa xuống.

“Thằng chạy bàn,” Wayne nói. “Thằng chạy bàn. Thằng mới nhất và ngu nhất trong quán, và mình vợ phải nó.”

“Ăn xúp đi,” cô nói. “Đừng nổi khùng.”

Wayne châm điều thuốc. Người hầu bàn mang món xa lát đến và mang bát xúp đi.

Khi bắt đầu ăn món chính, Wayne nói, “Sao, em nghĩ gì? Có cơ hội nào ình hay không?” Anh nhìn xuống, sửa lại khăn ăn trên đùi.

“Có thể,” cô nói. “Luôn luôn có cơ hội.”

“Đừng nói vợ vẫn như thế,” anh nói. “Trả lời thẳng thắn một lần đi.”

“Đừng to tiếng với em,” cô nói.

“Anh đang hỏi em,” anh nói. “Trả lời anh thẳng thắn đi,” anh nói.

Cô nói, “Anh muốn cam kết gì đó ký bằng máu hả?”

Anh nói, “Ý tưởng đó cũng không tồi.”

Cô nói, “Anh nghe này! Em đã dành cho anh những năm tháng đẹp nhất của đời em. Những năm tháng đẹp nhất của đời em!”

“Những năm tháng đẹp nhất của đời em?” anh nói.

“Em ba mươi sáu tuổi,” cô nói. “Ba mươi bảy đêm nay. Đêm nay, ngay bây giờ, ngay phút này, em không thể nói được em định làm gì. Em phải xem đã,” cô nói.

“Anh không quan tâm em sẽ làm gì,” anh nói.

“Thật vậy sao?” cô nói.

Anh ném thìa xuống và vò khăn ăn trên bàn.

“Anh xong chưa?” cô nhẹ nhàng hỏi. “Uống cà phê và ăn tráng miệng đã. Mình sẽ gọi món tráng miệng nào ngon. Món gì đó ngon ngon.”

Cô ăn hết mọi thứ trên đĩa.

“Hai tách cà phê,” Wayne nói với người hầu bàn. Anh nhìn cô và lại nhìn người hầu bàn. “Tráng miệng thì anh có món gì?”

“Vâng ạ?”

“Tráng miệng!” Wayne nói.

Người hầu bàn nhìn Caroline rồi nhìn Wayne.

“Không cần tráng miệng,” cô nói. “Mình khỏi ăn tráng miệng.”

“Bánh sô cô la,” người hầu bàn nói. “Kem cam,” người hầu bàn nói. Anh mỉm cười, phô hàm răng xấu. “Ngài dùng gì ạ?”

“Và anh không muốn tham quan chỗ này,” Wayne nói khi người hầu bàn đi khỏi.

Khi đứng dậy, Wayne thả một tờ một đô la gần tách cà phê của anh. Caroline lấy hai đô la từ túi xách của mình, vuốt thẳng thớm rồi để bên cạnh đồng kia, ba tờ tiền nằm thẳng hàng.

Cô cùng Wayne đứng đợi khi anh trả tiền. Wayne liếc thấy Aldo đang đứng cạnh cửa rắc hạt ngũ cốc vào trong vườn chim. Aldo nhìn về phía họ, mỉm cười, rồi rũ những hạt bám trên ngón tay trong khi lủ chim mổ hạt trước mặt ông. Xong ông vội vàng phủ hai tay vào nhau và tiến lại phía Wayne, còn Wayne nhìn lảng đi, xoay nhẹ người nhưng rõ ràng khi Aldo lại gần. Nhưng khi Wayne nhìn lại, anh thấy Aldo bắt tay Caroline, thấy Aldo chập hai gót chân vào nhau kiểu cách, thấy Aldo hôn lên cổ tay cô.

“Quý bà có thích bữa tối không ạ?” Aldo nói.

“Tuyệt vời,” Caroline nói.

“Thỉnh thoảng bà sẽ quay lại chứ?” Aldo nói.

“Tôi sẽ quay lại,” Caroline nói. “Bất cứ khi nào có thể. Lần tới, chắc tôi sẽ xin phép ông đi xem vòng quanh, nhưng lần này thì chúng tôi phải đi rồi.”

“Thưa quý bà,” Aldo nói. “Tôi có cái này cho bà. Vui lòng đợi trong giây lát.” Ông với lọ hoa trên bàn gần cửa và duyên dáng thu người lại với một cành hồng dài trên tay.

“Dành tặng quý bà,” Aldo nói. “Nhưng hãy cẩn thận. Gai. Một quý bà rất đáng yêu,” ông nói với Wayne và cười với anh rồi quay sang chào một đôi khác.

Caroline đứng đó.

“Hãy ra khỏi đây,” Wayne nói.

“Anh có thể thấy tại sao ông ấy có thể kết bạn với Lana Turner,” Caroline nói. Cô cầm cành hoa, xoay xoay nó giữa mấy ngón tay.

“Chào tạm biệt,” cô gọi Aldo từ phía sau.

Nhưng Aldo đang bận rộn chọn một cành hồng khác.

“Anh nghĩ ông ấy chưa bao giờ quen biết bà ta,” Wayne nói.

22. Chương 22 (hết)

EM LÀM ƠN IM ĐI, ĐƯỢC KHÔNG?

1

Khi Ralph Wyman mười tám tuổi và lần đầu tiên xa nhà, cha anh, hiệu trưởng Trường tiểu học Jefferson và là cây trumpet solotrung ban nhạc của Câu lạc bộ Weaverville Elks, dạy anh rằng đời là một chuyện nghiêm chỉnh, một cuộc mạo hiểm đòi hỏi sự mạnh mẽ và chí hướng ở một người trẻ tuổi vừa mới khởi đi, một con đường lắm chông gai, đó là điều ai cũng biết, nhưng cũng nhiều tưởng thưởng, cha Ralph Wyman tin vào điều đó và bảo anh thế.

Nhưng khi ở đại học Ralph mù mờ về phương hướng. Anh vừa nghĩ rằng mình muốn trở thành bác sĩ vừa nghĩ mình muốn trở thành luật sư, anh học vài khóa y khoa sơ cấp, vài khóa về lịch sử pháp quyền và luật kinh doanh, nhưng rồi xác định rằng mình chẳng có sự trợ lực cần thiết cho ngành y lẫn khả năng đọc triềnmiên cho ngành luật, đặc biệt là khi phải đọc về tài sản và thừa kế. Mặc dù thỉnh thoảng đăng ký học các lớp về khoa học và kinh doanh, Ralph vẫn học cả các lớp triết học và văn chương và cảm thấy mình như đang

trên ngưỡng của một sự tự khám phá lớn lao. Nhưng điều ấy chẳng bao giờ đến. Chính trong thời gian này, khoảng thời gian sa sút nhất như về sau anh tự nhận, Ralph tin rằng anh gần như sụp đổ; anh dần dần và đêm nào cũng say bết nhè. Anh uống nhiều đến độ tiếng tăm nổi như cồn và mọi người gọi anh là “Jackson”, theo tên người bartender ở quán The Keg.

Rồi, năm thứ ba đại học, Ralph bắt đầu chịu ảnh hưởng của một giáo sư có sức lôi cuốn đặc biệt. Đó là tiến sĩ Maxwell; Ralph không bao giờ quên ông được. Ông đẹp trai, duyên dáng, trạc ngoài bốn mươi, phong thái tinh tế, giọng nói phẳng phát chất miền Nam. Ông đã từng đi học ở Vanderbilt, nghiên cứu ở châu Âu, rồi cộng tác với một vài tạp chí văn chương bên bờ Đông. Sau này Ralph bảo gần như chỉ qua một đêm là anh quyết định theo nghề dạy học. Anh bỏ rượu, bắt đầu chú tâm học hành, và chỉ trong một năm được bầu vào Omega Psi, hội thân hữu báo chí toàn quốc; anh trở thành hội viên Câu lạc bộ tiếng Anh; được mời tới dự cùng cây đàn cello mà đã ba năm anh không sờ đến, tham gia nhóm nhạc hình phòng sinh viên vừa mới thành lập; thậm chí còn đắc cử chức thư ký của lớp vào năm cuối. Đúng lúc đó anh gặp Marian Ross – một cô gái mảnh mai xinh xắn với nước da nhạt màu, người đã ngồi cạnh anh trong lớp học về Chaucer.

Marian Ross để tóc dài, thích mặc áo thun cao cổ và luôn đeo một túi xách da dây dài đóng đưa trên vai. Đôi mắt cô to, như thấu hết mọi vật vào trong một cái nhìn. Ralph thích đi chơi với Marian Ross. Họ cùng đến quán The Keg và một vài chỗ khác mà mọi người hay đến, nhưng họ không bao giờ để chuyện đi chơi hay chuyện đính hôn mùa hè năm sau len vào chuyện học. Họ là những sinh viên nghiêm túc, và hai bên cha mẹ cuối cùng tán thành chuyện hai người. Mùa xuân, họ cùng đi thực tập tại một trường trung học ở Chico, và vào tháng Sáu, họ cùng vượt qua kỳ thi tốt nghiệp. Hai tuần sau họ làm đám cưới ở nhà thờ St. James thuộc Tân giáo.

Đêm trước đám cưới, tay trong tay, họ nguyện mãi mãi giữ gìn niềm hứng khởi và vẻ bí ẩn của cuộc sống hôn nhân.

Họ lái xe đến Guadalajara hưởng tuần trăng mật và mặc dù cả hai thấy thích thú khi viếng thăm những nhà thờ đồ sộ và những bảo tàng tranh tối tranh sáng cũng như những chiều đi mua sắm, khám phá chợ búa, Ralph thâm kinh sợ tình trạng bồn chồn và sự phóng đảng công khai mà anh nhìn thấy, và muốn nhanh quay về với sự an toàn của California. Nhưng cái cảnh tượng mà anh luôn nhớ và cũng làm anh cảm thấy bất an nhất thì chẳng liên quan gì đến Mexico cả. Đó là một buổi chiều muộn, gần như là tối, Marian đứng chống tay bất động tì lên hàng lan can sắt của casita[1] họ thuê trong khi Ralph đi về từ con đường bụi mù bên dưới. Mái tóc cô xõa dài trước vai, cô không nhìn anh mà nhìn vào cái gì đó xa xăm. Cô mặc váy trắng, choàng khăn màu đỏ tươi quanh cổ, và anh có thể nhìn thấy ngực cô phập phồng sau lớp vải trắng. Anh kẹp một chai rượu vang sẫm không dán nhãn dưới cánh tay, và cảnh tượng này gợi lên ở Ralph một cái gì đó như trong một cuốn phim, một khoảnh khắc hết sức kịch tính mà Marian vào vai thật trọn vẹn còn anh thì không.

[1] :Tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản: ngôi nhà nhỏ

Trước khi đi hưởng tuần trăng mật họ đã nhận dạy ở một trường trung học ở Eureka, một thị trấn thuộc vùng chuyên đồn gỗ ở phía Bắc tiểu bang. Được một năm, sau khi họ thấy chắc chắn rằng ngôi trường và thị trấn này đúng là nơi họ muốn gắn bó, họ mua một ngôi nhà ở quận Fire Hill. Ralph cảm thấy, mà không cần thực sự nghĩ ngợi nhiều, rằng anh và Marian hiểu nhau một cách hoàn hảo – ít nhất đến mức mà hai con người có thể hiểu được về nhau. Hơn nữa, Ralph cảm thấy anh tự hiểu mình – cái gì anh có thể làm, cái gì không, và anh đang đi về đâu bằng sự đánh giá thận trọng về bản thân.

Hai con của họ tên là Dorothea và Robert, giờ một đứa đã năm tuổi, một đứa bốn tuổi. Vài tháng sau khi sinh Robert, Marian được mời làm giáo viên tiếng Pháp và tiếng Anh ở một trường trung cấp ngoài thị trấn, còn Ralph vẫn dạy ở trường trung học. Họ tự mình là một đôi hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân của họ cho đến giờ này chỉ có một trục trặc duy nhất xảy ra lâu rồi, vào mùa đông cách đây hai năm. Kể từ đó họ chưa bao giờ nhắc lại. Nhưng đôi khi Ralph nghĩ về chuyện ấy – thật lòng, anh phải thừa nhận rằng càng ngày anh càng hay nghĩ về chuyện ấy. Những hình ảnh ghê sợ ngày càng hiện rõ trong mắt anh, những chi tiết không thể chịu đựng được. Vì anh đinh ninh rằng vợ anh đã từng một lần phản bội anh với một gã tên là Mitchell Anderson.

Nhưng bây giờ là một đêm Chủ nhật tháng Mười một, bọn trẻ đã ngủ say còn Ralph cũng buồn ngủ, anh ngồi trên ghế sofa bấm bài, tiếng radio văng vẳng ra từ nhà bếp nơi Marian đang làm quần áo, và anh cảm

thấy hạnh phúc ngập tràn. Anh ngẩng nhìn tập bài trước mặt anh một lúc rồi xếp chúng lại và tắt đèn.

“Xong rồi hả anh?” Marian mỉm cười hỏi khi anh đi vào nhà bếp. Cô đang ngồi trên một cái ghế cao, và cô đứng đứng bàn là dậy như thể đang đợi sẵn anh.

“Còn lâu,” anh nhả mặt nói, vút xấp bài lên bàn bếp.

Cô bật cười – cái cười rạng rỡ, vui sướng – ngẩng mặt lên đợi được hôn, và anh hôn nhẹ lên má cô. Anh kéo ghế ngồi xuống, ngã người ra sau tì trên chân ghế ngắm vợ. Cô lại mỉm cười rồi hạ mắt xuống.

“Anh hơi buồn ngủ,” anh nói.

“Cà phê nhé?” cô hỏi, chồm người qua và lấy mu bàn tay chạm vào bình pha cà phê.

Anh lắc đầu.

Cô cầm điều thuốc đang cháy dở trong gạt tàn lên, rít một hơi trong lúc nhìn xuống sàn nhà, rồi đặt điều thuốc lên lại cái gạt tàn. Cô nhìn chồng, nét ấm áp tràn gương mặt. Cô cao, vóc người mềm mại, ngực cao, eo thon, và cặp mắt to, tuyệt vời

“Anh có bao giờ nghĩ về bữa tiệc ấy không?” cô hỏi, vẫn nhìn anh.

Anh giật mình ngo ngoáy trong ghế, và anh nói, “Bữa tiệc nào? Em định nói bữa tiệc cách đây hai, ba năm?”

Cô gạt đầu.

Anh đợi, và khi thấy cô không giải thích gì thêm, anh nói, “Có chuyện gì? Sao em mang chuyện đó ra, có chuyện gì thế?” Rồi tiếp: “Rốt cuộc là đêm đó anh ta hôn em, đúng không? Ý anh là, anh biết anh ta hôn em. Anh ta cố hôn em, hay là không?”

“Em chỉ nghĩ về chuyện đó và em hỏi anh, có thể thôi,” cô nói. “Thỉnh thoảng em nghĩ về chuyện đó,” cô nói.

“Hừm, anh ta đã hôn em, phải không. Thôi nào, Marian,” anh nói.

“Anh có bao giờ nghĩ về đêm hôm ấy không?” cô nói.

Anh nói, “Không hẳn. Chuyện đó lâu rồi, đúng không? Cách đây ba hay bốn năm. Bây giờ em kể anh nghe được rồi đây. Anh vẫn là anh chàng Jackson ngày xưa mà em từng tâm sự, nhớ không?” Cả hai đột nhiên cùng bật cười rồi đột nhiên cô bảo: “Có,” Cô nói, “Anh ta có hôn em mấy cái,” Cô mỉm cười.

Anh biết anh nên cố mỉm cười cùng cô, nhưng anh không thể. Anh bảo, “Thế mà trước đây em bảo là anh ta không hôn em. Em bảo anh ta chỉ choàng tay qua người em khi đang lái xe. Vậy là sao?”

“Sao anh lại làm như thế?” cô lơ mơ hỏi. “Cô đi đâu cả đêm?” anh gào lên, đứng chắn trước mặt cô, chân sưng nước, nắm tay cô lại để đánh tiếp. Rồi cô nói, “Em chẳng làm gì cả. Sao anh đánh em?” cô nói.

“Sao mình lại nói đến chuyện này nhỉ?” cô nói.

“Em khơi chuyện ra,” anh nói.

Cô lắc đầu. “Em không biết cái gì khiến em nghĩ về chuyện ấy nữa.” Cô mím môi trên lại và chăm chú nhìn sàn nhà. Rồi cô vươn vai và lại ngẩng nhìn lên. “Anh, nếu anh cất cái bàn là quần áo này cho em, em sẽ pha một đồ uống gì nóng nóng. Rượu rum pha bơ. Anh thấy sao?”

“Được,” anh nói.

Cô vào phòng khách bật đèn rồi cúi xuống nhặt một cuốn tạp chí trên sàn. Anh ngẩng hông vợ dưới cái váy len kẻ ô. Cô đến trước cửa sổ và đứng đó nhìn ra đèn đường. Cô vuốt tay xuống váy rồi nhét áo vào trong. Anh tự hỏi không biết cô có tự hỏi mình rằng liệu anh có đang ngắm cô không.

Sau khi dựng cái bàn là quần áo vào trong góc cửa, anh ngồi xuống, và khi cô vào bếp, anh hỏi, “Ngày đêm hôm đó giữa em và Mitchell Anderson còn diễn ra chuyện gì nữa?”

“Không có gì cả,” cô nói. “Em đang nghĩ về chuyện khác.”

“Chuyện gì?”

“Về các con, về cái váy mà em muốn mua cho Dorothea vào lễ Phục sinh tới. Và em đang nghĩ về buổi dạy ngày mai. Sinh viên có âu sầu chẳng khi học thơ Rimbaud,” và cô bật cười. “Em không có ý gieo vãi đâu, thật đấy, Ralph, thật đấy, chẳng có chuyện gì khác xảy ra đâu. Em xin lỗi nếu em đã nói gì về chuyện đó.”

“Được rồi,” anh nói.

Anh đứng dậy, tựa vào tường bên cạnh tủ lạnh nhìn vợ xúc đường cho vào hai cái cốc và khuấy rượu rum lên. Nước bắt đầu sôi.

“Em này, bây giờ chuyện đã được mang ra rồi,” anh nói, “và chuyện đó cũng đã cách đây bốn năm, nên anh nghĩ chẳng có lý do gì khiến mình bây giờ không thể nói về chuyện đó được nếu mình muốn. Đúng không?”

Cô nói, “Nhưng chẳng có gì để nói cả.”

Anh nói, “Anh muốn biết.”

Cô nói, “Biết gì cơ?”

“Ngoài chuyện hôn em ra thì anh ta còn làm gì. Chúng mình là người lớn. Mình không gặp nhà Anderson hàng năm rồi còn gì và có thể mình chẳng bao giờ gặp lại họ mà chuyện đó đã xảy ra lâu lắm rồi, nên có lý gì mà mình không thể nói về chuyện đó?” Anh hơi ngạc nhiên về chất lý sự trong giọng của mình. Anh ngồi xuống, nhìn tấm khăn trải bàn rồi ngược lên nhìn vợ. “Thế nào?” anh nói.

“Hừm,” cô cười láu lỉnh, hất đầu sang một bên một cách rất nữ tính, nhớ lại. “Không, Ralph, thật đấy. Thật ra em không nên kể thì hơn.”

“Chúa ơi, Marian. Bây giờ anh nói nghiêm túc đấy,” anh nói, và đột nhiên anh hiểu là anh thực sự muốn thế.

Cô tắt bếp gas, đặt tay lên ghế rồi ngồi xuống, gót chân móc vào thanh gác. Cô hơi chồm về phía trước, tay đặt lên gối, ngực áp vào áo. Cô gầy một cái gì đó trên váy rồi ngược lên.

“Anh có nhớ là Emily đã ra về cùng với nhà Beatty, không hiểu sao Mitchell vẫn còn ở lại. Phải nói là đêm hôm ấy trông anh ấy không ổn lắm. Em không rõ, có thể là Emily và anh ấy đang lục đục, nhưng em không rõ lắm. Lúc đó, anh, em, nhà Franklin và Mitchell Anderson vẫn còn ở lại. Cả hội đều đã ngà ngà. Ralph, em không nhớ rõ chuyện diễn ra thế nào, nhưng đột nhiên chỉ mình Mitchell và em tình cờ có mặt trong nhà bếp cùng một lúc, lúc đó chẳng còn tí whiskey nào, chỉ còn một chai vang trắng đang uống dở. Lúc đó phải gần một giờ, bởi vì Mitchell nói: ‘Nếu mình bay trên những đôi cánh khổng lồ thì mình có thể tới tiệm rượu kịp trước khi họ đóng cửa,’ Anh có biết là anh ấy có thể kịch đến mức nào khi anh ấy muốn không? Giọng mềm mỏng, vẻ biểu cảm trên khuôn mặt? Dù sao đi nữa, anh ta rất hóm. Ít nhất vào lúc đó có vẻ như thế. Và rất say nữa, em có thể thêm. Em cũng say. Đó là một phút bốc đồng Ralph ạ. Em không biết tại sao em làm như thế, đừng hỏi em, nhưng khi anh ấy bảo chúng ta đi nào thì em đã đồng ý. Bọn em ra phía sau, chỗ anh ấy đậu xe. Bọn em đi như thế... bọn em là... thậm chí không mang áo khoác theo, nghĩ rằng chỉ đi một tí teo. Em không biết bọn em nghĩ gì, em nghĩ gì, em không biết tại sao em lại đi, Ralph ạ. Bốc đồng, em chỉ có thể nói như thế. Một bốc đồng sai lầm.” Cô ngừng lại. “Đêm hôm đó em có lỗi, Ralph, em xin lỗi. Lẽ ra em không nên làm như thế – em biết điều đó.”

“Chúa ơi!” Cái từ ấy trượt ra khỏi miệng anh. “Nhưng lúc nào em cũng như thế, Marian!” Và ngay lập tức anh biết rằng anh vừa thốt ra một sự thật mới mẻ và sâu sắc.

Đầu anh tràn ngập những lời cáo buộc, và anh cố tập trung vào một cáo buộc cụ thể. Anh nhìn xuống bàn tay mình và nhận thấy chúng có cùng cảm giác vô hồn mà chúng từng có cái ngày anh nhìn cô đứng trên ban công. Anh nhặt cây bút chì đỏ chấm bài đang nằm trên bàn lên rồi lại đặt nó xuống.

“Anh đang nghe đây,” anh nói.

“Nghe cái gì cơ?” cô nói. “Anh đang cộc cằn và trở nên bực dọc, Ralph. Chẳng vì cái gì cả – chẳng vì cái gì, anh à... không có chuyện gì khác cả,” cô nói.

“Tiếp tục đi,” anh nói.

Cô nói, “Rốt cuộc là có chuyện gì với chúng ta? Anh có biết là chuyện này bắt đầu như thế nào không? Bởi vì em chẳng biết chuyện này bắt đầu như thế nào.”

Anh bảo, “Tiếp tục đi, Marian.”

“Tất cả chỉ có thế, Ralph,” cô nói. “Em bảo rồi. Bọn em phóng xe đi. Bọn em trò chuyện. Anh ấy hôn em. Em vẫn không rõ tại sao bọn em có thể đi đến ba giờ đồng hồ – hay là bất cứ cái gì mà anh nói là bọn em làm.”

“Kể đi, Marian,” anh nói, anh biết rằng còn nữa và biết rằng anh đã luôn biết điều đó. Anh cảm thấy nôn nao trong bụng, và rồi anh nói: “Thôi. Nếu em không muốn kể cũng được. Thật ra anh nghĩ anh chỉ nên biết đến đây,” anh nói. Anh thoáng nghĩ rằng nếu chưa lấy vợ đêm nay anh đã ở một nơi nào khác làm một việc gì khác, rằng sẽ là một nơi nào đó yên lặng.

“Ralph này,” cô nói, “anh sẽ không giận, phải không? Ralph? Chúng ta chỉ nói chuyện thôi. Anh sẽ không giận, phải không?” Cô chuyển sang ngồi trên một chiếc ghế cạnh bàn.

Anh nói, “Anh sẽ không giận.”

Cô nói, “Hứa nhé?”

Anh nói, “Hứa.”

Cô châm một điếu thuốc. Đột nhiên anh có ham muốn lớn lao được nhìn thấy lũ trẻ, dựng chúng dậy và lôi ra khỏi giường, nặng nề và vẫn còn mê ngủ, giữ mỗi đứa một bên gối, kéo chúng đi cho đến khi chúng tỉnh dậy. Anh chuyển sang chú ý đến một trong những cổ xe đen nhánh bé tí đặt trên khăn trải bàn. Bốn chú ngựa trắng cũng bé tí tung vó kéo từng cổ xe đen, người đánh xe ngựa đội chiếc mũ cao vung tay lên, những hòm xiểng được treo trĩu xuống từ nóc xe, và một thứ trông giống như cái đèn dầu lung lẳng một bên, và nếu anh có lắng nghe gì thì đó là nghe từ bên trong cổ xe đen.

“...Bọn em đi thẳng đến tiệm rượu, em ngồi đợi trong xe cho đến lúc anh ấy đi ra. Một tay anh ấy cầm túi, tay kia cầm một túi ni lông đá. Anh ấy loạng choạng ngồi vào xe. Em không nhận ra là anh ấy say mèm cho đến lúc bọn em bắt đầu lái về. Em để ý cái cách anh ấy lái. Chậm kinh khủng. Anh ấy gục cả người lên tay lái. Mắt anh ta long lanh. Bọn em tán đủ thứ chuyện chẳng có ý nghĩa gì cả. Em chẳng nhớ nữa. Bọn em nói về Nietzsche. Strindberg. Anh ấy dần dựng vở Nàng Juliet trong học kỳ thứ hai. Rồi cái gì đó về chuyện Norman Mailer đâm vào ngực vợ. Rồi anh ấy dừng lại một lúc giữa đường. Rồi mỗi đứa lấy chai ra nốc một ngụm. Anh ấy nói anh ấy ghét nghĩ đến việc em bị đâm vào ngực. Anh ấy nói anh ấy muốn hôn lên ngực em. Anh ấy tấp xe vào vệ đường. Anh ấy gục đầu vào lòng em...”

Giọng cô gấp gáp, anh ngồi hai tay khoanh trên bàn ngắm nhìn môi vợ. Mắt anh lướt vòng quanh bếp – bếp lò, hộp đựng khăn giấy, bếp lò, tủ ly, lò nướng bánh mì, ngược lại môi của vợ, ngược lại cổ xe trên khăn trải bàn. Anh chợt thấy một ham muốn lạ lùng đối với vợ thoáng qua phần bụng dưới của mình, rồi anh cảm nhận được nhịp xóc đều đều của cổ xe, anh muốn kêu ngừng lại và anh nghe vợ nói, “Anh ấy bảo chúng mình làm chuyện ấy nhé?” Và rồi cô nói, “Em đáng trách. Em là người đáng trách. Anh ấy bảo tùy em quyết định, em có thể làm bất kỳ điều gì em muốn.”

Anh nhắm mắt lại. Anh lắc đầu, cố nghĩ ra những khả năng khác, những kết luận khác. Anh thực sự băn khoăn không biết liệu anh có thể dựng lại cái đêm cách đây hai năm ấy và tưởng tượng ra chính anh đi vào bếp đúng lúc mấy người kia ra đến cửa, nghe giọng chính mình nói, xúc động mạnh, ồ không, không, em không được đi với gã Mitchell Anderson đâu đấy! Chẳng những hấn say mà hấn còn là một tài xế tồi, với lại bây giờ em còn phải đi ngủ để sớm mai dậy với Robert và Dorothea nữa, dừng lại đi! Người phải dừng lại!

Anh mở mắt ra. Cô đang lấy tay che mặt, khóc rưng rức.

“Tại sao em làm vậy, Marian?” anh hỏi.

Cô lắc đầu mà không ngẩng lên.

Rồi đột nhiên anh biết hết! Đầu anh vỡ ra. Cả một lúc lâu anh chỉ có thể nhìn trừng trừng ngơ ngếch vào tay mình. Anh đã biết hết! Đầu anh gầm rú vì điều anh biết.

“Chúa ơi! Không! Marian! Jesus, lạy Chúa tôi!” anh nói, bật người ra khỏi bàn. “Chúa ơi! Không, Marian!”

“Không, không,” cô nói, hất đầu ra phía sau.

“Cô đã để cho hắn!” anh gào lên.

“Không, không,” cô nức nở.

“Cô đã để cho hắn! Làm chuyện đó! Đúng không? Đúng không? Làm một cái! Có phải hắn nói vậy không? Trả lời tôi đi!” anh gào lên. “Hắn ta có phọt vào cô không? Cô có để cho hắn phọt vào cô không khi cô và hắn làm chuyện đó?”

“Nghe em, nghe em này Ralph,” cô nghẹn ngào, “em thề với anh là anh ta không. Anh ta không ra. Anh ta không ra trong người em.” Cô nẩy người từ bên này sang bên kia ghế.

“Ôi Chúa! Quỷ tha ma bắt cô đi!” anh rít lên.

“Chúa ơi!” cô nói, đứng dậy, chìa tay ra. “Chúng mình điên hả, Ralph? Chúng mình mất trí chưa? Ralph? Tha thứ cho em, Ralph. Tha thứ...”

“Đừng chạm vào tôi! Tránh ra!” anh gào. Anh đang gào.

Cô bắt đầu thở hổn hển trong sợ hãi. Cô cố chặn anh lại. Nhưng anh tóm lấy vai cô và hất cô ra.

“Tha thứ cho em, Ralph. Em van anh, Ralph!” cô gào lên.

2

Anh phải dừng lại và vịn vào một cái xe trước khi đi tiếp. Có hai cặp trong trang phục dạ hội đang trên vỉa hè hướng về phía anh, một trong hai người đàn ông đang kể chuyện bằng giọng rất to. Những người khác cười giòn giã. Ralph rời khỏi xe và băng qua đường. Mất vài phút anh đến được quán Blake, chỗ buổi chiều anh thỉnh thoảng ghé vào nhâm nhi tí bia với Dick Koenig trước khi đón con ở trường mẫu giáo.

Bên trong quán tối. Nền lập lờ trong những cái chai cổ dài đặt trên mấy cái bàn dọc theo tường. Ralph nhìn lướt qua những bóng trai gái đang trò chuyện, đầu chụm vào nhau. Một cặp ngồi gần cửa ngừng nói chuyện ngẩng lên nhìn anh. Một vật hình hộp treo trên trần xoay qua xoay lại ném ra những tia sáng. Hai người đàn ông ngồi phía cuối quán, và một bóng người đứng tựa vào máy chọn nhạc trong góc, hai bàn tay tõe ra hai bên cái ly. Anh ta sắp sửa chơi một cái gì đó, Ralph nghĩ, như thể vừa có một phát hiện tối quan trọng, anh đứng giữa sàn nhìn anh ta.

“Ralph! Ngài Wyman!”

Anh nhìn quanh. Hóa ra là David Parks gọi anh từ phía sau quầy bar. Ralph bước lại, tì mạnh vào quầy bar rồi chuỗi người lên cái ghế cao.

“Em rót một chút nhé, bác?” Parks cầm một cái ly trong tay, mỉm cười. Ralph gật đầu, nhìn Parks nghiêng cái ly dưới vòi bia, rồi nhẹ nhàng dựng thẳng nó lên khi đầy.

“Công việc thế nào, bác?” Parks gác chân lên một cái kệ phía dưới quầy bar. “Ai sẽ thắng trận đấu tuần tới, bác?” Ralph lắc đầu, nâng ly bia lên môi. Parks khẽ ho. “Em trả cho bác một ly nhé. Em mời bác ly này.” Anh ta buông chân xuống, gạt đầu khăng định, và lần tay vào túi dưới tạp dề. “Đây. Tôi có mấy đồng đây này,” Ralph nói và móc ra mấy đồng lẻ, kiểm tra chúng trong tay mình. Một đồng hai mươi lăm xen, một đồng mười xen, hai đồng năm xen, hai đồng một xen. Anh đếm chúng như thể có một mặt mã cần được giải. Anh đặt đồng hai mươi lăm xen xuống và đứng lên, bỏ mấy đồng lẻ lại vào trong túi. Người kia vẫn đứng trước máy chọn nhạc, hai tay vẫn xò ra hai bên ly.

Ra ngoài, Ralph ngoảnh lại, ngần ngừ nghĩ xem mình nên làm gì. Tim anh thành thịch như thể đang chạy. Cánh cửa bật mở sau lưng anh và một đôi trai gái bước ra. Ralph nhích sang tránh đường cho họ, họ ngồi vào xe đỗ bên lề đường và Ralph thấy cô gái hất tóc khi ngồi vào xe. Anh chưa bao giờ nhìn thấy gì đáng sợ như thế.

Anh đi bộ đến cuối dãy nhà, băng qua đường, đi thêm một dãy nhà nữa rồi quyết định đi thẳng vào trung tâm thị trấn. Anh rảo bước, tay nắm chặt trong túi quần, giày nện trên hè phố. Anh chớp mắt liên tục và

nghĩ thật khó tin đây là nơi anh sống. Anh lắc đầu. Anh muốn ngồi lại một chỗ nào đó một lúc để nghĩ về nó, nhưng anh biết anh không thể ngồi, không thể nghĩ về nó. Anh nhớ lại có lần anh thấy một người đàn ông ngồi bên vệ đường ở Arcata, một ông già râu ria xồm xoàm đội mũ len nâu co ro, tay để vào giữa hai đầu gối. Và rồi Ralph nghĩ đến: Marian! Dorothea! Robert! Không thể được! Anh cố tưởng tượng hai mươi năm tới mọi chuyện ra thế nào. Nhưng anh không thể tưởng tượng được gì. Rồi anh tưởng tượng bắt gặp một mẫu giấy chuyền tay giữa đám học sinh trong đó viết Chúng mình làm chuyện ấy nhé? Rồi anh không thể nghĩ được nữa. Rồi anh cảm thấy hoàn toàn đứng đưng. Rồi anh nghĩ về Marian. Anh nghĩ về Marian như anh mới gặp cách đây ít giờ, mặt rúm rỏ. Rồi Marian nằm trên sàn nhà, miệng đầy máu: “Tại sao anh đánh em?” Rồi Marian thò tay vào dưới váy cởi nịt bít tất! Rồi Marian nhấc váy lên cong người lên. Rồi Marian kích động, Marian gào lên, Nào! Nào! Nào!

Anh đứng lại. Anh tin rằng mình sắp nôn. Anh tiến lại mép vỉa hè. Anh nuốt nước bọt liên tục, ngẩng đầu lên khi một đám thiếu niên reo hò phóng xe ngang qua, nhấn một hồi còi có tiếng nhạc dài. Ừ, quả có một cái ác lớn lao đang thúc đẩy thế giới, anh nghĩ, và nó chỉ cần một lối trượt nho nhỏ, một cửa ngõ nho nhỏ.

Anh đi đến Phố số 2, khu mà người ta vẫn gọi là “Phố Hai.” Nó bắt đầu từ đây ở Shelton, dưới những ngọn đèn đường cuối dãy nhà cũ cho thuê, chạy dài bốn hay năm dãy nhà nữa cho đến cầu tàu, chỗ buộc những chiếc thuyền đánh cá. Anh đã đến khu này một lần, cách đây sáu năm, đến một cửa hàng đồ cũ để lục lọi những kệ sách cũ phủ đầy bụi. Có một tiệm rượu bên kia đường, và anh có thể nhìn thấy một người đàn ông đứng đọc báo phía bên trong cửa kính.

Cái chuông cửa ngân lên. Âm thanh làm Ralph suýt khóc. Anh mua mấy điều thuốc rồi quay ra, đi dọc theo con phố, nhìn vào các cửa sổ, một số cái có dán tờ quảng cáo: một buổi khiêu vũ, gánh xiếc Shrine đã đến và đi mùa hè vừa rồi, một cuộc bầu cử -bầu Fred C. Walters làm ủy viên Hội đồng. Anh thấy bồn rửa bát và những đầu nối ống nước nằm vương vãi trên bàn qua một trong những cửa sổ mà anh nhìn vào, và những cái này cũng làm anh rơi nước mắt. Anh đến một phòng tập thể dục Vic Tanney, ở đó anh nhìn thấy ánh sáng hắt ra dưới màn cửa, nghe thấy tiếng nước tóe và tiếng gọi nhau í ới phía hồ bơi bên trong. Phố bây giờ sáng hơn, ánh sáng hắt ra từ những quán cà phê và quán bar hai bên phố, người cũng đông hơn, từng nhóm ba bốn người nhưng thỉnh thoảng cũng có một người đàn ông đi một mình hoặc một phụ nữ mặc quần màu sáng rảo bước vội vã. Anh dừng lại trước một cửa sổ nhìn thấy mấy người da đen chơi bi a, khói lẫn quần trong ánh đèn thấp phía trên bàn. Một người đang thoa phấn lên cơ, đầu đội mũ, miệng ngậm thuốc, nói gì đấy với một người khác rồi cả hai cùng ngoác miệng cười, rồi người kia chăm chú ngắm mấy quả bi và cúi xuống bàn.

Ralph dừng lại trước Jim’s Oyster House. Anh chưa từng đến đây, chưa từng đến bất kỳ những chỗ như thế này. Phía trên cánh cửa dòng chữ JIM’S OYSTER HOUSE được gắn bằng những bóng đèn vàng. Phía trên dòng chữ, được gắn vào một cái lồng sắt, có một cái vỏ sò lớn chiếu đèn nê ông sáng và một đôi chân người thò ra. Phần thân được giấu trong vỏ và đôi chân nhấp nháy đỏ, lên xuống, nên chúng trông có vẻ như đang đá. Ralph dùng điều thuốc đang cháy dở châm một điều khác rồi đẩy cửa vào.

Bên trong đông đúc, người nghệt trên sàn nhảy, tay đan vào nhau, để hờ chờ ban nhạc bắt đầu chơi lại. Ralph len lỏi đến phía quầy bar, có lúc một cô gái say bám vào áo khoác anh. Không còn cái ghế nào nên anh đành đứng phía cuối quầy bar giữa một nhân viên cứu hộ bờ biển và một anh chàng mặc đồ jean nhăn nhúm. Nhìn vào gương anh có thể thấy được ban nhạc ngồi ở bàn đang đứng dậy. Họ mặc sơ mi trắng, quần đen, cổ đeo nơ đỏ. Có một lò sưởi với ngọn lửa bằng gas phía sau một đồng cũi kim loại, và cái bục dành cho ban nhạc ngay bên cạnh lò sưởi này. Một nhạc công gảy thử dây đàn ghi ta điện, nói gì đó với những người kia và cười ra vẻ hiểu ý. Ban nhạc bắt đầu chơi.

Ralph nâng ly uống cạn. Ở đằng kia quầy bar Ralph nghe thấy tiếng một phụ nữ giận dữ: “Này, đây nói à biết, thế nào cũng có rắc rối đấy nhé.” Các nhạc công chơi xong bản nhạc và bắt đầu một bản khác. Một trong số họ, tay chơi bass, tiến lại micro bắt đầu hát. Nhưng Ralph không hiểu anh ta hát gì. Khi ban nhạc nghỉ giải lao lần nữa, Ralph nhìn quanh xem toa lét chỗ nào. Anh nhìn ra được những cánh cửa đóng mở liên tục ở đầu kia của quầy bar liền hướng về phía đó. Anh hơi lảo đảo, biết rằng mình đã say. Bên trên một cánh cửa là một giá sừng hươu. Anh thấy một người đi vào và một người khác giữ cánh cửa rồi đi ra. Vào trong, xếp hàng sau ba người khác, anh thấy mình nhìn chằm chằm vào hình vẽ một cặp đôi giằng ra khoe âm hộ trên tường bên cạnh mấy bản lược bỏ túi. Bên dưới là dòng chữ viết thẩu XOI EM ĐI, dưới nữa ai đấy viết thêm Betty M. xoi đi – RA 52275. Người đứng trước Ralph nhích lên, Ralph bước tới một bước,

tim anh co thắt dưới trọng lượng của Betty. Cuối cùng, anh đến trước bồn và bắt đầu tiểu. Đó là một tia chớp lóe lên. Anh thở dài, rướn người lên trước, tì đầu trên tường. Ôi chao, Betty, anh nghĩ. Đời anh đã thay đổi, anh sẵn sàng để hiểu điều đó. Anh lơ mơ tự hỏi liệu những người khác có thể nhìn vào một sự kiện trong đời họ mà cảm nhận trong nó những thành phần nhỏ bé của một thảm họa sau đó sẽ hướng cuộc đời họ sang một ngã hoàn toàn khác? Anh đứng đó một lúc nữa rồi nhìn xuống: anh đã tiểu lên tay mình. Anh lại bồn rửa tay, quyết định không dùng khăn giấy mà chỉ vịn cho nước chảy qua tay. Trong lúc kéo khăn giấy, anh gí mặt vào gương và nhìn vào mắt mình. Một cái mặt: chẳng có gì bất thường. Anh sờ vào gương, nhưng lại tránh ra vì một người khác cố vượt qua anh đến chỗ bồn rửa tay.

Khi ra cửa, anh để ý thấy một cánh cửa khác ở đầu bên kia hành lang. Anh đi tới nhìn qua cửa kính thấy bốn người đang chơi bài quanh một cái bàn dường như màu xanh lá cây. Với Ralph dường như bên trong có vẻ thật là tĩnh lặng và yên bình, những cử động cầm của những người kia như hàm ngôn và chất chứa nhiều ý nghĩa. Anh tì vào kính nhìn họ cho đến khi cảm thấy họ đang nhìn anh.

Phía đằng quầy bar tiếng ghi ta đang chơi âm ỉ, mọi người bắt đầu vỗ tay và huýt sáo. Một phụ nữ đứng tuổi phục phịch vận đầm trắng đang bị đẩy lên sân khấu. Chị ta cố vùng vẫy nhưng Ralph có thể nhận thấy chỉ là vùng vẫy giả vờ, và cuối cùng chị ta chịu cầm lấy micro và khẽ nhún người. Đám đông huýt sáo giầm chân rầm rầm. Đột nhiên anh biết rằng không gì có thể giải cứu được anh ngoại trừ việc vào trong phòng kia cùng với những người chơi bài, xem họ. Anh móc ví ra, giơ lên xem thử còn bao nhiêu. Phía sau anh chị gái kia bắt đầu hát bằng một thứ giọng trầm buồn ngủ.

Người chia bài ngừng đầu lên.

“Muốn nhập hội à?” anh ta hỏi, nhìn quét khắp người Ralph và chia bài một lần nữa. Những người khác nhướng mắt lên rồi quay lại nhìn những quân bài nằm rải rác trên bàn. Họ cầm bài lên, người ngồi xoay lưng lại Ralph thở hắt ra bằng mũi, ngọ ngoạy trong ghế tỏ vẻ khó chịu.

“Benny, mang thêm một cái ghế!” người chia bài gọi ông già đang quét dưới gầm cái bàn chất đầy ghế chống ngược. Người chia bài là một tay đô con; anh ta mặc sơ mi trắng, cổ mở, tay áo xắn để lộ cẳng tay mập và lông quăn đen. Ralph hít một hơi dài.

“Uống gì không?” Benny hỏi khi mang ghế đến bàn.

Ralph đưa ông già một đô la và cởi áo khoác ra. Ông già đỡ lấy áo khoác, treo gần cửa khi ông đi ra. Hai người trong đám nhích ghế cho Ralph ngồi xuống đối diện với người chia bài.

“Khỏe không?” người chia bài hỏi, không nhìn lên.

“Bình thường,” Ralph đáp.

Người chia bài nói nhẹ nhàng, vẫn không nhìn lên: “Chơi bài nhỏ ăn hoặc năm lá. Mỗi ván cược không quá năm đô.”

Ralph gật đầu, khi ván đó xong anh mua mười lăm đô phỉnh. Anh ngấm những quân bài được ném quanh bàn, nhặt bài của mình lên theo cách anh đã thấy cha anh làm, luồn quân này dưới quân kia khi chúng rơi trước mặt anh. Anh nhướng mắt nhìn vào mặt những người khác. Anh tự hỏi không biết chuyện đó có xảy ra với ai trong số họ không.

Trong vòng nửa tiếng đồng hồ anh thắng hai ván, và không cần đếm đồng phỉnh trước mặt anh nghĩ anh vẫn còn khoảng mười lăm hay thậm chí hai mươi đô la. Anh trả tiền ột ly nữa bằng một phỉnh và đột nhiên nhận ra rằng tối hôm ấy anh đã đi một quãng đường dài, một quãng đường dài trong cuộc đời. Jackson, anh nghĩ. Anh có thể là Jackson.

“Anh cược hay không?” một người hỏi. “Clyde, cược thế nào nhỉ, lạy Chúa?” anh ta hỏi người chia bài.

“Ba đô,” người chia bài nói.

“Cược,” Ralph nói. “Tôi cược.” Anh đặt ba phỉnh vào giữa bàn.

Người chia bài ngừng đầu rồi lại nhìn bài của mình. “Nếu cậu thực sự muốn tưng bừng, đêm nay chúng ta có thể đến chỗ tôi khi xong ở đây,” người chia bài nói.

“Không, thế được rồi,” Ralph nói. “Tôi nay đủ tuổi bưng rồi. Tôi nay tôi mới phát hiện ra. Vợ tôi lằng nhằng với một thằng khác cách đây hai năm. Tôi nay tôi mới phát hiện ra.” Anh háng giọng.

Một người gác bài xuống và châm xì gà. Anh ta vừa nhìn Ralph chăm chăm vừa bập thuốc, rồi vẩy tắt que diêm và cầm bài lên. Người chia bài ngẩng lên, gác hai tay lên bàn, lông đen cứng trên cánh tay nâu sẫm.

“Cậu làm việc ở đây?” anh ta hỏi Ralph.

“Tôi sống ở đây,” Ralph nói. Anh thấy ráo hoảnh, trống rỗng rõ ràng.

“Mình có chơi tiếp hay không?” một người hỏi. “Clyde?”

“Gượm tí nào,” người chia bài nói.

“Vì Chúa,” anh ta khẽ nói.

“Tôi nay cậu phát hiện ra cái gì?” người chia bài hỏi.

“Vợ tôi,” Ralph nói. “Tôi phát hiện ra.”

Trong ngõ hẻm, anh lại móc ví ra, lần đếm những tờ tiền còn lại: hai đô la – và anh nghĩ anh còn vài đồng xu trong túi. Đủ để kiểm cái gì đó ăn. Nhưng anh không đói, anh tựa người vào tòa nhà găng nghĩ ngợi. Một chiếc xe rẽ vào ngõ, dừng lại rồi lùi ra. Anh bắt đầu đi bộ. Anh lại đi trên con đường lúc đến. Anh đi sát vào các tòa nhà, tránh những nhóm trai gái ồn ào đi lại trên vỉa hè. Anh nghe tiếng một phụ nữ mặc áo khoác dài nói với người đàn ông đi cùng: “Hoàn toàn không phải như thế, Bruce. Anh không hiểu gì cả.”

Anh dừng lại trước tiệm rượu. Vào trong anh tiến lại quầy quan sát những hàng chai dài xếp ngay ngắn. Anh mua nửa panh rượu rum và thêm mấy liều thuốc. Hình những cây cọ trên nhãn chai, những tàu lá to rủ xuống với hồ nước trên nền xa đập vào mắt anh, và anh chợt nhận ra rum! Và anh nghĩ anh sẽ ngất. Người bán hàng, một người gầy, hỏi mặc quần có dây đeo, bỏ chai rượu vào trong túi giấy, tính tiền và nháy mắt. “Đêm nay ra trò đấy nhỉ?” ông nói.

Ra ngoài, Ralph đi về phía cầu tàu; anh nghĩ anh muốn nhìn ánh đèn phản chiếu xuống nước. Anh mừng tượng Tiến sĩ Maxwell sẽ xử lý một tình huống tương tự như thế nào, và anh thò tay vào túi giấy trong khi đang đi, bóc lớp niêm của cái chai nhỏ và dừng lại trước một ngõ vào nhà để tu một hơi dài, và nghĩ Tiến sĩ Maxwell hẳn sẽ ngồi một cách huy hoàng bên mép nước. Anh băng qua một vài lối xe điện cũ và rẽ vào một phố khác, tối hơn. Anh đã nghe được tiếng sóng ồm ồm dưới chân cầu tàu, và rồi anh nghe thấy ai đó lại gần sau lưng anh. Một tên da đen nhỏ thó mặc áo khoác da bước ra trước mặt anh, nói, “Cho xin một phút thôi, anh bạn.” Ralph định đi vòng qua. Gã kia nói, “Có Chúa chứng giám, bé con, mày giẫm lên chân tao đấy!” Ralph chưa kịp chạy thì đã bị gã da đen dấm một cú vào bụng, và khi Ralph rên rỉ, chục gã thì gã kia dấm vào mũi anh làm anh bật vào tường, anh ngồi phịch xuống, một chân gấp lại, đang cố nhắc người lên thì gã da đen tát vào má anh và dấm anh bò lăn ra vỉa hè.

3

Anh nhìn cố định vào một chỗ và thấy chúng, vài chục con, lượn vòng và bỏ nhào dưới đám mù, chim biển, những con chim từ biển bay vào đây giờ này buổi sáng. Đường hầy còn nhờ nhờ tối trong sương mù giăng; và anh phải thận trọng để tránh giẫm lũ sên đang bò qua vệ đường ẩm ướt. Một chiếc xe hơi để đèn sáng chạy chậm lại khi đi ngang qua anh. Một chiếc khác lướt qua. Rồi một chiếc khác nữa. Anh nhận ra họ là công nhân nhà máy, anh thì thầm với chính mình. Đó là sáng thứ Hai. Anh rẽ vào một góc phố, đi ngang qua quán Blake: rèm cửa cuốn lên, mấy cái chai rỗng như đứng canh sau cửa. Trời lạnh. Anh cố đi thật nhanh, thỉnh thoảng khoanh tay và rút vai. Rồi anh cũng về đến nhà, đèn ở cổng vẫn sáng, cửa sổ tối. Anh băng qua bãi cỏ rồi vòng ra sau nhà. Anh vặn quả dấm cửa, cánh cửa mở ra yên ắng và căn nhà cũng yên ắng. Kia là cái ghế cao bên cạnh giá phơi bát đĩa. Kia là cái bàn nơi họ đã ngồi. Anh đã đứng lên từ ghế sofa, vào nhà bếp, ngồi xuống. Anh đã làm gì nữa? Anh đã chẳng làm gì nữa cả. Anh nhìn cái đồng hồ phía trên bếp lò. Anh có thể ngó vào phòng ăn, cái bàn trải khăn trắng ten, đôi hồng hạc bằng thủy tinh nặng nề giữa bàn, cánh xò ra, rèm phía trên bàn để mở. Có phải vợ anh đã đứng ở cửa sổ kia ngóng đợi anh về? Anh bước lên thăm phòng khách. Áo khoác của cô vút trên ghế sofa, trong ánh sáng mờ mờ anh vẫn nhận ra cái gậy tàn đầy nhóc đầu lọc thuốc. Khi đi ngang qua anh để ý thấy danh bạ điện thoại để mở trên bàn uống trà. Anh khựng lại trước cánh cửa phòng ngủ mở hé. Dường như đối với anh mọi thứ đều

mở. Trong giây lát anh kháng cự lại cái ý muốn mở cửa nhìn cô, và rồi anh khẽ đẩy cửa mở rộng ra chút nữa. Cô đang ngủ, đầu chệch khỏi gối, xoay vào tường, mái tóc đen của cô xõa trên khăn trải giường, chắn dần lại quanh vai, chắn kéo lên từ chân giường. Cô nằm nghiêng, thân thể bí mật của cô tạo thành một góc nơi hông. Anh nhìn tròng trùng. Sau tất cả mọi chuyện; anh nên làm gì đây? Lấy đồ rồi bỏ đi? Tới khách sạn? Thu xếp vài chuyện gì đó? Người ta phải cư xử như thế nào trong những tình huống như thế này? Anh hiểu những sự việc đã diễn ra. Nhưng anh không hiểu bây giờ phải làm những việc gì. Căn nhà rất yên ắng.

Anh ngồi bên bàn trong nhà bếp đầu gục vào tay. Anh chẳng biết phải làm gì. Không phải chỉ ngay bây giờ, anh nghĩ, không phải chỉ trong chuyện này, không phải chỉ về chuyện này, hôm nay và ngày mai, mà tất cả những ngày khác. Rồi anh nghe tiếng lũ trẻ khuấy động. Anh ngồi thẳng dậy và cố mỉm cười khi chúng vào trong bếp.

“Bố, bố,” chúng reo lên, những thân hình bé nhỏ chạy lại với anh.

“Bố kể chuyện đi,” con trai anh nói, trèo vào lòng anh.

“Bố không kể chuyện đâu,” con gái anh nói. “Còn sớm quá nên không thể kể chuyện được, phải không bố?”

“Mặt bố làm sao thế,” con trai anh chỉ.

“Đề con xem nào,” con gái anh nói. “Bố để con xem.”

“Tội nghiệp bố,” con trai anh nói.

“Bố làm gì cái mặt bố thế?” con gái anh hỏi.

“Không có gì đâu,” Ralph đáp. “Mọi chuyện ổn cả mà con gái cưng. Robert con trèo xuống nào, bỗng nghe có tiếng mẹ.”

Ralph bước nhanh vào buồng tắm, khóa cửa lại.

“Bố có ở đây không?” anh nghe tiếng Marian hỏi. “Bố đâu, trong buồng tắm à? Ralph?”

“Mẹ, mẹ,” tiếng con gái anh kêu. “Bố bị thương ở mặt”

“Ralph!” Cô vịn nắm đấm. “Ralph, cho em vào. Ralph? Cho em vào, anh. Em muốn gặp anh, Ralph? Đi mà!”

Anh bảo, “Đi đi, Marian.”

Cô nói, “Em không đi. Thôi nào, Ralph, mở cửa một phút thôi, anh! Em chỉ muốn nhìn anh, Ralph. Ralph? Con nói anh bị thương? Có chuyện gì không anh, Ralph?”

Anh bảo, “Đi đi.”

Cô nói, “Ralph, mở cửa đi mà anh.”

Anh bảo, “Em làm ơn im đi, được không?”

Anh nghe tiếng cô đợi ở cửa, anh thấy nắm đấm xoay lần nữa, và rồi nghe tiếng cô đi lại trong bếp, cho bọn trẻ ăn sáng, trả lời những câu hỏi của chúng.

Anh nhìn mình trong gương một lúc lâu. Anh nhăn mặt trêu chính mình. Anh cố tạo ra nhiều vẻ mặt khác nhau. Rồi anh bỏ cuộc. Anh quay ra, ngồi trên mép bồn tắm tháo dây giày. Anh ngồi đó, tay cầm một chiếc giày nhìn những chiếc thuyền buồm lướt qua đại dương xanh mênh mông là tấm màn phòng tắm bằng nhựa. Anh nghĩ đến những chiếc xe nhỏ màu đen trên khăn trải bàn và suýt kêu lên Ngừng lại! Anh cởi cúc áo, thả dài khom người trên bồn tắm, lấp nút vào chỗ xả nước. Anh vịn nước nóng, hơi bắt đầu bốc lên.

Anh đứng trần truồng trên nền gạch trước khi bước vào bồn tắm. Anh nấn chỗ mỡ chảy sệ bên lườn. Anh ngấm nghĩa mặt mình một lần nữa trong tấm gương đã mờ đi. Anh giặt mình khi nghe Marian gọi tên.

“Ralph, con đang chơi trong phòng. Em đã gọi Von Williams nói anh không đi làm hôm nay, và em cũng sẽ ở nhà.” Rồi cô tiếp, “Em đã làm sẵn bữa sáng ngon lành trên bếp, khi nào tắm xong thì anh ăn nhé. Ralph?”

“Làm ơn im đi,” anh nói.

Anh ở trong buồng tắm cho đến khi nghe tiếng vợ trong phòng các con. Cô đang mặc quần áo cho chúng, hỏi chúng không phải là chúng muốn chơi với Warren và Roy hay sao? Anh đi băng ngang nhà vào phòng ngủ, đóng cửa lại. Anh nhìn cái giường trước khi trườn vào. Anh nằm ngửa nhìn trần nhà. Anh đã đứng lên từ ghế sofa, đi vào nhà bếp, đi... ngồi... xuống. Anh nhắm mắt lại và xoay người nằm nghiêng khi Marian vào trong phòng. Cô cởi váy, ngồi xuống bên giường. Cô luồn tay vào dưới chăn và bắt đầu vuốt ve chỗ thắt lưng anh.

“Ralph,” cô gọi.

Anh gồng người lại khi cô chạm vào, rồi anh thả lỏng một chút. Thả lỏng một chút thì dễ chịu hơn. Tay cô lăn qua hông anh, qua bụng anh và bây giờ thì người cô áp vào người anh, dịch chuyển tới lui trên người anh. Anh ghì mình lại, sau này anh nhớ vậy, lâu hết mức có thể. Và rồi anh nghiêng sang cô. Anh không ngừng xoay trở trong một giấc ngủ lẽ ra là tuyệt vời, và anh vẫn còn xoay trở, kinh ngạc về sự thay đổi không ngờ tràn ngập anh.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/em-lam-on-im-di-duoc-khong>